



Tập-San

ĐẠI-ĐẠO TAM KỲ PHỔ-ĐỘ  
Bát thập nhị niên  
Tòa-Thánh Tây-Ninh

# THẾ ĐẠO



- \*Tìm hiểu ý nghĩa Bài Tiên Giáo Kinh ( HT Nguyễn Trung Đạo).
- \*Tổng luận về Tu Thân ( Bạch Y).
- \*Luận về cái sự học ( Phạm Lưu Vũ).
- \*Tam thập nhị lập { Khải Chính Phạm Kim Thư }.

Tập mới

số 32

05-2007



# TẬP SAN THẾ ĐẠO

## I-TÔN CHỈ - MỤC ĐÍCH

*Tập San Thế Đạo* truyền bá Tôn Chỉ và Mục Đích của Đạo Cao Đài, phổ biến ánh sáng Chơn lý của Đạo đến mọi tầng lớp Nhơn sanh để mọi người hiểu biết thương yêu nhau, ngõ hầu tạo lập một đời sống thanh bình cho nhân loại trong *thời Chuyển thế*.

## II- CHỦ TRƯỞNG

*Tập San Thế Đạo* là Cơ quan Ngôn luận của Tín đồ Cao Đài đi theo Tôn Chỉ và Đường lối của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ Tòa Thánh Tây Ninh.

*Tập-San Thế Đạo* xin đón nhận tất cả các bài viết và ý kiến đóng góp của quý Đồng đạo, quý Đạo tâm và quý thân hữu bên ngoài Đạo có cùng chung mối quan tâm phục vụ Dân tộc, nhơn sanh và xã hội.

Bài vở trên *Tập San Thế Đạo* có mục đích xây dựng lợi ích chung cho Dân tộc, Đạo pháp và xã hội, không mang nội dung bài kích cá nhân hay tập thể. Mọi quan điểm dù có khác biệt nhau cũng được tôn trọng miễn không vi phạm đến Tôn chỉ và Đường lối của Đại Đạo và không đi ngược lại truyền thống cao đẹp của Dân tộc Việt Nam.

*Tập San Thế Đạo* là nơi trao đổi tin tức và kinh nghiệm hành đạo giữa các cơ sở Đạo Cao Đài khắp nơi trong nước và Hải ngoại, đồng thời cũng là dây liên lạc, trao đổi sự hiểu biết, hợp tác thân hữu với các Tôn giáo bạn, các đoàn thể cùng các tổ chức xã hội, các tổ chức nhân đạo có cùng mục đích chung là phục vụ nhân loại.

*Tập San Thế Đạo* có đầy đủ mọi thể loại bài viết nghiên cứu Đạo học, Triết học, Tâm lý học, Sử học, Văn hóa, Khoa học kỹ thuật, cùng thơ văn, truyện ngắn v.v., và các tin tức liên quan đến đời sống hằng ngày.

**Tập-San Thế-Đạo**

## **TẬP-SAN THẾ ĐẠO**

Chủ trương: Ban Quản Nhiệm  
Ban Thế-Đạo Hải Ngoại.

Chủ nhiệm: HT Nguyễn Ngọc Dũ

Chủ bút: Tố Nguyên.

Phụ trách kỹ thuật: Ngọc-Dao, Thanh-Điền  
Phụ trách phát hành: Duy-Hòa

### **Cộng tác thường xuyên:**

Bác-Sĩ Nguyễn Văn Thọ, Lê Văn Thêm, Mai Văn Tìm, Duy Văn, Trần Công Bé, Nguyễn Trung Đạo, Bạch Y, Tố Nguyên, Song Nguyên, Quang Thông, Đạt Thông Dương Văn Ngừa, Thi Đàn Vườn Huệ Trắng.

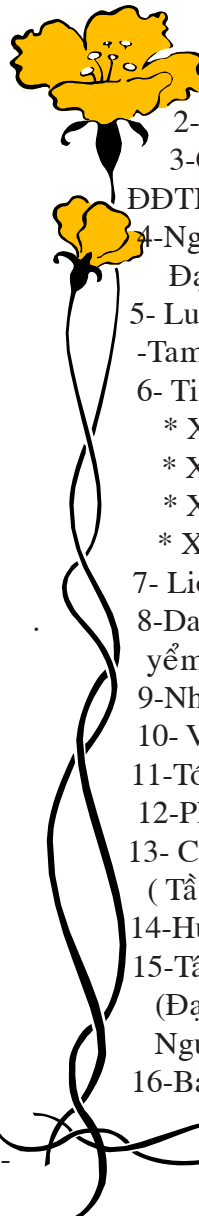
### **Yểm trợ:**

Bài vở gửi đăng và tài chánh yểm trợ Ban Thế Đạo Hải Ngoại/  
Tập-San Thế Đạo xin gửi về:

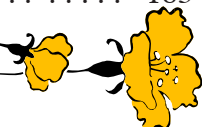
**Ban Thế Đạo Hải Ngoại**  
**3076 Oakbridge Dr**  
**San Jose, CA 95121-1716**  
**Phone: 408-238-6547, 408-262-4209.**  
**Fax# 408-238-6547**

**website: [www.banthedao.net](http://www.banthedao.net)**

# Mục Lục



|  |     |
|--|-----|
| 1-Tìm hiểu Bài Tiên Giáo Kinh<br>( HT Nguyễn Trung Đạo) . . .  | 03  |
| 2- Tổng Luận về Tu Thân ( Bạch Y)  | 20  |
| 3-Chủ trương về khoa Tĩnh Luyện của<br>ĐĐTKPĐ Tòa Thánh Tây Ninh ( Dã Trung Tử)  | 48  |
| 4-Ngộ nhận tính bi quan trong Lão Tử<br>Đạo Đức Kinh . . . . .   | 59  |
| 5- Luận về . . . cái sự học ( Phạm Lưu Vũ)   | 81  |
| -Tam thập nhi lập (Khải Chính Phạm Kim Thư)  | 88  |
| 6- Tín Tức Đạo sự . . . . .  | 93  |
| * Xây cất Thánh Thất Dallas, TX,<br>* Xây cất Thánh Thất CaoDai California.<br>* Xây cất Thánh Thất Gorgia.<br>* Xây cất Thánh Thất Thành Nội Huế. |     |
| 7- Liên Lạc Ban Thế Đạo Hải Ngoại và . .   | 110 |
| 8-Danh sách đồng đạo, thân hữu & cơ sở<br>yểm trợ Tập San Thế Đạo . . . . .  | 112 |
| 9-Nhận định về đối thoại Liên Tôn . . . .  | 114 |
| 10- Vườn Thơ . . . . .   | 117 |
| 11-Tóm Lược Hội Tương Tế Cao-Đài . . . .   | 119 |
| 12-Phân Ưu . . . . .   | 121 |
| 13- Cuộc chạy đua tiếp sức chống tử thần.<br>( Tần Lam Lê Ngọc Thọ phỏng dịch) . . . .   | 127 |
| 14-Huyền sử Việt Nam (HT Trình Quốc Thế)   | 133 |
| 15-Tân Luật Pháp Chánh Truyền<br>(Đạo Phục Chức Sắc Cửu Trùng Đài, song ngữ<br>Người dịch HT BS. Bùi Đắc Hùm) . . . . .                            | 168 |
| 16-Bảo trợ viên Tập San Thế Đạo . . . . .  | 183 |



**Bước Đầu Tìm Hiểu  
KINH TRONG ĐẠO CAO ĐÀI**

Từ khi mở Đạo, Ông Trên đã nhiều lần dạy người tín hữu Cao Đài : “ Đọc kinh phải cầu lý ”.

Kinh viết bằng chữ Nôm đọc hiểu được lý lẽ đã là khó rồi, mà phần nhiều các bài Kinh Cúng Tứ Thời của Đạo Cao Đài lại viết bằng chữ Nho, nên việc cầu lý lại càng khó hơn nhiều. Do vậy, mặc dù có nhiều tài liệu của Quý vị Tiên Bối và các Huynh Tỷ đã dày công soạn trước, chúng tôi vẫn còn thấy khó khăn khi tìm hiểu những bài kinh này.

Chúng tôi tin chắc việc tìm hiểu còn nhiều khiếm khuyết, kính mong Quý Huynh Tỷ chỉ cho những chỗ sai sót để chúng tôi có dịp học hỏi thêm, và đây cũng là mục đích chánh của việc trình bày những Bài Tìm Hiểu này.

**Hiền Tài Nguyễn Trung Đạo**

Bài số 7 : Tìm Hiểu YŨ Nghóa

**KINH CÙNG TỒI THỜI**

\*\*\*

**Tìm Hiểu Bài**

**TIÊN GIÁO KINH**

\*\*\*

Bài kinh xưng tụng công đức của Đức Thái Thượng Đạo Tổ thường được gọi là bài Kinh Tiên Giáo, bài Thái Thượng chí tâm qui mạng lễ, bài Tiên Giáo chí tâm qui mạng lễ, bài Tiên Giáo chí tâm Kinh, bài Tiên Giáo bửu cáo, bài Đạo Giáo bửu cáo,...

Cũng như bài Thích Giáo Kinh, bài Tiên Giáo Kinh được các Đấng Thiêng Liêng giáng cơ ban cho bằng Hán văn, vào đời Nhà Đường bên Trung Hoa, vào khoảng năm 736 sau Tây Lịch, rồi về sau mới được truyền sang Việt Nam.

Cũng như ở hai bài Ngọc Hoàng Kinh và Phật Giáo Kinh, để cho việc tìm hiểu được thêm phần thuận lợi, chúng tôi xin sắp xếp các câu kinh theo thể văn biên ngẫu, gồm từng cặp đối với nhau như hai con ngựa chạy song song.

Tiên Thiên Khí hóa,  
**Thái Thượng Đạo Quân.**  
Thánh bất khả tri,  
Công bất khả nghị.

Vô vi cư Thái Cực chi tiên.  
Hữu tử siêu quần chơn chi thượng.  
Đạo cao nhất khí, diệu hóa Tam Thanh.  
Đức hoán hư linh, pháp siêu quần Thánh.  
Nhị ngoạt thập ngũ, phân tánh giáng sanh.  
Nhứt thân ức vạn, diệu huyền thần biến.  
Tử khí đông lai, quảng truyền Đạo Đức.  
Lưu sa tây độ, pháp hóa tướng tông.  
Sản Tất Viên, Phương Sóc chi bối, đơn tích vi mang.  
Khai Thiên Địa, nhưn vật chi tiên, Đạo kinh hạo kiếp.  
Càn Khôn oát vận, nhứt nguyệt chi quang.  
Đạo pháp bao la, Cửu Hoàng Tử Tổ.  
Đại Thiên Thế giới, dương tụng từ ân.  
Vĩnh kiếp quần sanh, ngưỡng kỳ huệ đức.

Đại Thần Đại Thánh,  
Chí cực chí tôn.  
Tiên Thiên chánh nhứt,  
**Thái Thượng Đạo Quân,**  
**Chưởng Giáo Thiên Tôn.**

## **KHẢO DI**

**Đơn tích vi mang** : Có tài liệu ghi là : Đơn tích **duy mang**.

**Càn Khôn oát vận** : Có tài liệu ghi là : **hoát vận**



## A.- TÌM HIỂU TỪNG CÂU

**Tiên Thiên Khí hóa** : Khí Tiên Thiên hóa sanh ra

**Thái Thượng Đạo Quân** : Đức Thái Thượng Đạo Quân.

**Thánh bất khả tri** : Sự linh thiêng mầu nhiệm của Đức Ngài không thể hiểu biết hết được,

**Công bất khả nghị** : Công đức của Đức Ngài không thể luận bàn cho hết được.

**Vô vi cư Thái Cực chi tiên** : Vào thời Vô Thủy (trước khi có Ngôi Thái Cực), Đức Thái Thượng Đạo Quân đã có rồi nhưng còn tiềm ẩn trong Khí Tiên Thiên ở trạng thái vô vi.

**Hữu thủy siêu quần chơn chi thượng** : Vào thời Hữu Thủy (từ khi Vũ Trụ hình thành), Đức Ngài là cao trổi hơn các bậc Tiên và Thánh.

**Đạo cao nhất khí, diệu hóa Tam Thanh** : Đạo vốn là một khí (Khí Hư Vô) biến hóa thần diệu ra ba cõi Thanh Thiên.

**Đức hoán hư linh, pháp siêu quần Thánh** : Thánh Đức sáng rực khắp cõi Hư Vô linh thiêng, Quyền Pháp cao vượt hẳn lên trên các bậc Tiên và Thánh.

**Nhị nguyệt thập ngũ, phân tánh giáng sanh** : Ngày rằm tháng hai, chiết Chơn Linh giáng sanh xuống cõi trần.

**Nhứt thân ức vạn, diệu huyền thần biến** : Một thân mình biến hóa thần diệu thành vô số Nguyên Nhơn khác nhau.

**Tử khí đông lai, quảng truyền Đạo Đức** : Làn khí màu đỏ tía đến từ hướng Đông, rộng truyền sách Đạo Đức Kinh.

**Lưu sa tây độ, pháp hóa tướng tông** : Qua vùng sa mạc Lưu Sa ở hướng Tây để giúp người đời, Giáo Pháp trở thành nền tảng của một Tôn Giáo.

**Sản Tất Viên, Phương Sóc chi bối, đơn tích vi mang** : Đào tạo ra các vị Trang Tử và Đông Phương Sóc, dạy việc tu luyện đến từng chi tiết.

**Khai Thiên Địa, nhơn vật chi tiên, Đạo kinh hạo kiếp** : Khi Vũ Trụ hình thành, Đức Ngài có trước loài người và loài vật,

*Đạo của Đức Ngài trải qua nhiều kiếp lâu đời.*

**Càn Khôn oát vận, nhật nguyệt chi quang :** *Trời Đất xoay chuyển vận hành, tạo nên ánh sáng của hai vầng Nhật Nguyệt.*

**Đạo pháp bao la, Cửu Hoàng Tỉ Tổ :** *Với Đạo Pháp rộng lớn vô biên, Đức Ngài là Thủy Tổ của 9 vị vua khai hóa Nhơn loại (và là Thủy Tổ của loài người).*

**Đại Thiên Thế giới, dương tưng từ ân :** *Tất cả thế giới trong Vũ Trụ, dâu dâu cũng ca ngợi ơn lành của Đức Ngài.*

**Vĩnh kiếp quần sanh, ngưỡng kỳ huệ đức:** *Muôn đời muôn kiếp, chúng sanh luôn luôn ngưỡng cầu ơn đức của Đức Ngài.*

**Nãi Thần Nãi Thành, Chí Cối Chí Toàn.**

*Bắc Thần lồn, bắc Thành lồn, lồn hôn hết vớ rồoic toàn kính hôn hết.*

**Tiên Thiên cha ãnh nhũt, Thái Thượng Đạo Quân,**

*Trước khi tạo dựng Trời Đất, Đức Thái Thượng Đạo Quân là Ngôi Một, là Đấng quan trọng bậc nhất.*

**Chưởng Giáo Thiên Tôn :** *Đức Thái Tượng Đạo Quân là Giáo Chủ Đạo Tiên, và là một Đấng Thiên Tôn.*

## **B.- TÌM HIỂU Ý NGHĨA BÀI KINH**

Đức Thái Thượng Đạo Quân là vị Tiên đầu tiên trong Càn Khôn Vũ Trụ, là thủy tổ của Đạo Tiên, và đứng đầu các bậc Thánh Tiên.

Đức Thái Thượng Đạo Quân do khí Tiên Thiên hóa sanh ra nên Quyền Pháp của Đức Ngài vô cùng cao siêu, thiên biến vạn hóa, không ai có thể biết rõ hết được (vì Khí Tiên Thiên rất nên huyền diệu). Từ khi có loài người xuất hiện, Đức Ngài đã hiện xuống cõi trần rất nhiều lần qua những danh vị khác nhau để giáo hóa Nhơn sanh, cứu độ những người có duyên, rồi lại trở về cõi Thượng Thiên, nhưng không đầu thai xuống trần để mang xác phàm như Đức Phật Thích Ca hay Đức Chúa



Jésus. Trong thời Nhứt Kỳ Phổ Độ, Đức Ngài là giáo chủ của Đạo Tiên.

Mãi đến thời Nhị Kỳ Phổ Độ, Đức Ngài mới chiết Chơn Linh giáng sanh xuống trần là *Đức Lão Tử* để xiển dương Tiên Giáo, nên còn gọi Đức Ngài là *Thái Thượng Lão Quân*. Đối với Đạo Cao Đài, Đức Thái Thượng Đạo Quân và Đức Lão Tử được coi như là một. Đức Lão Tử viết ra bộ sách “*Đạo Đức Kinh*” để làm giáo lý căn bản cho Đạo Tiên.

Việc đầu thai của Đức Ngài cũng rất huyền diệu. Bà mẹ Ngọc Nữ mang thai Đức Ngài đến 72 năm, nên đứa con mới sanh ra (sanh nơi nách) đầu đã bạc trắng, do đó mới gọi là *Lão Tử*. Vừa mới được sanh ra, Lão Tử chỉ *cây lý* bảo rằng đó là Họ của ông, và xưng hiệu là *Lão Đam*. Ngoài ra mỗi tai có đến 3 lỗ ở bên trong, nên Đức Ngài còn có tên là *Lý Nhĩ*.

## **I.- PHÂN THỨ NHỨT : MỞ ĐẦU**

**Bài kinh được khởi đầu bằng 4 câu ngắn dạy về Nguyên Căn và Thánh Đức cũng như Công Đức của Đức Thái Thượng Đạo Quân.**

*Tiên Thiên Khí hóa,  
Thái Thượng Đạo Quân.  
Thánh bất khả tri,  
Công bất khả nghị.*

*Đức Thái Thượng Đạo Quân, Thủy Tổ của Đạo Tiên, do Khí Tiên Thiên hóa sinh ra, nên sự mầu nhiệm và công đức của Đức Ngài không thể hiểu biết hết, không thể luận bàn cho rõ được.*

***Tiên Thiên Khí hóa,  
Thái Thượng Đạo Quân.***

*- Khí Tiên Thiên hóa sanh ra Đức Thái Thượng Đạo Quân.*

## **TỬ VỤNG**

*Tiên Thiên Khí : chất khí có trước khi Vũ Trụ hình thành,*

thường được gọi là Tiên Thiên Hư Vô Chi Khí. Khí này rất nên huyền diệu.

*Hóa* : biến hóa, hóa sanh.

*Thái Thượng Đạo Quân* : cũng gọi là Thái Thượng Lão Quân, là vị Tiên đầu tiên trong Càn Khôn Vũ Trụ, là Thủy Tổ của Đạo Tiên.

***Thánh bất khả tri,  
Công bất khả nghị.***

- *Thánh đức tức sự linh thiêng mầu nhiệm siêu phàm của Đức Ngài to tát đến nỗi không thể hiểu biết hết được,*

- *Công đức của Đức Ngài đối với nhơn loại cao dày đến nỗi không thể luận bàn cho rõ được.*

Bài Khai Kinh có xưng tụng công đức của Đức Ngài như sau :

*Tổ Sư Thái Thượng Đức Ông,  
Ra tay dẫn độ, dày công giúp đời.*

## TỪ VỰNG

*Thánh* : Thánh đức, hiểu thoát ý là sự linh thiêng mầu nhiệm, siêu phàm.

*Bất khả tri* : không thể biết được.

*Công* : công đức, công ơn.

*Bất khả nghị* : không thể luận bàn được.

## II.- PHẦN THỨ NHÌ : TRỌNG TÂM

Phần trọng tâm của bài Kinh dạy cho chúng ta biết rằng Đức Thái Thượng Đạo Quân là Đấng Thiêng Liêng tối cao đã “có” từ Tiên Thiên Chi Khí. Đến thời Nhị Kỳ Phổ Độ, Đức Ngài chiết Chơn Linh giáng sinh xuống cõi trần là Đức Lão Tử để độ đời, với bộ sách Đạo Đức Kinh làm nền tảng cho Tiên Giáo.

1.- Hai câu kinh sau đây cho biết lúc nào Đức Thái Thượng

*Đạo Quân đã được hóa sanh ra và cũng cho biết vị thế của Đức Ngài đối với các bậc Tiên Thánh.*

***Vô vi cư Thái Cực chi tiên.***

***Hữu thi siêu quần chơn chi thượng.***

Vô vi theo nghĩa đen là không làm hoặc làm nhưng không thấy hành vi, hiểu thoát ý là tiềm ẩn, chưa có hình trạng, không âm thanh sắc tướng. Như vậy, câu thứ nhất có thể hiểu như sau:

- Vào thời Vô Thi (trước khi có Ngôi Thái Cực, nghĩa là khi Vũ Trụ chưa có), Đức Thái Thượng Đạo Quân đã có rồi nhưng còn tiềm ẩn trong Khí Tiên Thiên ở trạng thái vô vi.

(Có tài liệu giảng câu này như sau : “ Đạo Vô Vi ở trước ngôi Thái Cực ” ). Có thể hiểu câu thứ nhì như sau :

- Vào thời Hữu Thi, tức là lúc Vũ Trụ đã hình thành (sau khi đã có Tứ Tượng), Đức Thái Thượng Đạo Quân là cao trội hơn tất cả các bậc Tiên Thánh.

***Tiên Thiên*** là thời kỳ trước khi tạo dựng Trời Đất  
(trước Tứ Tượng) : Thời Vô thi.

***Hậu Thiên*** là thời kỳ sau khi tạo dựng Trời Đất  
(sau Tứ Tượng) : Thời Hữu thi.

## **TỬ VỤNG**

Vô vi : nghĩa đen là không làm, hoặc làm nhưng không thấy hành vi ; hiểu thoát ý là tiềm ẩn, chưa có hình trạng, không âm thanh sắc tướng.

Vô Vi : một đạo lý được Đức Lão Tử đề cao.

Cư : ở.

Chi : tiếng đệm.

Thái Cực chi tiên : trước khi có Ngôi Thái Cực.

Thái Cực : Ngôi của Đức Chí Tôn. Trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, quyển II, trang 170 – in 1972, Đức Chí Tôn có dạy : “ Thầy đã nói với các con rằng : khi chưa có chi trong Càn Khôn Thế Giới thì khí Hư Vô sanh ra có một Thầy và ngôi của Thầy là Thái Cực. Thầy phân Thái Cực ra Lưỡng Nghi, Lưỡng

*Nghi phân ra Tứ Tượng, Tứ Tượng biến Bát Quái, Bát Quái biến hóa vô cùng mới lập ra Càn Khôn Thế Giới ”.*

*Hữu Thủ hay Hữu Thủy : là có bắt đầu, đã có nguồn gốc rồi. Thời Hữu Thủ được kể từ khi Càn Khôn Vũ Trụ được hình thành. Trước thời Hữu Thủ là thời Hỗn Mang, chỉ có Hư Vô Chi Khí, không biết nguồn gốc, nên được gọi là Vô Thủ.*

*Siêu : vượt lên trên.*

*Quần : nhiều người họp lại.*

*Chơn : những vị tu hành đắc quả thành Tiên, Thánh, và được gọi là Chơn Nhơn.*

*Thượng : ở trên.*

*Siêu quần chơn chi thượng : vượt trội hơn các bậc Tiên Thánh.*

*2.- Hai câu kinh sau đây nói về Đạo Pháp cao siêu của Đức Thái Thượng Đạo Quân.*

***Đạo cao nhưt khí, diệu hóa Tam Thanh.***

***Đức hoán hư linh, pháp siêu quần Thánh.***

*- Đạo vốn là một khí (khí Hư Vô), biến hóa thần diệu ra Tam Thanh (Sách có câu : Tiên Thiên Hư Vô Hạo Nhiên chi Khí viết Đạo).*

*Có thể hiểu : Đạo Pháp của Đức Thái Thượng Đạo Quân rất cao siêu, Đức Ngài có thể lấy một Nguơn khí mà biến hóa huyền diệu ra ba cõi Thanh Thiên gồm : Thái Thanh Thiên, Thượng Thanh Thiên và Ngọc Thanh Thiên.*

*(Có câu : “Nhứt Khí hóa Tam Thanh”). Câu kinh này nói lên tính chất vô cùng cao siêu của Đạo Pháp của Đức Ngài. Câu kinh này cùng với câu “ Vô vi cư Thái Cực chi tiên” bổ nghĩa cho câu kinh thứ nhứt “ Tiên Thiên Khí hóa ”.*

*- Thánh Đức của Đức Thái Thượng Đạo Quân chiếu sáng rực khắp cõi Hư Vô linh thiêng mầu nhiệm, và Quyền Pháp của Đức Ngài vượt hơn hẳn các bậc Tiên Thánh (Quyền Pháp : Quyền lực và Pháp thuật).*

*Câu kinh này bổ nghĩa cho câu kinh “ Hữu thủ siêu quần chơn chi thượng ”.*

## TỪ VỰNG

**Đạo** : Vào thời nguyên thủy, thuở chưa có Trời Đất nghĩa là chưa có Càn Khôn Vũ Trụ, trong khoảng không gian bao la có một chất khí mịt mịt mờ mờ rất linh thiêng và huyền diệu vô cùng, tồn tại không biết từ thời nào. Đạo Cao Đài gọi khí ấy là *Hư Vô Chi Khí*.

- Lão Giáo gọi khí ấy là **Đạo**.
- Nho Giáo gọi khí ấy là *Vô Cực*.
- Phật Giáo gọi khí ấy là *Chơn Như*.

*Đạo cao* : Đạo Pháp cao siêu.

*Nhứt khí* : Khí Tiên Thiên, cũng gọi là Nguơn Khí, khí này rất huyền diệu.

*Diệu hóa* : biến hóa một cách thần diệu.

*Tam Thanh* : ba thứ cao quý, gồm Thái Thanh, Thượng Thanh và Ngọc Thanh, từ *Tam Thanh* còn có thể hiểu như sau “Tiên Thiên Khí là Tam Thanh phát xuất từ trên Trời, phóng tỏa ba luồng điển quang : Đỏ, Vàng, Xanh xuống cõi trần mà nuôi vạn vật, gồm đủ ba thể chất : Tinh thần, sinh khí và hình chất”.

*Đức* : đức độ, công đức, thánh đức.

*Hoán* : chiếu sáng rực rỡ.

*Hư Linh* : cõi trời thiêng liêng linh diệu, cõi Hư Vô trên thượng tầng không khí rất linh thiêng và mâu nhiệm.

*Pháp* : phép tắc, phép thuật, cũng có thể hiểu là Đạo Pháp (Chánh pháp của Đạo).

*Siêu* : vượt lên hơn hẳn.

*Quần Thánh* : các bậc Thánh, có thể chỉ chung các bậc Tiên và Thánh.

*\*Tìm hiểu từ Tam Thanh. Tam là ba, Thanh là cao quý.*

**Tam Thanh** là ba luồng điển quang (vàng, xanh, đỏ), ba làn thanh khí nuôi dưỡng vạn loại.

**Tam Thanh** là 3 ngôi, 3 cõi Trời : Ngọc Thiên Thanh, Thượng Thiên Thanh, Thái Thiên Thanh.

**Tam Thanh** là 3 thứ cao quý, tượng trưng cho Tam Bửu Tinh Khí Thần của con người : Ngọc Thanh là *Tinh*, Thượng

Thanh là *Khí*, Thái Thanh là *Thần*.

**Tam Thanh** là 3 vị do Đức Lão Tử dùng Nguyên Khí huyền diệu của Đức Ngài mà hóa ra, đó là Ngọc Thanh Đạo Nhơn, Thượng Thanh Đạo Nhơn, Thái Thanh Đạo Nhơn (Theo truyện Phong Thần).

3.- Hai câu kinh sau đây cho biết ngày 15-2 âm lịch là lần đầu tiên Đức Thái Thượng Đạo Quân đã huyền diệu chiết Chơn Linh giáng sanh xuống cõi trần là Đức Lão Tử.

**Nhị ngoạt thập ngũ, phân tánh giáng sanh.  
Nhứt thân ức vạn, diệu huyền thần biến.**

- Ngày rằm tháng hai, Đức Thái Thượng Đạo Quân chiết Chơn Linh giáng sanh xuống cõi trần là Đức Lão Tử để độ đời.

- Đức Thái Thượng Đạo Quân khi giáng sanh xuống cõi trần có thể dùng phép mâu nhiệm biến hóa thành muôn vàn (vô số) Nguyên Nhơn khác nhau.

Đức Lão Tử (604? – 531 trước TL : theo từ điển The American Heritage...) giáng sinh trước Đức Khổng Tử, nhưng không rõ năm nào, tài liệu sử không thống nhất với nhau. Đức Khổng Tử (551 – 479 trước TL : theo từ điển Larousse) sanh sau Đức Lão Tử. Theo Sử Ký của Tư Mã Thiên thì Đức Khổng Tử có đến hỏi Đức Lão Tử về Lễ, điều này chứng tỏ Đức Lão Tử và Đức Khổng Tử có sống chung trong cùng một thời (Hai vị gặp nhau vào khoảng 517? Trước Tây Lịch).

## **TỪ VỰNG**

*Nhị ngoạt thập ngũ* : Rằm tháng hai âm lịch, ngoạt còn đọc là nguyệt.

*Tánh* : Đức Chí Tôn dạy rằng **Tánh** là chơn tướng của Chơn thân, **Tâm** là chơn tướng của Chơn linh. Tâm tức Chơn linh là hình thể thứ nhứt, *Tánh* tức Chơn thần là hình thể thứ nhì, xác phàm thú chất là hình thể thứ ba. Có thể hiểu một cách đơn giản : *Tánh* tức Chơn thần là hình thể thứ nhì.

Đối với con người, *Tâm* và *Tánh* có chỗ khác nhau : Tâm thì ở bên trong, *Tánh* thì thể hiện bên ngoài. Nhưng đối với

các *Đấng Tiên, Phật* thì *Tâm* và *Tánh* hiệp làm một, hiệp như với *Chơn Linh*. Như vậy :

*Phân tánh giảnh sinh* : có nghĩa là chiết *Chơn Linh* giảnh sinh xuống cõi trần.

*Nhứt thân* : một thân, ở đây được hiểu là một *Đại Chơn Linh*.

*Ức vạn* : nhiều vô số (ức=100 000, vạn=10 000).

*Diệu* : thần tình, vượt khỏi mức bình thường.

*Huyền* : sâu xa, kín đáo.

*Thần biến* : biến hóa vô cùng mầu nhiệm.

4.- Hai câu kinh sau đây cho thấy một trong nhiều trường hợp *Đức Lão Tử* truyền bá *Đạo Tiên* và ra tay độ đời.

***Tử khí đông lai, quảng truyền Đạo Đức.***

***Lưu sa tây độ, pháp hóa tướng tông.***

- Làn khí màu đỏ tía (trông như đám mây màu đỏ tía) từ hướng Đông bay tới, rộng truyền sách *Đạo Đức Kinh*, ý nói: *Đức Lão Tử* từ hướng Đông đi tới và trao bộ sách *Đạo Đức Kinh* cho ông *Doãn Hỷ* tại ải *Hàm Cốc*.

- Sau đó, *Đức Ngài* qua vùng sa mạc *Lưu Sa* ở hướng Tây để giúp người đời, và *Giáo Pháp* của *Đức Ngài* (nhờ *Đạo Đức Kinh*) trở thành nền tảng của một nền *Tôn Giáo*.

Trong thời *Nhị Kỳ Phổ Độ*, *Đức Lão Tử* dùng *Đạo Đức Kinh* làm giáo lý căn bản cho *Đạo Tiên*. Nhờ đó mà *Đạo Tiên* được truyền bá rộng rãi đến ngày nay.

Ông *Doãn Hỷ* làm quan ở ải *Hàm Cốc*, biết xem thiên văn. Ngày kia ông thấy một đám mây đỏ tía từ hướng Đông bay tới, biết rằng có *Thánh Nhơn* đến ải. Ông liền áo mũ chỉnh tề ra ngoài ải mà nghinh đón. Chẳng bao lâu, *tiểu đồng Tử Giáp* đánh xe *Thanh Ngưu* đưa *Đức Lão Tử* đến trước ải. Ông *Doãn Hỷ* ra tiếp đón nồng hậu *Đức Lão Tử* vào ải. Sau đó *Đức Lão Tử* truyền bộ sách *Đạo Đức Kinh* cho ông *Doãn Hỷ*. Theo lời dặn của *Đức Lão Tử*, ông *Doãn Hỷ* tu đúng theo *Đạo Đức Kinh* và được đắc đạo thành *Tiên*.



Có người thắc mắc hỏi : Đức Lão Tử vào vùng sa mạc gió cát để truyền đạo cho ai ? Đất nước Ấn Độ từ ngàn năm trước đã có nền văn hóa tiến bộ và là nơi khởi nguyên của Phật Giáo phổ truyền khắp thế giới. Vậy, câu này có thể hiểu thoát ý. Danh từ *Lutu Sa* chỉ miền gió cát là miền không yên ổn, phải chăng đó là một cách diễn tả *chốn hồng trần này*, vì trong Chinh Phụ Ngâm cũng có câu “*Chàng từ đi vào nơi gió cát*” ý nói người chiến sĩ đi vào nơi sa trường, chiến địa, đầy nguy hiểm. Như vậy *Lutu Sa* có nghĩa là chốn hồng trần ?

## TỪ VỰNG

*Tử khí* : làn khí màu đỏ tía trông giống như đám mây màu đỏ tía hiện ra trên bầu trời.

*Đông lai* : từ hướng Đông đến, ám chỉ từ thành Lạc Dương sang ải Hàm Cốc. Đức Lão Tử ở thành Lạc Dương.

*Quảng* : rộng lớn.

*Quảng truyền* : truyền bá rộng rãi.

*Đạo Đức* : Đạo Đức Kinh.

*Lutu Sa* : Lưu là chảy, Sa là cát, Lưu Sa là vùng sa mạc nhiều gió đưa cát lưu chuyển, ám chỉ miền sa mạc ở vùng biên giới phía Tây Trung Quốc.

*Tây Độ* : qua Tây Vực độ người, Tây Vực chỉ tất cả các nước ở miền biên giới phía Tây Trung Quốc gồm Tây Tạng, Ấn Độ,....

*Pháp* : giáo lý của một Tôn giáo.

*Hóa* : biến thành.

*Tướng* : hình tướng.

*Tông* : còn đọc là tôn, là tôn giáo. Trước Nguyễn Triều vẫn đọc là *Tông*, sau vì kiêng tên húy đời vua Minh Mạng, mới đọc là *Tôn* (Theo Hán Việt Từ Điển của Đào Duy Anh).

*Tướng tông* : có hình thức của nền tôn giáo.

5.- Là Đấng được hóa sinh ra trước loài người và muôn vật, Đức Thái Thượng Đạo Quân đã đào tạo nhiều môn đệ tiếp tay với Đức Ngài trong việc truyền bá Đạo Tiên.

**Sản Tất Viên, Phương Sóc chi bối, đơn tích vi mang.  
Khai Thiên Địa, nhơn vật chi tiên, Đạo kinh hạo kiếp.**

- Đức Ngài đào tạo ra những bậc am tường Đạo Tiên như các Ông Trang Tử và Đông Phương Sóc, và dạy việc tu luyện thích hợp với hoàn cảnh của con người, giúp am tường phương pháp tu luyện đến từng chi tiết để không bị lầm lạc.

- Trong buổi mở ra Trời Đất, Người và Vật, Đức Ngài có trước loài Người và muôn Vật ; Đạo của Đức Ngài đã trải qua nhiều kiếp lâu đời.

Có tài liệu giảng câu thứ nhì như sau : “ Đạo của Đức Ngài khai mở trước Trời Đất, Người và Vật, và đã trải qua lâu đời nhiều kiếp ”.

Nhắc lại sự tích huyền thoại của ông Bàn Cổ : Xưa tại núi Côn Lôn bên Tàu, có một cục đá lớn, thọ khí âm dương rất lâu đời, đúng giờ Dần nổ ra một tiếng lớn, cục đá linh nứt ra, sản xuất ra một người đầu tiên của thế gian là ông Bàn Cổ, sau trở thành vị vua thứ nhất của Cửu Hoàng, hiệu là Thiên Hoàng, thủy tổ của loài người. Tiếp theo Thiên Hoàng là Địa Hoàng và Nhơn Hoàng là Tam Hoàng tức là 3 vị vua đầu tiên của nước Trung Hoa.

## **TỪ VỰNG**

*Sản* : sản xuất, sinh ra, đào tạo.

*Tất Viên* : Tất là một loại cây mà nhựa dùng để chế sơn mài, Viên là vườn. Ông Trang Tử (369-288 trước TL) trước làm một vị quan trông coi một vườn cây sơn với chức Tất Viên Lại ; Lại là một chức quan cấp thấp, do đó chữ Tất Viên ám chỉ Ông Trang Tử.

*Phương Sóc* : tức là Đông Phương Sóc, một vị quan dưới triều nhà Hán, sau đi tu đắc đạo thành Tiên, giúp vua Hán Vũ Đế rước Phật Mẫu giáng trần ban 4 quả đào tiên nhơn Lễ Khánh thọ của Nhà Vua vào một đêm Rằm Trung thu tại Hoa Điện.

*Chi* : tiếng đệm.

*Bối* : bọn, đám, nhóm.

*Đơn* : phương thuốc quý, đây là phương thuốc chữa bệnh trầm luân của Nhơn loại, là phép luyện đạo.

*Tích* : phân tích, giải thích cho rõ ràng.

*Vi* : rất nhỏ.

*Vi mang* : nhỏ cực điểm không thể thấy được, mắt phàm không thấy được, trí phàm không hiểu được.

*Đơn tích vi mang* : phép luyện đạo theo đó từng chi tiết nhỏ còn mập mờ đều được giải thích rõ.

*Khai Thiên Địa* : khai mở ra Trời Đất, tạo nên Vũ Trụ.

*Nhơn vật chi tiên* : có trước loài người và muôn vật.

*Đạo* : Đạo Tiên.

*Kinh* : trái qua.

*Hạo* : nhiều.

*Kiếp* : một đời người.

*Hạo kiếp* : nhiều kiếp, ám chỉ một khoảng thời gian rất dài.

6.- Trời đất chuyển luân không ngừng thành ra có ngày đêm, và Đạo Pháp của Đức Ngài rất rộng lớn và đã có từ ngàn xưa.

***Càn Khôn oát vận, nhật nguyệt chi quang.***

***Đạo pháp bao la, Cửu Hoàng Tỉ Tổ.***

- Trời Đất xoay vần, chuyển luân không ngừng, tạo nên ánh sáng của hai vầng Nhật Nguyệt, thành ra có ngày có đêm, âm dương đối xứng.

- Đạo Pháp của Đức Thái Thượng Đạo Quân rộng lớn mênh mông như tấm lưới lớn bao trùm tất cả, Đức Ngài là Thủy Tổ của 9 vị vua khai hóa Nhơn loại, và cũng là Thủy Tổ của loài người, ám chỉ : Đạo Pháp của Đức Thái Thượng Đạo Quân rất rộng lớn và có từ lúc xa xưa.

Câu này bổ nghĩa cho câu “Khai Thiên Địa, Nhơn vật chi tiên”. Cửu Hoàng gồm có :

*Tam Hoàng* : Thiên Hoàng, Địa Hoàng, Nhơn Hoàng.

*Tam Vương* : Ngũ Long, Hữu Sào, Toại Nhân.

*Tam Đế* : Phục Hy, Thần Nông, Huỳnh Đế.

### **TỪ VỰNG**

*Càn Khôn* : Càn là Trời, Khôn là Đất, Càn Khôn chỉ toàn thể Vũ Trụ.

*Oát* : chuyển xoay từ trong ra ngoài.

*Vận* : xoay vần, dời đổi.

*Nhật Nguyệt* : mặt trời, mặt trăng, cũng có nghĩa là Lương Nghi, còn ám chỉ nguyên lý Âm Dương.

*Chi* : tiếng đệm, cũng có nghĩa là cửa.

*Nhật Nguyệt chi quang* : ánh sáng của mặt trời và mặt trăng (soi sáng khắp nơi).

*Cửu Hoàng* : 9 vị vua đầu tiên khai hóa nhơn loại.

*Tỉ Tổ* : cũng gọi là Thủy Tổ hay Thỉ Tổ, là ông tổ đầu tiên của nhơn loại.

*Cửu Hoàng Tỉ Tổ* hiểu thoát ý là ám chỉ thời gian vô tận.

7.- *Khấp thế gian và vũ trụ đều xưng tụng ân lành và ngưỡng cầu ơn đức của Đức Thái Thượng Đạo Quân.*

***Đại Thiên Thế giới, dương tụng từ ân.***

***Vĩnh kiếp quần sanh, ngưỡng kỳ huệ đức.***

- *Tất cả thế giới trong bầu Vũ Trụ đâu đâu cũng đều ca tụng lòng từ bi và ơn huệ của Đức Ngài ban rải xuống cho chúng sanh.*

- *Muôn đời muôn kiếp, chúng sanh luôn luôn ngưỡng cầu ơn đức của Đức Ngài ban cho.*

### **TỪ VỰNG**

*Thế Giới* : hay Thế Giới là cõi có đời sống sắc tướng, còn luân hồi, khác với cõi “ *Thiên Liêng Hằng Sống*”.

*Đại Thiên Thế Giới* : hiểu thoát ý ám chỉ không gian vô tận, gồm luôn cả Tam Thiên Thế Giới.

*Dương* : đưa lên cao cho mọi người thấy và biết.

*Tụng* : khen ngợi.

*Dương tụng* : khen ngợi, xưng tán tụng.

*Từ* : lòng thương yêu chúng sanh.

*Án* : ơn huệ.

*Vĩnh* : lâu dài, vĩnh cửu. *Kiếp* : một đời người.

*Vĩnh kiếp* : muôn kiếp, vĩnh viễn, đời đời.

*Quần sanh* : chúng sanh : Vật chất, Thảo mộc, Côn trùng, Thú cầm, Nhơn loại.

*Ngưỡng* : trông lên mà cầu xin với lòng kính trọng và yêu mến.

*Kỳ* : trợ ngữ dùng để nhấn mạnh ý của câu văn.

*Huệ* : cái ơn làm cho người khác.

*Đức* : đức độ, công đức, điều tốt lành.

### III.- PHẦN THỨ BA : ĐOẠN KẾT

Năm câu sau cùng tạo thành Đoạn Kết của bài kinh, ý nói : Đức Thái Thượng Đạo Quân là Đấng vô cùng huyền diệu, là Đấng được tôn sùng tột bậc, là Ngôi Một trước khi có Vũ Trụ, là Giáo Chủ Đạo Tiên và là một Đấng Thiên Tôn.

*Đại Thân Đại Thánh,*

*Chí cực chí tôn.*

- Vô cùng huyền diệu nhiệm mầu, Đức Thái Thượng Đạo Quân là Đấng cao tột bậc và rất được kính trọng trên cõi thiêng liêng.

*Tiên Thiên chánh nhất,*

*Thái Thượng Đạo Quân,*

- Vào thời Tiên Thiên (trước khi tạo dựng Trời Đất), Đức Thái Thượng Đạo Quân là Ngôi Một, là Đấng quan trọng bậc nhất.

### ***Chương Giáo Thiên Tôn.***

- Là Giáo Chủ Đạo Tiên, và là một Đấng Thiên Tôn.

### **TỪ VỰNG**

*Đại Thần Đại Thánh* : hiểu thoát ý là vô cùng huyền diệu nhiệm mầu.

*Chí cực* : cao tột bậc.

*Chí tôn* : được kính trọng nhất.

*Chí cực chí tôn* : lớn hơn hết và được tôn kính hơn hết.

*Tiên Thiên* : thời kỳ trước khi Vũ Trụ hình thành, trước khi tạo dựng Trời Đất, tức là trước khi có Tứ Tượng, thời kỳ này còn ở trạng thái vô vi, vô hình ảnh.

*Chánh* : Chủ yếu.

*Nhứt* : Chỉ có một.

*Chương* : cai quản.

*Chương Giáo* : chương quản Đạo Tiên, tức là Giáo Chủ Đạo Tiên.

*Thiên Tôn* : chức phẩm do Thượng Đế ban.

### **GHI CHÚ** : Trong truyện Phong Thần :

- *Xiển Giáo* do Đức Ngươn Thủy làm giáo chủ,

- *Triệt Giáo* do Đức Thông Thiên làm giáo chủ.

Đức Thông Thiên Giáo Chủ lập ra trận Tru Tiên để đánh các Tiên Xiển Giáo. Trong trận này, Đức Thông Thiên giáo chủ bố trí phép thuật rất ác liệt và cao siêu làm cho các vị Tiên cấp thấp không thể phá được. Đức Lão Tử mới giúp Khương Tử Nha để phá trận này. Trận Tru Tiên có 4 cửa. Đức Lão Tử vào một cửa, và dùng Nguyên Khí huyền diệu của Đức Ngài hóa ra Tam Thanh tức 3 Người nữa là *Ngọc Thanh Đạo Nhơn*, *Thượng Thanh Đạo Nhơn* và *Thái Thanh Đạo Nhơn*. Nhờ vậy mới thắng được Đức Thông Thiên Giáo Chủ.

----- o -----

**HT Nguyễn Trung Đạo**

# TỔNG LUẬN VỀ TU THÂN

(Tiếp theo Tập san số 31)

Bach-Y

Trong TSTD số 31 kỳ trước, bài “Tổng luận về Tu Thân” đã được đăng các phần sau đây:

I- Đạo Cao-Đài Nho Tông Chuyển Thế.

II- Đạo Cao-Đài phục hưng tông chỉ Phối Thiên của Khổng giáo.

III- Đạo Cao Đài phục hưng cách Tu Thân của Khổng giáo.

A-Cách Tu thân của Khổng giáo (Qua Sách Đại Học và Thiên Đại Học Vấn)

B-Cách Tu thân của Phật giáo và tiếp theo dưới đây

C-Cách Tu thân của Đạo Cao Đài . . . . .

## **C. CÁCH TU THÂN CỦA ĐẠO CAO ĐÀI:**

### **1. ĐẠO CAO ĐÀI MỘT TÂN TÔN GIÁO:**

Đạo Cao Đài là một tôn giáo được thành lập tại Việt Nam tính đến nay đã 82 năm.

Nói đạo Cao Đài một tân tôn giáo vì trước tiên căn cứ vào tông chỉ và giáo lý.

Thứ đến, nói đạo Cao Đài tân tôn giáo là do nơi cách tu.

\* \* \*



Đạo Cao Đài có một cách tu riêng biệt, phát xuất từ cách tu của Tam Giáo nhưng không hoàn toàn giống bất cứ một tôn giáo nào trong Tam Giáo.

Cách tu của đạo Cao Đài có thể hướng dẫn tất cả mọi người, thuộc mọi thành phần trong xã hội, già trẻ bé lớn, ai cũng có thể tu được. Đặc biệt là cách tu này mặc nhiên chú trọng vào những giai đoạn mà con người có thể tu trong cuộc đời.

Cách tu của đạo Cao Đài nhằm trước nhất giúp đỡ mọi người sống hạnh phúc chết bình an, làm sao để con người lúc sống được tự tại an vui, và sau khi chết đi rồi thì tránh khỏi tam đồ lục đạo, để trở lại kiếp làm người. Cuối cùng, chính cách tu này có mục đích tối thượng là hướng dẫn mọi người nếu không giải thoát được hoàn toàn để đạt được Thánh quả tại thế gian và Tự Tánh Niết Bàn sau khi chết thì ít nhất cũng được siêu thăng một trong chín tầng trời đến vị. Đây là tông chỉ và mục đích của đạo Cao Đài.

\* \* \*

Về tông chỉ, mặc dù nói là một Tân Tôn giáo nhưng đạo Cao Đài có tông chỉ và giáo lý Tam Giáo qui nguyên, ngũ chi phục nhứt, tức là trong giáo lý của đạo Cao Đài có đủ tinh túy giáo lý của Tam Giáo nên mới gọi là qui nguyên, và tông chỉ của đạo Cao Đài chú trọng về Ngũ Chi Đại Đạo, trong đó Nhơn Đạo là mối đạo khởi đầu lại là phần quan trọng nhất mà Khổng giáo hơn 2,500 năm qua đã đề xướng, chủ trương và cố công truyền bá.

Có thể nói phần quan trọng mà đạo Cao Đài tiếp nối, hay nói rõ hơn là phục hưng Khổng giáo, đó là “Nhơn Đạo”. Đây là phần rõ nét nhất cho thấy Cao Đài giáo và Khổng giáo có nhiều điểm giống nhau về thể pháp, đặc biệt là cách tu thân vào một giai đoạn nhất định nào đó của một đời tu.

Như vậy, muốn hiểu một phần nào cách tu thân của đạo Cao Đài thì nên nghiên cứu thật kỹ cách tu thân của Khổng giáo.

Nói khác hơn, muốn tìm hiểu đạo Cao Đài thì điều cần thiết trước tiên là phải hiểu rõ Khổng giáo.

Cũng vậy, muốn hiểu rõ Khổng giáo tức thấy rõ được phần Hình Nhi Thượng là phần tâm truyền cao siêu của Khổng giáo tạo cơ duyên thể nhập được ý chỉ Phối Thiên của đạo Khổng thì điều quan trọng là phải thẩm thấu diệu lý thâm sâu của đạo Phật. Nói rõ hơn, nếu chưa trực giác được diệu lý Phật pháp thì khó lòng thể nhập được chân lý mà Khổng Tử muốn tâm truyền, cũng như có hiểu rõ được Trí Bát Nhã và Lý Bất Nhị của đạo Phật thì mới có thể thấy diệu lý cao siêu mà Đức Lão Tử đã đề ra Chương 1 và Chương 2 là hai chương quan trọng của Đạo Đức kinh.

Tóm lại, Khổng giáo hay Lão giáo thì nói Thánh tâm, Phật giáo lại nói Phật tánh. Dù Thánh tâm hay Phật tánh, cả hai cũng đồng cùng nhau, như nhau không có gì khác biệt. Với chín đức tánh của Phật được nói rõ trong Phật pháp thì Đức Lão Tử hay Đức Khổng Tử cũng dạy Thánh tâm không khác, nếu mọi sự cứ xét về giáo lý Lão giáo và Khổng giáo được tường tận, nhất là trực giác để thẩm thấu và lý hội được những lời dạy trong Đạo Đức Kinh của Lão Tử và Kinh Dịch cũng như Sách Đại Học và Trung Dung của Khổng giáo.

Lão và Khổng dạy Thánh Tâm, Phật thì dạy Phật tánh. Cả hai Thánh Tâm và Phật Tánh thì trong giáo lý đạo Cao Đài đều có dạy, và dạy cả cách tu. Người tín đồ Cao Đài tu Thánh Tâm hay Phật Tánh vào những giai đoạn gần như nhất định nào đó của cuộc đời mình, hoặc tu trọn đời tu. Nói như thế với hàm ý rằng tông chỉ và giáo lý của đạo Cao Đài là quy nguyên vì trong đó có cả phần tinh túy giáo lý và tông chỉ của Tam giáo, chỉ có khác một điều là cách tu mà thôi.

Nói rõ hơn, về việc tu hành thì đạo Cao Đài với giáo lý không khác Tam giáo, nhưng cách tu lại có khác.

Chính chỗ khác này mà có người lại bảo rằng đạo Cao Đài có cách tu không cao siêu. Bằng cứ là người tín đồ Cao Đài vẫn có gia đình vợ con, vẫn để râu để tóc, sống tại gia, sinh hoạt tại thế, v.v. như vậy thì đâu có thực hành cái “hạnh từ bỏ” cao siêu như đạo Phật.

Tuy nhiên, nếu muốn thấy và biết cho rõ thì thật ra có những điều cần phải cứu xét tận tường và trước tiên xin bàn đến cách tu của đạo Cao Đài đối với cách tu của Phật giáo qua quyển “Thiếu Thất Lục Môn” của đạo Phật.

\* THIỆU THẤT LỤC MÔN:

Đây là một quyển sách được bảo là của đức Bồ Đề Đạt Ma viết ra.

Dù vậy, cho mãi đến ngày nay, ai là tác giả của quyển sách này vẫn còn là một đề tài nghiên cứu. Dù sao đi chăng nữa thì quyển sách này vẫn ở trong tàng kinh của Phật giáo được Thiên Tông dùng để giảng dạy Phật pháp và được dịch ra là “Sáu cửa vào động Thiếu Thất” do Trúc Hiên, và Giáo Hội Phật giáo Việt Nam Xuất bản năm 2000 tại Sài Gòn.

Cứ theo Thiếu Thất Lục Môn thì tại cửa thứ sáu với danh đề là “Huyết Mạch Luận”, nơi trang 157-158 có nói như sau:

“Nếu thấy tâm mình cũng là Phật, không cần cắt tóc cao râu, Hàng Áo Trắng vẫn là Phật”. Mà hàng áo trắng được ghi ở quyển sách này thì đó là những người tu ở tại gia.

Như vậy, có nghĩa là tu tại gia cũng có thể thành Phật, chớ không nhất thiết phải xuất gia hay tu ở chùa mới thành Phật được.

Những gì vừa được nói ra trên đây thật ra không hàm xúc ý nghĩa coi nhẹ hay hạ thấp việc xuất gia.

Dù vậy, phải nhìn nhận quyển Thiếu Thất Lục Môn đã truyền đạt một phần giáo lý thật cao siêu của Phật giáo, vì như Phật đã nói là “*Phật tức tâm, tâm tức Phật*” hay “*Tâm, Phật, Chúng Sanh, tam vô sai biệt*” mà Lục Tổ Huệ Năng lập lại rất rõ trong Pháp Bảo Đàn Kinh, Chương 2 Bát Nhã: “*Một niệm tỉnh là Phật, một niệm mê là chúng sanh*” hay “*không tu tức là phàm, một niệm tu hành, tự thân đồng với Phật*”, và Ngài đã hoàn toàn giác ngộ làm Tổ trong khi vẫn còn để tóc, để râu sống chung với bọn thợ săn, hoàn toàn còn trong cuộc đời thế tục.

Nói rõ hơn, theo như những lời Phật đã dạy, theo như những gì Lục Tổ đã nói, cũng như theo Thiếu Thất Lục Môn thì

Phật ở tự tâm của mỗi một con người, chỉ cần thấy Tánh thành Phật chớ chẳng cứ xuất gia hay tại gia.

Thật vậy, nếu thân xuất gia mà tâm tại gia thì có khác nào thân tâm như vẫn tại gia.

Xuất gia là xuất thế tục gia, phiền não gia và tam giới gia.

Nếu đã xuất thế tục gia mà phiền não gia chưa xuất được thì quả giải thoát không làm sao thành được.

Người Phật tử đạt được quả giải thoát hay không là do ở nơi minh tâm kiến tánh, tức phải thấy Tánh mới có thể thành Phật được, cũng có nghĩa là Phật ở tại tâm chớ Phật không ở đâu xa cả. Phật là tâm, tâm là Phật. Phật là chúng sanh, chúng sanh là Phật mà trong đạo Cao Đài Đức Chí Tôn có dạy: “*Thầy là các con, các con là Thầy*”, cũng như với Khổng giáo thì Người và Trời cũng chỉ là một mà thôi, vì thế nên sách Trung Dung mới viết “*Tu tri nhân bất khả bất tri Thiên*” hàm súc ý nghĩa Trời người không khác, Trời ở tại người cũng như Phật ở tại tâm vậy.

Tóm lại, trong việc con người đạt đạo, đến được cõi Trời hay cõi Phật không thể có sự phân biệt là xuất gia hay tại gia, giàu hay nghèo, nam hay nữ. Chính cũng trong quyển Thiếu Thất Lục Môn lại có nói rõ là “*nếu thấy tánh thì chiêm đà-la cũng thành Phật được*”, mà chiêm đà-la là hạng người hèn mạt nhất ở Ấn Độ, được coi như con vật, ai thấy cũng phải tránh xa ra vì sợ bị nhiễm do những người này chuyên sống với nghề hàng thịt, giết trâu bò, thế mà cũng có thể thành Phật được, như vậy thì lựa là phải phân biệt tu xuất gia hay tu tại gia, mà tu tại gia có dễ hơn xuất gia không? Nếu dễ hơn thì tại sao người đời lại nói “*nhứt tu thị, nhị tu gia, thứ ba tu chùa*” có nghĩa vào chùa thì dễ tu hơn vì ít có duyên thế gian, chuyện trần tục, chuyện thị phi.

Cũng vậy, nói về thị phi, thì những gì được viết ra trên đây không có nghĩa là để bàn chuyện thị phi, hay cố tạo sự luận bàn với tâm thế gian trần tục. Những điều cần phải nói rõ không

có nghĩa là muốn nói đúng nói sai, nói phải nói quấy, nói tốt nói xấu, đề cao cách tu này hay hạ thấp cách tu khác. Mục đích của việc trình bày là cốt để nói rằng cách tu nào cũng chịu phần ảnh hưởng của những điều kiện chủ quan lẫn khách quan, hoặc cũng do nơi căn cơ mà thôi.

Vậy, đừng phân biệt cao thấp. Ai tu thành Thánh, thành Phật được là đạt được Đạo. Cách tu chỉ là phương tiện mà thôi. Phật đã dạy rõ là qua sông rồi thì còn ôm chiếc đò theo mãi làm gì. Điều cần thiết là làm sao Phối Thiên được, giải thoát được, chớ đừng nên bỏ công vào việc bàn luận cao thấp, xuất gia hay tại gia, chỉ có làm hại cho cái tâm đạo của mình thôi. Người tu phải làm sao cố gắng chuyển tâm để thành Phật. Nói về vấn đề chuyển tâm, cũng như khi nói đến chuyển tâm chớ không chuyển cảnh để thành Phật thì không thể quên được những gì mà Phật đã dạy trong kinh Duy Ma Cật.

\* KINH DUY MA CẬT:

Kinh Duy Ma Cật còn được gọi là Kinh Tịnh Danh hay Kinh Bất Khả Tư Nghì Giải Thoát.

Đây là một đại tác phẩm của Phật Giáo Đại Thừa trình bày giáo pháp tu trì của đạo Phật qua các cuộc tranh luận giữa những đại đệ tử của đức Phật Thích Ca cùng một cư sĩ tại gia.

Điểm đặc biệt của Kinh Duy Ma Cật là nhân vật chính trong Kinh này không phải là một vị Thanh Văn, Duyên Giác hay Bồ Tát hoặc Phật mà là một trưởng giả tại thế gian.

Vị trưởng giả này tên là Duy Ma Cật, một cư sĩ, một bạch y vào thời đức Phật Thích Ca còn tại thế.

Ong ở tại thành Tỳ Đa Li (Vaishali) thuộc vùng đông bắc Ấn Độ.

Ong là một thương gia giàu có và sinh hoạt bình nhật cũng như bao nhiêu thương nhân khác.

Ong cũng có vợ con, có gia đình, có họ hàng cha mẹ, bạn bè và công việc làm ăn với đời sống không khác đa số quần chúng thế gian.

Ong là đại diện cho giới cư sĩ, chỉ tu tại gia nhưng am tường Phật pháp và quyết tâm giải thoát mặc dù không lìa hẳn gia đình để vào chùa tu như bao nhiêu người xuất gia. Nói rõ hơn, ông chỉ là một cư sĩ và chỉ tu tại gia mà thôi.

Đối với những người tu tại gia thì dưới mắt Phật họ đều có thể thành Phật được cả. Đức Phật có dạy rằng tất cả người tu, dù tại nhà hay ở chùa, dù cư sĩ hay tu sĩ, tất cả đều có thể được giải thoát như nhau, và ngay cả trong cõi đời này.

Qua Kinh Duy Ma Cát, Phật khẳng định không phải chỉ có những người xuất gia mới thành Phật được, mà những người tu tại gia, không phân biệt giàu nghèo, sang hèn, nam nữ, già trẻ, hễ bất cứ ai dứt được phiền não, diệt trừ được vô minh để giác ngộ thì cũng có thể giải thoát, cõi Phật sẽ hiện ra ngay với họ, ngay cả khi họ vẫn còn sống tại cõi đời này. Nói khác hơn là việc đạt đến quả vị Phật không hề chỉ dành riêng cho bất cứ một người nào. Bất cứ ai, dù tu bất cứ ở đâu, nơi núi non rừng rậm, ở nhà hay ở chùa, nếu có đủ từ bi, trí tuệ, công bình, giác tha, nhẫn nhục, hỉ xả và tâm thanh tịnh với ý chí tinh tấn tu hành thì thấy đều có thể thành Phật.

Nói rõ hơn, việc ông Duy Ma Cát mặc dù là một cư sĩ tại gia, vẫn có vợ con, quyến thuộc bạn bè nhưng được đức Phật đưa lên làm nhân vật chính trong kinh là cốt ý để nói với đại chúng rằng những người có vợ con, còn để tóc râu, chưa hẳn đạo tâm và Phật pháp thua kém những bậc Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát như những đại đệ tử của đức Phật. Bằng chứng là những vị đã bước vào hàng Thanh Văn như Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên, Đại Ca Diếp, A Nan, Tu Bồ Đề v.v. và những vị đã ở trong hàng Bồ Tát như Di Lặc, Đồng Tử Quang Nghiêm, Trì Thế v.v. tất cả đều không dám đến gặp ông Duy Ma Cát vì ông Duy Ma Cát có đạo tâm, đạo lực rất cao, thông hiểu rất sâu về thật tướng, cũng như giảng nói rành mạch những điểm trọng yếu của các pháp môn vì thế mà các vị ấy không dám lãnh trách nhiệm đi thăm tức không dám đến gặp.

Như vậy, việc tu tại gia hay xuất gia để có năng lượng từ bi, tâm bình đẳng và trí hữu sư cũng như vô sư là vấn đề đừng nên chấp chặt. Đó chẳng qua là vì hoàn cảnh riêng cũng như căn cơ sẵn có của mỗi người thôi. Vấn đề quan trọng để được giác ngộ, tức xa lìa được phiền não, tận diệt được vô minh không hẳn là do chuyển cảnh mà cốt ở chuyển tâm. Nói khác hơn, như phẩm Phật Quốc và phẩm Phương Tiện của kinh Duy Ma Cát đã nói rõ việc đạt đạo hay không là nhất thiết do chuyển tâm chớ không phải hoàn toàn nhờ chuyển cảnh.

Đến đây, một lần nữa, có một điều cần phải minh định tận tường, là những gì đã được rút ra từ Kinh Duy Ma Cát không có nghĩa là để bài bác hay phủ nhận tính cách cao cả của việc xuất gia, vì xuất gia nhất là cạo đầu xuất gia đối với giới phụ nữ là một quyết định và hành động đầy dũng lực thực hành Bi Trí Dũng. Hơn thế nữa, lợi ích của việc xuất gia là ở vào nơi thanh tịnh như chùa chiền, am tự thì việc tu hành sẽ được dễ dàng hơn.

Tuy nhiên, nếu thân xuất gia mà tâm vẫn tại gia thì chi bằng cứ ở lại tại gia, lo chuyển tâm chớ đừng chuyển cảnh.

Người tu dù đã xuất thế tục gia tức rời nhà vào chùa ở, nhưng nếu chưa xuất được phiền não gia thì cũng không làm sao có đạo tâm thanh tịnh để có được diệu quan sát trí, bình đẳng tánh trí như vậy thì đại viên cảnh trí vẫn còn ở tít mù xa, có nghĩa là không làm sao vào cõi Phật được.

Nói rõ hơn, đã đành xuất gia là một quyết định và hành động đầy dũng lực, dù vậy cũng chớ nên xem việc tu tại gia là còn kém cõi. Thánh Phật ở tại tâm chớ không do nơi cảnh. Về việc tu xuất gia hay tu tại gia thì người tu và kể cả người chưa tu, nên nhớ chỉ xem như là một thể pháp làm phương tiện giúp đỡ việc tu. Có xuất gia được là điều đáng mừng, nhưng nếu đã xuất gia rồi hay dù vẫn còn ở tại gia chưa bước vào đường tu mà lấy xuất gia tại gia để làm điều so sánh hơn thiệt thấp cao thì cửa Thiên Đàng sẽ không bao giờ rộng mở, có nghĩa là cõi Phật sẽ không bao giờ đến được.



Phật nói “*chuyển tâm chớ không chuyển cảnh*” có nghĩa là dù ở hoàn cảnh nào, dù ở nơi đâu, dù đã cạo đầu hay vẫn còn để tóc râu, vấn đề quan trọng là làm sao hết vô minh cho “tâm tức Phật” chớ cảnh chỉ là yếu tố trợ lực, chỉ có thể hỗ trợ giúp đỡ hay ngăn trở một phần nào đó việc tu hành mà thôi. Xuất gia hay tại gia, bất cứ ở nơi đâu, nếu tu hành đúng thì vẫn có thể đạt Đạo. Bằng chứng là Pháp Sư Ấn Tông, vị trụ trì chùa Pháp Tánh ở Quảng Châu làm một tỳ kheo đã xuất gia thế mà vẫn tôn thờ một cư sĩ chưa cạo đầu xuống tóc để làm thầy, đó là Lục Tổ Huệ Năng. Bằng chứng này được nêu ra không nhằm mục đích đề cao cư sĩ hay người tu tại gia mà chỉ muốn nói rằng mỗi người có một hoàn cảnh, mỗi người có mỗi căn cơ, tu tại gia hay xuất gia cũng vì hoàn cảnh hay căn cơ và cả hai đều có thể thành Đạo, đừng nên đem cao thấp luận bàn. Nếu nghĩ rằng tu tại gia thấp hơn, tu xuất gia cao hơn, thì đó chỉ có làm hại cho lòng từ bi và trí tuệ cũng như tâm bình đẳng của người tu mà thôi.

Trong việc tu hành cũng như giữa các tôn giáo với nhau đừng nên phân cao thấp. Nếu nói ta cao người thấp thì ngay đó ta đã thấp rồi, cũng như Lục Tổ Huệ Năng đã dạy “*nếu nói lỗi người thì lỗi ta liền có ngay tại đó*”

Đạo Cao Đài với tôn chỉ và giáo lý Tam Giáo Qui Nguyên, Ngũ Chi Phục Nhứt đã thờ và đưa Tam Giáo kể cả Ki Tô Giáo về đúng vị trí.

Đạo Cao Đài thờ cả Tam Giáo và Ki Tô Giáo không hề phân biệt việc vào chùa hay đến nhà thờ, kính Chúa hay lạy Phật.

Đạo Cao Đài có cách tu với bước đầu hoàn toàn “Nhơn Đạo” nhưng cũng không hề quên Thánh Đạo, Phật Đạo hay Thiên Đạo.

Cũng có người chưa thấu rõ hết đạo Cao Đài nên bảo rằng đạo Cao Đài không có xuất gia.

Không phải như vậy.

Nếu nghĩ như vậy thì chắc là chưa hiểu được yếu chỉ đã thành lời cam kết và lời thệ nguyện “*cắt ái ly gia, phế đời hành*

đạo” mà trước mỗi khi muốn được thọ phẩm Lễ Sanh (Student Priest) để làm Đầu Tộc Đạo thì chức việc hương đạo là Chánh Trị Sự phải phát thệ điều này trước một vị giáo phẩm của Hội Thánh cử đến để tìm hiểu và xác nhận tâm ý của chức việc muốn cầu phong.

Cũng có người cho rằng đạo Cao Đài không có giới tu sĩ ly gia thoát tục. Điều này cũng không phải như vậy.

Cũng giống như Khổng giáo, đạo Cao Đài cũng có tam thập lục Thánh, thất thập nhị Hiền và tam thiên Đồ đệ tức ba mươi sáu vị Phối Sư, bảy mươi hai vị Giáo Sư, ba ngàn vị Giáo Hữu trên phẩm Lễ Sanh. Tất cả những vị này đều trường trai và hoàn toàn “phế đời hành đạo”.

Ngoài Tam Thập Lục Thánh, Thất Thập Nhị Hiền và Tam Thiên đồ đệ trong thành phần Hội Thánh, đạo Cao Đài còn có nhiều Thể Pháp và Bí Pháp khác nữa biểu trưng rõ rệt Nho Tông chuyển Thế để thực hiện giáo pháp tu trì trước tiên về phần Nhơn đạo rồi sau đó mới đến phần Thiên đạo. Đây là lý do mà tại sao trong chữ nho có câu:

*“Dục tu Thiên đạo, tiên tu Nhơn đạo.  
Nhơn đạo bất tu, Thiên đạo viễn hĩ!”*

Và trong tôn giáo Cao Đài, Thánh ngôn cũng có dạy như sau:

*“Sai lầm một thuở biết ăn năn,  
Năn nỉ lòng kia tự xét rằng,  
Rằng ở đời thì Nhơn đạo trọn,  
Tron rồi Thiên đạo mới hoàn toàn”*

Hay: *“Một trời đất một nhà riêng.*

*Dạy dỗ nhơn sanh dựng dạ hiền.*

*Cầm mối thiên cơ lo cứu chúng.*

*Đạo người ven vẽ mới thành Tiên”*

Có nghĩa là muốn thành Tiên, thành Thánh, thành Phật, không phải riêng tín đồ Cao Đài mà tín đồ của tất cả các tôn giáo cũng đều phải “Thành Nhơn” trước đã, vì một khi đạo làm người tức “Nhơn Đạo” mà chưa hành trì trọn vẹn thì việc tu Tiên, tu Phật chẳng qua chỉ như để “gãi ngứa ngoài da” mà thôi.

Đây là lý do mà tại sao đạo Cao Đài trước mắt và dễ thấy nhất tại có cách tu “Nhơn Đạo!”

Theo đạo Cao Đài cũng như theo Khổng giáo thì tất cả con người vì đang tại thế nên khó ai có thể tránh khỏi ít nhiều nhập thế trước khi muốn xuất thế mà như một học giả có nhiều nhiệt huyết phục hồi Nho giáo cũng như đạo tâm đối với Khổng giáo, Lão giáo, Phật giáo là Nhân Tử Bác Sĩ Nguyễn Văn Thọ đã viết trong Tinh Hoa các đạo giáo NXB Nhân Tử Văn California USA 2002 Trang Tựa III, IV như sau:

*“Có một điều lạ là muốn tìm ra con đường nội tâm, trước hết phải băng qua ngoại cảnh, trần hoàn, xác thân. Nói thế có nghĩa là phải hướng ngoại trước rồi mới hướng nội sau, phải đi ra Đời trước, rồi mới đi vào Đạo sau. Những con người muốn dứt giai đoạn, muốn tránh sự đời từ thuở còn thơ, rất là khó mà tìm được con đường nội tâm, vì lòng họ càng ngày càng luyện tiếc thế sự, luyện tiếc những thú vui trần hoàn, bị văn vật vì những khát khao không được thỏa mãn.*

.....

*Một căn do làm cho nhân loại khổ đau, chính là vì đã lãng quên mất giá trị vô biên của mình, dòng dõi sang cả của mình, tưởng rằng Trời, Phật xa cách mình. Có biết đâu rằng Trời, Phật hiện tiền trong đáy thẳm lòng sâu của mình. Trời, Phật chính là bản thể của mình, nhưng đã bị bụi bặm trần hoàn che phủ mất”*

Mà quả thật vậy. Nhiều người nói chung đã quên dòng dõi sang cả của mình, cũng như không ít hậu nho nói riêng đã quên mất giá trị vô biên của Khổng giáo.

Vì quên mất giá trị thực tiễn và chân lý vi diệu của Khổng giáo nên nhiều nhà nho khi nhập thế đã không còn nhớ phải tiếp tục lo tu tập hay thực hành “Nhơn Đạo”, và cũng tại vì quên nên nho gia đã để cho lu mờ đi những gì mà Đức Khổng Tử đã dạy trong sách Đại Học và Trung Dung, cũng như đã không khai triển hay hiển dương được đúng mức phần cao siêu nhất trong Kinh Dịch khiến cho giáo lý Phối Thiên của Khổng giáo

đến ngày nay hầu như hoàn toàn mai một và phương pháp hay cách tu thân của Khổng giáo cũng ngày lại lu mờ mà người đời còn thấy hay nhớ chẳng chỉ là cách tận tình nhập thế của nhiều hậu nho chỉ vì lý do “Phụ mẫu chi dân” hay cao đẹp hơn một chút là “lương y như từ mẫu” mà thôi.

Tu thân với Khổng giáo thật ra là một phương pháp tu toàn diện, gồm có cả tu thân lẫn tu tâm. Đây cũng là cách tu của đạo Cao Đài vì tại thế nên cũng khó tránh khỏi phần nào nhập thế.

Rồi cũng chính vì tại thế nên trước tiên đạo Cao Đài phải thực hành “Nhơn Đạo” trong Ngũ Chi Đại Đạo, nghĩa là trước hết phải băng qua ngoại cảnh trần hoàn rồi mới đi vào nội tâm, tức phải hướng ngoại trước rồi mới hướng nội sau, nghĩa là phải đi ra Đời trước rồi mới vào Đạo sau, đúng như lời Đức Hộ Pháp đã dạy trong những đêm thuyết pháp 5/4, 9/4, 13/4, và 2/5 năm Kỷ Sửu 1949 tại Đền Thánh rằng:

- Có biết Thế Pháp (hữu hình Đời) rồi mới biết Bí Pháp (Vô hình = Đạo)

- Thế Pháp là cơ quan giải khổ. Bí Pháp là cơ quan giải thoát.

- Thế Pháp của Đời và Bí Pháp của Đạo có liên quan với nhau. Nếu không nghe Đời thì không thể nào biết đến Đạo.

- Phải ra Đời trước rồi mới vào Đạo sau.

Tóm lại, cách tu của đạo Cao Đài theo Kinh, cơ và ngữ lục của Đức Hộ Pháp là phải ra đời rồi vào Đạo. Đây là cách tu với những đặc trưng riêng của đạo Cao Đài.

Xin được bàn về cách tu của đạo Cao Đài, một cách tu thân bắt nguồn từ Tam Giáo nhưng lại có những đặc trưng riêng biệt.

## 2. CÁCH TU THÂN THEO KINH CƠ VÀ NGỮ LỤC CỦA ĐẠO CAO ĐÀI:

Giáo lý đạo Cao Đài dạy tu thân được thấy qua Kinh cơ và ngữ lục.

Kinh kệ cũng như Thánh ngôn tại đàn cơ do Đức Chí Tôn giáng trần trong đêm khai đạo 14 tháng 10 năm Bính Dần (19 -11-1926), cộng thêm ngữ lục của Đức Hộ Pháp có dạy rất rõ về việc tu thân, nói rõ hơn là tu Nhơn Đạo và Thiên Đạo.

Thật vậy, trong Kinh Niệm Hương và Kinh Khai Kinh có những đoạn như sau:

*“Đạo gốc bởi lòng thành tín hiệp.*

.....

Và: *Trong Tam giáo có lời khuyến dạy,  
Gốc bởi lòng làm phải làm lành.  
Trung Dung Khổng Thánh chỉ rành,  
Từ Bi Phật dạy: Lòng thành lòng nhơn.  
Phép Tiên Đạo: Tu chơn dưỡng tánh.”*

.....

Các câu kinh vừa nêu trên cũng như Thánh giáo và ngữ lục sẽ được ghi ở phần kế tiếp theo sau chỉ rõ cho tín đồ đạo Cao Đài cách tu thân tu tâm được phân ra làm hai phần, gồm có *tu thân là phải hành thiện* giống như giáo lý Khổng giáo và Phật giáo, và *tu thân tâm là phải có lòng thành*, cũng không khác Khổng Phật. Xin được trình bày cách tu thân và tu thân tâm của đạo Cao Đài qua hai phần nói trên.

#### **a. Tu thân là hành thiện:**

Trong bài Khai Kinh của Kinh cúng tứ thời có hai câu như sau:

*“Trong Tam Giáo có lời khuyến dạy,  
Gốc bởi lòng làm phải làm lành”*

Có nghĩa tu thân thì cái gốc là phải làm thiện làm lành.

Đây là điểm trước tiên cho thấy đạo Cao Đài cũng giống như đạo Khổng, vì Khổng giáo hành đạo thì nhập thế, còn tôn chỉ hay chủ trương Phối Thiên thì tại minh minh đức, tại thân dân, tại chỉ ư chí thiện có nghĩa là đối với mọi sự mọi vật thì phải đến chí thiện mới thôi.

Còn đạo Cao Đài, vì tín đồ đạo Cao Đài tại thế nên phải đến với mọi người để mà tu, ở trong mọi người để mà tu, gieo

nhơn lành với mọi người như thế mới đúng là tu. Nói khác hơn là cách tu thân của đạo Cao Đài không xa lánh vạn linh, nhưng trái lại đạo Cao Đài tu bằng cách tìm đến vạn linh, sống với vạn linh để phục vụ vạn linh, làm lợi ích cho vạn linh, đó gọi là hành thiện, đó gọi là tu, nói rõ hơn là tu Nhơn Đạo.

Đây chính là điểm mà thoát tiên có người lại cho rằng đạo Cao Đài có cách tu khác đạo Phật, vì đạo Phật xuất thế còn đạo Cao Đài nếu không hoàn toàn nhập thế thì cũng tại thế do đó dù ít dù nhiều cũng có nhập thế. Như vậy, đạo Cao Đài chỉ như là đạo Nho mà thôi, không có gì cao siêu, vì vẫn còn vướng bận trần ai nên không làm sao giải thoát được cả.

Sự thật không phải như vậy.

Như đã trình bày, giáo lý dạy tu của đạo Phật cũng nào có khác chi giáo lý dạy tu của đạo Cao Đài.

Nếu đạo Cao Đài dạy tu bằng cách nói rằng tu là “*gốc bởi lòng làm phải làm lành*” thì đạo Phật với lời dạy “*Chư ác mạc tác, tín thiện phụng hành*” cũng nào có khác chi.

Hơn thế nữa, với Phật giáo đại thừa thì Kinh Kim Cang cũng dạy tương tự như được ghi ở chương 23 là muốn thành Phật thì không gì khác hơn là phải hành thiện, “*Tu nhất thiết thiện pháp tức đắc A Nâu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề*” nghĩa là đắc quả Phật.

Tóm lại, để giải thoát hay đắc quả Phật thì nhà Thiên (Thiên Sư Ô Sào) cũng như Phật giáo Đại Thừa (Kinh Kim Cang) cả hai dạy rõ là phải hành thiện dù rằng có kèm thêm một hai điều kiện sẽ được trình bày ở phần sau.

Kinh Phật Giáo Đại Thừa dạy như thế còn Kinh Phật Giáo Tiểu Thừa thì như thế nào.

Phật giáo Tiểu Thừa qua kinh Nikaya chỉ rõ rằng trong Phật giáo có nói đến bốn mức Thiên và bốn quả vị Thánh.

Bốn mức Thiên là sơ thiên, nhị thiên, tam thiên và tứ thiên.

Bốn mức độ Thánh là sơ quả Tu Đà Hoàn, nhị quả Tư Đà Hàm, tam quả A Na Hàm và tứ quả A La Hán.

Có nhiều người bảo rằng bốn mức độ Thiền và bốn quả vị Thánh có liên hệ với nhau. Phải chăng tu 4 mức độ Thiền là đạt được 4 quả vị Thánh?

Sự thật không có sự tương đương hay liên hệ về cách tu và đắc quả vị như vậy. Chẳng phải đạt sơ thiền là đắc sơ quả, tứ thiền là tứ quả Thánh. Hai cách tu này không có sự song đôi, tương đương từng cặp một.

Tu Thiền là khép kín, tìm tĩnh lặng để mà tu, xa lánh quần chúng để mà tu, tức là cách tu đi vào nội tâm, xa ngoài cảnh. Cách tu thiền được đánh giá theo mức độ thanh tịnh của tâm, nghĩa là tâm vào định được mức độ nào thì đạt thiền đến mức độ đó.

Còn tu quả vị Thánh là cách tu để diệt trừ các kiết sử, tức những pháp bất thiện nó cột trói và sai sử con người. Cách tu này không thể tu khép kín, không thể xa lìa mà phải tiếp xúc với chúng sanh, đến với chúng sanh để mà tu.

Phải đến với chúng sanh, hành thiện giúp ích cho chúng sanh thì mới phá được “Thân Kiến” là kiết sử thứ nhất cần phải diệt trừ.

Có diệt trừ được thân kiến tức vị kỷ để mở rộng vị tha thì mới mong đến quả Thánh được. Nói rõ hơn, muốn đạt quả Thánh thì phải diệt trừ vị kỷ (Thân Kiến), đa nghi, cố chấp (giới cấm thủ) và phải hoàn toàn vị tha nghĩa là quên mình lo cho người, giúp đỡ người, phục vụ cho người, làm lợi ích cho người tức mang đến cho người an lạc hạnh phúc, mang đến cho người tất cả thiện lành, cũng có nghĩa là hành thiện.

Như vậy, để đạt Đạo theo Phật Giáo Tiểu Thừa với Kinh Nikaya thì cũng phải tập trung trước tiên vào việc mang đến thiện lành cho chúng sanh, tức làm việc có lợi ích cho chúng sanh thì mới mong đạt quả.

Đây một lần nữa chứng minh cho thấy rằng muốn đạt quả vị Thánh, đạt Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác thì trước tiên người tu phải làm việc thiện. Đây là giáo lý của Tam Giáo

mà cũng là giáo lý của đạo Cao Đài. Nói rõ hơn, giáo lý đạo Cao Đài có dựa vào giáo lý Tam Giáo để tu thân như kinh đạo Cao Đài đã ghi là “*Trong Tam giáo có lời khuyên dạy; Gốc bởi lòng làm phải làm lành*”. Ngoài ra, đạo Cao Đài lại còn có phần giáo lý riêng nói rõ lý do về việc dạy dỗ tín đồ nếu muốn tu thân là phải hành thiện trước trên.

**\* LÝ DO HÀNH THIỆN:**

Ngoài Kinh Kệ dạy hành thiện, đạo Cao Đài còn có ngữ lục nêu rõ lý do phải hành thiện.

Những lý do này bắt nguồn từ những lời thuyết đạo của Đức Hộ Pháp dạy cho biết tại sao người tu muốn đạt quả siêu thăng hay giải thoát thì trước tiên phải thiện lành và phải phục vụ vạn linh.

Theo giáo lý của đạo Cao Đài với ngữ lục của Đức Hộ Pháp qua các lần thuyết đạo tại Đền Thánh thì:

1. Mỗi người chúng ta “*khi được hình rồi, có hiện tượng tại mặt thể này rồi tức có xác thân này rồi thì chúng ta ngó thấy chúng ta có ba mối nợ*”

Nợ thứ nhất là nợ thi hài của mình do cha mẹ sinh ra rồi nhờ xã hội nhơn quần mới sống được. Con người phải trả đủ mối nợ này rồi thì mới về cảnh Thiêng Liêng Hằng sống được, tức mới đạt Đạo được.

Nợ thứ hai là việc đối với Đức Phật Mẫu, đấng đã sản xuất ra Chơn Thần mà đạo Cao Đài gọi là pháp thân; và nợ thứ ba là đối với Đức Chí Tôn đã ban cho chúng ta Chơn Linh, tức Linh Tánh là tánh của ông Trời ở trong xác thân này.

2. Mỗi người chúng ta phải trả cho xong ba mối nợ này thì mới mong được siêu thăng hay giải thoát, nghĩa là về với cảnh Thiêng Liêng Hằng sống tức đạt được quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác là quả Phật (Thuyết đạo đêm 11.6.Kỷ Sửu 1949).

Muốn trả cho xong ba món nợ vừa nói trên – theo Đức Hộ Pháp dạy – thì chúng ta phải phụng sự cho Đạo bằng cách làm lợi cho vạn linh. Mà “*hễ không phụng sự cho Đạo, cho vạn*



*linh, làm lợi ích cho nhơn sanh tức nhiên là vô đạo, mà vô đạo thì không thể gì đạt cơ giải thoát được” (Thuyết đạo đêm 8-6-Kỹ Sưu 1949)*

3. Biết được mình có ba món nợ và cố trả cho xong được ba món nợ ấy bằng cách phụng sự cho Đạo, làm lợi ích cho nhơn sanh tức là biết tu thân. Tu thân bằng cách phụng sự, bằng cách tiêu trừ thân kiến tức xả kỷ để vị tha, quên mình để làm lợi cho người, đó là hành thiện và đó là Nhơn Đạo. Nói khác hơn, theo như lời Đức Hộ Pháp dạy thì: “*Tu thân, tức nhiên Nhơn Đạo đó vậy.*” (thuyết đạo đêm 25.5. Kỹ Sưu 1949).

\*\*\*

Nói Nhơn Đạo là theo Khổng giáo, còn đặc biệt với đạo Cao Đài đó là mối đạo khởi đầu trong Ngũ Chi Đại Đạo.

Nhơn Đạo là đạo làm người đối với người thân, đối với nhơn quần xã hội. Phải làm xong mối đạo này rồi mới mong thực hành được bao mối đạo khác. Không làm tròn Nhơn Đạo thì thôi đừng mong gì có thể nói đến Thánh Đạo, Phật Đạo hay Thiên Đạo. Nói khác hơn, trước khi có thể thành Thánh thành Phật, con người phải Thành Nhân tức làm tròn bốn phận làm người trước đã.

Muốn làm tròn bốn phận làm người thì trước tiên phải làm thiện bằng cách gieo nhân lành với tất cả mọi người.

Muốn gieo được nhân lành thì trước nhất con người phải vị tha. Vị tha bằng cách phá thân kiến, diệt lòng ích kỷ chỉ biết lo cho mình, như vậy thì con người mới có thể phục vụ cho vạn linh, mà phục vụ vạn linh thì đó là cái dịp để trả xong ba món nợ.

Nói rõ hơn, để làm tròn Nhơn Đạo, người tu bắt buộc phải vị tha và hành thiện. Hành thiện có nghĩa là nghĩ thiện, nói thiện và làm thiện. Hành thiện với lòng vị tha là khâu mở đầu của việc tu thân, mà nếu thiếu thì khâu thứ hai lo tịnh tâm, vô ngã và vô pháp dù tu tới đâu thì cũng không làm sao đắc quả được. Phật nói như vậy, Thánh cũng nói như vậy. Cả hai Thánh thư và Kinh Phật đều dạy không khác, duy chỉ có cách dụng

công trải qua thời gian và không gian có nhiều biến đổi nên có khổ khác nhau thôi.

Đây chính là điều mà tín đồ đạo Cao Đài đã cảm nhận và thấm thấu được từ lời dạy của Đức Chí Tôn và các đấng Thiêng Liêng qua Kinh và cơ. Cũng chính đây là lý do mà trong bài Khai Kinh của đạo Cao Đài mới có câu “gốc bởi lòng làm phải làm lành” nghĩa là căn gốc của sự tu hành, đó là phải làm lành hành thiện.

Còn về cách tu, đạo Cao Đài tuy có bắt nguồn từ Tam giáo, rõ nhất là Khổng giáo, dù vậy tín đồ Cao Đài lại có cách tu khác hơn nho gia, đó là do đạo Cao Đài đã hoàn toàn chú trọng, đánh giá đúng, đặt đúng vị trí, cũng như dụng công đúng mức ở phần Nhơn Đạo.

Có thể nói Nhơn đạo là phần thực tế nhất, nhân bản nhất mà có nhiều người vì muốn tìm cách tu cao siêu nên hay chê bai hoặc coi thường, do đó mà ít người hoặc không nhiều tôn giáo chịu bỏ thì giờ nghĩ đến, hoặc có nghĩ nhưng không coi Nhơn Đạo là một trọng tâm để lo tu ở bước đầu tiên. Đây quả là một điều đáng tiếc vì Nhơn Đạo là đạo làm người, bốn phận làm người đối với nhau, ngoài xã hội cũng như trong gia đình giữa thân thuộc họ hàng. Đây là những việc thường nhật tuy dễ mà khó, tuy khó mà dễ.

Nói dễ là ở chỗ chớ nên thái quá mà cũng đừng bất cập, cứ làm tròn bốn phận thường nhật với lòng vị tha tâm hành thiện, như vậy thì bốn phận trong gia đình cũng như ngoài xã hội chắc chắn sẽ là sự vừa lòng của mọi người trong gia đình và sự vừa ý của mọi người ngoài xã hội.

Còn nói khó bởi đây là những việc thường nhật, thường hành, mà thường hành thì dễ trở thành thói quen khiến con người lại có khuynh hướng xem thường nên dễ quên, ít để ý và mất thành ý.

Một khi mất thành ý rồi thì chắc chắn sẽ khó làm đúng, dễ làm sai, tức Nhơn Đạo sẽ không tròn rồi Thiên Đạo gồm có Thánh Đạo và Phật Đạo cũng không làm sao đạt đến được.

Như vậy, chữ Thành rất quan trọng trong việc tu thân, gồm có tu Nhơn Đạo và tu Thiên Đạo. Xin được nói đến chữ Thành trong việc tu thân.

### **b. Tu thân phải có lòng Thành.**

Một lần nữa xin được lập lại là chữ tu thân trong đạo Cao Đài được dùng giống như đạo Khổng, cũng cùng có nghĩa là tu thân lẫn tâm.

Để tu thân tâm, mặc dù thể pháp của đạo Cao Đài có phần giống Khổng giáo, nhưng giáo lý đạo Cao Đài dạy tu qua Kinh, Cơ thì gồm có đủ tinh túy giáo lý của Tam Giáo.

Ngay bài Kinh đầu tiên là bài Niệm Hương với câu đầu tiên của bài Kinh này là “*Đạo gốc bởi lòng thành tín hiệp*”, và bài Khai Kinh kế tiếp tong đó các câu “*Trung dung Khổng Thánh chỉ rành; Từ Bi Phật dạy lòng thành lòng nhơn; Phép Tiên đạo tu chơn dưỡng tánh...*” đạo Cao Đài đã cho thấy rõ là trong giáo lý của đạo Cao Đài có cả giáo lý Khổng giáo và Phật giáo, cũng như muốn tu đạt đạo thì người tu phải có lòng Thành.

Nói phải có lòng Thành vì rõ ràng Phật nói “*Từ Bi Phật dạy lòng Thành lòng Nhơn*” còn Khổng thì nói “*Trung dung Khổng Thánh chỉ rành*” mà chỉ rành ở đây là chỉ rành cái gì? Đó là chỉ lòng Thành, vì như nho gia, học giả, tất cả đều biết và nói rõ sự dạy dỗ trong sách Trung Dung của Khổng giáo tựu trung chỉ có chữ Thành mà thôi. Nói khác hơn, với một chữ có thể thu tóm hết ý nghĩa 33 chương của sách Trung Dung, đó là chữ Thành. Vậy xin được bàn đến chữ Thành.

THÀNH: Theo sách Trung Dung thì:

1. Thành là đạo của Trời mà học đến Thành là đạo của người (“*Thành giả, thiên chi đạo dã; Thành chi giả, nhân chi đạo dã*” – Trung Dung, Chương 20, đoạn 5) có nghĩa Thành là Thánh đạo, Phật Đạo hay Thiên đạo mà trở nên Thành cũng là Nhơn đạo tức Thành là đạo của Trời và trở nên Thành là đạo của người. Vậy cứ tựa vào chữ Thành mà làm trọn Nhơn đạo

cũng như đạt được Thiên đạo. Đây chính là lý do mà đạo Cao Đài mới nói “*đạo gốc bởi lòng thành tín hiệp*” nghĩa là muốn đến được với đạo, thì người tín đồ Cao Đài bắt buộc phải có lòng Thành. Như vậy, chữ Thành thật vô cùng quan trọng cho việc đạt đạo. Nếu không có lòng Thành thì người tu khó ai có thể đến với đạo và đạt được đạo.

2. Thứ hai Thành là cái gốc của Thánh nhân, và Thánh cũng chỉ là bậc Thành mà thôi (*Thành giả Thánh nhân chi bản; Thánh, thành nhi dĩ hĩ*) có nghĩa Thành là cái tạo ra Thánh nhân, cái gốc của Thánh nhân. Nói rõ hơn, muốn làm Thánh hay muốn trở nên Thánh, hoặc đúng hơn là để đạt Thánh quả không gì khác hơn là phải Thành.

Đây là lời dạy trong sách Thông Thư của danh nho Đạo Học Đời Tống là Chu Đôn Di tức Chu Liêm Khê.

Sách Thông Thư còn nói rõ thêm rằng Thành là “*cái cội rễ của ngũ thường, là cái gốc của trăm nết*” nghĩa là Thành là cái cốt cán của Nhơn đạo, cái chuẩn tắc để hướng dẫn con người làm tròn Nhơn đạo.

Hơn thế nữa, theo Thông Thư của Đôn Di thì Thành còn vượt qua thiện ác, mà Thành cũng đồng thể với Thái Cực, có nghĩa Thành cũng là Thiên đạo mà người tín đồ nếu muốn đến được với đạo, đạt được đạo, được siêu thăng hay giải thoát thì phải Thành.

Đến đây, điều cần phải nói là trong việc tu hành, nhận thấy chữ Thành quả thật quá quan trọng. Phải có Thành mới đạt đạo được. Vậy Thành nghĩa là gì và muốn Thành thì phải làm sao?

\*\*\*

Nghĩa của chữ Thành rất sâu rộng và cao siêu xin được hội ý rõ ràng và đầy đủ với đồng đạo sau này. Riêng ở đây, xin được ghi vắn tắt: Thành có nghĩa là không tự dối gạt mình. Hễ cái gì mà lương tri biết thiện là thiện, ác là ác, và mình làm đúng theo lương tri thì đó là Thành.

Muốn Thành theo Nhơn đạo thì phải làm sao?

Muốn Thành theo Nhơn đạo, người tín đồ Cao Đài phải giữ đủ ngũ thường và ngũ luân. Ngũ thường là nhơn, nghĩa, lễ, trí, tín và ngũ luân là đạo quân thân, đạo phụ tử, đạo phu thê, tình huynh đệ, tình bằng hữu. Ngũ luân đây là năm bổn phận mà trong đó đạo quân thân là bổn phận đối với quốc gia. Phải làm xong thì mới đạt đạo, và đạo được nói đây là Nhơn đạo.

Tóm lại, muốn đạt được Nhơn đạo thì người tín đồ Cao Đài phải đạt được chữ Thành mà muốn đạt được chữ Thành thì phải vẹn ngũ thường, trọn ngũ luân.

Có vẹn được ngũ thường, trọn được ngũ luân thì Nhơn đạo mới tròn nghĩa là việc thực hiện lời dạy trong câu đầu của bài niệm hương mới có thể nói là làm đúng và đầy đủ riêng về phần Nhơn đạo; mà Nhơn đạo là mối đạo đầu trong Ngũ Chi Đại Đạo được đạo Cao Đài cũng như đạo Khổng đặt vào tầm quan trọng đặc biệt trước tiên, do đó mà người tín đồ Cao Đài cũng cần biết rõ.

Để biết rõ, xin được trình bày với đồng đạo ở một bài viết khác đầy đủ hơn mà mục đích là nhằm giúp cho việc dễ tu Nhơn đạo, để thực hành ngũ luân, mà trong sách Trung Dung, nơi chương 20 đoạn 2, Tử Tư đã viết là muốn đạt đạo thì phải làm tròn năm bổn phận: “*Thiên hạ chi đạt đạo ngũ; . . . . .* *Viết: quân thân dã, phụ tử dã, phu phụ dã, côn đệ dã, bằng hữu chi giao dã; ngũ dã thiên hạ chi đạt đạo dã*”.

\* \* \*

Phần trên đã nói về Nhơn đạo. Đến đây, xin được tạm bàn luận chữ Thành liên quan đến Thiên đạo.

Thiên đạo ở đây được nói hàm ý Thánh đạo Phối Thiên và Phậ đạo giải thoát mà đạo Cao Đài gọi là Thiên Đạo.

Muốn đạt được Thánh đạo Phối Thiên như nói theo Khổng giáo hay Lão giáo, hoặc Thiên đạo siêu thăng giải thoát hay Lão giáo, hoặc Thiên đạo siêu thăng giải thoát như nói theo đạo Cao Đài thì người tu phải hành trì trọn vẹn ba cái đức và đây là ba đức của Thành, ba đức để Thành.

Ba đức ấy theo sách Trung Dung gồm có: Nhân, Trí, Dũng mà Tử Tư gọi là: “*Sở hành chi giả tam... Trí, Nhân, Dũng tam giả*;” Xin được nói đến từng đức một.

1. Đức thứ nhất:

Đức thứ nhất là Nhân.

Nhân được Tử Tư viết trong sách Trung Dung nơi chương 20 đoạn 1 như sau: “*Tu thân dĩ đạo; tu đạo dĩ nhân. Nhân giả nhân dã...*” nghĩa là muốn sửa mình để làm tròn Nhơn đạo cũng như muốn tỉnh giác tức “minh thành” để có thể Phối Thiên, người tu thân trước tiên phải hành trì trọn vẹn đạo Nhân.

Đạo Nhân theo Phật giáo Tiểu Thừa với Kinh Nikaya là lòng Vị Tha, còn theo Phật giáo Đại thừa thì đó là tâm Từ Bi.

Lòng Vị tha hay Tâm Từ bi này của đạo Phật được Kitô giáo gọi là lòng Bác Ái và đạo Cao Đài thì gọi là Amour, Bác ái, Từ bi, Vị tha hay Nhân ái. Tất cả những chữ này đều được thấy trong Kinh cơ và ngữ lục của đạo Cao Đài.

Tóm lại với đức Nhân thì qua câu tu thân dĩ đạo, tu đạo dĩ Nhân. Nhân giả, Nhân dã... Tử Tư đã nói rõ là muốn thực hành trọn vẹn Nhơn đạo cũng như để “minh thành” tỉnh giác Phối Thiên người tu trước tiên phải thực hành đức Nhân.

2. Đức thứ hai:

Đức thứ hai là Trí.

Trí được đề cập hiện tại không phải là trí thế gian, tức trí mạnh được yếu thua, khôn còn dại mất, mà trí được nói đây là Trí Lương Tri của đạo Khổng, cũng giống như Trí Bát Nhã của đạo Phật hay Trí Vô Đối của đạo Cao Đài.

Trí Lương Tri, nói theo ý nghĩa chữ lương tri của Mạnh Tử là “*Sở bất lự nhi tri, kỳ lương tri giả*” thì đó là cái trí đã đạt đến cái không cần suy nghĩ mà biết, nghĩa là cái biết tự nhiên tự tại, tức cái biết chưa hề bị ảnh hưởng bởi tư tâm hay tư dục như nói theo Khổng giáo mà đạo Phật gọi đó là cái biết của Chân tâm, hay cái biết không bao giờ sai theo giáo lý của nhà Phật.

Trên đây là sự giải thích chữ Trí Lương Tri căn cứ vào ý nghĩa chữ lương tri của Mạnh Tử.

Lương tri còn một ý nghĩa khác thâm diệu hơn, do danh nho Vương Dương Minh định nghĩa rõ trong giáo thuyết Trí Lương Tri được trình bày qua Thiên Đại Học Vấn.

Trí Lương Tri theo Vương Dương Minh có khác Mạnh Tử ở chỗ Mạnh Tử coi lương tri là cái không cần suy nghĩ mà biết, còn Vương Dương Minh đi xa hơn nói rằng lương tri là cái “vô tri vô bất tri”, “vô chiếu vô bất chiếu”, có nghĩa lương tri là Lý, là Đạo, tự nhiên tự tại, bản nhiên linh diệu vô cùng, không nghĩ mà biết, không học mà hay, trước Trời mà Trời không trái được (Tâm chi bản thể tức thiên lý dã; thiên lý chi chiêu minh linh giác sở vị lương tri dã – Ngũ lục, III) nghĩa là cái bản thể của tâm là thiên lý và cái chiêu minh linh giác của thiên lý gọi là lương tri, tức lương tri là cái tinh linh của tạo hóa. Cái tinh linh ấy sinh Trời sinh đất, tất cả bởi đó mà ra (Ngũ Lục, II).

Như vậy, Trí Lương Tri với Vương Dương Minh có nghĩa là đến cái chiêu minh linh giác của thiên lý mà theo đạo Phật, thì đây không gì khác hơn là Chân Như Pháp Tánh, còn theo Lão giáo hay đạo Cao Đài thì đó là Đạo.

Tóm lại, đạt đến Trí, được hiểu trong bối cảnh của Trí Lương Tri, dù theo Mạnh Tử hay theo Vương Dương Minh cũng hàm súc ý nghĩa là đạt đến Đạo và Đạo được nói ở đây là Thánh đạo, Phật đạo hay Thiên đạo.

### 3. Đức thứ ba:

Đức thứ ba là Dũng.

Dũng có nghĩa là mạnh dạn, hàm ý năng lực tinh thần.

Đức Dũng dùng thể chỉ sự mạnh dạn tinh thần, là khả năng tiết dục, kềm chế những nét xấu của mình, đồng thời cũng là sức tinh tấn phấn đấu trong việc tu hành để đoạn trừ phiền não, diệt khổ đau, rõ nhất và đặc biệt nhất là triệt tiêu tư tâm tư dục.

Đây là đức phụ thuộc mà cũng là đức chính yếu.

Nói phụ thuộc vì chỉ cần có hai đức Nhân và Trí là quả Thánh hay quả Phật đã thành rồi. Còn nói chính yếu vì nếu thiếu dũng thì đường tu sẽ dễ lui sụt, không tinh tấn, và như vậy

đức Dũng dù là đức thứ ba dùng để hỗ trợ nhưng lại là đức cần thiết kèm giữ cho hai đức Nhân và Trí thẳng tiến đúng đường.

\*\*\*

Sau phần giải nghĩa ba đức, đến đây một câu hỏi được đặt ra là tại sao phải có ba đức này thì mới đạt Đạo tức mới Thành mà trong Kinh đạo Cao Đài có ghi rằng “Đạo gốc bởi lòng Thành tín hiệp” và “Trung Dung Khổng Thánh chỉ rành, Từ Bi Phật dạy lòng Thành lòng Nhơn”.

Để trả lời câu hỏi này xin được nhờ giáo lý của đạo Phật và đạo Cao Đài để chứng minh.

Theo giáo lý đạo Phật thì Phật tánh gồm tất cả có chín (9) mà trong đó ba tánh quan trọng nhất là Từ Bi, Trí Tuệ, và Bình Đẳng.

Cũng theo giáo lý đạo Phật thì muốn thành Đạo người tu phải dụng công tu hai phần quan trọng mà tiếng thông thường gọi là song tu. Đó là tu *Phước* và tu *Huệ*.

*Tu Phước* là hành Thiện hay thực hiện hạnh Từ Bi mà Khổng giáo gọi là Nhân và đạo Cao Đài cũng gọi là Từ Bi, Bác Ái, Nhân Ái hay chữ Pháp là Amour được viết trên ảnh tượng Tam Thánh tại Tịnh Tâm Đài Đền Thánh, Tòa Thánh Tây Ninh.

Còn *tu Huệ* là tu trí tuệ mà với Phật giáo là Trí tuệ Bát Nhã, với Khổng giáo là Trí Lương Tri, và với đạo Cao Đài là Trí Vô Đối.

Tu Huệ cộng với tu Phước là song tu mà song tu thì Đạo Thành.

Đạo Thành với Khổng giáo hay Lão giáo vì Thánh Tâm đã tròn đầy, Thánh quả đã đạt sau khi có đầy đủ ba đức là Nhân, Trí, Dũng.

Đạo Thành với Phật giáo vì Phật tánh đã có đầy đủ là Từ Bi, Trí Tuệ và Bình Đẳng.

Còn với đạo Cao Đài, Đạo Thành vì có đủ lòng Nhân hay lòng Từ Bi được biểu thị bằng chữ Amour, và Trí, Dũng (theo Khổng) hay Trí Tuệ và tâm Bình Đẳng (theo Phật) được đạo Cao Đài biểu thị qua chữ Justice trên ảnh tượng Tam Thánh.



Justice là tiếng Pháp, có nghĩa là công bằng, mà muốn công bằng thì trước tiên phải bình đẳng, và để bình đẳng thì phải không phân biệt (non-discrimination)

Không phân biệt tức bình đẳng là Phật tánh thứ ba của Phật, mà chỉ có người tu đạt được Trí tuệ viên mãn thì mới hành trì được. Nói rõ hơn là muốn có Trí không phân biệt hay Trí bình đẳng thì trước tiên phải có Trí Bát Nhã như nói theo đạo Phật hay Trí Vô Đối như nói theo đạo Cao Đài.

Trí Vô Đối của đạo Cao Đài bao hàm Trí Bát Nhã và Trí Bình Đẳng. Phải có Trí Vô Đối trước rồi Bình Đẳng hay Công Bình (Justice) mới xuất hiện. Nói khác hơn là Công Bình (Justice) hàm ý sự tựu trung của Trí Vô Đối và tâm Bình Đẳng theo giáo lý của đạo Cao Đài, và giáo lý này được ghi trong Ảnh Tượng Tam Thánh tại Tịnh Tâm Đài Đền Thánh, Tòa Thánh của đạo Cao Đài.

## KẾT LUẬN

Giáo lý đạo Cao Đài dạy về tu thân không khác Khổng giáo, và cũng giống như giáo lý của Phật giáo về tu tâm.

Cả ba tôn giáo nói về tu thân đều dạy hành thiện, còn về tu tâm thì cũng chẳng có gì khác biệt.

Trong phần kết luận này xin được tóm lược lại với sự để ý vào việc tu tâm, bắt đầu bằng Khổng giáo, tiếp đến là Phật giáo và sau cùng là đạo Cao Đài.

### A. KHỔNG GIÁO:

Thứ nhất, Khổng giáo dạy tu thân nhấn mạnh vào việc làm, làm thiện bỏ ác.

Thứ hai, sách Đại Học và Đại Học Vấn nói về tu thân ngoài làm thiện bỏ ác còn có chủ ý dạy luyện tâm.

Sách Đại Học nói “*Tại minh minh đức, tại thân dân, tại chỉ ư chí thiện*” ngoài cái nghĩa phải đi đến chí thiện, còn để chỉ cho thấy rõ cái bản thể của tâm là vô thiện vô ác (chí thiện) với mục đích nhằm đạt được cái tâm bình đẳng, vô ngã, vô pháp

(thân dân) để cuối cùng là Phối Thiên (minh minh đức) (Xin xem chương 38 Đạo Đức Kinh với Lão Tử bảo muốn Phối Thiên tức trở về với Đạo thì phải minh minh đức).

Còn Thiên Đại Học Văn nói cách vật, trí tri, thành ý là cốt bảo phải chính cái tâm để tu cái thân.

Trí tri cách vật ngoài biết thiện biết ác và bỏ ác làm thiện, còn có một nghĩa khác cao siêu hơn là nhờ cái chiều minh linh giác của Thiên Lý, bản thể của Tâm (Trí Tri) để đem mọi vật, mọi việc trở về đúng với cái Lý đối với vật, cái Tính đối với người mà Lý và Tính đều là Thiên Lý (Cách Vật), với mục đích cuối cùng là làm cho cái ý, mà cũng là cái tâm theo đúng lương tri, tức bản thể của Tâm (Ý Thành) (Phụ Lục, III)

Ở đây, có một điều cần được nêu ra, đó là có một sự khác biệt trong trình tự dụng công tu tâm giữa Khổng giáo và Phật giáo. Phật giáo chủ vào tâm, còn Khổng giáo chủ vào ý. Dù vậy, cả hai đều tu tâm ý, tức tu mà dùng thành ý chánh tâm là thể để khôi phục lại cái thân là dụng, có nghĩa là dùng tiên thiên chinh phục hậu thiên, một cách tu đặc thù Phật giáo. Vậy xin được nói về cách tu tâm của Phật giáo.

## **B. PHẬT GIÁO:**

Thứ nhất, Phật giáo dạy tu cũng nhấn mạnh vào việc hành thiện (chương 23, Kinh Kim Cang) tức làm thiện bỏ ác (chư ác mạc tác, tín thiện phụng hành.)

Thứ hai, cũng với chương 23 Kinh Kim Cang, Phật giáo dạy tu trí tuệ, dùng trí tuệ phá tất cả các tướng để *vô ngã* (dĩ vô ngã, vô nhân, vô chúng sanh, vô thọ giả), *vô pháp* (sở ngôn thiện pháp giả, Như Lai thuyết tức phi thiện pháp, thị danh thiện pháp), và thứ ba là đạt được *tâm bình đẳng* (thị pháp bình đẳng, vô hữu cao hạ). Đây là ba đức tánh chủ yếu của một ông Phật mà muốn đạt đến được là phải nương cậy vào tâm.

Như vậy, giống như Khổng giáo là thành ý chính tâm để tu thân, Phật giáo cũng chủ trương là tu ngay ở tâm, vì tâm là chủ thể của thân.

Cách tu của Khổng giáo hay Phật giáo để phối thiên hay giải thoát có vẻ như dị biệt chỉ nhìn qua cách dụng công. Dù vậy, về phương diện giáo lý thì không có gì khác nhau cả.

Phật giáo chủ trương tu ngay ở tâm để đạt Đạo. Còn Khổng giáo thì dạy thành ý, mà thành ý thì đương nhiên chính tâm. Như vậy cả hai đều cuối cùng nương vào tâm để tu.

Hai giáo lý của Khổng giáo (ý, tâm, thân) và Phật giáo (tâm, thân) cũng là một, đó là tâm, mà tâm cũng là giáo lý của Đạo Cao Đài.

Hai cách tu của Khổng giáo (nhập thế) và Phật giáo (xuất thế) tựu trung lại cũng vẫn là một với đạo Cao Đài. Đạo Cao Đài vì lý do Phổ Độ, phục vụ vạn linh nên có cách tu đặt trọng tâm vào từng giai đoạn của một đời tu.

### **C. ĐẠO CAO ĐÀI:**

Giáo lý và cách tu của đạo Cao Đài rất nhân bản, nhân đạo, hợp tình và hợp lý.

Tín đồ Cao Đài vì tại thế nên không làm sao tránh khỏi nhập thế. Đó là đạo Cao Đài có cách tu phần nào giống Khổng giáo, còn chú trọng đến thân và đặt trọng tâm vào Nhơn Đạo.

Dù vậy, trong giáo lý của đạo Cao Đài, theo như lời Đức Hộ Pháp thuyết đạo, thì đức Chí Tôn có dạy rằng Chơn Tâm là thực tướng của Chơn Linh tại thế.

Để trở về với Chơn Linh tức Chơn Như Pháp Tánh, mà cũng là Thầy là Đạo, Đức Chí Tôn đạo Cao Đài trong đàn cơ ngày khai đạo tại chùa Gò Kén đêm 14 tháng 10 Bính Dần (1926) đã dạy là phải nương nhờ vào tâm để mà tu. Bài cơ như sau:

*“Hương tâm nhất phiến cận Càn Khôn,  
Huệ đức tu chơn độ dẫn hồn.  
Nhất niệm Quan Âm thùi bảo mạng,  
Thiên niên đẳng phái thủ sanh tồn.”*

Có nghĩa là muốn cận Càn Khôn tức thành Phật, thành Trời thì người tín đồ Cao Đài phải trồng cây nơi Hương Tâm (Cao Đài), Lương Tâm (Khổng giáo) hay Chân Tâm (Phật giáo).

Phải tu tâm và tu huệ (*huệ đức tu chơn độ dẫn hồn*)

Tu huệ để thấy thân này là vay mượn, là bất tịnh, là duyên hợp, là vô thường như đã trình bày ở phần I.

Tu huệ nhằm thấy rõ đời là khổ, không, thân vô thường, pháp vô ngã để còn phát tâm từ bi, lòng bác ái mà lo độ đời nâng Đạo.

Muốn độ đời nâng Đạo, người tu phải độ mình, nâng mình trước đã. Nói khác hơn là phải tự giác rồi mới có thể giác tha. Nếu mình chưa độ được mình thì khó có thể độ cho bất cứ ai.

Muốn độ mình thì trước hơn hết phải giữ gìn giới cấm.

Giới cấm đạo Cao Đài có đến tám giới chớ không phải chỉ năm giới. Trong tám giới đó thì bốn giới liên quan đến lời nói tức “ngữ giới” là khó giữ hơn cả.

Phải giữ giới để tự độ mình rồi mới có thể độ người được. Không giữ giới chắc chắn là không tự độ được mình rồi thì làm sao có thể nói là độ đời nâng Đạo.

Nếu tu mà cứ nói phải nói quấy, nói thấp nói cao, nói hơn nói thua, nói tốt nói xấu, nói thương nói ghét, tức nhị biên, nhị ngã, cũng như bày mưu lập kế, xúi dục tranh giành, nói lời độc ác, như vậy là đâu có tu hành gì.

Thiên Nhân chỉ có một chớ không hai.

Mỗi ngày chúng ta đi cúng, nhìn lên Thiên Nhân chỉ có một. Thế rồi sau khi cúng xong, trở ra hậu điện, hậu đường lại nói hai, nói ba rồi hơn thua nhau, tranh chấp nhau, như vậy là mình đã không tự độ mình rồi thì làm sao độ đời nâng Đạo được.

Muốn độ đời nâng Đạo thì xin rón nghe và ít nói. Ít nói càng hay, không nói càng tốt.

Đức Quán Thế Âm, Đấng Nhị Trán Oai Nghiêm của đạo Cao Đài không nói mà chỉ nghe (Quán Thế Âm). Ngài nhờ tu tánh nghe mà đạt “Nhĩ căn viên thông” rồi đắc Đạo./.

## **Bach Y**

## **Chủ Trương về Khoa Tịnh Luyện của ĐĐTKPĐ Tòa Thánh Tây Ninh**

**Dã Trung Tử**

\*Thầy nói cho các con biết:

“Nếu Công Quả chưa xong thì không thể nào các con  
luyện thành đầu mà mong”

(Trích Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, QI, trg. 90)

\* \* \*

Trong Bộ Tân Luật Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, ban hành vào năm 1927 đã dành một Chương nói về sinh hoạt Tịnh luyện, trong Chương Trình Phổ Độ của mình.

Chương này có (08) tám Điều khoản đã qui định một cách tổng quát cách thức điều hành trong một Tịnh Thất, như điều kiện nhập Tịnh, giờ giấc công phu, chế độ ăn uống, sự phục vụ, cùng sự quan hệ tiếp xúc giữa Tịnh viên và người ngoài v.v...

Qui định ban đầu thì chỉ đơn giản, là Tín đồ nếu giữ trường trai từ (06) sáu tháng trở lên thì sẽ được nhập Tịnh Thất, có người hướng dẫn Tu luyện. Về sau khi Đức Hộ Pháp chấp chưởng quyền hành, theo Thiên ý, Đức Ngài buộc người tín đồ phải hội đủ điều kiện Tam Lập, là Đức Lập, Lập Công, Lập Ngôn thì mới được thọ lãnh Bí pháp Tu luyện.

### **Tam Lập là điều kiện tiên quyết để bước vào lãnh vực Tịnh luyện.**

Đức Hộ Pháp đã nói rằng:

“Con người sinh ở mặt Địa cầu này, không có Tam Lập thì giá trị con người không có gì hết, Tam Lập quyết định cho ta, ta phải có mới sống chung với xã hội nhân quần được.

“Con người không có Đức thì làm sao xử sự trong gia đình, ngoài xã hội.

“Con người không có Công thì ở với ai cũng không được. Người ta làm ngã ngựa, còn mình ngồi đó hưởng hương, không làm gì có nghĩa với người với đời, thì sống với ai.

“Cũng như người ta chơn chất thật thà, hiền lương Đạo đức, còn mình xảo ngữ lường gạt, không chút dạ nhưn từ, thì dù cho người có tài tình đến mấy mà thiếu ba điều đó thì không thể nào sống với ai được hết, như vậy địa vị mình tại mặt thế này chưa rồi. (Trích Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp tại Đền Thánh ngày 19/04/Tân Mão/1951 về Phương pháp Lập vị).

Như vậy không những Tam Lập là hành trang để bước vào lãnh vực Tịnh luyện, mà cũng là điều tiên quyết để làm con người sống trong cộng đồng xã hội.

Nhưng vấn đề tìm hiểu người nào đã hội đủ điều kiện Tam Lập, để bước vào lãnh vực Tịnh luyện, cũng khó có thể chứng minh được, vì nó là một nửa Thể Pháp lẫn một nửa Bí Pháp, không làm sao kiểm tra rõ, nên lúc sinh tiền của Đức Hộ Pháp, Đức Ngài vẫn để cho quyền Thiên Liêng quyết định.

Cho nên người muốn Tu luyện bất kỳ theo Pháp môn nào, cũng phải lấy Công Đức làm nền tảng. Nếu kém Công thiếu Đức, thì dù Thượng Đế cũng không thể nào nâng đỡ được, nên Đức Chí Tôn đã nói rằng: “Nếu các con không tự lập ở cõi thế này, là cái đời tạm của các con, thì Thầy cũng không bồng ẵm các con mà đỡ lên choặng. Ấy vậy cái vấn đề tự lập là vấn đề các con phải lo đó... (TNTH, QI, trg. 98).

Vấn đề Tự lập mà Đức Chí Tôn bắt buộc người tu phải có, đó là Lập Đức, Lập Công, Lập Ngôn nên Đức Hộ Pháp đã nói rằng: “Muốn định Thiên vị cho mình, quyền Thiên liêng đã buộc, buộc hẳn mà chớ ! Phải có Tam Lập của mình mới được. (Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp ngày 19/04/Tân Mão).

Con đường Tu Chơn Luyện Kỷ là con đường quang minh chánh đại, phải phụng sự Vạn linh bằng Công nghiệp của mình, chứ

không hề có ẩn tàng một mảy may Pháp Thuật mê hoặc chúng sanh. Nên khi thuyết giảng về Phương pháp lập Thiên vị Đức Hộ Pháp đã nói rằng:

“Cái nền Chơn giáo của Chí Tôn là đường đường ngay chánh, nhứt định về Thể pháp Chơn Truyền không hề mê hoặc ai cả thảy. Bần Đạo cũng quả quyết rằng: Những phương pháp mê hoặc của thiên hạ về Đạo lý, sẽ bị Chơn Truyền của Đức Chí Tôn từ từ tiêu diệt hết. (Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp ngày 19/04/Tân Mão).

Tuy quyền năng của Đức Hộ Pháp về Tu chơn Luyện kỹ là giữ gìn Chơn thần người tu để khỏi sai lạc, nhưng phần quyết định là phải do chính mình, nếu có đặng Thể Pháp là Công Đức, thì mới đạt được Bí Pháp là điển quang của Chơn Thần sẽ không bị ô trược, mới có thể giao tiếp với điển quang của Thiêng Liêng.

Thánh Giáo Đức Chí Tôn và trong Tân Luật qui định, ai giữ trai kỳ (10) ngày trở lên được thọ truyền Bửu Pháp, vào Tịnh thất có người chỉ luyện Đạo. Nay Đức Hộ Pháp qui định phải hội đủ Tam Lập mới được nhập Tịnh tại Trí Huệ Cung. Có người cho rằng điều này gây khó khăn hơn cho người muốn tu luyện.

Về khoản thi hành Thánh Giáo và Điều 13, Chương II, Bộ Tân Luật, quy định sự Tu luyện của bậc Hạ thừa, thì Đức Hộ Pháp và Hội Thánh đã cho phổ biến Phương Luyện Kỹ và Phương Luyện xác thân, để cho hàng Hạ Thừa còn tu tại gia, luyện tập dưỡng Thần, tỉnh Trí, điều hoà khí huyết hầu giúp cơ thể được khang kiện, tinh thần minh mẫn, hơn nữa cũng còn là bước chuẩn bị chu đáo, để khi bước vào hàng Thượng Thừa, đủ sức công phu nghiêm khắc hơn.

Cũng trong Bộ Tân Luật, Chương nói về Tịnh Thất, chỉ qui định ai giữ tròn Nhơn đạo, giữ Trai giới từ (06) tháng trở lên, được xin vào Tịnh Thất tịnh luyện. Nay Đức Hộ Pháp đưa ra tiêu chuẩn Tam Lập, đẩy lùi sinh hoạt Tịnh luyện vào giai đoạn chót của tiến trình Tu tập, có người cho là thiệt thòi cho tín đồ về phương diện tinh luyện xác thân.

Nên đã có một số Môn phái cho Tín đồ sơ cơ bước ngay vào sinh hoạt Tịnh luyện, như vậy chỉ mất nhiều thì giờ, vì Công Đức chưa dày, sẽ khó thành công, thật ra ngay trong Phép cúng Tứ Thời cũng là cách gom Thần định Trí, Phương Luyện Kỹ và Luyện xác thân cũng là phương Tâm Mạng Song Tu.

Bởi vì Đức Hộ Pháp đã khẳng định về hai phương Tu luyện trên rằng:

Phương Luyện kỹ “Ấy là chìa khoá mở cửa Bát Quái Đài tại thế này”

Phương luyện tập xác thân: “Nếu luyện đặng các môn thành thuộc theo bậc Hạ Thừa cũng sẽ đặng trường sanh bất lão”

Hai câu này đã nói lên ý nghĩa nếu luyện tốt được hai Phương đó là “Đắc Đạo tại thế”. Đâu phải đợi vào nhà Tịnh mới Tu luyện được. Khi Đức Hộ Pháp còn sinh tiền, Đức Ngài đã chỉ giáo cho nhiều bậc Tiên bối là Chức sắc Thượng Thừa luyện tập trong lúc bận hành Đạo chưa có điều kiện nhập Tịnh Thất nhiều vị đã đạt Đạo. (Tham khảo thêm tập “Phương Luyện Kỹ và 12 Bài tập” Phần chú thích, cùng một Tác giả).

Khi đưa ra chương trình tu tập cụ thể, các bậc Tiên bối cầm quyền Hội Thánh, cũng như Đức Hộ Pháp đã cân nhắc về hiệu quả của Chương Trình Phổ Độ, làm thế nào giúp đỡ thiết thực các linh hồn nhập thế còn mang hình hài và sau khi thoát xác, tạo trợ duyên, thúc dục họ trên đường Tấn hoá để tròn câu Tận độ của Đức Chí Tôn.

Nên vấn đề Phán Bản Hoàn Nguyên, không bao giờ chủ trương tất cả Giáo đồ đều đi trên một con đường lập vị duy nhất, mà có nhiều con đường khác nhau để mỗi người tùy theo căn cơ mà kiến công lập vị. Vì theo Nhân Sinh Quan của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ thì mỗi linh hồn đến thế gian, với một vai tuồng đã định sẵn dù cao sang hay hèn hạ, là do nghiệp quả của mình, nhưng làm tròn Thiên chức thì đều có giá trị ngang nhau.

Tóm lại, chủ trương Tịnh luyện của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ Toà Thánh Tây Ninh, buộc Giáo đồ phải có đủ Tam Lập, không



phải là điều gây khó khăn, cũng không làm thiệt thòi cho Giáo đồ, mà các đường hướng đó dẫn dắt người Giáo đồ trong sinh hoạt Tu luyện phải chậm rãi, tuần tự, sẽ dễ thành công hơn là chạy thật nhanh rồi vấp ngã. Như vậy là có lợi, buộc người tu đi từng bước vững chắc để tránh tình trạng dục tốc bất đạt.

Tiến trình Tu luyện của một Giáo đồ Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ tùy theo mức độ thăng tiến trong Tam Thừa Cửu Phẩm (1) mà có sự theo dõi của quyền Thiên Liêng và hữu hình hướng dẫn đúng lúc. Sự thăng tiến này do trình độ Đạo đức và công nghiệp mà định vị.

---

(1) Tam Thừa: Hạ Thừa, Trung Thừa, Thượng Thừa.

Cửu Phẩm: Nhơn Thần, Địa Thần, Thiên Thần. Nhơn Thánh, Địa Thánh, Thiên Thánh, Nhơn Tiên, Địa Tiên, Thiên Tiên, còn gọi Cửu phẩm Thần Tiên.

---

Trong các đường hướng Tu hành ngày nay vẫn thấy người đời hay bày bố ra những chuyện hư hư, thực thực, sản xuất từ trí não của mình. Thần vọng tưởng gọi là ấn chứng Công phu, khuyến dụ như sanh phế bỏ hết thực trạng xác phàm đối, no, ấm, lạnh của muôn vạn Sanh linh đang phiền não, đó là phương pháp mơ màng vẽ màu không tưởng.

Thực tế của loài người phải ăn mới sống, phải học mới hay, phải tìm mới hiểu, cái hay cái khéo của đời, do trí thức tinh thần của nhưn loại cũng đủ chứng chắc rằng nhân loại đang bước đi từng bước cả xác lẫn hồn trong Cơ tấn hoá, nhưng nhiều phương tu lại xuất phát từ cái trí đầy huyền ảo, mộng mị, dị đoan, vẽ vờ làm che khuất Chân lý của Đức Chí Tôn.

Hại thay những điều mê tín dị đoan lại sản xuất ra từ cửa Đạo Giáo, thì tránh sao cho khỏi tội tình cùng Đại Từ Phụ.

Cũng vì lý do đó Đức Chí Tôn đã dạy rằng: “Trước Thầy giao Thánh giáo cho tay Phàm, càng ngày lại càng xa Chánh giáo mà làm ra Phàm giáo. Thầy lấy làm đau đớn hằng thấy gần trót mười nghìn năm, nhưn loại phải sa vào nơi tội lỗi, mặt kiếp chốn A Tỳ !

“Thầy nhứt định đến chính mình Thầy độ rồi các con, chẳng chịu giao Chánh giáo cho tay Phàm nữa...” (TNHT, QI, trg.18).

Khi mở Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Chí Tôn đã cho biết rằng nhiều Tôn giáo đã thất Chơn Truyền cho nên Đạo bị bế, người tu theo các Pháp môn đó tuy nhiều, nhưng không thành Chánh quả.

Điều này Đức Chí Tôn đã dạy rằng:

“Lắm kẻ chịu khổ hạnh hành Đạo...

Ôi ! Thương thay ! Công có công mà thưởng chưa hề có thưởng, vì vậy mà ta rất đau lòng...” (TNHT, QI, trg. 22).

“Nguyên từ buổi bế Đạo, tuy Chánh Pháp ra cũ mặt dầu, chớ kỳ trung thọ đắc Kỳ truyền, Luật lệ tuy cũ, chớ Đạo vẫn như nhiên. Do Công Đức mà đắc Đạo cùng chẳng. Nhưng có một điều là Ngọc Hư Cung bác Luật, Lôi Âm Tự phá Cổ, nên tu nhiều mà thành ít . .’”. (TNHT, QI, trg. 38).

Ngày nay Đức Chí Tôn mở Tam Kỳ Phổ Độ để cứu vớt chúng sanh. Nên đã giáng Bút truyền cho Hộ Pháp tất cả Bí Pháp tu luyện. Nên Đức Chí Tôn đã khuyến cáo rằng: “Chư chúng sanh hữu căn hữu kiếp đặng gặp Tam Kỳ Phổ Độ này là lần chót, phải ráng sức tu hành, đừng mơ mộng hoài trong giả Luật.(TNHT, QI, trg. 22).

“Ta nói cho chúng sanh biết rằng: Gặp Tam Kỳ Phổ Độ này mà không Tu, thì không còn trông mong gì Siêu rồi. (TNHT, QI, trg. 21).

Như vậy Đức Chí Tôn đã khẳng định rõ là con đường Siêu rồi duy có Tu mới đạt, mà muốn đạt được cùng chẳng, thì duy có Công Đức mới đặng đắc Đạo cùng chẳng đặng, nào phải ngồi Tĩnh luyện để tinh thần lim dim mơ màng trong ảo giác mà Chứng đắc được.

Tuy là trong tiến trình tu luyện của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Toà Thánh Tây Ninh buộc Giáo đồ phải có đủ tiêu chuẩn Tam Lập tức là chú trọng phần Công Đức, nên đã đẩy lùi sinh hoạt Tĩnh luyện vào giai đoạn chót của tiến trình Tu tập. Nhưng về

mặt hình thể và nội dung đã có một sự chuẩn bị chu đáo và đầy đủ.

Về hình thể, khi Đức Hộ Pháp còn sinh tiền, Đức Ngài đã xây dựng được hai Trung tâm Tĩnh luyện đó là Trí Huệ Cung và Trí Giác Cung, còn Trung tâm thứ ba là Vạn Pháp Cung chưa kiến tạo được.

Về phần nội dung thì Toà Thánh Tây Ninh cũng có đủ hai phần: phần Công Truyền (Phổ thông) và Tâm Truyền (Bí pháp).

Về Công truyền thì Đức Hộ pháp đã phổ biến rộng rãi hai phương luyện tập đó là:

-Phương Luyện Kỹ đặng vào con đường thứ ba Đại Đạo.

-Các Bí pháp Thương Yêu, Bí pháp chữ Hoà, Bí pháp Ngôn ngữ ...

-Mười hai bài luyện tập thân thể gồm ba môn Khí công Thể dục Đạo dẫn.

Mục đích để cho Giáo đồ còn nhập thế, tu tại gia chưa làm tròn Nhơn đạo luyện tập. Nhưng nhiều người đánh giá sai lầm, cho hai phương tu luyện này là tầm thường:

Đối với Phương Luyện Kỹ, và các Bí pháp Thương yêu, Bí pháp chữ Hoà ..., có người cho rằng đây chỉ là bài học Luân lý (morale) sơ cấp! Còn Phương Luyện tập thân thể họ cho là giống như những bài tập của trẻ con trong thể dục học đường!

Do sự nhận định sai lầm như vậy mà ít người quan tâm. Nhưng đây lại là những “Công án Thiền” đổi mới danh xưng, nếu thực hành đến nơi đến chốn là đắc Đạo tại thế. Nhất là 12 thức luyện tập thân thể, nếu thực hiện mà tư tưởng tập trung, đừng cho tạp niệm xen vào, kết hợp với tín thành và suy nghĩ Chơn chánh (chánh niệm) thì chẳng khác gì một thời “Công phu Thiền định”. Nên Đức Hộ Pháp mới khẳng định rằng nếu luyện thành thuộc theo bậc Hạ Thừa cũng sẽ đặng “Trường sanh bất lão”.

Theo Tiên gia thì người đạt đặng Trường sanh bất lão là đắc Đạo tại thế.

Một Triết gia đã khuyên rằng: “Bạn cứ làm tốt những điều tầm thường, rồi bạn sẽ trở nên phi thường”. Chứ đâu cần phải ngời

ép xác, nước nước bọt, hít hơi cho thật sâu... lim dim đắm chìm trong ảo giác, mới là người Tu luyện theo bậc Thượng thừa!

Hơn nữa nếu luyện tập được các Bí pháp và hai phương Tu trên cho đến khi Công đức và Nội lực người tu đã thâm hậu, thì dù chưa có điều kiện nhập Tịnh thất, tự nhiên cũng sẽ có được sự điều động của quyền Thiên Liêng, khiến cho các Thầy dạy Tâm Linh trợ Thần đúng lúc, để người tu tiếp tục đi trọn tiến trình tu học của mình.

Còn về Tâm Truyền thì ngay từ khi mới khai Đạo, Đức Hộ Pháp vâng lệnh Chí Tôn mở ra sinh hoạt Phạm Môn, nơi đây Đức Ngài đã chọn lựa một số Giáo đồ có đủ điều kiện Công Đức để truyền Bí pháp Tham thiền nhập định, Tịnh luyện cho từng người. Theo lời Đức Hộ Pháp thì sứ mạng của Phạm Môn là thi hành Bí pháp Tu chơn, luyện Đạo, nên tất cả các cơ sở Tịnh luyện đều do các kỳ lão Phạm Môn đảm trách (Theo Hiểu Thị của Đức Hộ Pháp ban trong buổi Lễ Khai mạc Hội Nhơn Sanh Phước Thiện ngày 30/08 Tân Mão -1951).

Như vậy chủ trương về khoa tịnh luyện của Toà Thánh Tây Ninh đã có một tổ chức chu đáo và đường hướng rõ rệt cho cả ba bậc Hạ thừa, Trung thừa và Thượng thừa, vượt qua không gian và thời gian.

Về không gian Đức Chí Tôn cho biết rằng: “Đạo mầu rười khắp nơi trần thế”. (TNHT, QI, trg. 05).

Hoặc là:

“Nam Bắc cùng rồi ra ngoại quốc.

Chủ quyền Chơn Đạo một mình Ta” (TNHT,QI, trg. 49).

Như vậy Đạo Cao Đài trong tương lai sẽ Phổ truyền khắp thế gian. Cũng như về thời gian sứ trường tồn Đại Đạo sẽ trải dài lưu truyền đến bảy trăm ngàn năm. Nên Đức Chí Tôn cho biết rằng: “Thanh Đạo tam khai thất ức niên”. (TNHT, QI, trg. 36).

Như vậy thì nền Đạo chắc chắn sẽ có một hệ thống Giáo đoàn đủ sức Bảo thủ Chơn Truyền và kế thừa liên tục để cơ Phổ độ Chúng sanh phát huy triệt để, đúng theo Thánh ý của Đức Chí Tôn.

Hiện nay người ta thấy một dòng tư tưởng chủ trương chia cắt tổ chức Đạo Cao Đài thành nhiều Phái sinh hoạt riêng biệt, tư tưởng này lớn mạnh dần với thời gian, và đến nay hơn nửa thế kỷ đã trôi qua mà vẫn chưa thấy có một giải pháp nào hàn gắn làm một khối đoàn kết thương yêu, thống nhất. Tiêu biểu là hệ tư tưởng chia cắt Đạo Cao Đài thành hai phần Vô vi và Phổ Độ riêng biệt.

Từ ngữ thông dụng lưu hành hiện nay còn gọi là Nội Giáo Tâm truyền do phái Cao Đài Vô vi đảm trách, và phần Ngoại Giáo Công truyền do Toà Thánh Tây Ninh đảm trách. Sự phân chia này xuất phát từ lòng người chưa thấu đáo Chơn Truyền Tận Độ của Đức Chí Tôn, vì có vị Thầy hoặc người Cha nào lại muốn cho Đệ tử hay con cái chia rẽ bao giờ, nên Thánh giáo Đức Chí Tôn đã dạy rằng:

“Mặt Nhứt hồi mô thấy xẻ hai,  
Có thương mới biết Đấng Cao Đài.  
Cũng con, cũng cái cũng Môn đệ,  
Bụng muốn phân chia hỏi bởi ai?  
(Thánh Giáo ngày 22/ 01/1926 trích TNHT, QII.).

Đức Chí Tôn còn khẳng định rằng:  
“... Cả Môn đệ của Thầy duy có biết một chớ không biết hai...”  
“Chi chi cũng tại Tây Ninh đây mà thôi...”  
(TNHT, QI.,trg. 52).

Sự phân chia này để lại trong giòng Lịch sử của Đạo những dấu vết của sự thiếu hoà hợp, gây không ít trở ngại cho vấn đề hành Đạo và Phổ thông Giáo lý Cao Đài hiện nay. Sự thật thì chưa có một quyền hành nào chia riêng ra được trí tuệ với hình vóc con người, thì cũng không có Chơn Pháp nào cho phép chia cắt Đạo Cao Đài thành hai phần Vô vi và Phổ Độ riêng rẽ.

Nhà truyền Giáo làm công việc phổ độ chúng sanh, không phải là những kịch sĩ trên sân khấu, đang nhả ra những lời hoa mỹ đạo đức từ một nội tâm rỗng tuếch, và ngược lại người hành

công phu Tịnh luyện cũng không phải là quay mặt vào thế giới nội tâm sống ích kỷ riêng cho mình.

Chơn pháp Tu hành của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ không những cầu sự giải thoát cho mình mà còn nguyện Phổ Độ chúng sanh nữa.

Hơn nữa có mấy khi Chân lý được trình bày và biện giải một cách hợp với lý luận mà có sức thuyết phục bao giờ, nhưng chính vì Chân lý đó được phát ra từ dòng tâm lực đầy cảm kích của nhà truyền Giáo. Trước hết đánh thức trực tiếp vào Chơn Thần người nghe một Đức Tin và sau đó họ mới thử chứng nghiệm lại chân lý. Thật vậy Giáo lý phải được luận giải trong ánh sáng linh Tâm giác Tánh của bậc Chân tu mới có sức lôi cuốn người nghe, hơn là những lời đó phát ra một cách lưu loát như đọc một bài học thuộc lòng, từ một nội tâm rỗng tuếch như một cái máy nói.

Một khi ánh sáng nội tâm tràn đầy do công phu Tịnh luyện, nó sẽ gắn liền với Phổ độ chúng sanh ở một tầng sinh hoạt vi diệu, hơn là hình thức mượn âm thanh sắc tướng để phô diễn chân lý, dẫn dụ lòng người vào nẻo thiện.

Chơn pháp Tu hành của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là Độ kỷ và Độ tha tức là tự giải thoát cho mình và Tế độ chúng sanh.

Hai phần này tương liên như hình với bóng, không bao giờ rời nhau. Do đó Đức Chí Tôn đã ban cho Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ (Toà Thánh Tây Ninh) vẹn toàn Pháp Môn này. Người chịu trách nhiệm thọ lãnh, bảo thủ, ban truyền cho đời sau và trực tiếp giám sát sự thực hành của từng Giáo đồ là Hộ Pháp. Vì Thánh giáo Đức Chí Tôn dạy rằng: “ Chơn thần là Nhị Xác thân các con ... nơi xuất nhập là mỗ ác... nơi ấy Hộ Pháp hằng đứng giữ gìn Chơn linh các con khi luyện Đạo ... (TNHT, Q2, trg. 65).

Nên Toà Thánh Tây Ninh có nhiệm vụ thực hiện cả hai phần: Công Truyền là Thể pháp Phổ Độ chúng sanh và Tâm Truyền là Bí pháp Tu chơn Tịnh luyện.

Để thực hiện sứ mạng này Toà Thánh Tây Ninh luôn có một sự chỉ đạo chặt chẽ của Quyền Thiêng liêng và hữu hình đủ sức bảo thủ Chơn Truyền, kế thừa trong thời gian dài đến thất ức

niên. Nên chắc chắn trong Chơn Truyền Tận độ của Đức Chí Tôn không bao giờ có sự phân chia hai phần Công truyền và Tâm truyền do hai Hệ phái Cao Đài biệt lập đảm trách, như chia thể xác của Đạo một đảng, còn linh hồn của Đạo một nẻo được. Cũng như trên thực tế, không bao giờ có sự phân chia phái Nhơn Đạo lo dạy về Tu, Tề, Trị, Bình (1); phái Thiên Đạo lo về Tu chơn giải thoát, hoặc người xử tròn Nhơn Đạo muốn bước vào Thiên Đạo phải rời phái Phổ Độ nhập môn vào phái Vô vi mới được thọ truyền Bí pháp Tịnh luyện.

---

(1) Chú thích của Website BTĐ: Viết tắt của “Tu Thân, Tề Gia, Trị Quốc, Bình Thiên Hạ”.

Đây là 4 Điều trong 8 Điều Mục của Nho Giáo được thuyết giảng trong sách Đại Học, gồm: Cách Vật, Trí Tri, Thành ý, Chánh Tâm, Tu Thân, Tề Gia, Trị Quốc, Bình Thiên Hạ.

---

Thậm chí có một số ít Giáo đồ lại không chịu tiếp tục sự nghiệp của các bậc Tiên bối lo lập Công bồi đức Phổ độ chúng sanh, mà lại nôn nã muốn cho mau thành Tiên, tác Phật đã gia nhập vào các Môn phái Tịnh luyện, tứ thời ép mình ngồi lim dim mơ màng trong ảo giác, bởi chắc gì trí họ đã an tịnh được, khi Tâm còn phủ đầy dục vọng, dù cho dục vọng có mang tính chất muốn mình mau đắc Đạo để làm Tiên làm Phật đi nữa.

Đây là những người không muốn đi theo đường thẳng thênh thang có bản đồ chỉ dẫn, mà lại cứ khăng khăng tìm những lối mòn đường tắt mà đi, dĩ nhiên họ sẽ lạc lối vào rừng sâu, dẫm lên gai góc chịu nhiều đau khổ, cho đến khi rút được những bài học khổ đau, thì đã quá muộn màng.

Không chỉ có vậy mà khiến cho mình thất Thệ phản bội Sư môn, vì khi Nhập môn, chúng ta đã thề rằng: “Từ đây chỉ biết một Đạo Cao Đài Ngọc Đế không đổi dạ thay lòng, hiệp đồng Chư Môn đệ gìn giữ Luật lệ Cao Đài, nếu có lòng hai, thề có Thiên tru Địa lục”

Nội dung lời Minh Thệ này quả quyết liệt nặng nề, chớ nên khinh suất.

### **Dã Trung Tử**

## Đức Lão Tử



**Ngộ nhận tính bi quan  
trong Lão Tử Đạo Đức Kinh**

Viên Minh



**Ngộ nhận tính bi quan  
trong Lão Tử Đạo Đức Kinh**  
**Viên Minh**

Hồi còn sinh viên trong môn triết học Đông phương, chúng tôi được dạy tư tưởng Lão Tử Đạo Đức Kinh (LTĐĐK). Nhưng chúng tôi rất hoang mang, không hiểu vì sao trong đó có nhiều tư tưởng bi quan và mâu thuẫn đến thế. Về sau nghiên cứu, chiêm nghiệm lại kỹ càng hơn, chúng tôi mới thấy Lão Tử bị hàm oan, chính vì các giáo sư triết học của chúng tôi chưa quán thông được tư tưởng Lão Tử và đã vô tình gây ngộ nhận tinh thần “bất tranh” của nhà Đạo học vĩ đại này.

Đúng là làm văn hoá giáo dục mà sai lầm thì kết quả tai hại không sao lường được. Chúng tôi đi đâu cũng nghe nói Lão Tử bi quan yếm thế, đọc đâu cũng thấy Lão Tử vô vi tiêu cực. Và ngay cả những người đề cao Lão Tử, khi so sánh với Khổng Tử, Đức Chúa hay Đức Phật, cũng vô tình gán cho Lão Tử những phẩm tính phản tác dụng vô cùng nguy hại.

Một trong những lầm lẫn điển hình, đã đưa đến ngộ nhận tính chất bi quan tiêu cực trong tư tưởng Lão Tử, phát xuất từ những bản dịch thiếu thận trọng trong chương 13 của LTĐĐK.

Chúng tôi xin ghi dưới đây nguyên văn phiên âm Hán Việt và đánh số từng đoạn chương 13 của Lão Tử Đạo Đức Kinh, để chúng ta dễ theo dõi trong việc dịch thuật.

I. a) Sủng nhục nhược kinh;

b) Quý đại hoạn nhược thân

II. Hà vị “sủng nhục nhược kinh” Sủng vi hạ! Đắc chi nhược kinh, thất chi nhược kinh. Thị vị “sủng nhục nhược kinh”.

III. Hà vị “quí đại hoạn nhược thân”? Ngộ sở dĩ hữu đại hoạn giả, vị ngộ hữu thân, cập ngộ vô thân, ngộ hữu hà hoạn?

IV. Cố, quý dĩ thân vi thiên hạ, nhược khả ký thiên hạ. Ái dĩ thân vi thiên hạ, nhược khả thác thiên hạ.

Và để tiện việc trình bày chúng tôi xin ghép câu Ia vào

đầu đoạn II, và Ib vào đầu đoạn III, như vậy việc dịch giải sẽ thuận hơn và dễ dàng theo dõi hơn chứ không có ý sắp lại bố cục của chương này.

\*

A- Câu “*sủng nhục nhược kinh*” thường được dịch là vinh và nhục đều đáng kinh sợ. Như vậy, chữ *sủng* được xem là danh từ, nhưng theo chúng tôi hiểu thì chữ *sủng* là động từ, có nghĩa là yêu chuộng. Còn *kinh* không phải là sợ hãi mà là ngạc nhiên. Cho nên chúng tôi dịch “*chuộng nhục như là điều ngạc nhiên*”.

Ngạc nhiên là cái nhìn hồn nhiên trong sáng của trẻ thơ, khi bắt gặp cái gì mới mẻ, cái nhìn chưa hề biết phân biệt, chưa hình thành ý niệm và ngôn ngữ, chưa bị quy định bởi thành kiến chủ quan, chưa qua phân tích của lý trí và tư tưởng, và không bị kinh nghiệm hay ký ức xen vào. Chứ không phải hiểu theo nghĩa bình thường là lấy làm lạ hoặc chưng hửng khi thấy điều gì không như mình nghĩ.

Ngạc nhiên chính là “*kiến tố bảo phác*” (thấy cái sơ nguyên giữ sự mộc mạc. LTĐĐK ch. 19) hoặc “*Phục qui ư phác*” (trở về chỗ chất phác. LTĐĐK ch. 28). Cho nên, Lão tử thường mượn hình ảnh trẻ thơ như “*xích tử*”, “*anh nhi*” để diễn tả tâm địa hồn nhiên, vô tư và trong sáng.

Đức Chúa Jesus cũng nói muốn về nước trời phải trở nên như con trẻ. Còn Nietszches thì cho rằng tiến trình nhận thức của con người đi từ thu thập (lạc đà) đến chối bỏ (sư tử) và cuối cùng là hồn nhiên (trẻ thơ). Và theo Đức Phật, một tâm hồn ngây thơ trong trắng nhất chính là lúc không còn ngã, nhân, chúng sanh hay thọ giả (Nissatto nijjivo suựợ).  
Từ cái nhìn ngạc nhiên ngây thơ trong trắng đó, Lão tử còn muốn chúng ta “*huyền đồng*” với vạn sự vạn vật.

Ông nói:

*Toả kỳ nhuệ*

*Giải kỳ phân*

*Hoà kỳ quang*

*Đồng kỳ trần* (LTĐĐK ch. 56)

Một người đã nhụt bén nhảy, bỏ phân chia, hoà ánh sáng, cùng bụi bặm như thế không thể nào còn sợ vinh sợ nhục được nữa.

Chẳng những thế Lão tử còn thấu triệt được tính bất nhị của thiên địa vạn vật, trong đó ngay cả những đối nghịch cũng tương quan mật thiết- tương khắc tương sinh- như là tính tất yếu tự nhiên của sự sống. Ông nói:

*Hữu vô tương sinh  
Nan dị tương thành  
Trường đoản tương hình  
Cao hạ tương khuynh  
Âm thanh tương hoà  
Tiền hậu tương tùy (LTĐĐK ch. 2)*

Có không cùng sinh, khó dễ cùng thành, dài ngắn cùng hiển, cao thấp cùng tựa, giọng tiếng cùng hoà, trước sau cùng theo, và thậm chí khi nói tới cái đẹp là đã cùng xuất hiện ý ý niệm xấu, khi nói tới cái lành là đã so đo với ý niệm dữ rồi.

Với cái nhìn bất nhị đó, chắc chắn Lão Tử không phải là người xem “vinh và nhục là điều đáng kinh sợ” được. Vì nếu quả ông là người sợ vinh nhục thì quá bi quan tiêu cực so với thái độ thản nhiên ung dung tự tại của Đức Phật khi dạy trong kinh Dhammapada;

*Như núi đá vững chắc  
Không bị gió lay chuyển  
Lời tán dương phỉ báng  
Chẳng động bậc trí hiền*

Selo yathâ ekaghano, Vâtena na Sanûrati  
Evam nindâpasamsâsu, Na samiujanti panditâ  
hoặc trong kinh Mangala sutta:

*Khi xúc chạm pháp trần  
Tâm không sâu, không động  
Tự tại và vô nhiễm  
Là phúc lành cao thượng*

Phutthassa lokadhammehi  
Cittam yassa na kampati

Asokam virajam khemam  
Etam mangalam' uttamam.

Và ngay cả thái độ “vô bố úy” trước thịnh suy, vinh nhục, doanh hư, tiêu trưởng của Thiền sư Vạn Hạnh chẳng lẽ Lão Tử cũng còn thua xa? Tôi quả thật không thể tin như vậy.

Tóm lại chữ kinh trong “sủng nhục nhục kinh” không thể dịch là kinh sợ mà nên dịch là ngạc nhiên mới hợp lý. Vì thế bản dịch của John.H.wu. giáo sư luật trường Đại học Seton Hall, cũng dùng chữ surprise để dịch chữ kinh, ông đã dụng ngữ rất chính xác.

Còn chữ sủng trong “sủng nhục” tương đối khó dịch hơn, vì nếu dùng từ không chính xác rất dễ xuyên tạc ý của Lão tử. Dĩ nhiên sủng không phải là vinh như một danh từ, mà nó là động từ có nghĩa: yêu chuộng, vui lòng chấp nhận hay hoan hỷ đón tiếp. John C.H. Wu dịch là welcome, còn Gia-Fu feng và Jane English dịch là accept willingly. Cả ba dịch giả này tuy dùng từ khác nhau nhưng xem như đã nhất trí về nghĩa của chữ này.

Khi dịch ra tiếng Việt chúng tôi tạm mượn chữ chuộng để dịch chữ sủng cho gọn gàng, nhưng xin đừng hiểu theo nghĩa yêu thích, sùng ái một cách phàm tục, mà chỉ nên hiểu là sẵn lòng đón nhận chứ không né tránh hay sợ hãi.

Nhưng vì sao Lão tử lại khuyên “chuộng nhục”? Phải chăng đó cũng là thái độ quá khích nhị nguyên, khi chuộng cái này bỏ cái kia? Thực ra, vì người đời phần lớn ưa vinh ghét nhục, trọng được khinh mất, ham vui chán khổ...nên tự chuốc lấy hoặc là cái khổ cầu không được, hoặc là cái khổ được rồi sợ mất, được nhiều sinh chán v.v...theo luật “phản phục” tự nhiên của đời sống. Cho nên người thuận Đạo, sống như nước, chuộng chỗ thấp chứ không tranh ngôi cao với thiên hạ, chịu đứng sau chứ không dám đứng trước thiên hạ (bất cảm vi thiên hạ tiên-LTĐĐK ch. 27).

Lão Tử nói:

*Thượng thiện nhược thủy  
Thủy thiện lợi vạn vật nhi bất tranh,*

*Xử chúng nhân chi sở ố, cố cơ ư Đạo* (LTĐĐK ch. 8)  
(Thượng thiện giống như nước, nước khéo lợi muôn loài mà không tranh - ở chỗ mọi người ghét bỏ, cho nên gần với Đạo).

Lão Tử thấy rõ nặng là gốc của nhẹ (trọng vi khinh căn) –(LTĐĐK ch. 8) hoặc sang lấy hèn làm gốc, cao lấy thấp làm nền (quí dĩ tiện vi bản, cao dĩ hạ vi cơ- (LTĐĐK ch. 39). Nên ông thấy rằng người sống thuận theo Đạo thường, tuy để thân đằng sau mà thân lại đằng trước, tuy bỏ thân ra ngoài mà thân lại còn (Hậu kỳ thân nhi thân tiên, ngoại kỳ thân nhi thân tồn (LTĐĐK ch. 7).

Vậy sủng nhục không phải đi tìm cái nhục một cách lập dị mà chính là thái độ thuận thường. Nếu phải chọn giữa vinh và nhục thì bậc thượng thiện sẽ thà chịu nhục hơn là tranh vinh, thà chịu thiệt thòi hơn là giành ưu thế. Lão Tử nói:

*Tri kỳ hùng thủ kỳ thư*

*Tri kỳ bạch thủ kỳ hắc*

*Tri kỳ vinh thủ kỳ nhục* (LTĐĐK ch. 28)

Biết trống (mạnh) giữ mái (yếu), biết trắng giữ đen, biết vinh giữ nhục. Thế mà xét cho cùng người giữ yếu lại được mạnh, giữ đen lại được trắng, giữ nhục lại được vinh, vì đó là luật muôn đời của sự sống.

Chính vì vậy bậc hiền nhân sáng Đạo mà dường như tối, tiến Đạo mà dường như lùi, đức cao mà dường như trủng thấp, trong trắng mà dường như nhơ đục (Minh Đạo nhược nhục (LTĐĐK CH. 41)

Lão Tử tự mình là tấm gương sáng trong thái độ ‘sủng nhục’ mà ông thường khuyên dạy:

*Tục nhân chiêu chiêu*

*Ngã độc hôn hôn*

*Tục nhân sát sát*

*Ngã độc muện muện* (LTĐĐK ch. 20)

(người đời sáng sửa riêng ta tối tăm, người đời phân minh, riêng ta hỗn độn).

Xuyên suốt Lão Tử Đạo Đức Kinh chúng ta dễ dàng tìm thấy hình ảnh: thượng đức bất đức, đại biện nhược một, đại doanh

nhược xung, đại thành nhược khuyết, đại trí nhược ngu... cho nên “sủng nhục” chính là cái ngu của bậc đại trí vậy.

\*

B.- Trong đoạn II chính Lão tử giải thích vì sao lại chuộng nhục như điều ngạc nhiên. Ông nêu ra câu hỏi và tự giải thích như sau:

*Hà vị “sủng nhục nhược kinh”?*

*Sủng vi hạ! Đắc chi nhược kinh, thất chi nhược kinh*

*Thị vị “sủng nhục nhược kinh”*

Chúng tôi xin tạm dịch: Sao gọi là chuộng nhục như điều ngạc nhiên? (Vi) cứ vui lòng đón nhận cái thấp đi (thì) được đó cũng ngạc nhiên, mất đó cũng ngạc nhiên. Nên gọi là chuộng nhục như điều ngạc nhiên.

Trước khi giải thích tại sao chúng tôi dịch như vậy, chúng ta nên tìm hiểu thêm về cấu trúc đoạn văn này. Theo nguyên văn cổ bản, câu 2 của đoạn trên chỉ có “sủng vi hạ”, nhưng về sau Trần Cảnh Nguyên, Lý Đạo thuần và Du Việt cho rằng câu đó chưa hết ý, và nghĩa “vinh là thấp hèn” cũng không hợp lý, nên họ tự ý đổi thành “Sủng vi thượng, nhục vi hạ” nghĩa là “vinh trên nhục dưới” cho hợp với lý luận của họ. Sở dĩ có sự thêm thắt chủ quan như vậy vì ngay từ đầu họ đều định ninh sủng nghĩa là vinh (như một danh từ hay tính từ chứ không phải động từ). Phải chăng vì họ còn quá xem nặng vinh nhục?

Theo chúng tôi hiểu thì giữ nguyên văn cổ bản “sủng vi hạ” mới đúng về cả văn lẫn nghĩa: Và sủng vẫn là động từ với nghĩa yêu chuộng, vui lòng đón nhận như trong câu 1a nói trên. Vậy “sủng vi hạ” nên dịch là “vui lòng đón nhận thấp kém”, “vui nhận thiệt thòi” hoặc có thể dịch là chuộng thấp cho gọn gàng hơn cũng được. Và nếu dịch ra tiếng Anh để so sánh cho dễ hiểu chúng ta có thể theo cách dịch của Gia-Fu Feng và Jane English là “Accept being unimportant” hoặc “welcome being lowly” cũng cùng một nghĩa. Như vậy “sủng vi hạ” tự nó hoàn toàn đầy đủ ý nghĩa và phù hợp với tinh thần “bất tranh nhi thiện thắng” của Lão tử, không cần thêm thắt gì nữa hết để tránh sai lầm lệch lạc.

Người chuộng cao mà ở nơi thấp ắt là khổ. Nhưng khi được lên cao mà mừng bao nhiêu thì rồi khi xuống thấp cũng khổ bấy nhiêu. Vì “trèo cao té nặng” té nặng là định luật rất mực thường tình. Còn người đã vui lòng chấp nhận chỗ thấp, sẵn sàng hứng chịu thiệt thòi, thì cao cũng không màng mà thấp cũng chẳng sợ, được cũng vậy mà mất cũng thế... vì đối với họ thành-bại, được-mất, hơn-thua, vui-khổ... chỉ là lẽ biến dịch tuần hoàn tất nhiên trong cuộc sống, giữa trời đất và muôn loài vạn vật.

Phải có cái nhìn hết sức vô tư chất phác mới có thể thấy được vạn pháp đến đi một cách “như thị”, đó chính là cái nhìn ngạc nhiên của trẻ thơ, hồn nhiên, trong sáng: và cũng là cái nhìn “kiến tổ bảo phác” của bậc đã “tuyệt thánh khí trí, tuyệt nhân khí nghĩa, tuyệt xảo khí lợi” (dứt thánh bỏ trí, dứt nhân bỏ nghĩa, dứt xảo bỏ lợi - LTĐĐK ch. 19). Vì thế hẳn là chúng ta không còn lấy làm lạ khi Lão tử nói rằng “cứ vui lòng chấp nhận cái thấp đi thì được cũng ngạc nhiên, mất cũng ngạc nhiên”, như đất trời chấp nhận bốn mùa, như con chim hoàng oanh hót trên cành liễu chào đón xuân sang:

*Chư pháp từng bản lai  
Thường tự tịch diệt tướng  
Xuân đáo bách hoa khai  
Hoàng oanh đề liễu thượng.*

Xin tạm dịch:

*Các pháp từ sơ nguyên  
Tướng vẫn thường tịch diệt  
Xuân đến trăm hoa nở  
Liễu xanh hoàng oanh hót.*

\*

C.- Trở lại câu Ib “Quý đại hoạn nhược thân”, cũng có nhiều dịch giả xem chữ “quí” như danh từ với nghĩa là “cao sang” và họ dịch “Cao sang và hoạn nạn đều do có thân”. Chúng tôi e rằng hiểu như vậy vừa sai cả ngữ lẫn nghĩa, cả văn lẫn ý.

Về ngữ văn trong câu “quí đại hoạn nhược thân” không hề có từ nào có thể dịch “đều là do có” cả. Chữ “nhược” như chúng tôi

đã nói ở trên, có nghĩa là ví bằng, dường như, như là... hoặc chỉ dùng như một từ đệm cho êm câu văn mà thôi. Còn chữ “quí”, nếu là danh từ hoặc tính từ, với nghĩa cao sang, thì không cân đối với từ “đại hoạn” có nghĩa là hoạn nạn lớn. Hơn nữa, một tác phẩm nổi tiếng về mặt văn chương như Lão tử Đạo Đức Kinh, không thể phạm lỗi sơ hở, non sót khi dùng hai vế đối “quí” và “đại hoạn” không cân bằng về hình thức lẫn nội dung như thế được.

Về ý nghĩa chúng tôi không thể tin Lão Tử lại có thái độ than trách cái thân một cách tiêu cực như vậy. Và nếu đem so với đoạn cuối của chương này thì rõ ràng là tiền hậu bất nhất: khi thì tỏ ra thương thân trách phận, khi thì tỏ ra đề cao, thương quý cái thân.

Nhưng chuyện đó hạ hồi phân giải. Bây giờ theo chúng tôi hiểu thì chữ “quí” là một động từ có nghĩa là trân trọng hay đánh giá cao. Hoặc cứ giữ nguyên chữ “quí” thì tự nó cũng đủ nghĩa trong tiếng Việt rồi. Vậy chúng tôi xin dịch “quí đại hoạn nhược thân” là “quí hoạn lớn như (chính) thân mình”.

Ai ai cũng đều thương mình, Đức Phật cũng xác nhận như thế. Một hôm vua Pasenadi hỏi hoàng hậu Mallikà yêu quý của mình:

*- Nay Mallikà, đối với hoàng hậu có ai trên đời thân thương như chính bản thân hoàng hậu không?*

Trong khi nhà vua đang hy vọng chờ đợi lời xác nhận tình yêu của ái hậu đối với chính mình, thì hoàng hậu trả lời không do dự:

*- Tâu Đại Vương, không có ai trên đời thân thương với thiếp hơn chính bản thân thiếp cả.*

Quá thất vọng, nhà vua đến yết kiến Đức Phật, muốn biết câu trả lời của hoàng hậu có ý nghĩa cá biệt hay phổ thông đối với mọi người. Đức Phật xác nhận câu trả lời đó không những đúng đối với hoàng hậu mà còn là một sự thật phổ biến trên đời. Ngài nói: *“Dù đi khắp mười phương, không bao giờ tìm được ai yêu quý hơn mình. Đã yêu mình như vậy, thì cũng chớ hại người.”*



Quý mình hay quý tự thân không phải là sai, nhưng cách trân quý như thế nào cho hợp đạo lý mới thật là đúng. Mọi người hầu như mâu thuẫn khi quý thân mình mà lại ghét bỏ thuộc tính bất khả ly của nó là sinh, lão, bệnh, tử. Nghĩ cũng thật trở trêu. Nếu đã quý thân thì phải quý luôn cái hoạn nạn lớn của nó mới thật sự công bằng.

Thực ra, tuy sinh-lão-bệnh-tử là đại hoạn của thân, nhưng chính lòng ham muốn sai lầm, đòi tách rời cái thân ra khỏi đại hoạn mới là nhân tố đem đến mâu thuẫn, đấu tranh, khổ sầu và thất vọng.

Cái thân tự nó là thành phần của sự sống, nó cũng vận hành y như lẽ biến dịch tuần hoàn của vũ trụ hay thế giới tự nhiên. Nếu thiên địa vạn vật có sinh, trụ, dị, diệt hay thành, trụ, hoại không thì tất nhiên cái thân cũng có sinh, già, đau, chết. Cho nên Mạnh tử nói trời đất đều đủ nơi ta là vậy.

Người giác ngộ là người thấy bản chất đích thực của đời sống chứ không có thái độ nhị nguyên tham-ưu, thủ-xả (ưa ghét, lấy bỏ). Hay nói một cách khác, không loại ra khỏi đời sống yếu tính mà mình ghét bỏ để thay vào đó lý tưởng mà mình ưa thích, cũng không hướng ngoại kiếm tìm ảo ảnh do bản ngã và tư tưởng vọng cầu.

Ngày kia có một thiền sinh tu hành tinh tấn nhiều năm cũng không đạt được mục đích thoát ly sanh-lão-bệnh-tử. Ông đến tham vấn một thiền sư:

- *Làm sao thoát khỏi sanh-lão-bệnh-tử?*

Thiền sư than:

- *Chỉ tội sanh-lão-bệnh-tử thoát không khỏi ông! (ViTiếu)*

Thật vậy, sinh-lão-bệnh-tử là thuộc tính bất khả ly của sinh mệnh con người, thế mà thiền sinh này cứ ngày đêm nâng nặc đòi loại trừ thì kể cũng phiền cho sinh-lão-bệnh-tử chẳng được yên thân! Nhưng rồi liệu thiền sinh kia có thoát được sinh-lão-bệnh-tử không, hay tự mình chuốc thêm sầu muộn? Đúng như Lão tử nói:

*Tương dục hấp chi ; Tất cố tương chi*

*Tương dục nhược chi; Tất cố cường chi*

*Tương dục phế chi; Tất cố hưng chi*

*Tương dục đoạt chi; Tất cố dĩ chi* (LTĐĐK. ch. 36)

(Toan thu nó lại, ắt mở đó ra. Toan làm đó yếu, ắt giúp đó mạnh. Toan dẹp bỏ đó, ắt tăng thịnh đó. Toan tước đoạt đó, ắt ban cho đó)

Vậy cái đáng dẹp bỏ không phải là hoạn nạn lớn, mà chính là ảo kiến ngã chấp. Giống như người quáng mắt thấy sợi dây là con rắn vẫn, rồi cứ nhè sợi dây mà đánh, càng đánh càng mệt mà ảo ảnh con rắn vẫn giữ nguyên, chỉ cần bình tĩnh lại mà nhìn cho rõ thì “được cũng ngạc nhiên mà mất cũng ngạc nhiên”, như cái nhìn trẻ thơ trong sáng.

Ni cô Diệu Nhân hẳn đã giác ngộ chân lý này khi nói:

*Sinh lão bệnh tử*

*Tự cổ thường nhiên*

*Dục cầu xuất ly*

*Giải phọc thêm triền.*

\*

D.- Nhưng lời giải thích của Lão Tử có thể hiểu theo một nghĩa khác, như một lời cảnh tỉnh đối với những ai quý thân mình mà không quý đại hoạn, thế mà toan loại bỏ đại hoạn thì làm sao có được cái thân”, hoặc hiểu cho chính xác theo lời văn một tí thì chúng ta có thể nói “vì ta có thân nên phải có đại hoạn, chừng hết thân rồi làm sao có đại hoạn được nữa”. Diễn giải như vậy mới nghe có vẻ như đùa, nhưng thực ra nhất quán với toàn chương, và không phải là không hợp lý. Hẳn đúng là ở đây Lão tử có ý trào lộng.

Người đời phần lớn ai cũng thích cảm giác khoan khoái, chẳng mấy ai thích cảm giác khổ đau, nhưng cứ giả sử như có ai đâm một nhát sau lưng mà ta chẳng thấy đau đớn gì cả, thì cái thân ta kể như không chết thì cũng đã hoàn toàn bại liệt. Thế là người nhà mau mau đem đi nhà thương cứu chữa để phục hồi lại cảm giác đau đớn cho cái thân. Vậy có phải mâu thuẫn không? Và vậy có phải là thương cái thân thì phải thương luôn cảm giác đau đớn của nó không?

Hoặc giả có đứa bé sinh ra mười năm sau nó vẫn vậy, chẳng lớn chẳng già thì cha mẹ có phải tìm đủ cách cho nó tiến triển bình thường không? Đã vậy phải thấy cái lớn cái già là quý chứ.

Còn bịnh có gì đáng quý không? Dĩ nhiên chẳng ai dám trả lời là quý. Thế mà nó thực sự vô cùng quý giá đấy. Cứ tưởng tượng một người ngốn bất cứ cái gì vào bao tử cũng không đau bụng, uống cả chén thuốc độc mà ruột gan vẫn cứ tỉnh bơ, hít không khí ô nhiễm đầy ngực mà van cổ vẫn không báo động, khí quản cũng chẳng hắt hơi, thì người này hoặc là tượng gỗ hoặc là coi như đã tới số tiêu đời.

Còn nữa, nghe tới chết là lo nhưng thử hỏi không chết thì làm sao có sự sống. Nếu từ thời khai thiên lập địa đến giờ chẳng ai chết cả thì chúng ta có còn đất đứng nữa không?

Có câu chuyện kể rằng một cụ già đã hơn trăm tuổi nhưng vẫn còn yêu đời, đến yết kiến Thần Hủy Diệt xin cho sống nữa. Thần nhú mày nhưng nghe nài nỉ mãi cũng cho. Chẳng bao lâu cụ đi không nổi, ngồi không yên, ăn không ngon, ngủ không được, thậm chí đại tiểu tiện không chừng, hơi thở chỉ còn thoi thóp... thế mà không sao chết được. Cụ đã khổ mà con cháu lại càng khổ hơn. Thế mới biết chết cũng là điều quý.

Đây hẳn nhiên là một lời cảnh tỉnh đầy trào lộng của Lão Tử mà mỗi người chúng ta cần lưu ý. Có thể nói lời cảnh tỉnh đó có phần nào lạc quan tích cực, nhất là khi liên hệ đến đoạn IV cuối chương hơn là tính bi quan tiêu cực mà nhiều người ngộ nhận.

\*

E.- Để hiểu rõ tính lạc quan tích cực đó, chúng tôi xin tiếp tục giới thiệu đoạn cuối của Chương 13: đó là đoạn IV.

Sau khi đã nêu lên giá trị khía cạnh thiệt thòi (nhục, đại hoạn) của thân để chúng ta vui lòng chấp nhận chúng (sủng, quý). Trong đoạn này Lão Tử giới thiệu với chúng ta làm thế nào để đưa cái thân đáng quý đó đến chỗ đại dụng của Đạo một cách tích cực.

Chúng tôi xin thưa trước là sở dĩ chúng tôi dùng từ lạc quan tích cực để xóa tan ý niệm bi quan tiêu cực mà người sau gán cho Lão Tử, chứ thực ra với tinh thần vô vi của Lão Tử lạc quan tích cực vẫn còn quá xa với Đạo.

Đoạn IV Chương 13 LTĐĐK gồm có 2 câu nhưng thực ra ý nghĩa giống nhau, chỉ đổi một vài chữ để nhấn mạnh và gây chú ý mà thôi. Chúng tôi sẽ dịch cả hai câu nhưng chỉ cần giải thích một câu là đủ. Hai câu kết như sau:

*“Cố, quý dĩ thân vì thiên hạ, nhược khả ký thiên hạ.*

*Ái dĩ thân vì thiên hạ, nhược khả thác thiên hạ.”*

Trước khi dịch, chúng tôi xin nêu lên một số từ trong đoạn này để chúng ta lưu ý:

1) Hai chữ “quí” và “ái” được dùng để lặp lại ý của hai chữ “quí” và “sủng” trong đoạn I, như một cách nói nhấn mạnh chỉ để đối trị lại thái độ khinh, sợ, ghét ươn hèn của một số người trước cuộc sống, chứ không thực sự đề cao sự sủng ái một cách cường điệu.

2) Chữ có thể đọc 2 cách. Một là “vị” có nghĩa là “vì”. Hai là “vi” có nghĩa là “làm” hay “là”. Cả hai cách đều áp dụng được nhưng ý sẽ khác nhau hẳn.

3) Từ “thiên hạ” cũng có hai nghĩa: nghĩa thứ nhất ám chỉ người đời, tha nhân hoặc mọi người. Nghĩa thứ hai ám chỉ thiên địa vạn vật, hay nếu dùng từ nhà Phật thì đó là Pháp, tức Chân Như Thực Tại (Sabhavâ) hay Pháp giới Tánh(Dhammatâ).

4) Chữ “thân” cũng có hai nghĩa: Một, ám chỉ cái thể xác vật lý của con người. Hai, ám chỉ toàn bộ sinh mệnh gồm tâm–sinh–vật lý của mỗi người. Ở đây theo chúng tôi hiểu Lão Tử không ám chỉ bản ngã, trừ phi có người chấp lầm thể xác hoặc sinh mệnh là “ta” hay “của ta” mới gọi là bản ngã.

Vì có một số từ hai nghĩa như vậy cho nên chúng tôi phải giới thiệu hai cách dịch khác nhau:

- Cách thứ nhất: “Cho nên, quý (thân, đây là) đem thân vì mọi người, như chỗ mọi người có thể gửi gắm. Yêu (thân đây là) đem thân vì mọi người, như chỗ mọi người có thể trông cậy”.

- Cách thứ hai: Cho nên, quý (thân chính là) lấy thân làm thiên hạ, đáng được thiên hạ giao phó. Yếu (thân chính là) lấy thân làm thiên hạ, đáng được thiên hạ cậy nhờ”.

Cả hai cách dịch trên đều có lý của nó, nhưng chúng tôi vẫn thích cách thứ hai hơn, vì nó phù hợp với tinh thần vô vi của Lão tử, trong khi cách thứ nhất hàm ý hữu vi quá rõ ràng. Và lại ý thứ hai vừa ảo diệu sâu xa, vừa thuần nhiên mộc mạc, còn ý thứ nhất còn đối đãi ngã- nhân. Vậy bây giờ chúng tôi xin giải thích rõ hơn để chúng ta có thể rộng đường so sánh.

Trong cách dịch thứ nhất trọng điểm là lý tưởng vị tha” đem thân vì mọi người”. Hình ảnh một người xả thân vì lợi lạc cho đời quả thực là lý tưởng cao quý, hiếm có trên đời này. Phần nhiều người ta sống vị kỷ, chỉ biết lợi mình, chỉ biết làm sao cho “vinh thân phì gia”. Ít ai chấp nhận khổ cực để phụng sự cho hạnh phúc tha nhân, hưởng nữa là hạnh phúc của muôn người.

Cũng có kẻ biết nghĩ đến cha mẹ, con cái, gia đình, họ hàng, thôn xóm hay quốc gia dân tộc. Đó là những người đã dẹp bỏ được phần nào lòng vị kỷ riêng tư để hướng về người khác. Nhưng xét cho cùng tình cảm đó mới trông có vẻ vị tha mà thực chất vẫn còn vị kỷ. Bởi chưa loại bỏ được ý niệm “con tôi”, “cha mẹ tôi”, “gia đình tôi”, “tổ quốc tôi”... cho nên ai đụng đến “cái tôi mở rộng” đó thì bản chất vị kỷ vẫn hiện nguyên hình.

Mở rộng hơn một bước nữa, con người vượt khỏi biên giới quốc gia để theo một lý tưởng quốc tế hay một tôn giáo đại đồng. Nhưng trên thực tế cái ngã cũng vẫn còn nguyên, “lý tưởng của tôi” không chấp nhận “lý tưởng của anh”, “tôn giáo của tôi” cao siêu hơn “tôn giáo của anh”. Do đó vị tha hầu như đồng nghĩa với bành trướng hơn là thật sự “đem thân vì mọi người”.

Cao hơn nữa, con người cho rằng mình là tiểu vũ trụ (tiểu ngã). Tiểu vũ trụ này sẽ tiến hoá cho đến một lúc nào đó thì tự giải thể để trở về với đại vũ trụ (Đại Ngã). Cho nên nhiều tôn giáo chủ trương dẹp bỏ tiểu ngã, cách này hay cách khác, để sớm trở về với Đại Ngã, một cái ngã lớn bằng càn khôn vũ

trụ, bao la vô tận. Nhưng xét cho cùng động lực thúc đẩy ý đồ này vẫn phát xuất từ lòng vị kỷ không nguôi của con người.

Có thể nói Đại Ngã là ảo ảnh phóng lớn lòng tham không đáy của tiểu ngã mà thôi. Một cái Ngã như vậy dù lớn bao nhiêu vị tha cách mấy cũng không phải là “chỗ mọi người có thể trông cậy, gởi gắm”. Vì hành động vị tha của bản ngã tuy có cao thượng chẳng nữa vẫn nằm trong nhân- nghĩa, ngã – nhân.

Hơn nữa vị tha là một chiêu bài sáng sửa để cho những tâm hồn mờ ám ẩn núp, với ý đồ thủ lợi riêng tư và khoe khoang bản ngã. Còn tệ hại hơn nữa là để đem tư ý tư dục của mình can thiệp vào đời sống vốn dĩ ổn định của con người. Và đó là lý do tại sao cuộc đời không ngừng bất an xáo trộn.

Do đó, nếu chỉ là vị tha trong vòng nhân nghĩa thì chưa phải là Đức Thường của Đạo. Tổ Đạt Ma cũng nói đó chỉ là phước đức, chứ chưa phải công đức thật sự phát xuất từ tự tánh bản nguyên.

Lão Tử nói: “*Đại đạo phế hữu nhân nghĩa*” (Đạo lớn mất mới có nhân nghĩa- LTĐĐK.ch18). Vậy, lòng vị tha nhân ái không phải là điều mà Lão Tử muốn nói, khi giới thiệu với chúng ta lẽ sống của Đạo Thường, trong đó đã hoàn toàn bật dứt nhân nghĩa (tuyệt nhân khí nghĩa – LTĐĐK ch. 19).

Một hành động “vị tha” thật sự phù hợp với tinh thần vô vi của Lão Tử phải là “vô kỷ, vô công, vô danh”, ví như mặt trời chiếu sáng cho muôn loài, đem sự sống cho vạn vật, mà không hề thấy mình đem lại lợi lạc cho ai, chẳng thấy mình có lòng vị tha nào cả. Có thể nói không vị tha mới là vị tha đích thực, giống như Lão tử đã từng nói: “Thượng bất đức, thị dĩ hữu đức” (Đức cao vời vợi là không có đức, vậy mà có đức. LTĐĐK ch. 38).

Do đó, Lão Tử tự mình chẳng tỏ ra vị tha, khi ông nói:

Ngã vô vi nhi dân tự hoá

Ngã hiếu tịnh nhi dân tự chính

Ngã vô sự nhi dân tự phú

Ngã vô dục nhi dân tự phác.

(ta vô vi mà dân tự hoá, ta lặng lẽ mà dân tự đúng, ta thanh thoi mà dân tự giàu, ta vô dục mà dân mộc mạc). Và ông biết rõ

rằng: vị tha một cách chủ quan, khi can thiệp vào cuộc đời, chính là ngăn chặn đà tiến hoá tự nhiên của con người (Hoá nhi dục tác ngô tương trấn chi- LTĐĐK ch. 37)

Thiền Phật Giáo cũng nói: “*nhập lâm bất đạp thảo, nhập thủy bất động ba*” (vào rừng không dẫm cỏ, vào nước sóng chẳng xao), để khuyên những người truyền bá Đạo Phật không nên áp đặt pháp môn tu hành của mình lên tâm hồn chất phác của bá tánh.

Cho nên, khi có người đến xin truyền pháp, Lục Tổ Huệ Năng nói (đại ý) rằng: *ta chẳng có pháp (riêng) nào để trao truyền, pháp vốn tự đầy đủ nơi mỗi người, hãy tự mình ngộ lấy mà dùng, chẳng cần phải cầu xin ai.*

Và chính Đức Phật khi xuất hiện ở đời để hoá độ chúng sanh cũng chỉ khai thị cho chúng sanh tự tánh thanh tịnh của họ để họ tự tu, tự ngộ, tự chứng, tự nhập. Ngài dạy:

Do tự mình làm ác, Do tự mình ô nhiễm.

Do tự mình làm lành, Do tự mình thanh tịnh.

Uế tịnh tự mỗi người, Không ai làm ai tịnh.

Attanâ va katam pâpam, Attanâ samkilissati

Attanâ akatam pâpam, Attanâ va visujjhati

Suddhi asuddhi paccattam, N’ aựợ aựợâm visodhaye.

Như thế cả hai bậc Đạo sư vĩ đại này đều đồng ý rằng vị tha đích thực chính là để cho mọi người tự mình giác ngộ. Lão Tử khuyên “dứt nhân- nghĩa”, Đức Phật dạy “bỏ ngã- nhân”, chính là để cho mọi người không nương tựa vào ai khác (Ko hi nâtho parosiyâ), mà phải nhận ra “*tự tánh bốn tự cụ túc*” của mình. Đó là nguyên lý “*vi vô vi tắc vô bất tự*” (làm vô vi ắt không gì không ổn định –LTĐĐK.ch. 3) của Lão tử vậy.

Ngay cả Khổng Tử chủ trương hữu vi cũng ca ngợi tinh thần vô vi đó, khi ông nói:

“*Khưu văn tây phương hữu đại thánh, bất tự nhi bất loạn, bất giáo nhi tự hành*” (Khưu này nghe phương tây có vị đại thánh không cai trị mà không loạn, không răn dạy mà tự làm). Vị đại

thánh này nếu không ám chỉ Đức Phật thì phải là Lão Tử mới có thể đạt đến chỗ vô vi uyên áo như vậy được.

Vì lý do trên, chúng tôi nghĩ rằng cách dịch thứ nhất, đọc chữ là “vì”, với nghĩa “vì đời” hoặc “vì mọi người”, tuy nói lên được lý tưởng vị tha rất cao thượng, đáng học hỏi, thi hành, nhưng đứng về tinh thần vô vi của Lão Tử thì rõ ràng là không phù hợp.

Vậy chúng tôi xin trình bày ý nghĩa cách dịch thứ hai: “*Quý (thân chính là) lấy thân làm thiên hạ, đáng được thiên hạ cậy nhờ!*”.

Dịch như vậy chúng tôi cảm thấy chưa vừa ý. Tuy chữ vi có nghĩa là làm, nhưng dịch chữ làm không lột hết ý của nó. Và chữ “thiên hạ” chúng tôi vẫn không tìm từ tương đương để thay thế cho đủ nghĩa, do đó chúng tôi đành phải giữ nguyên.

“Thiên hạ” ở đây không có nghĩa là “người đời” mà còn bao hàm một nghĩa rộng hơn, là thiên địa vạn vật, vũ trụ càn khôn, hay thế giới tự nhiên của sự sống, đặc biệt ám chỉ thể tánh bản nguyên, mà thuật ngữ nhà Phật gọi là Pháp giới tánh, chân như thực tại, hay gọi tắt một chữ Pháp cũng bao gồm tất cả.

Khi nói “*Dịch, vô vi giả, vô tư giả, tịch nhiên bất động, cảm nhi toại thông thiên hạ chi cố*” (Dịch chính là vô vi, vô tư, lặng lẽ không vọng động mới cảm ứng mà suốt thông được thiên hạ), thì từ “thiên hạ” này được dùng cùng một nghĩa với từ “thiên hạ” mà chúng ta đang bàn đến.

Theo Đạo Phật, qua kính màu ý niệm của vọng thức, con người tạo ra khái niệm hoặc ý tưởng về bản ngã và thế giới. Từ đó con người chấp “thân” làm “ngã”, chấp thế giới khách quan chung quanh thành thế giới chủ quan “ngã sở”. Bấy giờ thế giới tự tánh (Sabhava) hay đệ nhất nghĩa đế (Paramattha) tuy còn nguyên đó, nhưng lại biến mất trước cái nhìn khái niệm (Paṭṭatti) đầy chủ quan và méo mó. Đúng như lời Lão Tử đã nói: “*chấp giả thất chi*” (hòng nắm đó thì lại mất đó – LTĐĐK. Ch. 64). Và như thế con người cứ loay hoay với cái giả tưởng mà mình đinh ninh nắm được, để rồi lặn hụp trong ảo ảnh của thành-bại, được-mất, hơn-thua, vui-khổ.



Trở trêu thay, khái niệm của mỗi người không giống nhau, nên bản ngã và thế giới cũng thành trăm sai nghìn khác. Tổng số của những ảo tưởng bất đồng phóng chiếu lên thực tại cuộc sống, cũng chính là những khổ đau mà con người phải đành gánh chịu. Và càng đảo điên hơn nữa khi một số bản ngã cưỡng điếu, tự cho mình là ưu việt, toan cứu độ cuộc đời, bằng cách áp đặt lên con người - vốn thực thà chất phác - những lý tưởng cao siêu, những ảo vọng ngông cuồng.

Nguyên nhân của những khổ đau bi đát đó, khởi đầu bằng ý niệm chủ quan: xem cái thân là tự ngã và từ khi “đem thân làm ngã” con người tách nó ra khỏi thế giới tự nhiên của cuộc sống, ra khỏi thể tánh bản nguyên hay chân như thực tại, rồi tô vẽ cho nó những nhân cách, những phong thái, những phẩm chất, những nhãn hiệu mà tự nó không bao giờ muốn có.

Chính tư tưởng, cùng với những khái niệm đầy áp lý trí và tình cảm chủ quan, đã nhào nặn cái thân thành hình tượng bản ngã, tùy theo tầm vóc tư ý, tư dục mà nó thủ đắc được qua góp nhặt kinh nghiệm.

Vậy muốn giải quyết những rối ren bất ổn trong cuộc đời, trước hết mọi người phải tự giải phóng cái thân ra khỏi ngục tù của bản ngã, để trả nó về với thế giới bản nguyên, chân như thực tại.

Cũng vì thấy rõ chân lý hiển nhiên này mà Lão Tử nói: “*Quý thân chính là lấy thân làm thiên hạ*” chứ không phải chấp thân làm bản ngã riêng tư.

Đứng về khía cạnh nhân bản chúng ta có thể hiểu thêm một nghĩa là “lấy mình làm mọi người” như người xưa thường nói “Tứ hải giai huynh đệ”, mà huynh đệ như thủ túc”, thì phải “thương người như thể thương thân” mới là đạo lý. Nhưng đó là nghĩa hẹp, tuy có vẻ như “vô ngã vị tha” phóng khoáng hơn tính chất “hữu ngã vị tha” trong nghĩa thứ nhất nhưng vẫn chưa phải là nghĩa Đạo Thường mà Lão Tử muốn nói.

Cho nên “lấy thân làm thiên hạ” đây chính là giải phóng cái thân ra khỏi thân kiến (Kâyaditthi- thuật ngữ nhà Phật), để trả nó về với tự tánh của nó trong thế giới bản nguyên. Bản nguyên

chính là Đạo, mà đôi lúc Lão Tử gọi là nguồn (thỉ) hoặc mẹ (mẫu). Ông nói:

*Thiên hạ hữu thỉ, Dĩ vi thiên hạ mẫu  
Kí đắc kỳ mẫu, Dĩ tri kỳ tử  
Kí tri kỳ tử, Phục thủ kỳ mẫu  
Một thân bất đãi (LTĐĐK.ch 52)*

(Thiên hạ có nguồn, để làm mẹ mình, nhận ra được mẹ, thì biết được con, đã biết được con, lại giữ được mẹ, trọn đời chẳng lỗi)

Con đây chính là cái thân, hiểu theo nghĩa toàn diện (gồm cả tâm-sinh-vật lý, chứ không phải chỉ là thể xác đơn thuần) Thân này là thành phần của một mối tương quan, tương duyên, tương dung, tương nhiếp trong toàn bộ sự sống của thiên địa vạn vật. Khi thân bị chấp làm bản ngã, thì nó bị cưỡng bách ra khỏi nguồn tự thân của nó và rơi vào tình trạng cô lập. Cũng vậy khi thiên hạ bị chấp làm ngã sở, nó liền bị tách ra khỏi nguồn và rơi vào thế giới giả định chủ quan. Nguồn chính là bản nguyên của sự sống, là mẹ của muôn loài. Nhận ra được mẹ thì đồng thời cũng giải thoát con (thân) ra khỏi tình trạng cô lập của bản ngã. Và khi đã nhận ra được vị trí đích thực của cái thân con thì đồng thời cũng trở về bản nguyên của sự sống (mẹ).

Tiến trình giác ngộ này được Lão Tử gọi là “qui căn” hay “phục mạng”. Ông nói:

*Các phục qui kỳ căn  
Qui căn viết tịnh  
Thị vị viết phục mạng  
Phục mạng viết thường  
Tri thường viết minh (LTĐĐK ch. 16)*

(Mỗi mỗi lại trở về gốc, về gốc gọi là tịnh, nên gọi là phục mạng, phục mạng gọi là thường, biết thường gọi là minh).

Cho nên “lấy thân làm thiên hạ” chắc chắn có nghĩa là qui căn, là phục mạng, là trở về với Đạo Thường một cách quang minh sáng suốt. Và cũng chính là thái độ “huyền đồng”, vô phân biệt với thiên địa vạn vật (Toả kỳ nhuệ, giải kỳ phân, hoà kỳ quan, đồng kỳ trần – như đã nói trên).

Tuy nhiên chúng ta không nên lầm lẫn giữa thuyết “tiểu ngã trở về với Đại ngã” với tinh thần “qui căn, phục mạng” trong câu “lấy thân làm thiên hạ” hay câu “đã biết được con lại giữ được mẹ” của Lão Tử. Bởi vì trong thuyết Đại ngã, con người tuy bỏ được ngã nhỏ nhưng xem ra cũng còn lưu lại hình ảnh của mình trong một ý niệm bản ngã vĩ đại hơn. Nghĩa là vẫn còn chỗ để bám víu thủ chấp. Đức Phật xem đó là vẫn còn chỗ “sinh y”. Thiền tông xem đó như người đã lên đến đầu sào trăm trượng nhưng không dám nhảy bước cuối cùng. Còn “trở về nguồn” của Lão tử không đòi hỏi phải thể nhập vào càn khôn vũ trụ bao la rộng lớn gì cả, mà đơn giản chỉ là thoát khỏi ngã kiến để trở về với bản nguyên của mỗi mỗi sự vật. Chúng tôi không viết hoa những chữ “nguồn, mẹ, qui căn, phục mạng” vì đây không phải là cái gì vĩ đại như Đại Ngã, Thượng Đế mà chỉ là tình trạng nguyên sơ bình thường của mỗi mỗi sự vật khi chưa bị vọng thức bóp méo.

Có rất nhiều ngôn ngữ để gọi cái nguyên sơ bình thường đó như: “thỉ sinh chi xứ, đương xứ tức chân, bản lai diện mục, bản thể chân như (yathâ bhûtâ), thực tại hiện tiền (sanditthiko), đệ nhất nghĩa đế (paramattha), tự tánh bản nguyên (sabhâva), tông bản lai xứ, Lô sơn chân diện, thời vị trung chính, các hữu thái cực, thiên hạ chi lý, vân vân và vân vân.

Những tên gọi đó dù hay cách mấy cũng chỉ là khái niệm (paṭṭatti), trong khi cái nguyên sơ bình thường giản dị vô danh, như người xưa đã nói “*dị giản nhi thiên hạ chi lý đắc hỷ*” (giản dị mà tới được chỗ sơ nguyên của trời đất).

Cũng vậy, “trở về nguồn” giản dị chỉ là “đồng với bụi bặm”, chứ không cần phải cố gắng thể nhập Đại Ngã hay Thượng Đế một cách quá cao siêu huyền nhiệm. Nhưng khi ngọn cỏ chỉ là ngọn cỏ, bụi trần chỉ là bụi trần thì nó vẫn bao hàm tất cả càn khôn vũ trụ, thiên địa vạn vật mà không cần phải tìm kiếm đâu xa, bởi vì:

*“Càn khôn tận thị mao đầu thượng  
Nhật nguyệt bao hàm giới tử trung”* (Thiền Sư Khánh Hỷ)  
Xin tạm dịch:

*Hạt cải gồm thâu luôn nhật nguyệt*

*Đâu lông thấy tận cả càn khôn*

Như vậy chỉ cần thấy mỗi pháp đúng bản vị của nó (thì pháp trụ pháp vị) là đã trở về nguồn, là qui căn, là phục mạng, và cũng chính là “đã biết được con, lại giữ được mẹ” như Lão Tử nói vậy.

Không phải chỉ Lão Tử mà Đức Phật khuyên đệ tử của Ngài “sống thuận pháp” (dhammânudhammâ patipanno vihâra), Đức Chúa Jesus dạy “vâng ý Cha”, và ngay cả Đức Khổng Tử cũng dạy “thuận thiên lập mệnh”, tuy ngôn ngữ bất đồng mà cùng chung một nghĩa.

Nhưng phải chăng thái độ trở về gốc như vậy cũng vẫn là tiêu cực như nhà Thiền gọi là “trầm không thủ tịch”?

- Dĩ nhiên là không, vì ngay khi trở về với Đạo thì đồng thời Đức lớn cũng hiện ra. Đức chính là đại dụng của Đạo. Khi còn trong vòng ngã chấp, cái dụng của thân bao giờ cũng hữu hạn. Nhưng khi được giải thoát, cái thân trở thành đại dụng, không sao dùng hết. Lão Tử nói: “*Đạo xung nhi dụng chi hoặc bất doanh*” (Đạo trống không mà dùng mãi vẫn không đầy).

Cái dụng của bản ngã tuy có vẻ tích cực nhưng vẫn còn trong vòng đối đãi: thiện – ác, ngã- nhân, nên dù có thiện cách nào cũng chỉ là phước đức thế gian, còn cái dụng của tự tánh mới trông có vẻ tiêu cực, nhưng đã vượt qua giới hạn của thiện - ác, ngã- nhân, nên dù không thiện không ác mà lại là công đức vô lượng.

“Trầm không thủ tịch chỉ là đối cực của cái ngã hiếu động chứ không phải là bản lai thanh tịnh của cội nguồn sự sống, cho nên trở về cội nguồn khác xa với “trầm không thủ tịch”.

Để kết luận và minh họa cái đại dụng “sùng nhục, quí đại hoạn” của người “lấy thân làm thiên hạ”, xem “được cũng ngạc nhiên, mất cũng ngạc nhiên”, chúng tôi xin kể lại câu chuyện “Thế à!” trong tập Góp nhặt Cát Đá của Thiền Sư Muju như sau:

Thiền Sư Kakuin là một bậc tu hành thanh tịnh mà mọi người quanh vùng đều ca ngợi. Một hôm người ta khám phá ra rằng

người con gái của một gia đình bán thực phẩm gần chỗ Kakuin ở, có thai.

Cha mẹ cô nổi giận bắt cô phải khai người ấy là ai. Sau nhiều lần giấu giếm, cuối cùng người cô khai lại chính là Kakuin.

Khi cha mẹ cô gái nổi trận lôi đình đến tìm Thiền Sư Kakuin để trách mắng. Kakuin chỉ thốt lên vồn vện hai tiếng “Thế à!” rồi thôi.

Sau khi đưa bé ra đời nó được đem giao cho Kakuin. Thế là Kakuin mất hết danh dự, nhưng ông vẫn bình thản lo đi xin sữa và những đồ dùng cần thiết về nuôi đứa bé hết sức chu toàn.

Một năm sau cô gái không chịu được nữa. Cô thú thật với cha mẹ rằng cha thật của đứa bé là một thanh niên bán cá ngoài chợ.

Cha mẹ cô gái liền đến tạ lỗi Kakuin và xin đứa bé về. Kakuin cũng chỉ thốt lên hai tiếng “Thế à!” rồi vui vẻ giao hoàn đứa bé.

\*

Chương 13 Lão tử Đạo Đức Kinh là chương gây nhiều tranh cãi nhất trong giới dịch thuật và lý giải, suốt hàng ngàn năm nay vẫn chưa ngã ngũ. Chúng tôi trình bày thiển kiến của mình chỉ mong đính chính sự ngộ nhận tính bi quan tiêu cực trong tinh thần vô vi của Lão Tử chứ không có ý tranh biện về mặt dịch thuật hay lý giải. Vạy nếu có điều gì thất nghi xin các bậc cao minh miễn xá cho.

**Viên Minh**

Bửu Long Tự

Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh  
( Nguồn: website Budha Sasdana)

-ooOoo-

# I- LUẬN VỀ... CÁI SỰ HỌC

Phạm Lưu Vũ



**Đ**ã gọi là thầy (sư) thì không phân biệt cao thấp, cứ hơn một tí tẹo là có thể làm thầy (nhất tự vi sư, bán tự vi sư). Chung quy chia làm hai hạng. Hạng tiên sư và hạng tục sư. Hạng tiên sư vì người mà dạy cách làm người. Hạng tục sư vì tiền mà

` dạy cách làm tiên. Hạng tiên sư “lôi” kiến thức (vốn có sẵn) trong bụng học trò ra. Hạng tục sư “nhét” kiến thức từ ngoài vào. Tin theo tiên sư thì con người là tiểu vũ trụ. Tin theo tục sư thì con người là cái thùng chứa sách. Hạng tiên sư chỉ cho học trò thấy cái chỗ thiếu của mình. Hạng tục sư chỉ cho học trò thấy cái chỗ giỏi của mình. Thấy thiếu thì lo lắng, muốn được bổ sung, vì thế kiến thức tăng tiến. Thấy giỏi thì hung hăng, muốn được thi thố, vì thế kiến thức dừng lại. Hạng tiên sư nương theo con người mà hành đạo. Hạng tục sư nương theo chính trị mà hành nghề. Nước có đạo lý thì tiên sư nhiều hơn tục sư. Nước vô đạo lý thì tục sư nhan nhản, có khi bói không ra một mống tiên sư nào. Chính trị đứng đắn chú trọng đến tiên sư. Chính trị lưu manh chú trọng đến tục sư. Bởi thiên hạ ai cũng quan tâm đến việc làm người thì chính trị khó bịp, ngôi vua nguy như đèn ra trước gió, phải tử tế lắm mới mong giữ được. Thiên hạ ai cũng quan tâm đến việc làm tiền thì chính trị tha hồ bịp, ngôi vua chả cần tử tế vẫn có thể muối mặt mà cố đấm ăn xôi. Giáo dục cốt làm thay đổi dân trí. Song không phải bao giờ cũng theo hướng nâng cao. Giáo dục vì dân nhằm vào cái chỗ sáng suốt của dân. Giáo dục lừa dân nhằm vào cái chỗ mê lú của dân. Huống chi cái việc học làm người kia lại vô cùng khó khăn. Bạc tiên sư dù cố đến mấy, rốt cuộc chỉ mang tiếng vẽ đường cho hươu chạy. Mấy ngàn năm càng vắng ngắt bóng người... Vẫn “Lời tựa” trong “Luận ngữ tân thư”. Sau đây lại xin trích một phần của bộ sách đó:

Khổng Phu Tử một hôm đang thư thái, bỗng buột mồm nói ra câu: “Hành tương tự mộc tác nhân nan” (Người ta thường sắp chui vào quan tài rồi, mới biết làm người là một việc khó). Các học trò nhao nhao thắc mắc. Ai cũng cho rằng Ngài nói vậy là hơi bi quan. Làm người mà khó đến như thế, thì chẳng lẽ cuộc đời này toàn... khỉ hết hay sao? Rằng cứ theo cái thuyết chữ “Nhân” của Ngài, thì miễn sao sống cho tử tế, có hiếu với bố mẹ, ông bà, không ăn cắp ăn trộm, không lừa đảo hay hại ngầm

hại ngẫm ai... là thành người được rồi. Chứ có gì ghê gớm mà Ngài phải kêu khó.

Khổng Tử bèn thuyết liền một hồi:

- Các người chỉ biết một mà chưa biết hai. Làm người trước tiên cần phải biết phân biệt. Mà phân biệt đâu phải là một kiến thức đơn giản. Không biết phân biệt sẽ không bao giờ cho ra cái hồn người. Kẻ không biết phân biệt có ba việc mù mờ (nguyên văn: tam sự bất tri) như sau: Thứ nhất, ăn không biết thế nào là ngon, uống chẳng biết thế nào là dở... như thế gọi là: “thực bất tri kì vị”. Thứ hai, nói không biết nên nói với ai, nghe chẳng biết nên nghe ai nói... như thế gọi là: “xử bất tri kì nhân”. Thứ ba, đi không biết nên đi theo đường nào. Ngồi chẳng biết nên ngồi chỗ nào cho đúng... như thế gọi là: “hành bất tri kì đạo”.

Hướng chi các người chỉ biết nghe theo một chiều, hiểu theo một chiều, tin theo một chiều... duy nhất. Trên đời này không cái ngu nào sánh bằng ngu đó. Không cái lười nào sánh bằng lười đó... Vừa ngu, vừa lười đến tận cùng như thế, thì làm sao có thể tự hiểu được mình. Kẻ không hiểu được mình thì đứng không biết mình đang đứng chỗ nào, đi chẳng biết mình sẽ đến đâu... Thế rồi tự cao tự đại, thế rồi võ ngực xưng danh... tự cho là mình khôn nhất thiên hạ. Lời nói hay chẳng bao giờ lọt vào tai nữa, cứ một mực tin theo những hạng đều giả. Kiến thức như thế thì dẫu cao mấy, thực chất cũng chẳng khác gì kiến thức của một anh hoạn lộ. Không những tự gây họa cho mình, mà còn gây họa cho người khác. Có khi gây họa cho cả thiên hạ chưa biết chừng.

Các học trò nghe đến đó thì sợ toát mồ hôi. Bèn hỏi:

- Thế nào là tự gây họa cho mình?

Khổng Tử bảo:

- Người ta vạch ra cái chỗ dở của mình để mong mình sửa, thì lại tưởng là người ta chửi. Người ta nịnh cái chỗ đều của mình để hồng kiếm chác, thì lại tưởng là người ta khen... Rốt cuộc người đáng lẽ là bạn, thì lại nghĩ là thù. Kẻ đáng lẽ là thù,



thì lại cho là bạn... Lẫn lộn, u tối đến như thế mà không gặp họa thì xưa nay chưa ai từng nghe nói đến bao giờ.

Các học trò nghe thấy thế thì càng sợ hơn nữa. Lại hỏi tiếp:

- Thế nào là gây họa cho thiên hạ?

Khổng Tử bảo:

- Hạng người ấy mà làm tướng thì mất toi thành. Làm quan phủ, quan huyện nào thì dân trong phủ, huyện ấy điêu đứng. Làm vua thì cả nước khốn nạn, thậm chí còn mất nước vào tay ngoại bang. Làm thầy thì ngu đến cả trăm đời sau... Thế gọi là gây họa cho thiên hạ.

Các học trò hỏi tiếp:

- Vậy cứ theo ý Phu Tử thì bao giờ chúng tôi mới có thể học thành người?

Khổng tử trả lời:

- Ta có thể dạy các người hiểu thấu được lẽ đời (nhi bất hoặc – hết ngờ vực). Song không thể dạy các người hiểu thấu được lòng trời (tri thiên mệnh – biết mạng trời).

Ta có thể dạy các người hiểu thấu được lòng trời. Song không thể dạy các người hiểu thấu được lòng người (nhi nhĩ thuận – nghe thuận tai).

Ta có thể dạy các người hiểu thấu được lòng người. Song không thể dạy các người hiểu thấu được lòng mình (tòng tâm kì dục, bất du cử – tùy lòng muốn mà vẫn không thay đổi quy củ).

Ta có thể dạy các người hiểu thấu được lòng mình. Song không thể dạy các người khiến được lòng mình (lạc dĩ vong ưu – vui (theo đạo lý) mà quên hết buồn phiền).

Ta có thể dạy các người khiến được lòng mình. Song không thể dạy các người (thấu suốt đạo lý) đến nỗi quên đi cả sự tồn tại của mình (bất tri lão chi tương chí – không hề biết tuổi già của mình sắp đến).

Xem thế thì biết, cái sự học làm người kia là... không biết đến bao giờ.

Các học trò nghe như vẹt nghe sấm. Bèn đề nghị:

- Phu Tử có thể giảng kĩ hơn một chút được không? Vẫn biết học làm người là một việc khó khăn, lâu dài. Song cố sao lại rắc rối như thế?

Khổng Tử bảo:

- Đó là những thang bậc từ thấp đến cao của cái sự học (hạ học nhi thượng đạt). Cũng là những điểm “chết” (nguyên văn: tắc tử) của kiến thức. Vượt qua được những mốc ấy là một việc khó khăn nhất trong cái sự học của muôn đời. Dừng lại ở bất cứ mốc nào cũng lập tức biến thành người ngu.

Các học trò lại hỏi:

- Thế nào là biến thành người ngu?

Khổng Tử bảo:

- Kẻ ngu nhất trên đời là kẻ tự bằng lòng với kiến thức của mình. Dầu đã thấu hết lẽ đời thì cũng không bao giờ hiểu được lòng trời. Dầu đã thấu được lòng trời thì cũng không bao giờ hiểu được lòng người. Dầu đã thấu được lòng người thì cũng không bao giờ hiểu được lòng mình... Từ khi làm thầy, ta kị nhất loại học trò học đến đâu giỏi đến đó. Học kiểu ấy nguy như trứng để đầu gậy. Bởi kiến thức có thể dừng lại bất cứ lúc nào. Kiến thức đã dừng lại, thì hậu quả tai hại sẽ không biết đâu mà lường được. Có khi còn biến thành một kẻ lưu manh trí thức lúc nào không hay.

Nói đến đó, Khổng Tử bỗng buột mồm thốt ra một câu than thở:

- Ôi! Kẻ học giả lúc nào cũng có sẵn sàng một cơ hội lớn để trở thành một tên... thậm ngu ngốc, thậm lưu manh.

Các học trò nghe vậy thì không ai bảo ai, tất cả đều nhất tề thở dài đánh sượt một cái. Lại hỏi tiếp:

- Phu Tử nói thế thì chúng tôi cũng đành cố gắng học được đến đâu hay đến đó, học mãi không dám dừng lại. Chứ còn biết làm thế nào. Không hiểu những đời sau này không có Phu Tử, thì rồi có ăn thua gì không? Hay là chỉ sinh ra rất những hạng bịp bợm, kiến thức đã như anh hoạn lợn, mà đều giả, bất lương thì không ai sánh bằng. Nhưng chẳng hay Phu Tử có thể lấy ví dụ về cái việc học làm người là rất khó ấy, cho chúng tôi nghe được không?

Khổng Tử bèn ví dụ bằng mấy câu chuyện sau đây:

**Câu chuyện thứ nhất:**

Ta (Khổng Tử) từng có một học trò xưng là Tử Hư. Y là một người rất say mê cây cối. Cây càng cổ thụ, y càng mê mẩn. Không ngày nào là y không tìm đến một nơi có cây cao bóng cả, có tán rộng như những chiếc dù vĩ đại, che rợp cả một vùng, cành lá xanh tốt sum xuê để ngắm nghía, xuýt xoa... Ngắm mãi không biết chán, xuýt xoa mãi không mỏi mồm. Lại tưởng tượng mỗi tán cây như một nước, mỗi nhánh, cành như một phủ, huyện, mỗi lá cây như một kiếp người... còn thân cây như một vị hoàng đế. Sự hâm mộ kể cũng đến thế là cùng.

Một hôm, y chợt phát hiện thấy từ một thân cây to lớn mà xưa nay y vẫn hâm mộ, vẫn ngắm nghía ấy bỗng nhú ra những mẩu gì tròn tròn, xam xám, mềm mại như lông thú. Những mẩu ấy cứ mỗi ngày lại thò dần ra. Vài hôm sau thì rõ là những cái đuôi chồn. Những cái đuôi chồn vắt vẻo, ngoe nguẩy ở thân cây nom đến kinh. Cây không mọc cành, đơm lá... mà lại mọc ra những cái đuôi chồn? Đó là điều mà y không thể chấp nhận, không thể tin được.

Y quyết tâm giữ gìn sự hâm mộ, còn hơn giữ gìn con người của mắt mình. Nhưng những cái đuôi chồn thì cứ sờ sờ ra đấy, làm y không chịu nổi. Y bèn thắc mắc với ta. Ta bảo: “Người đã có thể tin được rằng mỗi thân cây như một vị vua, thì tại sao lại không tin được rằng từ đó có thể mọc ra những cái đuôi chồn? Chớ vì sự hâm mộ mà sinh ra lú lẫn. Kiến thức của người một khi đã cố chấp như thế thì khó có thể làm người được”.

**Câu chuyện thứ hai:**

Ông Mỗ làm quan tể ở ấp Trâu là một người có tiếng ngay thẳng, thanh liêm, rất ghét thói nịnh bợ. Vì thế pháp luật được thi hành. Dân ấp Trâu vui vẻ làm ăn, không tranh giành, đều cang với nhau. Trẻ con biết kính trọng người lớn, người lớn thương yêu, đùm bọc trẻ con. Ban ngày ra đường không ai nhặt của rơi. Tối về nhà không phải khoá cổng. Con trai, con gái đi

riêng hai bên đường, không bậy bạ, sàm sỡ với nhau... Tất cả nhờ ở cái đức của ông quan Mỗ ấy mà có được như thế.

Tưởng làm người mà được như ông Mỗ thì ai còn nghi ngờ gì nữa. Tất nhiên xung quanh ông cũng không thiếu những kẻ xấu, những kẻ cơ hội, bất lương. Chúng tìm mọi cách để nịnh nọt, lung lạc cái đức của ông hòng kiếm chác này nọ. Song ông Mỗ không những không hề lay chuyển, mà còn thẳng tay trừng trị, khiến chúng không dám ho hoe gì nữa. Ấp Trâu ngày càng thịnh vượng.

Thế mà cũng chẳng được bao lâu. Có ai ngờ một người như ông Mỗ cũng đến lúc thay đổi. Ông bắt đầu thích những lời tâng bốc, ca ngợi. Ông bằng lòng và kiêu ngạo với những gì mình đạt được. Ông nhắm mắt, bịt tai trước những lời nói thẳng, những kẻ can gián. Thậm chí còn sai người bắt bớ, bỏ tù họ. Dần dần, ông biến hẳn thành một ông quan bịp bợm, lèo lá, vừa thích nịnh, vừa ăn của đút như ranh. Đám tay chân cũng nhanh chóng a dua theo. Chúng tha hồ nhân danh pháp luật để ăn cắp trắng trợn mọi thứ của dân, không cho dân được kêu ca, oán thán gì... Ấp Trâu trở thành một nơi tăm tối nhất thiên hạ, chính trị đều giả, lưu manh không nơi nào sánh bằng. Dân chúng bị cười lên đầu lên cổ đã đành, lại còn không dám hó hé, suốt ngày phải ca ngợi, mở mồm ra là phải nói lời biết ơn cái lũ đầu trâu mặt ngựa, cầm đầu là ông quan Mỗ ấy(!). Biết ơn lũ kẻ cướp là một việc xưa nay chưa từng có. Chắc chỉ diễn ra ở nơi có cái thứ chính trị đã biến thành lưu manh như kiểu ấp Trâu mà thôi.

Tại sao ông Mỗ lại thay đổi nhanh chóng, lại trở thành một kẻ thối nát ghê tởm như vậy? Trong khi ông từng có tiếng là một người ngay thẳng, ghét cay ghét đắng bọn nịnh hót kia mà. Ai đã bỏ bùa mê thuốc lú cho ông? Nguyên nhân té ra rất đơn giản. Tất cả chỉ tại lũ chó nhà ông. Trong nhà ông Mỗ nuôi một đàn chó, gầy, béo, đốm, khoanh, vàng, vện... đủ cả. Hàng ngày đi làm về, chúng tranh nhau vẫy đuôi mừng ông rồi rít. Con thì liếm chân, liếm tay, con thì ngửi

quần áo, con thì cố tru lên những tiếng sủa ra vẻ hỗn hởi, vui mừng... Chúng thi nhau nịnh ông bằng đủ các động tác, cử chỉ làm ông vô cùng hả hê.

Ông Mỗ từ chỗ thích cái sự nịnh nọt ấy của lũ chó, dần dần đâm ra thích được cả người nịnh. Nhất là những kẻ có cái lối nịnh cũng na ná như lũ chó kia thì ông lại càng thích. Mà những kẻ đó nào có thiếu gì. Tài bắt chước chó của họ thì không chê vào đâu được. Họ không những nịnh bằng giọng lưỡi, động tác, bằng sự liếm láp y hệt loài chó... mà còn nịnh bằng cả văn chương, nhạc, họa... Thậm chí sẵn sàng bóp méo cả sử sách để làm hài lòng ông...

Thế mới biết làm người quả là một việc khó khăn. Duy trì sự tử tế quả là một công phu nan giải. Có khi bị hỏng, bị dang dở giữa chừng chỉ vì lũ chó nuôi trong nhà. Vì thế, kẻ đã quyết chí làm người thì phải cảnh giác với từ con chó trở đi.

Những điều trên đây rút ra từ ghi chép của Nhan Hồi - một học trò yêu của Khổng Tử. Khổng Tử có lần đã nói: “Này Hồi! ta sợ dĩ thích người, chính bởi người là một học trò học đến đâu thấy thiếu đến đó. Vì thế kiến thức không bao giờ dừng lại, cái ngu, cái xấu không có cơ hội đến gần được với người...” (nguyên văn: tri nhi bất hạn, ngu xú bất cận)/.

## **Phạm Lưu Vũ**

xxxxxxx

# **II- Tam Thập Nhi Lập**

### **I. Tam Thập Nhi Lập:**

“Tam thập nhi lập” nghĩa là người ta đến 30 tuổi mới có thể tự-lập, dựng nên sự-nghiệp cho mình., Theo giáo-lý Khổng-Học, điều này thường để áp-dụng cho đàn ông và con trai. Tuy-nhiên, cái tuổi 30 dù là trai hay gái cũng là tuổi có thể tự-lập và có sự-nghiệp vững-vàng nếu được chuẩn-bị từ nhỏ.

Căn-cứ theo sự giải-thích của Khổng-Tử, con người đến một mức tuổi nào đó mới hiểu rõ được một số điều mà những người chưa đến tuổi đó không hiểu nổi. Chính vì thế mà Khổng-Tử đã nói: “Tam thập nhi lập, tứ thập nhi bất-hoặc, ngũ thập nhi tri thiên-mệnh, lục thập nhi nhĩ-thuận, và thất thập nhi tàng-tâm sở-dục bất du-củ.” Ngoài tuổi “tam thập nhi-lập,” con người ta đến 40 tuổi mới có trình-độ “tứ thập nhi bất-hoặc,” tức là có thể hiểu được lý-lẽ trong thiên-hạ, phân-biệt được điều phải điều trái, ai tốt ai xấu, và ít khi sai lầm; đến 50 tuổi mới có trình-độ “ngũ thập nhi tri thiên-mệnh,” tức là có thể hiểu được mệnh trời hay chân-lý của tạo-hóa; đến 60 tuổi mới có trình-độ “lục thập nhi nhĩ-thuận,” tức là có học-vấn và kinh-nghiệm trường đời chín-mùi, sự hiểu-biết và việc-làm mới chu-đáo, không thấy những gì nghe được là khó hiểu hay chướng-ngại, và có thể phán-đoán được ngay mọi việc; đến năm 70 tuổi mới có trình-độ “thất thập nhi tàng-tâm sở-dục bất du-củ” rất tự-nhiên, tức là khi 70 tuổi thì hễ nói hay làm một điều gì là tự-nhiên thể-hiện đúng chủ-tâm của mình, muốn sao được vậy, không vượt ra ngoài khuôn-khổ đạo-lý hay lẽ phải.

Muốn đạt tới mức hiểu biết ở mỗi loại tuổi như đã đề-cập ở trên, không phải cứ sống tới tuổi đó là được, người ta còn phải chuyên-tâm vào việc học-hỏi liên-tục từ khi còn trẻ mới đạt kết-quả ấy.

## **II. Tam Thập Nhi Lập và Việc Học-Hỏi:**

Có tuổi là một việc. Nếu không có học thì dù tới 30 tuổi người ta cũng không có sức tự-lập được. Có điều là nếu đã tới 30 tuổi mà không tự-lập được vững-vàng thì cuộc đời mai-hậu sẽ gặp nhiều gian-truân và khó có thể giúp đời một cách hữu-hiệu được. Muốn lập-thân cho đúng nghĩa của nó, các bạn trẻ phải chú-tâm vào việc học. Học không chỉ có nghĩa là cắp sách đến trường, đọc nhiều sách vở để biết chữ-nghĩa, hay học được một nghề để kiếm nhiều tiền là được. Việc học phải gồm đủ mọi mặt và có nhiều cách. Mục đích của việc học là để thành người hữu-dụng cho nhà cho nước.

Học là noi gương và bắt-chước những việc tiền-nhân đã làm, những gương sáng của các bậc vĩ-nhân quân-tử và của những

người đồng-thời với ta nhưng những việc làm của họ đáng cho ta học-hỏi và noi-theo để giúp nhân độ thế. Học để tránh những điều sai-quấy. Thấy điều hay phải bắt-chước, thấy điều sai-quấy phải tránh. Người khôn học kinh-nghiệm của người khác là vậy. Học để hiểu. Từ những hiểu-biết căn-bản đó, ta có thể nghiên-cứu thêm và nhiên-hậu phát-minh ra những điều mới. Làm sao học một để biết mười, học cách tìm-tòi, học để suy-diễn chứ không phải cái học từ-chương. Học phải có óc nhận-xét và phê-phán. Không nên quá tin vào sách vở vì “tận-tín ư thư bất như vô thư” (quá tin vào sách thà đừng có sách còn hơn) là vậy.

“Học-hành” có nghĩa là những điều gì học được phải đem thực-hành để giúp ích cho người cho đời. Biết mà để đó cũng giống như không biết. Biết điều phải mà không làm thì cái biết đó chẳng có ích gì cho nhân-quần xã-hội. Hơn nữa, khi ta học được mà không đem thực-hành thì cái học của ta cũng mai-một đi. Chính vì thế mà việc học ở các nước tân-tiến đều đi từ kiến-thức tới thí-nghiệm, trắc-nghiệm, áp-dụng, rồi thi-hành, và cuối cùng lượng-giá và cải-tiến để rút ưu-khuyết-điểm hầu giúp ích cho đời-sống tốt-đẹp hơn.

Học để làm người là cái học quan-trọng nhất tại nước Việt-Nam Cộng-Hòa và các nước tại Á-Đông. Mục-đích việc học của Á Đông là “tiên học lễ hậu học văn” để chú-trọng tới việc xây-dựng con người toàn-diện về phép-tắc, sự giao-thiệp, lễ-độ, tinh-thần, và đạo-đức cũng như kiến-thức. Cái học của Âu-Mỹ chỉ chú-trọng về mặt chuyên-môn để đào-tạo các chuyên-gia hơn là đào-tạo con người. Tuổi trẻ Việt-Nam ở hải-ngoại có lỗi-cốt của cái học Á-Đông và bây giờ lại được thêm cái tinh-tuý về khoa-học kỹ-thuật Âu-Mỹ thì thật là điều tuyệt-diệu. Học để có kiến-thức và chuyên-môn thì dễ. Muốn học để làm người toàn-diện, các bạn trẻ cần chú-ý các mặt sau:

- Phải học sao để làm người con hiếu-thảo ở trong gia-đình vì chữ “hiếu” là giường-mối của mọi nết ăn-ở trên đời. Con-cái phải có nghĩa-vụ đối với cha mẹ mới là người con có hiếu và mới được gọi là người có ăn-học. Nghĩa-vụ đối với cha mẹ gồm: ân-cần săn-sóc cha mẹ, kính-trọng cha mẹ, chăm-chỉ

học-hành, giúp-đỡ cha mẹ, và nghe lời cha mẹ khuyển-bảo, v.v. Con người mang tội bất-hiểu thì chắc-chắn họ chỉ là kẻ sâu-dân mọt-nước.

- Có để với anh em và đồng-bào mình. Đối-xử tử-tế, hợp đạo-lý, giữ trọn tình-nghĩa trước sau với anh em đều được gọi là “để.” Có để thì anh chị em mới hòa-thuận, đồng-bào mới thương yêu nhau, và nhiên-hậu, xã-hội mới thịnh-vượng.

- Học sao để có sự “cẩn-trọng” và “chân-thành.” Khi làm việc gì, khi tiếp-đãi ai, “cẩn-trọng” là việc ta phải chú-tâm, chẳng-hạn như khi giao-tiếp với tha-nhân, ta phải giữ lễ và tôn-trọng ý-kiến người ta. Sự “chân-thành” phải được coi là cốt-yếu. Có chân-thành thì mới có tín. Khi làm việc phải cẩn-trọng. Muốn thế, ta phải có kế-hoạch thi-hành và kiểm-soát trong tinh-thần khoa-học và dân-chủ mỗi khi bắt đầu một công-việc. Có cẩn-trọng và có tín thì mới có thể làm việc ích-quốc lợi-dân được.

- Phải học sao có được lòng từ-bi, bác-ái, khoan-dung, và độ-lượng. Đạo Phật có “đại từ đại bi”; Đạo Thiên-Chúa có “bác-ái” (yêu người như yêu mình, yêu cả kẻ thù); và trong Khổng-Giáo có lòng “nhân.” Tất-cả đều dạy ta có lòng yêu thương tha-nhân, khoan-dung độ-lượng với mọi người, và ăn-ở phải có lòng nhân. Tuy-nhiên, ta phải sáng-suốt để gần-gũi người có nhân, và xa-lánh kẻ bất-nhân. Khoan-dung độ-lượng có nghĩa là tha-thứ và thương-yêu mọi người nhưng không có nghĩa là để kẻ bất-nhân lợi-dụng làm hại mình. Nếu không giáo-hóa được kẻ bất-nhân ta phải xa-lánh họ để tìm cách giáo-hóa cho họ sau.

- Phải lập-chí. Khi muốn làm việc gì và quyết-định làm cho bằng được, đó là có “chí.” Người xưa thường nói: “có chí thì nên”; “có chí làm quan, có gan làm giàu”; “làm trai chí ở cho bền, chớ lo muộn vợ, chớ phiền muộn con”; “làm trai có chí lập-thân, rồi ra gặp hội phong-vân có ngày”; “làm trai quyết-chí tang-bồng, sao cho tỏ mặt anh-hùng mới cam.”



Khi có “hiếu,” “đẽ,” “cẩn-trọng,” “chân-thành,” “từ-ái,” “khoan-dung độ-lương,” và “lập được chí” thì cái học của ta mới toàn- vẹn. Tuy-nhiên cuộc đời vẫn có nhiều ngoại-lệ, nhất là ở thời nay. Hoàn-cảnh và dòng-giống cũng có ảnh-hưởng đến sự hiểu-biết và sự lập-nghiệp của con người. Xưa cũng như nay vẫn có người lập-nghiệp và tự-lập ở tuổi hai mươi, có người còn lập-nghiệp sớm hơn nữa. Cùng một trình-độ học-vấn, mỗi tuổi hiểu sự-vật một cách khác. Cùng một tác-phẩm mỗi lần đọc lại ta lại hiểu rõ thêm. Cuộc sống và sự học-hỏi giúp ta hiểu đời càng lúc càng kỹ hơn. Đến tuổi 60 thì mỗi khi thấy sự việc dù trái hay phải, dù thiện hay ác, dù sướng hay khổ, hết thấy đều không có gì phải ngạc-nhiên. Bởi thế mới có trình độ “nhĩ-nhĩ-thuận.”

### **III Kết-Luận :**

Thông-minh tài-giỏi không cứ phải do tuổi-tác nhiều mà có. Người xưa thường nói “Lão-ô bách-tuế không bằng phượng-hoàng sơ-sinh” (con quạ già trăm tuổi không bằng chim phượng-hoàng mới sinh ra) là vậy. Thông-minh có thể do nòi-giống và sự bẩm-sinh mà có. Kiến-thức và kinh-nghiệm phải do học-hỏi mà thành. Tuổi đời cộng thêm việc học-hỏi và từng-trải mới đạt được các trình độ “tam thập nhi lập, tứ thập nhi bất-hoặc, ngũ thập nhi tri thiên-mệnh, lục thập nhi nhĩ-thuận, và thất thập nhi tàng-tâm sở-dục bất du-cử.”

Ta cần phải chú-tâm về việc học ngay từ khi còn trẻ và tiếp-tục học mãi cho đến già. Học phải bao-gồm từ sự bắt-chước, trau-giồi kiến-thức, nghiên-cứu, áp-dụng, thực-hành, đến việc học làm người, nhất-nhất đều cố-tâm thì mới mong “tam thập nhi-lập” một cách đúng nghĩa của nó được.

### **Khải Chính Phạm Kim Thư**

# TIN TỨC ĐẠO SỰ

## I- Cơ-Quan Đại-Diện Cao-Đài Tòa-Thánh Tây-Ninh tại Hải ngoại:

Phiên họp Hội-Đồng Điều-Hợp (HDDH) mở rộng đã được tổ chức tại Westminster, California, Hoakỳ vào lúc 10 giờ sáng ngày 17/3/2007 với thành phần tham dự như sau: nhị vị Phó Chủ Trưởng, hầu hết thành viên HDDH, ngoại trừ HT Bùi Đông Phương vắng mặt vì quá xa, vị Phụ Tá thay mặt Chủ Trưởng (CT) , cùng vài vị Hiền Tài và nhân sĩ và một Đại biểu ĐĐTINH dưới sự chủ tọa của Hiền-Tài Phạm văn Khảm. Phiên họp đã đạt kết quả thống nhất sau đây:

1- Việc phân công phân nhiệm giữa các thành viên HDDH.

2- Thành lập ba(3) văn phòng Thường Trực của Cơ Quan và 01 Văn phòng Đại Diện HDDH tại Úc Châu:

21- Văn phòng (VP) HDDH

HDDH gồm có: 2 Đồng CT, Đệ I&II Phó CT và 7 thành viên HDDH, Văn Phòng này trực thuộc Chủ Trưởng, có 01 Đầu Phòng Văn, 01 Từ Hàn giúp việc và một số nhân sự nếu cần. Địa điểm: San Jose, CA.

22- Văn phòng 2 HDDH do Đệ I Phó CT phụ trách, văn phòng có 01 Đầu phòng Văn và 01 Từ Hàn và thêm nhân sự nếu cần. Địa điểm: Westminster, CA.

23- Văn phòng 3 HDDH do Đệ II Phó CT phụ trách, văn phòng có 01 Đầu phòng Văn và 01 Từ Hàn và thêm nhân sự nếu cần. Địa điểm: New Orleans, LA.

24- Văn phòng Đại Diện HDDH tại Úc Châu do Hiền Tài Bùi Đông Phương, thành viên HDDH phụ trách, văn phòng có 01 Đầu phòng Văn và 01 Từ Hàn và thêm nhân sự nếu cần.

3-Chương trình và kế hoạch hoạt động 09 tháng cuối năm 2007.

4.Thành phần nhân sự: Từ các vị Đầu phòng Văn các VP đến các Trưởng các Ban, Vụ trực thuộc HĐĐH như Phổ Tế , Ban Phước Thiện, Khảo Cứu Vụ, Giám Sát, kể cả Ban Tham Vấn, và các Ban, Vụ trực thuộc Đệ I PCT như Học vụ, Lễ Vụ ....đã được phân công và sẽ được chính thức mời phụ trách. Việc cử nhiệm sẽ được phổ biến bằng văn bản đến các thành viên Cơ Quan

5-Thông qua các mẫu con dấu của Cơ-Quan

Thêm vào đó, Cơ Quan sẽ thực hiện 01 Website, 01 Bản tin hoặc Đặc san, chương trình phát thanh Giáo lý và một sách Giáo Lý dành cho thiếu nhi để các em thiếu nhi quen với nếp sống Đạo Đức.

Cuộc họp bế mạc lúc 18giờ 30 cùng ngày.

## **II-Phiên họp bầu cử Tân Ban Quản Nhiệm Ban Thế Đạo Bắc California, Hoa Kỳ**

Vào lúc 10 giờ sáng ngày 25/3/2007 tại văn phòng Ban Thế Đạo Hải Ngoại , một cuộc họp đã diễn ra để bầu Tân Ban Quản Nhiệm BTĐ Bắc California dưới sự Chủ tọa của Hiền Tài Nguyễn Ngọc Dũ, Tổng Quản Nhiệm BTĐ/HN. Tham dự: 11 vị, ủy nhiệm 06 vị. Có sự tham dự của Hiền Huynh CTS XLTV Qu. Đầu Tộc Đạo Santa Clara và H/Huynh Cựu CTS Nguyễn văn Rài thành viên HĐĐH Cơ Quan Đại Diện Cao-Đài TTTN tại Hải Ngoại.

Sau thủ tục nhập hội, Hiền Tài Nguyễn Đăng Khích báo cáo kết quả sinh hoạt của BTĐ Bắc CA trong nhiệm kỳ ba năm qua 2004-2007. Kế đến, phát biểu cảm tưởng của Hành chánh Đạo và Ban Quản Nhiệm BTĐ/HN.

Tiếp theo phần bầu cử Tân Ban Quản Nhiệm BTĐ Bắc California với kết quả như sau:

HT Nguyễn Đăng Khích một lần nữa, được bầu lại chức vụ Tổng Quản Nhiệm BTĐ/BCA,

-Hiền Huynh HTDP Dương văn Ngừa: Đệ I Phó TQN,  
-HTDP Nguyễn văn Sam (ký giả Duy Văn): Đệ II Phó  
TQN,  
-HT Nguyễn thị Lửa: Trưởng Nhiệm Thanh Sát,  
-HTDP Nguyễn Bích Thủy: Thủ Bồn,  
-HTDP Đỗ Thanh Hải: Trưởng Nhiệm Văn Hóa và Xã  
Hội,  
-HTDP Nguyễn Trung Hưng làm Phụ Tá Đặc biệt, phụ  
giúp cho TQN.

Một số Trưởng Nhiệm khác sẽ được bổ sung sau.

Sau cùng là phần Dự Thảo Phương hướng hoạt động ba  
năm tới của BTĐ/BCA do HTDP Nguyễn văn Sam trình bày và  
được các thành viên trẻ góp ý rất tích cực..

Lễ Tuyên Thệ nhận nhiệm vụ của tân Ban Quản Nhiệm  
Ban Thế Đạo Bắc California đã được tổ chức tại Thánh Thất  
San Jose vào lúc 19 giờ sau giờ cúng Đại đàn vía Đức Thái  
Thương Đạo Quân ngày Rằm tháng 2 Đinh Hợi(DI ngày 2/4/  
07).

---

**Nhận định về “đối thoại liên tôn”**  
**(tiếp theo trang 116)**

phương pháp QUI TÂM ( khai sáng lương tâm gọi tắt là KHAI  
TÂM ) thể hiện tinh thần Hòa Đồng Tôn Giáo, xây dựng nền  
văn minh Tình Thương Huỳnh Đệ Đại Đồng.

Chúng tôi rất tâm đắc với lời kêu gọi của Đức Hồng Y  
Francis Arinze về Liên Hiệp Tôn Giáo xây dựng nền văn minh  
Tình Thương và Hòa Bình như bắt gặp được chính linh hồn mình.

**Hiền Tài Nguyễn Ngọc Nương**

(Trung Tâm Nghiên Cứu & Phát Huy Đại Đạo,  
Houston, Texas, Hoa kỳ)

**III-Tâm Thư kêu gọi Đồng Đạo Góp Công Xây  
Dựng Thánh Thất Dallas-Fortworth, Texas:**

**3rd Amnesty of GOD Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ**  
**The Tây Ninh Holy See (Bát thập nhứt niên)**  
**Cao Đài of Texas Tòa Thánh Tây Ninh**  
**The Non-Profit Religious \*\*\***  
**Organization Thánh Thất và Điện Thờ Phật Mẫu**  
**Dallas-Fortworth**  
-----

**TÂM THƯ (Số 2)**

**Kính Gửi:**

- Quý Thánh Thất, Quý Điện Thờ Phật Mẫu, Quý Cơ Sở Đạo Hải Ngoại
  - Quý Chức Sắc, Chức Việc, Quý Đồng Đạo, Quý Đồng Hương
  - Quý An Nhân, Quý Mạnh Thường Quân, Quý Thân Chủ Cơ Sở, Quý nhà Hảo Tâm Từ Thiện... gần xa...
- .....

**Kính thưa Quý Vị,**

Tiếp theo Tâm Thư ngày 20-2-2005 Tộc Đạo Cao Đài Dallas-Fortworth, chúng tôi đã kính gửi đến quý liệt vị với từ tâm giúp đỡ, tiếp sức cùng Bốn Đạo chúng tôi mua bất động sản 1.60 acres để tạo dựng Thánh Thất Cao Đài là nơi tôn thờ Đức Chí Tôn, tọa lạc tại số: 1851 W. Apollo Rd (góc đường Apollo Rd & N. Garland, gần chùa Đạo Quang và Giáo Xứ Đức Mẹ Hằng Cứu Giúp). Số tiền 160 ngàn Mỹ kim, nhờ sự ủng hộ nồng nhiệt cao quý và liên tục của bốn Đạo và quý ân nhân gần xa đã hoàn toàn trả dứt số tiền mua đất vào ngày 25 tháng 4 năm 2006. Ngày sau đó, chúng tôi cũng đã nhận được giấy phép xây cất Thánh Thất của thành phố Garland, ngày 12-10-2006 (giấy phép số: CH0604), cùng lúc đã ký hợp đồng xây dựng với nhà thầu,

kinh phí là 420 ngàn Mỹ kim. Chương trình khởi công làm nền bắt đầu vào ngày 28 tháng 10 năm 2006 (Âm Lịch ngày 7 tháng 9 Bính Tuất). Thời gian dự trù hoàn tất vào tháng 4 năm 2007.

**Kính thưa Quý Vị, Quý Huynh Tỷ,**

Sau khi mua được miếng đất xây dựng Thánh Thất mới, chúng tôi dự tính sẽ dời Ngôi Thờ cũ tại số 2503 Lapsley St Dallas, TX 75212 về thành phố Garland khi ngôi Thờ mới được hoàn thành. Nào ngờ cảnh bi thương khốn khó lại xảy đến với Bồn Đạo chúng tôi! Vào đêm 26-8-2005, khoảng 5 giờ sáng Ngôi Thờ bị hỏa hoạn thiêu hủy hoàn toàn phòng ốc và tài sản của Đạo. Gặp phải biến cố bất ngờ, không còn nơi thờ phượng lễ bái và thực hành các nghi tiết tôn giáo nên chúng tôi buộc lòng phải gấp rút vận động thực hiện xây dựng ngôi Thờ mới càng sớm càng tốt. Mặc khác, chúng tôi xin phép thành phố Garland cất một căn nhà nhỏ diện tích 24 m<sup>2</sup> làm nơi thờ phượng tạm, còn các sinh hoạt Đạo chúng tôi nhờ vào bóng mát tàng cây có sẵn trong khuôn viên.

Nay Tộc Đạo chúng tôi khẩn thiết kính gửi tâm thư này mong nhờ lòng ưu ái của quý ân nhân gần xa ủng hộ ít nhiều tài vật giúp chúng tôi sớm hoàn thành ước nguyện có được Ngôi Thờ Đức Chí Tôn và Chư Thần, Thánh, Tiên, Phật để Bồn Đạo có nơi tôn nghiêm lễ bái hàng ngày và cũng là nơi trụ vững đức tin trên bước đường tu học và phục vụ chúng sanh.

Câu nguyện Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và các Đấng Thiêng Liêng ban phúc lành cho Quý Vị và gia đình.

Garland ngày 31 tháng 10 năm 2006  
(AL 10-9 Bính Tuất)

TM Tộc Đạo Dallas-FortworthTM

Ban Vận Động

**Qu. Đầu Tộc Đạo**

**Trưởng Ban**

**Ấn ký**

**Ký tên**

**CTS Nguyễn Công Tranh**

**TS Trương Văn Thành**

*\*Điện thoại liên lạc:*

-Chánh Trị Sự Nguyễn Công Tranh (972-384-0100)

-Thông Sự Trương Văn Thành (469-544-1745)

**\*Chi phiếu ủng hộ xin gửi về: Cao Đài of Texas, P.O BOX 452752 Garland, TX 75045-2752.** Biên nhận trừ thuế, thư cảm tạ, chúng tôi sẽ gửi đến quý ân nhân sau.

## **Thư Gửi Cựu Sinh Đạo Đức Học Đường & Lê Văn Trung**

Dallas, ngày 17-02-07

***Kính gửi:*** Quý anh chị cựu sinh Đạo-Đức Học Đường  
và Lê Văn-Trung

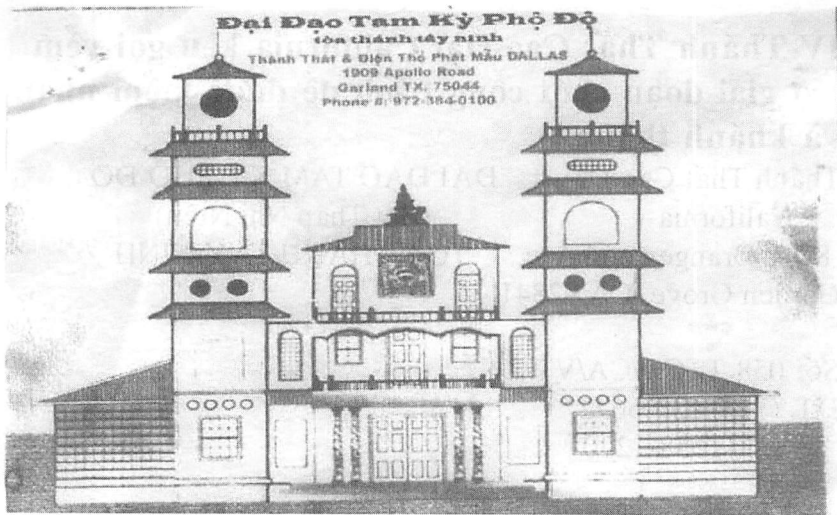
***Trích yếu:*** V/V Xin yểm trợ xây cất Thánh-Thất và Điện-Thờ Phật-Mẫu Dallas Fort Worth

Kính thưa quý Anh, quý Chị

Chúng tôi đứng tên dưới đây là vận động viên tài-chánh mạo-muội trình-bày cùng quý vị một việc vô cùng khẩn thiết như sau:

Sau ngày (26-8-05) Thánh-Thất và Điện-Thờ Phật-Mẫu Dallas Fort Worth bị hỏa-hoạn, đồng-đạo sở-tại rất nôn nóng trong việc xây dựng ngôi thờ mới. Qua nhiều đợt kêu gọi nhau đóng góp, nhưng kết quả rất khiêm-nhường vì hầu hết là H.O., tuổi hạc đã cao, khả năng rất hạn-chế.

Một thực trạng rất đau lộng là mỗi ngày chúa-nhật tổ chức đánh lễ Đức Chí-Tôn phải chia ra nhiều đợt. Đợt sau phải đứng bên



### Chính diện Thánh Thất đang xây

ngoài co ro, run rẩy trong gió lạnh, mưa sương (Vì nhà kho, tạm thờ phượng quá nhỏ hẹp không đủ sức chứa).

Bức xúc này thôi thúc chúng tôi tha-thiết kêu gọi quý anh chị đồng-môn, đồng-đạo, đồng-hương, đồng ngũ và bạn bè gần xa nối vòng tay chúng tôi phát tâm công-quả, lập công bồi-đức, mỗi người một viên gạch để sớm hoàn thành ngôi thờ Đức Chí-Tôn và Phật-Mẫu,

*Một cây làm chẳng nên non,*

*Ba cây dùm lại nên hòn núi cao.*

Trước thêm năm mới chúng tôi thành tâm cầu nguyện Đức Chí-Tôn và Phật-Mẫu ban bố hồng ân cho quý anh chị và gia quyến được dồi-dào sức khoẻ vui tươi hạnh-phúc, mọi sự cát tường.

Thân ái.

*Đỗ-Đức-Thượng, Trần-Công-Bé, Nguyễn-Công-Tranh,  
Mai-Văn-Liêm, Phạm Văn Khoái, Võ -Ngọc Diệp,  
Lê Thị Huệ-Hường, Cao-Minh-Triết, Võ-Thế-Cường,  
Đặng-Thành-Cứ, Đặng-Bá-Nhị.....*



**IV-Thánh Thất Cao-Đài California kêu gọi yểm  
trợ giai đoạn chót công trình để được kiểm nhận  
và khánh thành:**

Thánh Thất Cao Đài      ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ  
California                      (Bát Thập Nhị Niên)  
8791 Orangewood Ave.      TÒA THÁNH TÂY NINH  
Garden Grove, CA 92841

\*\*\*

\*\*\*

Số: 058-TTCD/CA/VT.  
ĐT. (714) 636-6622  
(714) 638-1220  
\*\*\*

**Kính gửi:** - Chư Chức Sắc, Chức Việc và Đồng Đạo,  
- Chư vị Đạo Tâm và Đồng Hương

**Trích yếu:** - V/v. Xin yểm trợ để trồng cây cảnh chung quanh  
Thánh Thất.

Kính thưa Quý Vị,

Trong tâm thư đề ngày 25-12-2006, Tộc Đạo Little Sài Gòn  
và Ban Tạo-Tác Thánh Thất có kêu gọi công quả của Chư  
Huynh/Tỷ để làm bãi đậu xe và cảnh trí (Landscaping) là giai  
đoạn chót của công trình.

Sự nhiệt-tình hưởng ứng của Chư Vị, mặc dù không thể  
thanh-thỏa hết phí tổn cho bãi đậu xe, nhưng đã tạo được sức  
đẩy đáng kể nên công đoạn này cũng hoàn tất. Tuy nhiên việc  
thực hiện cây cảnh vẫn chưa được khởi công vì tài chánh cạn  
kiệt..! Nếu bao lâu Thánh Thất chưa trồng cây cảnh được, thì  
bấy lâu Thành Phố không thể kiểm nhận công trình này. Hệ  
quả khiến cho Tộc Đạo chưa dám ấn định ngày thượng Thánh  
Tượng Thiên Nhân để chính thức sinh-hoạt đạo sự và ngày Khánh  
Thành vì thế mà trì hoãn.



Vì vậy, Tộc Đạo Little Sài Gòn thành khẩn kêu gọi lòng phụng hiến của chư Huynh/Tỷ thêm một lần nữa để ngôi nhà chung của Nhơn Sanh sớm viên thành.

**GHI CHÚ:** Chi phiếu xin đề: ĐĐTKPD-TTTN  
(Viết tắt của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ - Tòa Thánh Tây Ninh).

**XIN GỬI VỀ:** Thánh Thất Cao Đài California  
8791 Oranewood Avenue  
Garden Grove, CA 92841

Cầu xin hai Đấng Phụ Mẫu của Vạn Linh ban hồng ân cho toàn thể chư Huynh/Tỷ và bửu quyến.

Trân trọng  
Tộc Đạo Little Sài Gòn, ngày 05 tháng 04 năm 2007  
TM. Tộc Đạo  
T.U.N. Q. Đầu Tộc  
(Ấn ký)

**Hiền Tài THƯỢNG VĂN THANH**

## **V-Công Trình Xây Dựng Thánh Thất Georgia:**

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ  
(Bát Thập Nhứt Niên)  
Tòa-Thánh Tây-Ninh

**Thánh Thất Georgia**  
**381 Cleveland Cir. SW**  
**Atlanta, GA 30315-8111**

Nam Mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát  
Nam Mô Điều Trì Kim Mẫu Vô Cực Thiên Tôn  
Nam Mô Chư Phật, Chư Tiên, Chư Thánh, Chư Thần

Kính gửi:       - Quý vị lãnh đạo Tinh Thần Tôn-Giáo  
                  - Quý vị hăng tâm, hăng sản  
                  - Quý vị mạnh thường quân  
                  - Quý đồng hương, quý đồng đạo

Trích yếu: v/v/ xin phát tâm công quả để xây dựng  
Thánh Thất Georgia

Kính thưa quý vị,

Đời sống tâm linh là điều tối cần cho con người trong kiếp sanh khổ hạnh và ngăn ngừa, nhất là buổi hạ ngươn chuyển thế, khi nhân tâm ly tán, luân lý suy đồi, cương thường đảo lộn... Chúng tôi là những môn đệ của Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu lưu lạc muôn phương, định cư trên toàn thế giới nói chung, tại Hoa Kỳ cũng như tại tiểu bang Georgia nói riêng.

Vì nhu cầu phát triển Đạo Pháp, chúng tôi đã được chánh quyền quận Clayton cho phép xây cất Thánh Thất trên phần đất 5.396 acres; tọa lạc tại số 6330 Highway 42, lot 119 of the 12<sup>th</sup> District, Rex city, GA 30273-1604, vào phiên họp ngày 12 và 22, tháng 06, năm 2006.

Chúng tôi cũng như đồng đạo tại địa phương rất mong việc xây cất Thánh Thất sớm được hoàn thành viên mãn, hầu có nơi tôn nghiêm cho nhơn sanh đảnh lễ Đức Chí Tôn và hoàng dương Đạo Pháp. Vì chủ trương của Đạo, và công trình này cần nhiều bàn tay, khối óc, và đức tin của con cái Đức Chí Tôn chung công hiệp sức. Bởi đây là trách nhiệm chung, tâm nguyện chung của chúng ta, và nơi thờ phượng Đấng Cha Lành là của chung của toàn thể nhơn sanh. Vì thế chúng tôi kính mong được sự chung sức chung lòng, phát tâm công quả tích cực của quý liệt vị.

Thành tâm cầu nguyện Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu, và các Đấng Thiêng Liêng ban nhiều hồng ân cho quý vị cùng quý quyến.

Trân trọng kính chào,  
Atlanta, ngày 20 tháng 9 năm 2006  
Thay mặt Bàn Trị Sự và đồng Đạo  
Chánh Trị Sự  
(Ấn ký)

**Nguyễn Văn Hưởng**

Xin đề trên check hay money order:

Pay to the order of: **Cao Dai Temple of Georgia**

For: New Temple Construction

Và gửi về địa chỉ Hiền tỷ **Lê Thị Hiệp:**

**4167 English Oak Dr, Doraville, GA 30340**

**Phone: (770) 446-9744.**

Sự phát tâm công quả của quý vị sẽ được ghi sổ và gửi biên nhận cho quý vị tiện việc khai thuế. Nếu cần thêm chi tiết, xin liên lạc :

Hiền huynh **Nguyễn Văn Hưởng**

**948 Dunstan lane, Stone Mountain, GA 30083-2451**

**Phone: (404) 296-9477.**

**VI-Tâm Thư Kêu Gọi Yểm Trợ Xây Cát Thánh  
Thất Thành Nội HUẾ:**

VP BAN CAI QUẢN ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ  
Thánh Thất Cao Đài      Bát Thập Nhị Niên  
Họ Đạo Vĩnh Lợi TT Huế    **Tòa Thánh Tây Ninh**  
41C Hùng Vương – TP Huế \_\_\_\_\_  
ĐT: 054.810182

*Ngày 15 tháng 2 năm Đinh Hợi  
DL: ngày 2 tháng 4 năm 2007*

**“Nam Mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát”**

**BỨC TÂM THƯ**

**Kính gửi:** Chư Chức Sắc, Chư Chức Việc, và Chư Đạo  
Hữu Nam Nữ

Kính thưa chư Hiền Huynh, Tỷ, Đệ, Muội,

Đầu thư, chúng đệ là chức việc thành viên Ban Cai Quản, đại diện bốn đạo thuộc Họ Đạo Vĩnh Lợi, Thừa Thiên Huế thành tâm cầu nguyện Thầy Mẹ cùng các Đấng Thiêng Liêng ban hồng ân đến Chư Quý Hiền được dồi dào sức khỏe, và thân tâm an lạc.

Kính thưa Quý Hiền,

Nguyên lô đất H20 có diện tích 5000m<sup>2</sup> của Họ Đạo Vĩnh Lợi Thừa Thiên Huế có một ngôi nhà tạm làm nơi thờ Thầy Mẹ được tọa lạc tại số 41C đường Hùng Vương – thành phố Huế một thành phố được UNESCO công nhận là di sản văn hóa thế giới. Lô đất này đã được cố Giáo Sư Thượng Đồi

Thanh cùng một số chức sắc khác đã vận động quyền góp công quả nhiều nơi và đã thuận mãi năm 1967. Thế theo ý nguyện của chức sắc và đạo hữu muốn phát triển cơ đạo ở Huế thời bấy giờ, ngày 12 tháng 02 năm 1971 Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ – Tòa Thánh Tây Ninh đã chấp thuận cho phép xây dựng tại thành phố Huế ngôi Thánh Thất mẫu số 3.

Mấy mươi năm qua với lòng thương Thầy mến Đạo, với niềm tin trọn vẹn vì sự nghiệp Đạo ở Huế, theo sự thăng trầm biến thiên của lịch sử đất nước chức sắc và đạo hữu Họ Đạo Vĩnh Lợi cũng đã nằm gai nếm mật với bao công lao tiêu tứ khổ hạnh. Một phần lớn đạo hữu vì điều kiện kinh tế khó khăn đã dời vào miền Nam sinh sống theo phong trào kinh tế mới từ những năm 1979-1981. Nhiều chức sắc và đạo hữu khác vì tuổi già sức yếu đã lần lượt mãn phần qui vị mà ước mơ xây dựng ngôi Thánh Thất tại thành phố Huế vẫn chưa thực hiện được.

Đến năm 1987, chính quyền tỉnh Thừa Thiên Huế mở một con đường chia đôi lô đất của Họ Đạo ra làm 2 mảnh. Một mảnh chính quyền tỉnh còn đang trưng dụng chưa trả lại. Mảnh còn lại là 1700m<sup>2</sup> hiện có một ngôi nhà tạm làm nơi thờ Thầy Mẹ. Chúng đệ là thế hệ hậu tấn, nối gót theo đại chí của các bậc đàn anh nên từ ngày 4 tháng 3 năm 2001 đã kính đơn lên chính quyền tỉnh xin xây dựng Thánh Thất rất nhiều lần. Nhưng không được sự chấp thuận mà còn yêu cầu Họ Đạo phải đi dời đi nơi khác. Trải qua thời gian kiên trì, chờ đợi 5 năm 1 tháng 8 ngày với biết bao trăn trở, nhờ vào đức tin và sự động viên của đồng đạo các nơi giúp chúng đệ vững tâm vững chí, đồng lòng giữ được mảnh đất mà Quý Chức Sắc, Chức Việc và Đạo Hữu đã dày công tạo dựng để mong xây dựng lại ngôi thờ Đức Chí Tôn – Phật Mẫu.

Mãi đến ngày 12 tháng 4 năm 2006, văn thư số 1143 của UBND Tỉnh Thừa Thiên Huế mới cho phép Họ Đạo Vĩnh Lợi – Huế được xây dựng ngôi Thánh Thất trên lô đất hiện tại. Tin vui

này đã làm nức lòng chư bốn Đạo ở Huế và toàn Đạo khắp nơi trong cũng như ngoài nước, mở ra một triển vọng tươi sáng ở tương lai mà bao trào Chúc Sắc đã từ lâu mơ ước thực hiện.

Gần 40 năm trôi qua, theo thời gian và vì thiên tai bão lụt hoành hành hằng năm Ngôi Nhà Chung thờ Thầy Mẹ nay đã xuống cấp trầm trọng. Bên cạnh các đền chùa, thành quách và lăng tẩm ở cố đô Huế, cùng với các cơ sở khang trang cao lớn của tôn giáo bạn, nhìn lại ngôi thờ Đức Chí Tôn-Phật Mẫu thì còn quá đơn sơ và khiêm tốn.

Được sự đồng thuận của Sở Xây Dựng Thừa Thiên Huế đề ngày 02 tháng 02 năm 2007 và Hội Đồng Chưởng Quản đề ngày 24 tháng 02 năm 2007 cho phép Họ Đạo xây dựng ngôi Thánh Thất mẫu số 4 (2 tầng). Hiện nay Ban Cai Quản và Họ Đạo Vĩnh Lợi vừa mừng lại vừa lo. Mừng là giữ được sự tồn tại và được phép xây dựng ngôi Thánh Thất trên mảnh đất của Họ Đạo, lo là vì bốn đạo ở Huế hiện nay vừa ít lại vừa nghèo. Đời sống kinh tế bốn đạo còn quá khó khăn, mà dự toán công trình xây dựng với kinh phí trên 3 tỷ đồng tiền Việt Nam. Hơn thế nữa vì Thánh Thất tọa lạc ở trung tâm thành phố Huế và bên cạnh khách sạn Hùng Vương 18 tầng nên Sở Xây Dựng cấp giấy phép với yêu cầu phải khởi công xây dựng công trình trong thời hạn một năm và kiến trúc Thánh Thất phải đảm bảo phù hợp cùng hài hòa với cảnh quan chung của khu vực.

Ban Cai Quản và bốn Đạo đã xin phép Hội Đồng Chưởng Quản và sẽ thiết lễ đặt viên đá khởi công xây vào ngày 20 tháng 4 năm Đinh Hợi (DL: ngày 5 tháng 6 năm 2007). Vì tương lai cho sự nghiệp Đạo, nhằm duy trì và phát triển cơ Đạo tại miền Trung nói chung và tại Huế nói riêng. Kính mong Đồng Đạo trong nước cùng quý chư Hiền ở hải ngoại hết lòng chung tay, hiệp sức và trợ duyên xây dựng được ngôi Thánh Thất ngỗ hầu thể hiện thể pháp của nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ

Độ nơi Thánh Thất Vĩnh Lợi, Thừa Thiên Huế cho ra thiệp tưởng.

Kính thưa Chư Quý Hiền

Qua Bức Tâm Thư này chúng đệ muốn trình bày hoàn cảnh thực tế của Họ Đạo Vĩnh Lợi. Với điều kiện và khả năng ít ỏi của Bốn Đạo, chúng đệ chỉ biết dựa vào lòng thương yêu và tinh thần chung lưng đấu cật, tương thân, tương ái của Chư Đạo Hữu, Đạo Tâm khắp nơi. Rất mong đồng đạo sẽ hoan hỉ phát tâm hỗ trợ về tinh thần, cùng tài lực và vật lực để cho Ban Cai Quản có điều kiện thay mặt Chư Quý Vị tiến hành việc xây dựng ngôi thờ Đức Chí Tôn tại Huế, hầu sớm biến những hoài bão và tâm nguyện chung của toàn Đạo trong nước và hải ngoại trở thành hiện thực.

Với tình linh sơn cốt nhục cùng một Đạo tức cùng Cha, bốn Đạo ở Thánh Thất Vĩnh Lợi, Thừa Thiên Huế rất hoan hỉ tiếp nhận mọi ý kiến xây dựng, đóng góp công quả của chư đồng đạo ở khắp nơi và rất mong sẽ được duyên may hạnh ngộ, thăm hỏi chư Huỳnh, Tỳ, Đệ, Muội tại Thánh Thất Vĩnh Lợi, Thừa Thiên Huế để chúng ta cùng nhau lập công bồi đức, chia vui, sốt nhục, đồng tâm hiệp sức xây dựng đại nghiệp Đạo.

Nơi đây, một lần nữa Chúng Đệ kính chúc quý chư Hiền luôn được vạn sự an lành và tràn đầy hồng ân của Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu.

Trân trọng kính chào.

“Nam Mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát”

**TM BAN CAI QUẢN**

**THÁNH THẤT HỌ ĐẠO VĨNH LỢI, TT HUẾ**

Phó Ban Xây Dựng Qu. Cai Quản kiêm Tr. Ban Xây Dựng

(Ấn ký)

**Thông Sự Ngô Đê**

**Chánh Trị Sự Mai Văn Danh**



**Thư Ký Họ Đạo**                      **Phó Cai Quản**  
Thông Sự Mai Thanh Linh   Phó Trị Sự Lê Văn Đẩu

**\*Mọi chi tiết xin quý chúc sắc, đạo hữu, đạo tâm liên hệ theo địa chỉ:**

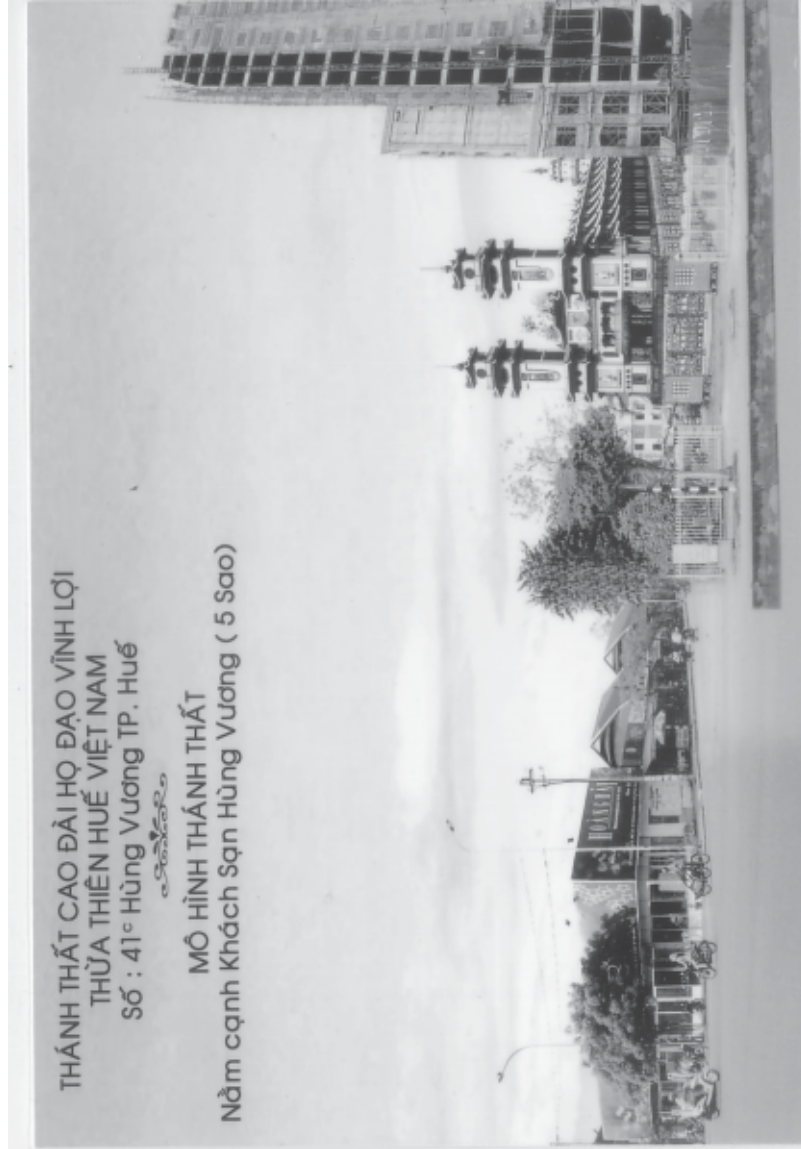
*VP Ban Cai Quản – Thánh Thất Họ Đạo Vĩnh Lợi – TTHuế  
Số 41C, đường Hùng Vương – TP Huế –  
Thừa Thiên Huế, Việt Nam  
- Email: thanhthathue@yahoo.com  
Điện thoại: + 84 (0) 54 810182, - Mobile: + 84 905473774*

**\*Xin vui lòng xem đầy đủ chi tiết về công trình xây dựng Thánh Thất Vĩnh Lợi – Huế, tại địa chỉ trang nhà là:**  
[www.daocaodai.info](http://www.daocaodai.info)  
Hay là: <http://129.78.64.1/~cdao/thanhthathue/thanhthathue.html>

**\*Mọi đóng góp công quả xin vui lòng ghi:**

*Bene Name/Tên người nhận:  
Thánh Thất Cao-Đài Họ Đạo Vĩnh Lợi, ThừaThiên Huế  
Bene Add./Địa chỉ:  
41C, đường Hùng Vương – TP Huế –  
Thừa Thiên Huế, Việt Nam.*

**Tại Ngân Hàng: VP Bank (Chi nhánh Huế)**  
*- A/C number – Tài khoản ngoại tệ số: 119326437105  
A/C number – Tài khoản Việt Nam đồng số: 119308000105*





## Việc Liên Lạc

### Ban Thế Đạo Hải Ngoại

Để việc liên lạc với Ban Quản Nhiệm Ban Thế Đạo Hải Ngoại, Các Ban Quản Nhiệm địa phương và Tập San Thế Đạo được dễ dàng và nhanh chóng, xin quý Hiền Huynh, Hiền Tỷ liên lạc theo những cách như sau:

#### **I- Ban Quản Nhiệm Ban Thế Đạo Hải Ngoại:**

**1- Địa chỉ:** 3076 Oakbridge Dr., San Jose , CA. 95121

**2- HT. Nguyễn Ngọc Dũ,** Phone : (408) 238-6547

E- mail: dutani@comcast.net

**3- HT. Nguyễn văn Cầu,** Phone: (408) 262-4209

Fax: (408) 262-4209, E-mail: caunguyencd@gmail.com

**4- HT. Mai văn Tim,** Phone: (425) 265-1095

E-mail: [TIMMAI@juno.com](mailto:TIMMAI@juno.com).

#### **II- Tập San Thế Đạo:**

- **Tập San Thế Đạo :**3076 Oakbridge Dr., San Jose, CA. 95121- 1716

- Đại Diện Tập San Thế Đạo tại Bắc Cali:

HT Nguyễn Đăng Khích, Phone: (408) 729-3922

- Đại-Diện Tập San Thế Đạo tại Nam Cali:

HTDP Huỳnh Mãng, Phone: (714) 544-5698

- Đại Diện Tập San Thế Đạo tại Bang Georgia:

HTDP Trần văn Tấnh, Phone: (678) 422-8784

- Đại Diện Tập San Thế Đạo tại Bang Texas:

HTDP Lý Trường Thọ, Phone: (281) 988-9858

- Đại Diện Tập San Thế Đạo tại Tiểu Bang Ontario, Canada:

HTDP Lê Đăng, Phone: (416) 780-1874

Fax: (416) 780-1829

### **III- Ban Đại Diện Ban Thế Đạo Hải Ngoại:**

1- Ban Đại Diện Ban Thế Đạo Hải Ngoại tại bang Washington & bang Oregon:

HT. Mai Văn Tím Phone: (425) 265-1095

HTDP Trần Trung Dung Phone:(253) 815-1846

2- Ban Đại Diện Ban Thế Đạo Hải Ngoại tại bang Texas:

HTDP Trần Công Bé Phone:(817) 244-7322

HTDP Lý Trường Thọ Phone: (281) 988-9858

3- Đại Diện Ban Thế Đạo Hải Ngoại tại bang Louisiana:

HT. Nguyễn Thừa Long Phone:(504) 831-3152.

4- Đại Diện Ban Thế Đạo tại bang Georgia:

HT Cao Văn Bẩy Phone:(770) 638-4616

HT Văn Công Cộng Phone:(678) 422-1946

4-Ban Đại Diện Ban Thế Đạo Hải Ngoại tại bang Florida:

HT Huỳnh Công Khanh Phone:(727) 544-9484

5-Ban Đại Diện Ban Thế Đạo Hải Ngoại tại Toronto, Canada:

HTDP Phan Văn Tông Phone: (905) 794-8200

HTDP Lê Đăng Phone:(416) 780-1874

6- Đại Diện Ban Thế Đạo Hải Ngoại tại Pháp:

HTDP Nguyễn Chí Hiền Phone:01-4852-6017

### **IV- Ban Thế Đạo Úc Châu:**

HT. Nguyễn Kim Triệu, Phone: (612) 9726-9684.

### **IV- Ban Thế Đạo Bắc California:**

HT Nguyễn Đăng Khích, Phone: 408-729-3922

Email: tn\_ndk@yahoo.com

### **V-Ban Thế Đạo Nam California**

HT Bùi Văn Nho. Phone & Fax :(951) 781-1219

### **VI- Yểm trợ tài chánh:**

Chi phiếu hoặc money order xin gửi về:

Ban Thế Đạo Hải Ngoại

3076 Oakbridge Dr

San Jose, CA 95121-1716

**Danh Sách Đồng Đạo/ Thân Hữu**  
**Cơ Sở yểm trợ Tập San Thế Đạo**  
**( từ ngày 21-01-2007 đến ngày 21-04-2007)**

| <b><u>STT</u></b> | <b><u>Đồng Đạo/ Thân hữu/Cơ Sở</u></b>              | <b><u>USD</u></b> |
|-------------------|---|-------------------|
| 1                 | Đặng Minh Dương, San Diego, CA                      | \$20.00           |
| 2                 | CTS Hà Thị Nết, Orange, CA                          | \$40.00           |
| 3                 | TSự Trần Thị An, Sacramento, CA                     | \$20.00           |
| 4                 | Phạm Thị Bạch, Morrow, GA                           | \$20.00           |
| 5                 | CTS Phan Thị Sáu, Houston, TX                       | \$20.00           |
| 6                 | Đỗ Quang, San Antonio, TX                           | \$30.00           |
| 7                 | Mạch Thị Thanh Vân, Fremont, CA                     | \$40.00           |
| 8                 | Nguyễn Thành Bá, Austria                            | \$30.00           |
| 9                 | CTS Nguyễn Văn Hưởng, Stone Mountain, GA            | \$40.00           |
| 10                | CTS Lê Văn Tiết, Kent, WA                           | \$20.00           |
| 11                | Nguyễn Thị Đẹp, Milpitas, CA                        | \$20.00           |
| 12                | CTS Phan Văn Hồ, Buena Park, CA                     | \$40.00           |
| 13                | HT Võ Thị Bạch Tuyết, Antelope, CA                  | \$40.00           |
| 14                | Huỳnh Văn Thì, Sacramento, CA                       | \$20.00           |
| 15                | Cao Thị Mỹ, San Jose, CA                            | \$30.00           |
| 16                | Hồ Văn Thôi, San Francisco, CA                      | \$20.00           |
| 17                | Tri Vương, Mississauga, Canada ( 70 đôla Canada)    | \$58.59           |
| 18                | Dương Quang Lên, Oakland, CA                        | \$50.00           |
| 19                | HTDP Huỳnh Kim Triều, Houston, TX                   | \$50.00           |
| 20                | Trần Văn Trâm, Los Angeles, CA                      | \$15.00           |
| 21                | HT Bùi Đức Tài, Rancho Cordova, CA                  | \$20.00           |
| 22                | Jenny Sơn Võ, San Jose, CA                          | \$40.00           |
| 23                | Trần Minh Khiết, DDS, Sandy Dental PC, San Jose, CA | \$200.00          |
| 24                | Trần Công Định, Alameda, CA                         | \$20.00           |
| 25                | Hoàng Xuân Chính, San Jose, CA                      | \$20.00           |
| 26                | CTS Huỳnh Văn Mười, Bradenton, FL                   | \$50.00           |
| 27                | PTS Nguyễn Thị Bé, Seattle, WA                      | \$50.00           |
| 28                | HT Phạm Văn Cờ, Santa Ana, CA                       | \$30.00           |

|    |   |                           |
|----|---|---------------------------|
| 29 | Phạm Thị Minh, DDS, Fremont, CA           | \$50.00                   |
| 30 | Tường Ng, DDS & Huệ Tô, DDS, San Jose, CA | \$200.00                  |
| 31 | Lê Kim Cương, Montreal, Canada            | \$100.00                  |
| 32 | Dược Sĩ Lê Văn Hai, Toronto, Canada       | \$100.00                  |
| 33 | Trần Mỹ Diệu, Elk Grove, CA               | \$20.00                   |
| 34 | HT Lê Thành Hưng, Huntville, AL           | \$100.00                  |
| 35 | Lê Văn Lộc, Garden Grove, CA              | \$20.00                   |
| 36 | Nguyễn Như Hương, San Diego, CA           | \$20.00                   |
| 37 | HT Phạm Văn Luông, San Antonio, CA        | \$30.00                   |
| 38 | HT Trần Huyền Quang, Marrero, LA          | \$20.00                   |
| 39 | Lưu Quốc Minh, Holiday, FL                | \$20.00                   |
| 40 | HTDP Trần Văn Tấn, Morrow, GA             | \$20.00                   |
| 41 | HT Trần Quang Nghị, Fort Smith, AR        | \$30.00                   |
| 42 | HT Mai Văn Tim, Everett, WA               | \$20.00                   |
| 43 | HTDP Trần Văn Lào, Seattle, WA            | \$20.00                   |
| 44 | Thánh Thất Seattle, WA                    | \$50.00                   |
| 45 | Johnny H. Võ, Spanaway, WA                | \$20.00                   |
| 46 | HTDP Nguyễn Hồng Ân, Beaver Creek, OH     | \$50.00                   |
| 47 | HTDP Trần Công Bé, Forth Worth, TX        | \$20.00                   |
| 48 | Nguyễn Thành Hưng, San Jose, CA           | \$30.00                   |
| 49 | HTDP Võ Ngọc Kim, Anaheim, CA             | \$20.00                   |
| 50 | Thomas Tiên Nguyễn, Garden Grove, CA      | \$20.00                   |
|    | <b><u>Tổng Cộng</u></b>                   | <b><u>\$ 2.033.59</u></b> |

\_ Tổng cộng tiền yểm trợ Tập San Thế Đạo từ ngày 21-01-2007 đến ngày 21-04-2007 là Hai ngàn không trăm ba mươi ba đôla năm mươi chín xu. (\$ 2,033.59).

San Jose, ngày 21-04-2007

**Ban Thế Đạo Hải Ngoại**

*Nhận định về*

## **ĐỐI THOẠI LIÊN TÔN**

Thiên niên kỷ mới 2001, tinh thần liên hiệp Tôn giáo trong “ Đối Thoại Liên Tôn “ là một nhu cầu phát triển Tâm Linh, một thể trạng chân lý kiện toàn tất nhiên, phối hợp tinh thần và quyền lực của Đấng Toàn Năng đìu dắt nhân loại trên đường tiến hóa đến văn minh về vật chất lẫn tinh thần : văn minh khoa học vật chất hiện đại kết hợp với tinh thần tựa vào sứ mạng cao cả của tôn giáo.

Sự cộng thông hòa đồng trong Liên Hiệp Tôn Giáo là nguồn suối Tình thương của Thượng Đế Tối Cao ban rải trong Càn Khôn Vũ Trụ, là nguồn ánh sáng tâm linh chan hòa toàn nhân loại.

Ngày nào nhân loại rõ cội nguồn,  
Cùng chung một mạch của Tình Thương.  
Cha Trời ban rải đều muôn vật,  
Ngày ấy Yêu Thương kết Đại Đồng.

Qua bức thư chúc mừng Chư Tôn Đức và tín đồ Phật Giáo nhân Lễ Phật Đản và mời gọi “ cùng phát triển một nền văn hóa đối thoại “ của Đức Hồng Y Francis Arinze , Chủ Tịch Hội Đồng Giáo Hoàng về Đối Thoại Liên Tôn, chúng tôi có những ghi nhận đặc biệt về sự tiến bộ Tâm Linh rạng rỡ của nhân loại : Phát huy Tình Thương rộng lớn trong lòng mọi người đưa đến cảm thông, xóa bỏ những dị biệt về hình thức.

Thực chất, các Tôn giáo chỉ là những mặt của hạt kim cương Chân Lý, phát xuất từ một nguồn chân lý duy nhất, được khai mở trong những thời kỳ và địa phương khác nhau. Do đó có sự khác biệt về hình thức, bản chất vẫn từ một nguồn Tình Thương của Thượng Đế Tối Cao mà người thế gian thường gọi bằng

những danh từ khác nhau như : Đức Chúa, Đức Phật, Đức Jehova, Đức Alah, Đức Chí Tôn..v ...v....

Sự tiến bộ Tâm linh này thích ứng với thời đại “ Toàn cầu hóa “ và tinh thần Đại Đạo, tức tinh thần liên hiệp, hòa đồng Tôn giáo, xây dựng căn nhà chung Vũ Trụ, hòa bình chung sống trong Tình Thương Huynh Đệ Đại Đồng.

Sứ mạng cao cả của Tôn Giáo là lãnh đạo tinh thần, cứu độ thế gian nên sự liên hiệp Tôn Giáo là điều tối cần thiết để mang lại cho nhân loại một đóng góp tích cực với những thành quả “hoa trái mà nhân loại đã thu lượm được để xây dựng một nền văn minh Tình Thương và Hòa Bình “.

Giai đoạn chia cách, phân biệt, đố kỵ Tôn Giáo đã qua nhường bước cho thời kỳ “ QUY NGUYÊN PHỤC NHỨT “ các mặt của hạt kim cương chân lý cùng phục vụ cho chân lý. Tinh thần này giúp nhân loại “vượt lên trên mọi đường lối vị kỷ của Chủ nghĩa chủng tộc tự tôn, đóng kín “ để có thể “ phối hợp hài hòa về bản sắc cá biệt của chúng ta trong tâm tình bao dung và thông cảm tôn trọng sự khác biệt của kẻ khác... “ coi đó là nguyên lý tự nhiên như vườn hoa có đủ loại hoa, hình dáng và màu sắc khác nhau nhưng bản chất vẫn là một.

Ý nghĩa “ Quy nguyên phục nhứt “ là quay về cội nguồn chân lý duy nhứt, tức quay về Thượng Đế Tối Cao, tạo hóa ra Càn Khôn Vũ Trụ và vạn vật, cũng có thể nói là quay về ánh sáng Tình thương hay ánh sáng Lương Tâm để xây dựng thế giới an bình, hạnh phúc.

Năm 1999 Hội Đồng Liên Tôn, nhân ngày Đại Hội, nêu lên một số “phương cách giúp cho cộng đồng Tôn Giáo giáo dục tín đồ của mình về trau dồi lương tâm...” Phương cách tuy khác nhau nhưng chủ yếu vẫn là KHAI TÂM . Vì Tâm là hình ảnh của Thiên Lương, là điểm linh quang của Thượng Đế ban cho mỗi người. Tâm là cội nguồn của hạnh phúc hay đau khổ. Chính



Đức Giáo Hoàng Phao lô II cũng đã công bố trước hàng ngàn giáo dân tại Tòa Thánh Vatican vào năm 2000 : “ Thiên Đàng, Địa Ngục tại Tâm “. Bức ảnh Đức Chúa chỉ vào quả tim, ý nói hãy quay vào Tâm. Tam Giáo NHO, THÍCH, ĐẠO đều lấy Tâm làm gốc:

Phật Giáo dạy : Minh Tâm kiến Tánh

Đạo Giáo dạy : Tu Tâm luyện Tánh

Nho Giáo dạy : Tồn Tâm dưỡng Tánh

Đạo Cao Đài thờ “Thiên Nhân “ với nghĩa “ Nhân Thị Chủ Tâm “. Thiên Nhân là Đấng Chí Tôn Thái Cực sinh hóa ra muôn loài vạn vật cũng là ánh sáng Lương Tâm ngự trị trong mỗi con người : Tâm là điểm giao cảm giữa nhân loại, cũng như giữa nhân loại và Thượng đế nên Tâm pháp là then chốt cho vạn pháp. Sự tiến bộ về Tâm linh của nhân loại trong chiều hướng liên hiệp, hòa đồng Tôn Giáo cho chúng tôi niềm tin tưởng vào tương lai thế giới về một nền văn minh Tình Thương và Hòa bình :

Luật pháp ngày mai Luật yêu thương,  
Lương Tâm đức sáng rọi muôn phương.  
Cửa quyền Công Chánh nêu chân lý.  
Cuộc sống AN HÒA gọi ánh dương.

Trong tinh thần “ Đối Thoại Liên Tôn “, cần sự hiểu biết lẫn nhau để cảm thông, chúng tôi với tư cách là một tín hữu Cao Đài, xin mạn phép có đôi dòng giới thiệu rất sơ lược về Tôn Giáo mới này :

Đạo Cao Đài danh gọi Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, mới xuất hiện vào năm 1926 tại miền Nam Việt Nam, về mặt hình thức và số lượng tín đồ còn rất khiêm tốn; về mặt tinh thần, tư tưởng đáp ứng thời đại ngày nay, với tôn chỉ “Quy Tam Giáo, Hiệp Nhất Ngũ Chi “ (1) Mục đích thực hiện cơ “quy nhất “ qua  
***( Xin xem tiếp trang 95)***



# VƯỜN THƠ

## MÙA XUÂN DÂN TỘC

*Có phải mùa xuân dân tộc ta ?  
Muôn lòng rộ nở ngát hương hoa.  
Hiến dâng Tổ quốc tâm trung chánh,  
Tranh thủ tự do thế cộng hòa.  
Non nước thay màu xuân bất tận, (1)  
Nhân dân no ấm chốn gần xa.  
Con đường dân tộc luôn ngời sáng,  
Đoàn kết phục hưng lại nước nhà.*

\*\*\*

*Nước nhà nghiêng ngửa bởi vong nô,  
Chẳng nhớ Ông Cha dựng cõi bờ,  
Dung đức lập quyền an bá tánh, (2)  
Thương dân mến nước vững cơ đồ.  
Anh hùng liệt nữ bao gương sáng,  
Hậu thế thiên thu vẫn phụng thờ.  
Đất Việt trời Nam là phước địa,  
Tương lai rực rỡ quyết không ngờ.*

**Quang Thông**

(xuân Đinh Hợi, 2007)

(1) Lời tiên tri của Đức Mẹ Fatima:

*“Nước Việt Nam là Thánh địa Jérusalem thứ hai...  
Nước Việt Nam sẽ đổi lại là Đại Nam Thịnh Quốc...”*

(trích Bức Thư Fatima, Đạo Đồng Cứu Thế xuất bản, 1967).

(2) Thánh Thi Cao Đài:

*Non sông Việt chủng ngày êm lặng,  
Chung sức cùng nhau đức lập quyền.*

## MỪNG CƠ CHẾ CHUNG

MỪNG thấy vầng Dương ló rạng ngời,  
CƠ huyền chuyển biến rất nhanh trôi.  
CHẾ phàm nhân dục tăng thiên đức;  
CHUNG góp chơn Tâm phụng Đạo Trời !

\*\*\*

Chung sức cùng xây dựng Hiệp Hòa,  
Kết tình nhân loại nở Tâm hoa.  
Đạo Đồi tô điểm vườn Nhân Nghĩa,  
Khai đước Tâm Linh rực sáng lò!

HT **Trịnh Quốc Thế** \_ HT **Nguyễn Ngọc Nương**

cảm tác



## Kính Họa

MỪNG thay Đại Đạo sáng danh ngời,  
CƠ biến định thời phải chuyển trôi.  
CHẾ ngự phàm tâm nương gót Thánh;  
CHUNG tay TRÍ HUỆ hiển dâng TRỜI.

\*\*\*

Thiên thời địa lợi hiệp nhưn hòa,  
Một khối Thánh tâm kết vạn hoa.  
Chuyển tiếp CƠ-QUAN CHUNG gánh vác;  
Phục quyền HỘI THÁNH chí không lò.

**Tố Nguyên**

(Kỷ niệm Đạo sự 17/3/07)

## TÓM LƯỢC

# Hội Tương Tế Cao Đài

(TC Thông Báo số 02/HĐQT ngày 25 tháng 12 năm 2002)

### **A- Mục đích, ý nghĩa thành lập:**

- Thể hiện và vun bồi tình “*tương thân, tương ái*” giữa người Tín Đồ Cao Đài

- Phát huy tinh thần “*Từ Bi, Công Bình, Bác Ái*” của Đạo Cao Đài trên căn bản Tinh hoa Tam Giáo.

### **B- Nét đặc trưng của Hội Tương tế Cao Đài:**

- Không phân biệt sức khỏe, tuổi tác đối với người xin gia nhập.

- Những người điều hành quản lý Hội thực sự làm việc thiện nguyện (*công quả*) không hưởng lương hay bất cứ trợ cấp nào khác.

- Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Điều Hành và Ban Giám Sát phải Minh Thệ trước Thiên Bàn Chí Tôn và Bàn Thờ Hộ Pháp.

- Dẫn đưa “Tinh thần Cao Đài” ra toàn xã hội, mời gọi cả những người chưa phải là Tín đồ Cao Đài gia nhập Hội nếu có nhu cầu và được giới thiệu.

### **C- Tiêu chuẩn, điều kiện gia nhập:**

- Là Tín đồ Cao Đài từ 21 tuổi trở lên hiện đang sống tại Hoa Kỳ (Dưới 21 tuổi, phải có sự chấp thuận của Cha Mẹ hoặc của người Giám hộ hợp pháp). Thân hữu của Tín đồ Cao Đài nếu được giới thiệu cũng được gia nhập Hội.

- Phải hoàn tất Hồ sơ gia nhập Hội theo qui định chung. Khi có Hội viên qua đời, đóng tiền Phúng điếu là (15) Mỹ kim (Nếu

người chết là Hội viên chính thức) và (07) Mỹ kim (Nếu người chết là Hội viên Dự bị).

- Tuân thủ quy định về thời hạn nộp tiền phúng điếu, niên liêm, các qui định về nghĩa vụ của Hội viên

### **E- Quyền lợi Hội viên:**

Khi Hội viên qua đời, người thụ hưởng hợp pháp được hưởng quyền lợi sau:

- Hưởng trọn 100% tiền phúng điếu do Hội viên đương nhiệm đóng góp theo mức do Điều lệ qui định .

(Mức đóng góp này tùy theo người quá cố là Hội viên chính thức hay Hội viên Dự bị)

- Được Ban Điều Hành Hội thực hiện phân ưu và phúng điếu.

### **G- Gia nhập Hội:**

Hồ sơ gia nhập Hội xin gửi về:

**Ban Điều Hành / Hội Tương Tế Cao Đài,  
14411 Buckner Dr, San Jose, CA 95127**

### **H- Liên lạc:**

Muốn biết thêm chi tiết, xin liên lạc:

**\*HTDP Nguyễn Sam** - Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị.,  
Phone : (408) 280-0278(H)&(408)786-6917 (Cell)  
E - mail: hadinhhuynh2003@yahoo.com

**\* HTDP. Dương Văn Ngừa** - Trưởng Ban Điều Hành  
14411 Buckner Dr, San Jose, CA. 95127  
Phone : (408) 923-1052(H)&(408) 772-0989(Cell).  
Email: datthong2005@yahoo.com

(\***Chú thích:** Xin xem Hội Tương Tế Cao Đài nơi  
**Website Ban Thế Đạo [http://www. Banthedao.net](http://www.Banthedao.net)**)

**HỘI TƯƠNG TẾ CAO-ĐÀI**

# PHÂN ƯU

Chúng tôi nhận được tin buồn:

**Hiền Tài**

## **Châu Văn Hai**

Đã qui vị vào ngày mồng 16 tháng 03 năm Đinh Hợi  
(DL ngày 02 /05 /2007 tại Memorial Hospital bang Texas .  
Tang lễ đã được cử hành tại Thánh Thất Houston, Texas và an  
táng tại nghĩa trang Westheimer, Texas.

### **Hưởng thọ 66 tuổi**

Chúng tôi thành kính phân ưu cùng gia đình Hiền  
Huynh Hiền Tài Châu Văn Hai cùng tang quyến.

Chúng tôi nguyện cầu Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu  
và các Đấng Thiêng Liêng ban hồng ân cho hương linh cố  
**Hiền Tài Châu Văn Hai** sớm về cõi Thiêng Liêng Hằng  
Sống.

### **Thành kính phân ưu**

**Ban Thế Đạo Hải Ngoại & Tập San Thế Đạo**  
**Ban Thế Đạo Nam California và Ban Thế Đạo Bắc California**  
**Ban Thế Đạo Úc Châu**  
**Các Ban Đại Diện Ban Thế Đạo tại Oregon-**  
**Washington, tại Florida, tại Georgia, tại Louisiana,**  
**tại Texas, tại Canada và tại Pháp.**

# PHÂN ƯU

Chúng tôi nhận được tin buồn:

Bà Huynh của HTDP **Sam Nguyễn**, Đệ II Phó Tổng  
Quản Nhiệm Ban Thế Đạo Bắc California và Chủ Tịch Hội  
Đồng Quản Trị Hội Tương Tế Cao-Đài, là:

**Chánh Bảo Thế**

## Nguyễn Văn Cao

Đã qui vị vào ngày mồng 2 tháng Giêng năm Đinh Hợi  
(DL ngày 19/02/2007) tại Việt Nam. Tang lễ đã được cử hành tại  
Tòa Thánh Tây Ninh và an táng tại Cực Lạc Thái Bình, Tây  
Ninh.

**Hưởng thọ 71 tuổi**

Chúng tôi thành kính phân ưu cùng Hiền Huynh **HTDP  
Sam Nguyễn** và tang quyến.

Chúng tôi nguyện cầu Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu  
và các Đấng Thiêng Liêng ban hồng ân cho hương linh cố  
**Chánh Bảo Thế Nguyễn Văn Cao** sớm về cõi Thiêng liêng  
Hằng Sống.

**Thành kính phân ưu**

**Ban Thế Đạo Hải Ngoại & Tập San Thế Đạo  
Ban Thế Đạo Nam California và Ban Thế Đạo Bắc California  
Ban Thế Đạo Úc Châu**

**Các Ban Đại Diện Ban Thế Đạo tại Oregon-Washington,  
tại Florida, tại Georgia, tại Louisiana, tại Texas, tại Canada  
và tại Pháp.**

# PHÂN ƯU

Chúng tôi nhận được tin buồn:  
Hiên thê của Hiền Huynh Giáo-Hữu **Ngọc Sách Thanh**, Chủ-Trưởng Cao-Đài Giáo Hải Ngoại là:

**Phó Trị Sự**

## **Võ Thị Thu**

Đã qui vị vào lúc 11 giờ sáng ngày 31 tháng 3 năm 2007 nhằm ngày 13 tháng 2 năm Đinh Hợi) tại California, Hoa Kỳ.

### **Hưởng thọ 81 tuổi**

Chúng tôi thành kính phân ưu cùng Hiền Huynh Giáo Hữu Ngọc Sách Thanh và tang quyến.

Cầu nguyện Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và các Đấng Thiêng Liêng ban hồng ân cho hương linh **Cụ Bà Phó Trị Sự Võ Thị Thu** sớm về cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.

**Thành kính phân ưu**

**Ban Thế Đạo Hải Ngoại  
& Tập San Thế Đạo**



# PHÂN ƯU

Chúng tôi nhận được tin buồn:  
Báo đệ của Hiền Huynh Giáo-Hữu **Ngọc Sách Thanh**, Chủ-Trưởng Cao-Đài Giáo Hải Ngoại là:

**Hiền Huynh**

## **Lê Quang Tâm**

Đã qui vị vào ngày 21 tháng 4 năm 2007 (nhằm ngày  
mùng 5 tháng 3 năm Đinh Hợi) tại California, Hoa Kỳ.

### **Hưởng thọ 77 tuổi**

Chúng tôi thành kính phân ưu cùng Hiền Huynh Giáo  
Hữu Ngọc Sách Thanh và tang quyến.

Nguyện cầu Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và các  
Đấng Thiêng Liêng ban hồng ân cho hương linh **Hiền  
Huynh Lê Quang Tâm** sớm về cõi Thiêng Liêng  
Hàng Sống.

**Thành kính phân ưu**

**Ban Thế Đạo Hải Ngoại  
& Tập San Thế Đạo**

# PHÂN ƯU

Chúng tôi vô cùng xúc động và thương tiếc khi được tin:

1-Nhạc Mẫu của Hiền Huynh Nguyễn Văn Sung và là  
Thân Mẫu của Hiền Tỷ Nguyễn Thị Hằng ngụ tại Allenwood,  
bang Groegia là:

**Cụ Bà**

**Trần Thị Lê**

Qui vị ngày 21 tháng chạp năm Bính Tuất  
(nhằm ngày 08-02-2007) tại Bến Tre, Việt Nam.

**Hưởng thọ 75 tuổi**

---

2.- Thân mẫu của Hiền Huynh **Hà Văn Hưng**, ngụ tại  
Stone Mountain, bang Georgia là:

**Giáo-Thiện**

**Võ Thị Quế**

Đã qui vị ngày 24-10 năm Bính Tuất( nhằm ngày 14/12/2006)  
tại Thánh Địa Tòa-Thánh Tây-Ninh

**Hưởng thọ 96 tuổi**

3-Thân mẫu của Hiền Huynh **Bùi Thiện Phúc**, ngụ tại Stone Mountain, bang Georgia là:

## Hành Thiện

# Lê Thị Tươi

Qui vị ngày mồng 8 tháng chạp năm Bính Tuất  
(nhằm ngày 26/01/2006) Tại Tây Ninh, Việt-Nam.

**Hưởng thọ 88 tuổi**

---

Bàn Trị Sự và Đồng Đạo Thánh Thất Georgia thành kính  
phân ưu cùng :

- \* Hiền Huynh Nguyễn Văn Sung, Hiền Tỷ Nguyễn Thị Hằng và tang quyến,
- \* Hiền Huynh Hà Văn Hưng và tang quyến,
- \* Hiền Huynh Bùi Thiện Phúc và tang quyến.

Chúng tôi nguyện cầu hai Đấng Phụ Mẫu Vạn Linh và các Đấng  
Thiên Liêng hộ trì cho :

-hương linh Cố Giáo Thiện Võ Thị Quế, cố Hành Thiện Lê Thị  
Tươi sớm được cao thăng thiên vị.

- hương linh cụ Bà Lê Thị Lệ sớm được về cõi Thiên Liêng  
Hằng Sống.

**Thành kính Phân Ưu**  
**TM Bàn Trị Sự và đồng Đạo Georgia**  
**Chánh Trị Sự Nguyễn Văn Hưởng**

*Một thiên anh hùng ca*  
của **TÌNH HUYNH ĐỆ ĐẠI ĐÔNG:**

**CUỘC CHẠY ĐUA TIẾP SỨC CHỐNG TỬ THẦN**

*Nguyên tác: “RELAY RACE WITH DEATH”*

(Trích từ quyển: Strange Stories, Amazing facts;  
THE READER’S DIGEST ASSOCIATION Ltd, 1975, p. 240-241)

**Phỏng dịch: Tần Lam Lê Ngọc Thọ**

**ĐÔ THỊ NOME, THÁNG GIÊNG NĂM 1925**

Với nét mặt đăm chiêu, bác sĩ CURTIS WELCH quan sát một em bé 6 tuổi không ngớt vận mình và lăn lộn trên giường bệnh trong cơn mê sảng. Bác sĩ Welch lo lắng vì, căn cứ vào triệu chứng lâm sàng, ông không còn nghi ngờ gì nữa về chứng bệnh ngặt nghèo bé RICHARD STANLEY mắc phải.

Em Richard bị bệnh yết hầu (A = Diphtheria; P = Diphtherie). Đây là một chứng bệnh cấp tính hiểm nghèo lại rất lây; hầu hết nạn nhân là trẻ em. Bệnh thường giết chết bệnh nhân vừa bằng màng giả đóng ở cổ họng làm ngộp thở, vừa bằng độc tố (A = Toxin; P = Toxine) tiết ra bởi vi trùng gây bệnh là trực trùng KREBS – LOFLER, gây ngộ độc tổng toàn cho cơ thể. Nếu may mắn bệnh nhân sống sót thì cũng bị dư chứng liệt và teo cơ làm cho tật nguyền. Bác sĩ WELCH cũng lo âu vì chẳng biết bao nhiêu bè bạn của em RICHARD đã bị lây và nhiễm bệnh rồi. Điều ông biết hầu như chắc chắn là một trận dịch yết hầu sẽ lan tràn khắp đô thị Nome ở Alaska này trong nay mai.

Đó là vào tháng giêng năm 1925. Thời ấy huyết thanh chống bệnh yết hầu (A = antidiphtheria serum; P = serum

antidiphte'rique) là phương thuốc hiệu nghiệm nhất để cứu bệnh nhân đã được khám phá, nhưng trong giai đoạn phôi thai, huyết thanh ấy không phải lúc nào cũng có trên thị trường, và nếu có thì số lượng cũng rất thấp.

Không đầy 24 giờ sau, em RICHARD chết, và nhiều trường hợp trẻ em bị bệnh yết hầu được ghi nhận. Thế là trận dịch yết hầu đã bộc phát đúng như bác sĩ WELCH đã dự đoán. Và chỉ mấy ngày sau, số lượng huyết thanh dự trữ của ông và đô thị Nome đã cạn.

Để không cho thần chết tung hoành; dĩ nhiên một số lượng huyết thanh to lớn đang cần có một cách khẩn cấp. Mạng sống và tương lai của bao nhiêu trẻ em ở đô thị Nome đang lâm nguy. Đặt mua huyết thanh chống bệnh yết hầu ở Hoa Kỳ và nhờ gấp rút gửi sang Alaska là việc tương đối dễ dàng. Và chỉ mấy giờ sau, 30000 liều huyết thanh được đóng thùng và lên đường sang Alaska bằng thiết lộ. Nhưng khi thùng huyết thanh cứu tử ấy đến Alaska, khó khăn có thể gọi là thiên nan vạn nan mới thực sự bắt đầu.

Tại sao? Vì xe lửa không đến thẳng đô thị Nome được mà chỉ đến Nenana là trạm cuối, cách Nome trên dưới 1000 dặm đường! Và giữa 2 đô thị ấy là một vùng hoang vu mênh mông, đầy tuyết, nước đá, thung lũng, núi đồi và rừng. Hơn nữa phương tiện di chuyển duy nhất thời ấy là xe trượt tuyết kéo bằng chó. Và dù cuộc hành trình giữa Nenana và Nome có nhanh đến đâu cũng phải kéo dài đến hai tuần lễ tức mười bốn ngày đêm.

### **LỜI KÊU CỨU S.O.S.**

Nhưng tình trạng khẩn cấp như lửa cháy mà ở Nome – với sinh mạng của bao nhiêu trẻ em đang lâm nguy – không cho phép diên trì chờ đợi đến hai tuần. Do đó, vào 27 tháng Giêng tức 2 ngày sau khi trận dịch phát khởi, báo chí khắp nước Mỹ và Alaskaloan tin về trận dịch, kèm theo lời kêu cứu của thị trưởng đô thị Nome là GEORGE MAYNARD.

## SÁNG KIẾN CỨU TỬ CỦA THỢ BẮY THÚ ‘WILD BILL’ SHANNON

Đáp lời kêu cứu khẩn cấp và thiết tha trên đây, ngay trưa hôm ấy một người thợ bẫy thú to lớn, râu ria xồm xoàm có hỗn danh là ‘WILD BILL’ SHANNON đẩy vội cửa bước vào văn phòng cảnh sát trưởng đô thị Nenana, Ông gợi ý rằng, theo tính toán của ông, nếu cuộc hành trình được tổ chức theo lối chạy đua tiếp sức (A =relay race) và diễn tiến ngày đêm không ngưng nghỉ thì chỉ cần một tuần lễ thôi, Thùng huyết thanh vô giá kia cũng đến được Nome chớ chẳng kéo dài đến 2 tuần hoặc hơn như không lệ. Vì giữa Nenana và Nome có 15 trạm buôn nhỏ, và ở mỗi trạm ít ra cũng có một thợ bẫy thú thông thạo đường đi nước bước và sẵn lòng dấn thân tham dự cuộc chạy đua tiếp sức chống tử thần nói trên. Riêng SHANNON, ông tình nguyện phụ trách đoạn đầu, đưa thùng huyết thanh cứu tử từ Nenana đến trạm buôn ở Telovana, trao cho một đồng nghiệp của mình trong tư thế sẵn sàng với xe trượt tuyết và bầy chó đang khỏe của anh ta. Và người nầy tức tốc lên đường để nhanh chóng đến TRẠM kế ở Manleyhot spring... Và cuộc chạy đua hỏa tốc cứ như thế diễn tiến liên tục bất kể ngày đêm cho đến đô thị Nome trao thùng huyết thanh mọi người mỗi mắt và hồi hộp trông chờ.

Ngay chiều hôm ấy thùng kim khí chứa 30000 huyết thanh được tàu hỏa đưa đến Nenana! SHANNON nhanh nhẹn cột chắc chiếc thùng vào xe mình và tức tốc dong ruổi đến Telovana cách đó 50 dặm đường.

Ông ra roi vun vút thúc bầy chú khuyển giống Husky chạy như bay từ giờ nầy sang giờ khác. Khi màn đêm buông xuống, cơn lạnh thấu xương và gió buốt cắt da dày vò, nhưng SHANNON, với trái tim rực lửa yêu thương, chẳng lúc nào nghĩ đến việc tìm nơi trú ẩn. Nước đá đóng đầy từ mặt mũi, mí mắt, lông mày đến râu ria làm ông hầu như mù lòa.

Gần đến khuya thì ông đến được Tolovana. Đàn chó kiệt sức nằm la liệt, thở hào hển bốc khói trên tuyết, SHANNON trao vội thùng huyết thanh cho một đồng nghiệp tên DAN GREEN

trong tư thế sẵn sàng với xe trượt tuyết và bầy chó khỏe mạnh và tươi mát. Và DAN GREEN khẩn cấp lên đường, hướng về Manley Hot Spring cách đó 50 dặm trực chỉ...

### **LÒNG HI SINH VÀ QUẢ CẢM** **CỦA THỢ TÌM VÀNG LEON HARD SEPPELA**

Trong lúc ấy một chiếc xe trượt tuyết do chó kéo vội và khởi hành từ Nome và chạy vùn vụt như bay theo chiều ngược lại. Lái xe là, LEONHARD SEPPELA, 30 tuổi. Ông là một thợ tìm vàng đến Alaska được ít lâu và nổi tiếng là tay lái khuyến xa nhanh nhất vùng và can đảm ít ai bì!

Không biết rằng cuộc chạy đua tiếp sức chống tử thần đã bắt đầu từ Nenana và nung nấu bởi lòng yêu thương bao trẻ em lâm nguy tại đô thị mình đang cư trú, ông nhanh chóng lên đường, quyết định xả thân thực hiện một cuộc hành trình khứ hồi 1000 dặm đi và 1000 dặm về giữa hai đô thị Nome và Nenana, chỉ ghé vào các trạm buôn thay đàn chó và tiếp tế thức ăn uống...

DAN GREEN đến trạm Manley Hot Spring vào sáng ngày 28 tháng giêng và trao thùng huyết thanh cho một thợ bẫy thú khác là JOHNNY FOLGER. Anh này lái xe chạy 30 dặm đường để đến trạm kể ở Fish Lake chỉ trong 3 tiếng đồng hồ.

Và cứ như thế cuộc chạy đua tiếp sức hỏa tốc nuốt từng dặm đường một, từ trạm buôn này đến trạm buôn kế. Trong khi ấy LEONHARD SEPPELA, bất kể ngày đêm, chạy như bay về hướng Đông từ đầu kia của lộ trình, mặc cho gió rét cắt da và bão tuyết phủ phàng đập tung tác vào người.

Vào tinh sương ngày 31 tháng giêng, SEPPELA đi được 200 dặm. Thành linh, qua đôi mắt mờ đi vì lạnh và mệt mỏi, ông thấp thoáng nhìn thấy một xe trượt tuyết do chó kéo chạy nhanh về phía mình. Đó là HENRY IVANOFF khởi hành từ trạm Shaktolik ngày hôm trước, và đôi chân đang bị chứng tê cóng vì

lạnh (A = Frost-beaten feet ). SEPPELA vui mừng về lấy thùng huyết thanh và quây quả trở về.

Đây là cuộc hành trình bi thảm như hấp hối cho đàn chó dững mảnh của SEPPELA. Khi xe ông đang xuyên qua vùng Norton Sound thì một trận bão tuyết đã ập xuống. Một lớp tuyết dày che lấp cả lối đi, và SEPPELA chỉ còn trông cậy vào linh tính của mình và đàn chó để khỏi lạc đường.

Dù thế, vào sáng hôm 1 tháng hai ông cũng đến được Golovino cách Nome 100 dặm. Nhưng tuyết, nước đá và nhiệt độ dưới số không đã làm kiệt lực người lẫn bầy khuyển. Do đó SEPPELA buộc lòng trao Thùng huyết thanh cho một thợ tìm vàng khác là CHARLIE OLSON.

Độ 8 giờ tối hôm ấy OLSON đến được trạm buôn ở Bluff để trao kiện hàng vô giá cho một đồng nghiệp tên GUNNAR KAASEN. KAASEN đã từng tham dự một cuộc thám hiểm địa cực của nhà thám hiểm ROALD AMUNDSEN mấy năm trước, từ đó nổi tiếng khắp vùng. Và chú khuyển đầu đàn tên BALTO thuộc giống TÂY BÁ LỢI Á lai sói của ông cũng nổi tiếng không kém, về tính linh lợi và gan lì, sẵn sàng đánh gục chú khuyển nào vô phúc lạng quạng trước mặt và cản trở bước tiến của nó.

KAASEN tức tốc lao mình vào đêm tối, dẫn đầu là chú BALTO dẫn đường không chút sai chạy, dù lối đi bị tuyết phủ dày đặc. Vì tuyết rơi quá nhiều nên KAASEN không thấy được người thợ bẫy thú sẵn sàng thay mình đứng chờ trước lều săn của y như đã hẹn trước, do đó anh phải tiếp tục đi nốt đoạn đường còn lại.

Vào 5:30 sáng ngày 2 tháng Hai, trong cơn bão tuyết phủ phàng, KAASEN cũng đến được đô thị NOME để giao kiện hàng vô giá, với bầy chó tả tơi. Riêng KAASEN kiệt sức, mặt mày nước đá đóng đầy, hầu như bất tỉnh phải khiêng vào nơi trú ẩn. KHỐI HUYẾT THANH 30000 liều vô giá kia đã đến được nơi hẹn, đông cứng như một cục nước đá.

Cuộc chạy đua tiếp sức chống tử thần 1000 dặm xuyên qua băng giá, núi rừng, thung lũng— trong bão tuyết mênh mông,



gió lạnh cửa da và nhiệt độ -50 độ đã được hoàn tất trong tổng cộng 144 giờ tức rông rã 6 ngày đêm; sớm hơn ‘Wil Bill’ Shannon dự liệu 1 ngày và nhanh hơn các cuộc hành trình bình thường giữa Nenana và Nome 8 ngày đêm.

Với Lòng Yêu Thương rực cháy trong tim, những Thợ Bẫy Thú, những Thợ Tìm Vàng ở Alaska đã xả thân viết nên một thiên anh hùng ca trác tuyệt. Đó phải chăng là thiên anh hùng ca của Lòng Vong kỷ vị tha (Quên mình vì người )? Nhờ đó trả 75n dịch bệnh yết hầy bộc phát ở Nome đã được dập tắt rất sớm: Ngoài em Richard, tử thần chỉ cướp được mạng sống của một em duy nhất khác. Đây phải chăng là khúc khải hoàn của Lòng Bi Mẫn thực sự đã biến hành động sốt sắng và tích cực đến độ quên mình?

Montreal 12/09/2006

**Mua Bán Nhà Đất- Vay Mượn Nợ**  
Trân trọng giới thiệu đồng đạo & thân hữu

---

**TUONG PHAM (Phạm Bằng Tường)**  
REALTOR & LOAN OFFICER

HILLSDALE PROPERTIES



920 Hillview Ct. Suite 180  
Milpitas, CA 95035  
Office: 408-263-4801  
Office: 510-651-1416  
Fax: 408-263-9452  
Cell: 408-375-8611  
Home: 408-365-0618

# HUYỀN SỬ VIỆT-NAM

## *Chương Một*

### QUỐC ĐẠO VIỆT NAM THỜI TIỀN SỬ.

#### TIỂU LUẬN

Trước đây các nhà Sử học và xã hội học thường thông qua nhanh giai đoạn Tiền Sử vì Lịch Sử thì hoang đường, tài liệu không có hoặc còn quá ít không đủ để xác minh bất cứ điều gì liên quan đến đời sống con người. Việt Nam cũng thế, nhưng còn bất hạnh hơn là suốt hàng ngàn năm bị Trung Hoa đô hộ họ vơ vét sạch những gì liên quan đến gốc tích, đến lịch sử và văn hóa dân tộc trong ý đồ đồng hóa, sáp nhập nước ta vào Trung Hoa. Ngay những tài liệu lịch sử của họ phần lớn cũng bị thiêu rụi qua các trận chiến kéo dài trong thời Xuân Thu Chiến Quốc, qua thời đại nhà Tần nổi tiếng về việc “đốt sách, chôn học trò!” và cũng còn có rất nhiều khoảng trống để người đời sau “chớp” những cái hay bên ngoài, đặc biệt là của VN để điền vào làm lịch sử của họ. Thế mà một số nhà sử học trước đây cứ lấy sử Tàu làm trung tâm nghiên cứu. Những méo mó, sai lệch trong việc coi Tàu là trung tâm không thể kể xiết!

May mắn thay cho dân tộc VN, nhờ sự thông minh kỳ diệu của Tổ Tiên, chỉ qua truyền khẩu, Huyền Sử VN đã là những thông tin kỳ diệu hiện lên được những nét độc đáo trí tuệ VN. Cái vượt trội hơn nữa là bằng vào nền Văn Minh Nông Nghiệp đưa đến nếp sống đặc thù của dân tộc VN làm nền tảng cho những biến động sau này trong suốt chiều dài lịch sử cho đến ngày nay và mai sau. Ngoài ra nhờ môn khảo cổ với phóng

xạ C14 và môn ngôn ngữ học, các nhà bác học hiện đại trên thế giới đã chứng minh VN là một trong những cái NÔI phát sinh ra loài người sớm nhất, có nền nông nghiệp cổ xưa nhất và đặc biệt là nghề luyện kim độc đáo nhất.

Tất cả những khám phá ghi trên sẽ lần lượt được trình bày trong chương này để kết luận là: ĐẠO LÀM NGƯỜI và ĐẠO THỜ CÚNG TỔ TIÊN được coi là NỀN QUỐC ĐẠO Việt Nam có khả năng chủ đạo, dung hóa, điều hoà vạn biến giúp cho dân tộc trường tồn, vượt tiến trên đường khai sáng TÂM LINH, xứng danh làm ngọn cờ đầu cho nhơn loại tiến vào nền văn hóa ĐẠI ĐỒNG thế giới trong tương lai, là mảnh đất lý tưởng đủ điều kiện để THƯỢNG ĐẾ chọn khai nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ tại đất nước Thánh Địa này.

## **A- HUYỀN SỬ VIỆT NAM VÀ NHỮNG TRUYỆN THẦN THOẠI**

### **I- TÂM QUAN TRỌNG CỦA HUYỀN SỬ, TRUYỆN THẦN THOẠI VÀ CADAU, TỤC NGŨ.**

Cũng như hầu hết các dân tộc cổ xưa, khi chưa có chữ viết, mọi thông tin, văn học, nghệ thuật đều TRUYỀN KHẨU hoặc dùng một ít ký hiệu để diễn đạt. Với thời gian dài và không gian chưa ổn định, lịch sử truyền khẩu là những câu chuyện THẦN THOẠI hoang đường. Phần lớn các câu chuyện được kể ít liên quan đến lịch sử, thường là những điều thần nhũ, khuyên dạy con cháu rút từ kinh nghiệm sống của Tổ Tiên, theo tín ngưỡng đa thần thời tiền sử. Riêng VN những câu chuyện Thần Thoại gọi chung là Huyền Sử, tức là câu chuyện có ít nhiều liên quan đến lịch sử đóng một vai trò vô cùng quan trọng, quyết định vận mạng của dân tộc. Đó là những THÔNG ĐIỆP hàm chứa những túi khôn của Tổ Tiên truyền khẩu lại qua những câu chuyện thần thoại và đặc biệt nhất là những câu ca dao tục ngữ đậm đà triết lý sống lấy TÌNH THƯƠNG làm cốt lõi cho vạn sự , vạn

biến trong cuộc sống vô thường. Đọc HUYỀN SỬ và ca dao tục ngữ là tham niệm ý hơn lời, nội dung hơn hình thức, chúng ta sẽ thông đạt được chiều sâu thâm thẳm cái huyền diệu, cái siêu việt, cái thông minh vượt trội của Tổ tiên. Từ đó, chúng ta sẽ không lấy làm lạ là tại sao Tổ tiên chúng ta DỰNG NƯỚC và GIỮ NƯỚC thành công trong giai đoạn cực kỳ gian khổ suốt dọc dài lịch sử và chịu đựng được suốt hàng ngàn năm bị Hoa Tộc đô hộ mà không bị đồng hóa dù họ đã dùng trăm phương ngàn kế để thực hiện nguy ý của họ.

## **II- SƠ LƯỢC VỀ NGUỒN GỐC CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM**

Theo như sự khám phá mới nhất của các nhà khảo cổ thế giới, dù còn đang trên đà tiến triển cũng có thể xác định sơ bộ việc đào tìm được trống đồng ĐÔNG SƠN với những hình tượng được điêu khắc trên trống đồng khá tinh vi bằng vào C14 xác định niên đại ngang tầm thời tiền sử VN tức là đã trên dưới 3000 ngàn năm trước CN tức cách nay vào khoảng 5000 năm. Sự xác định này cho ta biết 3 việc liên hệ quan trọng: thứ nhất là giòng giống tộc việt đã xuất hiện từ thời ăn lông ở lỗ tới thời họ Hồng Bàng có thể phải trải qua mấy chục ngàn năm trước đó (hiện còn đang truy tìm) vì theo dòng tiền sử từ thời hái lượm đến khi có cái rìu bằng đá, đến tìm được đồ đồng rồi biết khắc hình trên đó tức là đã biết luyện KIM cũng đã khế hợp với thời gian ghi trên. Thứ hai là dân tộc VN với 4000 năm văn hiến, không phải là nói quá so với niên đại trên, có thể còn lâu đời hơn nữa, nhưng vì sử viết qua truyền khẩu không chính xác nhất là về niên đại. Thứ ba là qua sự khám phá của các nhà khoa học khảo cổ về rìu đá, trống đồng đã xác nhận VN là một trong những cái NÔI của loài người lâu đời nhất. Nền văn minh Nông Nghiệp và TRỐNG ĐỒNG là cốt lõi ảnh hưởng các vùng chung quanh kể cả phương Bắc. Rồi đây qua môn khảo cổ và ngôn ngữ học sẽ còn khám phá ra những bất ngờ thật là ngoạn mục,

có thể lật ngược những thông tin trước đây dành cho Đông Nam Á, đặc biệt là VN ta.

Nguồn gốc dân tộc VN, theo kết quả nghiên cứu mới đây của các nhà bác học trên thế giới, có thể tóm tắt: Việt Nam thuộc chủng Indonesien, sau đó chuyển biến sang chủng Nam Á Bách Việt do hợp chủng với các tộc khác cách khoảng 5000 năm về trước, cư ngụ rải rác ở miền Nam Trung Hoa và Bắc VN hiện nay, từ phía Nam sông Dương Tử đến lưu vực sông Hồng Hà cùng với một số tộc người khác. Sau đó vì sức ép của Hoa Tộc miền Bắc Trung Hoa, Việt Nam và một số tộc ít người dần dần bị ép xuống phía Nam khắp vùng Đông Nam Á, *Việt Nam và khoảng 54 bộ tộc ít người* khác định cư tại VN ngày nay và tử thủ tại đây. Cuộc di cư của dân tộc VN, từ Nam Trung Hoa xuống VN ngày nay không khác gì cuộc di cư từ Bắc vào Nam năm 1954: một số lớn bị kẹt ở lại cố gắng chịu đựng sự hà khắc của Hoa Tộc du mục, một số năng động hơn, vượt bao trở ngại xuống định cư tại Miền Bắc VN ngày nay. Như vậy giữa dân tộc ta và dân tộc Nam Trung Hoa bị đồng hóa, có cùng chung một chủng Indonesien, Nam Á, nên về văn hóa và phong tục tập quán có nhiều điểm giống nhau. Có thể nói giữa Bắc và Nam Trung Hoa không gần gũi với nhau bằng giữa Nam Trung Hoa và Việt Nam. Vì Bắc Trung Hoa thuộc vùng văn hóa du mục, Nam Trung Hoa (Hồ Nam, Quảng Đông, Quảng tây) và VN cùng chung gốc Nông Nghiệp.

### **III- HUYỀN SỬ VÀ NHỮNG CHUYỆN THẦN THOẠI**

#### **a/ Sơ lược về tiền sử**

Như vậy những khám phá mới về nguồn gốc VN cũng có phần phù hợp với Huyền Sử thời Đại Hồng Bàng: Theo lược sử Vua Đế Minh cháu 3 đời Vua Thần Nông, đi tuần thú phương Nam, đến núi Ngũ Lĩnh thuộc tỉnh Hồ Quảng (Hồ Nam, Quảng Đông, Quảng Tây), gặp người đẹp, lấy nhau, sinh ra người con

tên Lộc Tục. Sau Đế Minh truyền ngôi cho con trưởng là Đế Nghi làm vua Phương Bắc và Lộc Tục làm Vua Phương Nam, xưng là Kinh Dương Vương, Quốc hiệu là Xích Quỷ (Xích là đỏ chỉ phương Nam, Quỷ là quỷ thần tức Thần phương Nam) Bờ cõi Xích Quỷ bây giờ Bắc giáp Hồ Quảng, Nam giáp Hồ Tôn (Chiêm Thành), Tây giáp Ba Thục (Tứ Xuyên), Đông giáp bể Nam Hải.

Kinh Dương Vương làm vua nước Xích Quỷ lấy con gái Động Đình Quân là Long Nữ sinh ra Sùng Lãm, nối ngôi vua xưng là Lạc Long Quân vốn là Rồng và kết hôn với con gái vua Đế Lai là Âu Cơ vốn là Tiên. Dân tộc VN dựa vào nguồn gốc Tổ tiên, nên chọn Rồng Tiên làm biểu tượng cho dân tộc. Kể từ đây dân tộc VN, rất hạnh diện về Tổ Tiên của mình, tự xưng **là con Rồng cháu Tiên.**

Suốt 2622 năm theo sử học họ Hồng Bàng lãnh đạo VN từ đời vua Đế Minh cho đến 18 đời vua Hùng, VN đều nằm trong tình trạng Huyền thoại. Với chuỗi thời gian dài vắng vặc, sự truyền khẩu về lịch sử được gạn lọc, cô đọng và tồn tại đến ngày nay quả thật quý hiếm và có giá trị rất lớn. Muốn tìm hiểu về Huyền Thoại, Huyền Sử cần nặng về ý, cân nhắc, suy tư để nắm bắt cho được ý chánh mà Tổ tiên muốn truyền lại thay vì dẫn đo coi chuyện đó có thật hay không!

Qua Huyền sử, Tổ tiên chúng ta đã lưu lại BIỂU TƯỢNG RỒNG TIÊN đã nói lên những hoài bão lớn lao, những tư tưởng vĩ đại, những siêu lý làm ngọn đuốc soi đường cho dân tộc trường tồn và phát huy càng ngày càng rộng lớn, luôn có tính thời đại cho đến ngày nay và mai sau, nhất là về phương diện TÂM LINH tư tưởng VN sẽ ôm chầm lấy Càn Khôn Vũ trụ. Để làm sáng tỏ vấn đề chúng tôi xin giải mã những phần huyền sử sau đây để thấy rằng VN có một nền Quốc Đạo rất sớm làm cốt lõi cho mọi biến chuyển thăng trầm của đất nước, Để biết vì sao dân tộc Ta vẫn trường tồn mãi mãi:

- \*\*\* Cặp Rồng Tiên
- \*\*\* Gậy Thần và sách ước
- \*\*\* Bánh chưng bánh dày

\*\*\* Phù Đổng Thiên Vương  
\*\*\* Trương Chi My Nương  
\*\*\* Trọng Thủy My Châu

## **b/-Cặp Rồng Tiên với tôn ý đặc sắc của Tổ Tiên**

### **1/- Sơ lược câu chuyện**

Vua Lạc Long Quân gốc là Rồng kết duyên cùng công chúa Âu Cơ vốn là Tiên, sinh ra một bọc 100 trứng, nở ra 100 con, 50 theo Cha xuống biển làm RỒNG, 50 theo Mẹ lên núi làm TIÊN, sinh ra dân tộc VN thuộc giòng giống RỒNG TIÊN. Biểu tượng Rồng Tiên dạy cho chúng ta biết bao triết lý nhân sinh có tính bao hàm cả càn khôn vũ trụ.

### **2/- Ý nghĩa về DỊCH LÝ**

Câu chuyện cặp Rồng Tiên mà Tổ Tiên truyền lại được coi như là BIỂU TƯỢNG của dân tộc ta, còn có ý nghĩa quan trọng là nhằm cụ thể hoá môn dịch lý, một môn học nổi tiếng ở Đông Phương mà khắp thế giới ngày nay còn đang nghiên cứu học hỏi, bằng hình ảnh sống động Rồng Tiên : Một bọc chứa 100 trứng tượng trưng cho THÁI CỰC, 50 Rồng, cơ DƯƠNG theo Cha xuống biển, 50 Tiên, cơ ÂM theo Mẹ lên non tức là đã phân cực LUŨNG NGHI. Tác động của Lưỡng nghi, TƯỢNG HIỆP thì sinh hoá ra Càn Khôn Vũ Trụ, TƯỢNG KHẮC thì phục vụ cho cơ TIẾN HOÁ của Càn Khôn. Hơn nữa, Rồng tượng trưng cơ Dương lại xuống biển thuộc Âm. Tiên tượng trưng cơ Âm lại lên núi thuộc Dương. Diễn đạt hiện tượng này, rõ ràng Tổ Tiên ta đã am tường dịch lý: “**trong dương có âm, trong âm có dương**”, một nguyên lý quan trọng vào bậc nhất trong môn Dịch học.

### **3/- Tư tưởng Bình Đẳng, Quyền Nghi, Linh Hoạt, Trường Tôn..**

Theo truyền thuyết Rồng là một trong tứ linh, các bậc vua chúa ngày xưa tự ví mình là Rồng (long thể, long nhan, long bào....). Đặc tính của Rồng là sống ở đâu thích nghi ở đó, sống trên cạn, dưới nước, trên mây, tùy lúc tùy thời biến lớn nhỏ tùy ý và luôn trường sanh bất tử. Rồng hùng dũng, đẹp đẽ, tượng

trưng cho nam nhân anh hùng quân tử, thuộc cơ DƯƠNG. Tiên đẹp, diêu hiên, tế nhị, thanh thoát, biến hoá vô cùng và trường sanh bất tử như Rồng, luôn luôn đem ân phước cho thế nhân. Tiên là hình ảnh lý tưởng của người phụ nữ VN, thuộc cơ ÂM. Rồng Tiên là một cặp thư hùng âm dương biến hoá vô cùng, trường sanh bất tử, tùy theo thời vị mà thích nghi tuyệt vời với cuộc sống vô thường. Sự *quyền nghi linh hoạt* này giúp cho dân tộc ta luôn *trường tồn* dù đã trải qua trăm ngàn sóng gió . Cùng trong một bọc sinh ra và cùng là Rồng Tiên nên dân tộc ta, từ vua cho tới dân đều *bình đẳng*.

#### **4/- Ý nghĩa HUYNH ĐỆ ĐẠI ĐỒNG**

Ngoài ra, 100 con xuất từ trong một bọc, tức cùng trong một BÀO THAI mà phát sinh ra dân tộc VN, tự điểm này, chúng ta thấy rõ sự sáng suốt kỳ diệu của Tổ Tiên ta, vừa gợi ý quay về nguồn gốc phát sinh ra cần khôn vũ trụ, vừa dạy con cháu bài học sâu sắc lớn lao là dân tộc từ trong một bào thai mà ra, tức có nghĩa là anh em ruột thịt, là ĐỒNG BÀO với nhau, do đó sự thương yêu và đoàn kết là tự nhiên. Từ ý niệm HUYNH ĐỆ ĐỒNG BÀO làm cơ bản đưa đến tư tưởng HUYNH ĐỆ ĐẠI ĐỒNG, một nhân sinh quan tiến bộ và hiện đại nhất ngày nay. Dân tộc VN xuất từ trong một bào thai hàm ý mọi người đều BÌNH ĐẲNG, tình ruột thịt, nghĩa đồng bào gắn bó nhau dết nên phong hóa nhà Nam hết sức độc đáo lấy tình thương làm cốt lõi có khả năng trung hòa mọi nguồn tư tưởng khác biệt, tạo nên ý thức HUYNH ĐỆ ĐẠI ĐỒNG. Đây là ý thức mà Tổ Tiên ta thai nghén từ ngàn xưa mà thế giới ngày nay mới bắt đầu dần thân trong cuộc hành trình đầy nhân bản này. Phát huy ý nghĩa này rộng hơn nữa chúng ta sẽ đi tới chân lý là không riêng gì dân tộc VN, không riêng gì nòi giống mà tất cả càn khôn vạn vật đều có chung nguồn, từ đó lòng từ bi, bác ái, tính bao dung sẽ là ánh hào quang sáng chói rộng lớn hơn bao trùm cả vũ trụ trong những thiên niên kỷ tới!

Huyền thoại của dân tộc chính là ĐẠO SỐNG của dân tộc đó gần chân lý nhất, là gia sản quý báu nhất vì tinh thần thiêng liêng và đầy ý nghĩa sống. Diễn tả tinh thần dân tộc ở



mức độ cao nhất và cũng là di sản thiêng liêng của dân tộc là một mạch nối vô cùng quan trọng vào nguồn quá khứ xa xôi của dân tộc gắn liền với tương lai của dân tộc đó. Như vậy huyền thoại là màn lược gạn lọc tinh hoa của tư tưởng dân tộc còn lưu lại, là nền minh triết, là túi khôn, là bản sắc, là tướng diện, là túi khôn của Tổ tiên.

#### **5/- Ý nghĩa về con số 18 đời vua HÙNG**

Riêng con số 18 đời vua Hùng nằm trong ý nghĩa: “**Cửu cửu càn khôn dĩ định**” tức là bội số của số 9, sẽ chống đỡ càn khôn luôn luôn bền vững. Theo dịch lý, số 9 là số dương lớn nhất, số đại thành, nên bội số của số 9 chỉ sự ổn định, vững mạnh, hòa bình. Kinh nghiệm lịch sử thế giới và Việt Nam trong thế kỷ 20 này cho ta thấy rõ: Hòa bình đến sau đệ I thế chiến rơi vào năm 1918 ( $18 = 9 * 2$ ), đệ Nhị thế chiến vào năm 1945 ( $45 = 9 * 5$ ), chiến tranh Việt Pháp qua Hiệp Định Geneve 1954 ( $54 = 9 * 6$ ), thay đổi chế độ Ngô Đình Diệm vào năm 1963 ( $63 = 9 * 7$ ), giải thể chế độ CS thế giới năm 1990 ( $90 = 9 * 10$ ).

Rõ ràng 18 vị vua Hùng chống đỡ san hà bền vững nên VN vẫn trường tồn như Rồng, như Tiên dù đã trải qua thử thách hơn 1000 bị đô hộ và đối phương cố ý dùng mọi thủ đoạn để đồng hóa.

#### **6/- Tóm tắt:**

Qua huyền sử Con Rồng Cháu Tiên chúng ta nhận thấy Tổ Tiên ta đã đầu tư tìm óc vào việc vận trù khai mở con đường thênh thang, đó là ĐẠI ĐẠO để chúng ta quay về nguồn từ vô cực, thái cực, lưỡng nghi sinh ra càn khôn vũ trụ, đến nguồn gốc của vạn vật chúng sanh và của dân tộc, trang bị cho chúng ta tư tưởng Huynh Đệ Đại Đồng lấy bac ái, công bằng làm nền tảng. Thật khó mà đo lường được sự thông thái của Tổ Tiên! Ngay biểu tượng Rồng Tiên cũng thật là kỳ diệu! Mỹ lấy Chim Ưng làm biểu tượng, Pháp chọn Gà trống, Nga chọn Gấu Trắng, Anh chọn Sư Tử, Úc chọn Đại Thử. Đó là những con vật tượng trưng cho sức mạnh, cho văn minh vật chất nhiều hơn. Chỉ có VN chọn biểu tượng bắt nguồn từ hư vô biến hóa vô cùng, thể

hiện ra thực tiễn nghiêng hẳn về con đường Tâm Linh, sẽ làm rạn vỡ cho dân tộc mai sau.

Huyền thoại của dân tộc chính là ĐẠO SỐNG của dân tộc đó gần chân lý nhất, là gia sản quý báu nhất vì tính chất thiêng liêng và đầy ý nghĩa sống, diễn tả tinh thần dân tộc ở mức độ cao nhất và cũng là di sản thiêng liêng của dân tộc, là mạch nối vô cùng quan trọng vào nguồn quá khứ xa xôi của dân tộc, gắn liền với tương lai của dân tộc đó. Như vậy huyền thoại là màn lược gạn lọc tinh hoa của tư tưởng dân tộc còn lưu lại, là nền minh triết, là bản sắc, là tướng diện, là túi khôn của Tổ tiên.

### c/- GẬY THẦN VÀ SÁCH ƯỚC

#### 1/- Lược truyện

Thánh Tản Viên tên thật là KỶ MẠNG một ngày kia lên rừng đốn củi nuôi mẹ, Kỳ Mạng cố gắng đốn một cây Đại Thọ từ sáng đến tối mà cây chưa ngã, chàng đành trở về đình hôm sau đốn tiếp. Hôm sau đến nơi, thấy cây liền lạc y nguyên. Tuy lấy làm lạ nhưng chàng vẫn kiên nhẫn bắt đầu làm lại. Hôm sau, chàng đến cây vẫn liền như cũ. Lần thứ ba, sau khi đốn cây tới chiều, còn dở dang, chàng núp nơi kín đáo nhìn xem, thì thấy một bà lão có mái tóc bạc phơ cầm cây gậy chỉ vào chỗ dấu chặt, đi một vòng, cây liền lại như cũ. Chàng rời chỗ nấp ngạc nhiên hỏi bà lão tại sao lại phá công việc của chàng. Bà lão nói “cây cổ thụ này là chỗ nghỉ ngơi của ta. Tại sao người lại chặt nó? Ta chính là *thần linh* tại đây”. Kỳ Mạng rầu rĩ nói: “Nếu không chặt được cây thì lấy gì nuôi mẹ già!”

Cảm động trước lòng hiếu thảo và tính kiên trì nhẫn nhục hiên lương của chàng, bà lão liền tặng cho chàng một cây gậy. Bà dặn: “Gậy này có hai đầu, một đầu sanh và một đầu tử, chỉ đầu tử thì sống thành chết, chỉ đầu sanh thì chết thành sống.”

Nhờ gậy thần, chàng đem báu vật này cứu giúp mọi người. Một hôm chàng gặp một con rắn nhỏ bị bọ chấu trâu giết chết quăng bên vệ đường, chàng dùng đầu sanh cứu sống con rắn. Không ngờ con rắn này là con của thủy Long Vương. Để tạ ơn cứu mạng Tiểu Long biến thành người, đưa chàng xuống

Thủy Cung giới thiệu với Cha. Để đền ơn, Long Vương tặng cho chàng một quyển sách ước, các trang sách đều trắng tinh không có chữ, nhưng khi ước muốn điều gì thì chữ hiện ra và đều đạt được mục đích. Chàng dùng **gậy thần và sách ước** giúp Vua trị nước an dân. Khi đất nước được thanh bình thì tự chàng lui về sống ẩn dật trên núi Tản Viên với tâm hồn thơ thới, không màng công danh phú quý, không nhận bất cứ ân huệ nào của Vua Hùng ban cho. Nhớ ơn chàng người dân phong chàng làm **Thánh Tản Viên** để tôn thờ.

Gậy thần và sách ước là một câu chuyện thần thoại hiếm hoi còn lưu lại chuyên chở triết lý nhân sinh độc đáo mà Tổ Tiên truyền lại cho chúng ta. Một câu chuyện hư cấu bình dân mộc mạc nhưng hàm chứa cái đạo sinh tồn, đó là một đạo lấy tình thương làm căn bản, lấy trí tuệ để thể hiện viên dung tình thương, lấy tri hành hợp nhất vận dụng thường hằng. Thử lược kê về ý nghĩa chuyện thần thoại này.

## **2/ Thần Linh mách bảo**

Các câu chuyện cổ tích hay thần thoại VN như chuyện Phù Đổng Thiên Vương, Bánh dày bánh chưng, Gậy thần sách ước, thường giải quyết mọi khó khăn đều có sự hiện diện của thần linh giúp đỡ. Cho tới bây giờ đa số người dân Việt vẫn còn tin tưởng và bắt gặp như hiện tượng Đức Mẹ, Đức Phật Quan Âm. . . thường hiện thân để hỗ trợ khi chúng ta lâm vào cảnh bước đường cùng. Đây là một sự thật chưa thể chứng minh được bằng khoa học và hiện tượng bắt gặp chỉ dành cho những cá nhân hay một tập thể **TÂM THÀNH, VÔ NGÃ TRONG MỘT PHÚT CHỐC NÀO ĐÓ**. Truyền thuyết của Tổ Tiên về việc này nói lên sự tin tưởng, sự chứng nghiệm mà dân tộc ta đã trải qua nhiều ngàn năm và tồn tại đến ngày nay chứng tỏ bên cạnh chúng ta, còn có một thế giới vô hình đang sinh hoạt như chúng ta, có khi cùng chúng ta lo chung một công việc. Ý niệm Thần Linh này dẫn đến **ĐẠO THỜ** cúng Tổ tiên, Ông Bà Cha Mẹ và những người đã khuất trong dòng tộc, những vị có công với làng xã, những vị công thần đối với nước như Thánh Tản Viên, Thánh Gióng và cao hơn nữa là Đức Tổ Hùng Vương, những vị tổ có

công khai cơ lập quốc. Thăng hoa hơn nữa chúng ta sẽ bắt gặp vị thần linh tạo hóa ra càn khôn vũ trụ. . . Thông điệp của tổ Tiên cho ta biết là luôn luôn có thần linh hỗ trợ cho dân tộc ta đây chính là mầm Quốc Đạo VN được Tổ Tiên thai nghén từ xa xưa.

### **3/- Sự kiên trì và lòng hiếu thảo**

Kỳ Mạng một tiêu phu nhẩn nhục, hiền lành, chất phác, hiếu thảo: Sau 3 lần đốn cây cực khổ nhưng cây vẫn liền lại một cách lạ lùng, Kỳ Mạng vẫn kiên trì nhưng nảy sinh ra ý mới là rình xem chuyện gì sẽ xảy ra, khi biết bà lão phá công việc làm ăn của mình, chàng chỉ nhẹ nhàng hỏi tại sao chứ không hề nổi giận. Khi bà lão tự giới thiệu và giải bày lý do thì chàng chỉ nói như tự than: “Nếu tôi không chặt được cây thì lấy gì nuôi mẹ.” Thử thách này bảo đảm cho bà lão biết chắc chắn chàng là một người hiền lương, có tánh nhẩn nhục, chơn chất và đặc biệt là có lòng hiếu thảo với Mẹ, có thể giao trọng trách cho chàng mà không sợ hại người, hại vật. Đối với tổ tiên VN, ngay thời tiền sử đã coi đạo hiếu đứng đầu rồi. Đó chính là Đạo về nguồn vậy.

### **4/Gậy Thần**

Gậy thường dùng để nương tựa, gậy thần là cây gậy có phép thần thông do Thần Linh trao tặng. Gậy có 2 đầu, đầu sanh chỉ vào biển chết thành sống; đầu tử chỉ vào biển sống thành chết.

Đầu sanh và đầu tử chỉ đầu dương và đầu âm. Như vậy thần chính là tác động của nguồn lý âm dương. Một lần nữa Tổ Tiên VN đã truyền ý thêm cho lý Tiên RỒNG Âm Dương mà gậy thần là cái “dụng” của nguồn lý siêu tuyệt này! Đây là lý NHỊ NGUYÊN ÂM DƯƠNG, khi tương hiệp thì sinh hoá cái mới, khi tương khắc thì làm mầm mống cho cơ tiến hoá. Biến thể của guồng máy âm dương là những cặp đối từ: xấu tốt, dở hay, tối sáng, đêm ngày, ác thiện, nữ nam. . . . Điều kỳ diệu nữa là “trong cái này có cái kia”, trong âm có dương, trong dương có âm, tuy hai mà một, tuy một mà hai. Mỗi người chúng ta, Nam hay Nữ ai cũng có Gậy thần trong người. Đó là cái TÂM CHƠN tức là đầu sanh, lúc nào cũng sanh ra những đức tánh tốt. Ngược lại,

đầu tử chỉ TÂM GIẢ sanh ra những đức tánh xấu. Khi ta dùng đầu sanh tức là những tư tưởng tốt thể hiện ra lời nói, việc làm thì tác dụng cứu độ chúng sanh vô cùng vô tận. Ngược lại nếu dùng đầu tử thì gây tai hoạ cũng không tưởng tượng nổi. Thí dụ một vì vua dùng đầu sanh thì ân phước, hoà bình, an lạc tràn ngập cho dân gian; nếu dùng đầu tử thì gây tai hoạ, chiến tranh, chết chóc, đau khổ biết bao người.

Chỉ một cây Gậy Thần mà Tổ Tiên ta đã vừa nói lên được triết lý âm dương và dạy cho chúng ta bài học về việc xử dụng đầu sanh trong cuộc sống! Xử dụng đầu sanh không có nghĩa là không xử dụng đầu tử mà đôi khi cần xử dụng đầu tử nếu là để phục vụ đầu sanh thêm hữu hiệu hơn. Đó là trong dương phải có âm hỗ tương mới đạt Đạo Tổ Tiên.

#### **5/- Sách Ước**

Sách ước có 3 trang giấy trắng tinh, không có chữ, nhưng ước bất cứ điều gì đều được toại nguyện. Gậy thần là nương theo thần linh, nương theo luật âm dương của Đất Trời, nương theo tâm ý Người để cứu độ đặc biệt về sanh tử, nặng về phần vật chất hữu thể, thật sự chưa viên mãn! Vì thế, Thần Linh ban thêm cho Sách Ước để bổ túc, hướng về phần TÂM LINH nhiều hơn. Sách Ước không có chữ? Không có chữ sao gọi là sách được? Điều nghịch thường này trùng hợp với truyện TÂY DU KÝ khi thầy trò Tam Tạng đi thỉnh kinh, sau khi đã trải qua 80 tai nạn đầy gian nan khổ đão, đến được Tây phương Phật, được trao kinh, vì không có gì để lo lót nên bị Phật trác, trao cho mấy ngàn bộ kinh không có chữ. Sau khi Thầy Trò Đường Tăng khám phá ra, đem loại kinh này trả lại, đòi kinh có chữ. Từ Phật Tổ đến các vị Phật khác đều có ý đòi hối lộ mới trao kinh. Sau cùng Đường Tăng phải bấm bụng lấy chiếc bình bát bằng vàng quý giá mà vua Đường tặng lúc ra đi thỉnh kinh trao cho Phật. Đọc tới đoạn này ta cảm thấy quái lạ: thứ nhất là cửa Phật làm gì chứa quá nhiều kinh vô tự như vậy? Thứ hai là cửa Phật làm gì có vụ hối lộ? Nếu có thì sao gọi là Phật? Ý nghĩa thâm thúy của 2 sự việc này được tóm tắt như sau:

Muốn lấy kinh và muốn cho kinh tác dụng hữu hiệu hơn, trước tiên phải buông bỏ về phần vật chất mà chiếc bình Bát Vu bằng vàng là vật tượng trưng. Còn vương víu danh lợi quyền sẽ bị trì kéo làm sao tu được! Còn tại sao chùa của Phật Tổ lại chứa nhiều kinh không chữ quá vậy? Đối với Phật, loại kinh cao quý nhất là TÂM KINH mà tâm làm gì có chữ? Kinh có chữ chỉ mới là khởi điểm cho cuộc hành trình, tu theo đó không giải thoát được, phải đi vào bí đạo TÂM KINH VÔ TỰ. Đó mới chính là mục tiêu của cuộc hành trình. Trình độ như loại thời đó cho tới ngày nay phần lớn chỉ với tới kinh hữu tự mà thôi nên thầy trò Tam Tạng mới trả lại kinh vô tự, nhận kinh hữu tự mới phổ độ được.

Sách Ước cũng có ý nghĩa tương tự: Gậy thần như là kinh có chữ, đã giúp cho Kỳ Mạng hoàn thành Tam Lập tức là lập Ngôn, lập Đức, lập Công làm tròn thế sự thì “tâm an trí định”, từ đó Phật tính mới hiển lộ, nói cách khác là chừng đó có hiện tượng THIÊN NHÂN HIỆP NHẤT, chữ LUÔNG trong LUÔNG TÂM dẫn dắt mới đưa con người lần lần tiến đến bờ giác trong tiến trình GIẢI THOÁT, chừng đó ước gì chẳng được muốn gì chẳng có trong cơ phụng sự.

Câu chuyện Gậy Thần Sách Ước có từ thời Hùng Vương, trước khi Phật Giáo, Lão Giáo, Khổng Giáo hàng ngàn năm mà Tổ Tiên VN đã nắm bắt được chân lý của Tam Giáo và lưu truyền cho con cháu quả thật không thể nào ngờ được! Mầm chân lý này đã được gieo từ ngàn xưa, đã có sẵn trong dân tộc ta, nên các tôn giáo du nhập đều được hoan nghênh ở nước ta sau này.

#### **6/- Tóm tắt**

Câu chuyện thần thoại Gậy Thần Sách Ước thật là một mạc, bình dân, lại có vẻ hoang đường hư cấu. Nhưng khi hiểu được HUYỀN Ý của Tổ Tiên, ta rất hạnh diện nhận thấy Tâm Thức của Tổ Tiên ta đã vượt trước thời đại mấy ngàn năm dư. Điều này thực sự làm cho chúng ta ngạc nhiên thích thú vô cùng! Với nền trí tuệ tâm linh này chắc chắn hứa hẹn nhiều sự kỳ diệu chờ đón chúng ta suốt dòng thời gian từ ngàn xưa cho tới ngàn

sau. “Tâm kinh vô tự” hay “Sách Ước” chính là chân lý : “Chơn không diệu hữu” hay Thiên Nhơn hiệp nhất tại TÂM. Hiệp Thiên thượng để trí huệ được sáng rồi đem sự sáng này Hiệp Thiên hạ tức là phụng sự vạn linh. Trên đường phụng sự sẽ gặp nhiều thử thách cam go, và cũng chính nhờ thế, sẽ được tăng thêm sự sáng hơn nữa và cứ thế mà hỗ tương cho nhau để kiện toàn chân lý. Tổ Tiên đã siêu việt, dân tộc ta đã có một nguồn gốc lớn lao vững chắc, nếu chúng ta quay về nguồn để học cho nhuần nhuyễn nơi gốc, đem ra phục vụ nhơn sanh với tâm vô ngã, thành tín, linh hoạt sẽ càng ngày càng bồi dưỡng gốc thêm vững chắc hơn, thì dân tộc ta sẽ càng đi vào con đường sáng của chân lý, chắc chắn một ngày kia sẽ: “Nam phong thử nhật biến nhơn phong”.

#### **d/- BÁNH DÀY BÁNH CHỪNG**

##### ***1/- Lược Truyện***

Vua Hùng thứ sáu có 22 người con trai. Ngài muốn chọn một người con để truyền ngôi bằng cách ban lệnh cho các vị hoàng tử tìm lễ vật xứng đáng và có ý nghĩa nhất để dâng cúng **Tổ Tiên** thì sẽ được truyền ngôi.

Các hoàng tử lập tức cho người rần rộ đi tìm vật quý, sơn hào hải vị, của lạ khắp nơi từ núi rừng đến biển cả, từ đồng quê đến chợ búa. Riêng hoàng tử thứ 9 tên Tiết Liêu vì sớm mồ cô mẹ, bị cô thế, không có tùy tùng giúp đỡ. Hoàng tử thao thức suy nghĩ đêm ngày nhưng vô kế khả thi. May mắn thay, một đêm đang lúc chàng buồn rầu lo lắng không biết làm sao tìm món ngon vật lạ để kính hiếu **Tổ Tiên**, chứ không có ý tranh ngôi đoạt vị, bỗng có một cụ già râu tóc bạc phơ hiện đến dạy Tiết Liêu dùng loại nếp thật tốt làm 2 cái bánh: một cái hình tròn tượng trưng cho **TRỜI**, gọi là **BÁNH DÀY**; cái kia hình vuông tượng trưng cho **ĐẤT**, gọi là **BÁNH CHỪNG**.

Tiết Liêu theo lời dạy của Thần Linh, tự tay làm bánh. Đến ngày hẹn, các hoàng tử đem dâng không thiếu bất kỳ món ngon vật lạ, đắt tiền đắt giá. Riêng Tiết Liêu chỉ có bánh chưng bánh dày. Vua Cha nếm qua tất cả và quan sát từng món. Món

lạ và rẻ tiền nhất đối với nhà vua là Bánh Dày, Bánh Chưng. Nhà vua nếm thấy ngon miệng, quan sát hiểu rõ ý nghĩa TRỜI TRÒN ĐẤT VUÔNG của loại bánh đặc biệt này. Vua Cha khen ngợi và tuyên bố truyền ngôi cho Tiết Liêu.

Mỗi lần Tết đến, các đời vua Hùng đều dùng Bánh Dày Bánh Chưng để dâng cúng Tổ Tiên, và hầu hết dân tộc VN, cho tới ngày nay đều dùng loại bánh này để cúng Ông Bà Tổ Tiên.

### **2/- Thần linh mách bảo**

Trong lúc Tiết Liêu bí lối, với tấm lòng thành hướng về Tổ Tiên, tha thiết muốn tìm vật quý hiến dâng theo khả năng của mình, chắc chắn chàng không cố ý tranh đoạt như các anh em khác của chàng. Nhờ tấm lòng thành, nhờ không có ý tranh đoạt nên TÂM AN và đó là trạng thái thuận lợi cho Thần linh hiện ra giúp đỡ.

### **3/- Ý nghĩa về tác động ÂM DƯƠNG**

Cũng giống như chuyện Gậy Thần Sách Ước, đầu tử Âm, đầu sanh Dương; ở đây bánh Chưng hình vuông, theo dịch lý, tượng trưng cho ÂM, bánh Dày hình tròn tượng trưng cho DƯƠNG. Tuy nhiên ở Gậy Thần Sách Ước tác động của Âm Dương là tạo nên **Quyền Pháp và Tâm Kinh Vô Tự**, còn qua câu chuyện bánh Dày bánh Chưng là hướng về **nguồn gốc Tổ Tiên mà gốc cao nhất là các Đấng sinh hoá ra Càn Khôn Vũ Trụ**.

### **4/- Ý nghĩa quay về nguồn**

Qua câu chuyện Bánh Dày Bánh Chưng, Tổ Tiên đã chỉ rõ nguồn gốc của vạn vật, của dân tộc ta qua tác động của Âm Dương để dạy con cháu quay về nguồn cội từ thời Đức Tổ Hùng Vương. Ngài dùng chiếc ngai vàng làm điều kiện trong việc thờ cúng Tổ Tiên là coi sự việc này quan trọng biết chừng nào!! Dâng cho Tổ Tiên 2 loại bánh Âm Dương là biểu lộ sự hiểu biết về nguồn cội và biết ơn tất cả các Đấng sanh thành:

Công CHA như núi Thái Sơn,  
Nghĩa Mẹ như nước trong nguồn chảy ra  
Một lòng thờ Mẹ kính Cha;  
Cho tròn chữ HIẾU mới là ĐẠO con.



Bài ca dao này như là KINH nhật tụng của dân tộc ta, từ trẻ đến già đều thuộc nằm lòng và thấm vào tận tim óc của người VN chúng ta. Cha mẹ ở đây là cha mẹ phàm trần và cha mẹ thiêng liêng Trời Đất. Đạo con ở đây là ĐẠO HIẾU đối với Mẹ Cha và Đất Trời. Đối với dân tộc ta ĐẠO HIẾU đứng đầu trong ĐẠO làm người và Đạo Thờ Cúng Tổ Tiên chính Là Hiếu Đạo thâm sâu nhất. Đây chính là **bản sắc** của dân tộc ta. Đây chính là gốc của nền Quốc Đạo Việt Nam. Vì thế dâng cúng Tổ Tiên, Ông Bà cha mẹ tại tiền không gì có ý nghĩa hơn là bánh dày bánh chưng, lại vừa dễ làm, vừa tiết kiệm. . . Tự điểm này sự Minh Triết của Tổ Tiên đã đạt đến đỉnh cao, đủ soi sáng dân tộc ta suốt hành trình theo dọc dài lịch sử.

#### **5/ Ý nghĩa khuyến khích ngành Nông**

Gạo nếp do ngành nông sản xuất, nuôi sống dân tộc ta, ai cũng biết và ai cũng phải ăn mới sống khỏe, sống mạnh, ăn hoài, ăn suốt cả đời không chán. Bánh Dày Bánh Chưng làm bằng gạo nếp, ăn ngon và để lâu không bị thiu nhứt là nếu được ngâm dưới nước, lại thêm có ý nghĩa cao quý đối với đấng sanh thành. Về vật chất cũng như tinh thần đều kiêng bị. Có thể nói nghề nông là QUỐC SÁCH của dân tộc ta ngay từ thời tiền sử cho đến ngày nay.

#### **6/ Tóm Tắt:**

Ý nghĩa câu chuyện thần thoại BÁNH DÀY BÁNH CHƯNG là QUỐC SÁCH của dân tộc ta về mặt thực tiễn, vừa là QUỐC ĐẠO về mặt tinh thần. Như vậy MINH TRIẾT của Tổ Tiên đặt nền tảng trên cả hai mặt HỮU và VÔ, hỗ trợ đồng nhịp tiến lên theo từng giai đoạn tiến hóa chung của nhơn loại. Dân tộc ta có những lúc vô cùng lâm nguy tưởng như không thể nào tồn tại, có những khi chiến thắng lấy lừng kỳ diệu vô cùng “Thần thoại” nhưng rồi dân tộc ta dựng nước, giữ nước dù trong gian khổ nhưng trường tồn. Và với sự minh triết của Tổ Tiên truyền lại dân tộc ta đã và đang vững mạnh và trong tương lai chắc chắn sẽ có nhiều bất ngờ làm rạng rỡ dòng giống Rồng Tiên.

**e/ PHÙ ĐỔNG THIÊN VƯƠNG**

### ***1/ Lược Truyện***

Vào đời vua Hùng Vương thứ sáu, giặc Ân từ phương Bắc tràn xuống xâm lấn nước ta. Quân giặc quá đông, sức quá mạnh và quá bạo tàn. Vua Hùng cùng triều thần tìm đủ mọi cách ngăn giặc nhưng không thành công. Quân giặc tiến như vũ bão, nếu không có cách, chắc phen này sẽ bị mất nước!

Nhà Vua lo lắng vô cùng, bỗng một cụ già tóc bạc phơ xuất hiện đang đùa với trẻ con. Thấy ông già tiên phong đạo cốt, vua Hùng đến bái kiến và xin cụ giúp ý cứu nước. Cụ bảo: “ Nhà vua hãy sai sứ giả đi khắp nơi cầu hiền đánh giặc cứu nước”!

Vua nghe lời và sai nhiều sứ giả cấp tốc đi khắp nơi, mời người tài đức ra giúp nước. Toàn dân đều hay biết tình trạng khẩn trương, cũng đều trông chờ vị cứu tinh như nhà vua. Trong khi đó tại làng Phù Đổng có em bé đã 3 tuổi rồi mà vẫn chưa biết cười nói đi đứng gì cả. Khi nghe sứ giả rao tìm người tài đánh giặc cứu nước thì bỗng dưng cậu bé làng Phù Đổng ngồi dậy, cất tiếng gọi Mẹ và yêu cầu Mẹ mời sứ giả vào gặp. Cậu bé xin nhà vua đúc cho một con ngựa sắt cao 18 thước, một cái roi sắt dài 7 thước và một bộ giáp sắt để ra trận. Dù hoài nghi, nhưng nhà vua không còn cách nào khác, buộc lòng phải ra lệnh cho đúc ngựa, roi sắt và chiến bào bằng sắt cho cậu bé. Có ngựa và roi trong tay, cậu bé liền vươn vai một cái, biến thành một thanh niên cao lớn hùng dũng. Cậu nhảy lên ngựa sắt và vung roi sắt, hét lên một tiếng, ngựa sắt phun lửa và phi như gió bão. Cậu phóng lên trước đám quân ta, nhắm ngay quân giặc đóng quân xông thẳng vào tay vung roi sắt, ngựa sắt phun lửa ào ào, làm cho quân giặc hoảng sợ, chạy tứ tán rút lui về nước, bỏ lại vô số binh sĩ chết oan vì tham vọng của kẻ xâm lăng.

Sau khi chiến thắng, người anh hùng của làng Phù Đổng phi thẳng lên Sóc Sơn và biến mất, vua Hùng cho lập miếu thờ dưới chân núi, tôn vinh làm Phù Đổng Thiên Vương và người dân Việt thường gọi là Ông Thánh Gióng.

Hàng năm, cứ vào ngày mùng 8 tháng tư, dân làng đều long trọng làm lễ kỷ niệm để nhớ ơn người anh hùng trẻ tuổi cứu nước.

## **2/ Thần Linh mách bảo**

Cũng như các chuyện thần thoại khác, khi gặp thế bí thì dân tộc ta luôn được thần linh giúp đỡ. Đây không phải là chuyện hoang đường mà là một huyền nhiệm do hồn thiêng sống núi của đất nước linh thiêng này ung đúc nên. Nếu ai có chứng nghiệm huyền diệu này trong đời mình, sẽ cảm nhận được ngay. Đây là hiện tượng “Thiên Nhân hiệp nhất” mà Tổ Tiên chúng ta có lẽ đã bắt gặp từ ngàn xưa, tuy nhiên chuyện hư thực khó luận bàn:

*Thực hư, hư thực khó lường đo,  
Mâu thuẫn trời xanh khéo đỡ trò.  
Trong thực có hư sinh biến hóa;  
Trong hư có thực mách ai ngờ.  
Cuộc đời ảo mộng cho là thực!  
Cõi sống miên trường thấy tựa hư!  
Nhược thiệt, nhược hư vì diệu lý,  
Nặng lòng phân biệt rồi đường tu.*

Tập Thơ Khai tâm

Như chúng ta đã biết, bất cứ dân tộc nào trên thế giới, trong giai đoạn còn “ăn lông ở lỗ” đều khiếp sợ các hiện tượng thiên nhiên vì các hiện tượng này vượt quá khả năng hiểu biết của họ như hiện tượng sấm sét, giông bão, lụt lội kể cả thú dữ! Do đó, họ coi sức mạnh đó như là các vị thần, nên thời bấy giờ mới có tín ngưỡng đa thần. Nếu cho tín ngưỡng là “hư” thì cái “thực” trong hư là giúp cho con người giải trừ bớt những sự kinh hoàng, “an tâm” đấu tranh để sinh tồn. . . rồi theo luật tiến hóa, sau vạn triệu năm, cho đến khi con người kể được những chuyện thần thoại thì tín ngưỡng đa thần này cũng theo dòng tiến hóa và chuyển thành các vị thần linh, các vị Thánh Tiên và hai đấng Phụ Mẫu thiêng liêng tức là TRỜI ĐẤT. Suốt dọc dài lịch sử, Tổ Tiên VN, nhờ sự tín ngưỡng này tăng thêm sức mạnh, hướng vào con đường chính đạo “uốn nước nhớ nguồn” tâm an huệ

trường, đủ khả năng bảo tồn giống nòi, dựng nước và giữ nước dù trải qua biết bao cuộc thăng trầm bĩ thái. Vì thế, Tổ Tiên luôn nhắc tới các vị thần linh, lúc nào cũng sẵn sàng giao cảm với con người chung lòng chung sức để cùng chung lo phụng sự quốc tổ. Dù hiểu “hư hay thực” qua hiện tượng này, thì cái thực trong hư hay cái hư trong thực, đều hiện rõ ràng như vừa trình bày. Đây chính là “túi khôn” của Tổ tiên để lại, nếu ta biết vận dụng sẽ thành công.

### ***3/ Vận dụng toàn dân***

Việc cầu hiền đánh giặc cứu nước có ba tác dụng: một là tìm người tài đức lãnh đạo cuộc chiến; hai là thông báo cho toàn dân biết tình trạng lâm nguy của đất nước để đoàn kết chống ngoại xâm, để vua và dân trên dưới đồng lòng; ba là kích thích tinh thần dân tộc sẵn có để cùng một lòng bảo vệ quê hương, chấp nhận hy sinh vì nước. Phối hợp ba yếu tố này, yếu tố thể thắng mạnh, ít thắng nhiều hưởng chi lại thêm một tướng tuổi trẻ tài cao xông pha trận mạc, không màng danh, lợi, quyền. Một điều đáng để ý nữa là khi ra trận, Phù Đổng Thiên Vương dùng roi sắt, ngựa sắt, thét ra lửa giống như chiến tranh sau này, dùng xe bọc sắt, và vũ khí bằng sắt như súng đạn phải chăng Tổ Tiên ta đã có viễn tưởng, gợi ý cho con cháu nên sử dụng các loại vũ khí này trong cuộc chiến chống ngoại xâm? Rất tiếc dân tộc ta không khai thác kịp thời tài nguyên trí tuệ này!

### ***4/ Áp dụng vào thực tiễn:***

Trên đường Nam tiến của Hoa tộc phương Bắc, Tổ Tiên ta đã trải qua biết bao chặng đường sóng gió và dày dạn kinh nghiệm trong việc dựng nước và giữ nước mà truyện Phù Đổng Thiên Vương là thành quả thần kỳ để từ đó câu chuyện như là một lời tiên tri lưu lại cho con cháu, nếu biết áp dụng chiến lược của Tổ Tiên.

- Giặc Ân từ phương Bắc tràn xuống: hãy cảnh giác hương này
- Địch mạnh ta yếu: giặc tràn xuống như vũ bão.

- Chiến lược áp dụng xử dụng thông tin tuyên truyền, vua dân cùng một lòng và động viên được toàn dân, và quan trọng hơn cả là trọng dụng nhân tài, đặc biệt là tuổi trẻ.
- Yếu tố thắng mạnh: VN lúc bấy giờ so với phương Bắc như đứa bé làng Phù Đổng, không biết nói, không biết đi đứng. Nhưng khi nghe lời rao khẩn thiết của triều đình “quốc gia lâm nguy” thì đứa bé vụt ngồi, vụt đi đứng, vụt biết nói và đề nghị với Mẹ mời sứ giả vào rồi xin nhận lãnh trách nhiệm và đề nghị đúc ngựa và roi sắt. Khi có ngựa và roi đứa bé vụt vươn vai một cái liền trở thành một thanh niên hùng dũng như Rồng thiêng và sau đó chiến thắng kẻ thù.

Suốt dọc dài lịch sử VN cho tới ngày nay, câu chuyện Phù Đổng Thiên Vương như là một quyển sách ước, một tiên tri của tiền nhân dành cho giòng giống Rồng Tiên, một túi khôn về việc áp dụng nguyên tắc Rồng và Tiên vào thực tiễn: khi cần chống ngoại xâm thì mạnh như Rồng, như PĐTV, sau khi chiến thắng thì hài hòa, nhẫn nhục, hiền dịu như Tiên, khi bị lệ thuộc thì chấp nhận “ở bầu thì tròn, ở ống thì dài” nhưng chất nước vẫn mãi mãi không thay đổi, lại còn rửa sạch những bợn nhơ để biến cái tối tăm của hoàn cảnh thành sáng, biến nguy thành an. Mỗi lần bị đô hộ thì biết cách bảo tồn nội lực của dân tộc như “đất nẻ nước luôn” để chờ Rồng vươn vi. Chúng ta có thể lược kể hiện tượng có tính thần thoại biến thành thực tiễn lịch sử như sau: 1000 bị phương Bắc đô hộ và quyết tâm đồng hóa nhưng đối phương hoàn toàn thất bại. Điều này gây ngạc nhiên cho tất cả những nhà nghiên cứu, khảo cổ, viết sử Đông tây trên thế giới ngày nay. Người ta cũng không tưởng tượng nổi, bằng lý trí về sự tồn tại của dân tộc VN. Trong suốt ba lần Bắc thuộc cũng như công cuộc chống xâm lăng phương Bắc trước đây và phương Tây sau này, dân tộc VN đã chiến đấu oanh liệt, nhiều trận chiến thắng oai hùng. Trong những tình huống vô cùng thần thoại như kiểu PĐTV. Những cuộc đối đầu với kẻ thù thường nằm trong trường hợp: “nực cười châu chấu đá xe, tưởng rằng chấu ngã ai dè xe nghiêng”. Có thể liệt kê những cuộc đại thắng

quân Đông Hán của hai bà Trưng trong lần Bắc thuộc I (111 tr-cn – 39s.cn). Cuộc chiến đấu oai hùng với quân Đông Ngô của Bà Triệu trong lần Bắc thuộc II (603-939). Lê Đại Hành phá quân Tống (980-1009), Lý Thường Kiệt đại thắng quân Tống (1076), Trần Hưng Đạo ba lần thắng quân Nguyên (1257, 1271 và 1284), Lê Lợi 10 năm kháng chiến đánh tan quân nhà Minh (1418 -1427); Nguyễn Huệ đại thắng quân Thanh (1788) và dân tộc VN chiến thắng quân Pháp tại Điện Biên Phủ .

Trong hàng chục cuộc chiến đấu chống ngoại xâm đại thắng vẻ vang ghi trên, có những đặc điểm vô cùng kỳ diệu mà chỉ có đất nước Rồng Tiên có mà thôi. Thứ nhất là ba vị Nữ lưu anh Hùng Trưng Trắc, Trưng Nhị và Triệu Ẩu đã lãnh đạo cuộc chiến giải phóng dân tộc chứng tỏ “Nam Nữ bình quyền” đã thể hiện trong thời đại xa xưa ở tại VN. Ít có quốc gia nào trên thế giới có những vị nữ lưu lên làm vua sau cuộc chiến giải phóng dân tộc, thứ hai là cuộc chiến thắng lẫy lừng của Trần Hưng Đạo và Quang Trung Nguyễn Huệ! Nhà Thanh và Nhà Nguyên đã thôn tính nước Tàu hơn 400 năm, khi đụng vào dân tộc nhỏ bé này, đều thất bại thảm thương nhất là quân Nguyên hùng mạnh đã thôn tính gần nửa thế giới lúc bấy giờ, lại bị ba lần thất bại dưới tay Hưng Đạo Vương. Thứ ba là trận Điện Biên Phủ giải phóng dân tộc thoát khỏi ách đô hộ của giặc Pháp cũng nằm trong trường hợp “**châu chấu đá xe**”.

#### **5/ Hy sinh vì Dân vì Nước**

Sau khi đã giúp vua chiến thắng quân giặc, giúp dân an hưởng thái bình, PĐTV không nhận bất cứ ân huệ nào của vua, lui về núi Sóc Sơn ẩn tích mai danh. Hành động này diễn đạt được tính chất “Tiên” của dân tộc ta: hy sinh chiến đấu hoàn toàn vì dân vì nước, không màng danh lợi quyền cá nhân. Tâm hy sinh phụng sự nên mới có Huệ Tâm soi sáng giúp cho thêm minh mẫn, sáng tạo để tìm ra chiến lược, chiến thuật hay. Đó là yếu tố quan trọng đưa đến thành công., Nghĩ sâu hơn, ta càng thấy Tổ Tiên ta, thật là thông minh, quyền biến: Đánh giặc hay trong thời chiến, chưa chắc cai trị giỏi trong thời bình. Chúng ta tưởng tượng nếu PĐTV không lui về núi, nhận chức quan cao

tốt phẩm trong triều đó là sở đoản của Ngài liệu còn có ánh hào quang của PĐTV nữa chăng? Bài học lớn này, Tổ Tiên ta đã giáo huấn qua chuyện thần thoại Thánh Tản Viên, PĐTV... (Thế mà cho tới ngày nay con người vẫn vấp phải rõ nhất là Chế Độ CSVN sau khi chiến thắng lẫy lừng tại Điện Biên Phủ, sau đó chiến thắng siêu cường quốc thế giới, tự cao tự đại, đưa những người có công trong cuộc chiến lãnh đạo về kinh tế, giáo dục, xử dụng sở đoản vào guồng máy cai trị thì “thắng mà bại” đã thấy rõ ràng trước mắt. Tiếc thay hoài bảo của Tổ Tiên, khó khăn lắm mới còn lưu truyền đến ngày nay mà con cháu không lưu tâm và áp dụng túi khôn này!)

#### ***6/ Uống nước nhớ nguồn***

Hầu hết các truyện thần thoại VN, kết cục được phần thưởng TINH THẦN xứng đáng và đồng thời dạy chúng ta **uống nước nhớ nguồn**: dân tộc VN tôn thờ vua Hùng trong chuyện con Rồng cháu Tiên, chuyện bánh chưng bánh dày biểu tượng ghi ân TRỜI ĐẤT và Tổ Tiên, truyện PĐTV thắng quân xâm lăng đều được dân tộc VN tôn vinh lên cấp bậc thần thánh, lập miếu thờ phượng muôn đời. Đây là bản sắc của dân tộc VN vun bồi nền Quốc Đạo càng thêm rạng rỡ.

### **f/ TRƯỞNG CHI MỸ NƯƠNG**

#### ***1- Lược truyện***

Ngày xưa có một tiểu thư đài các con của một vị quan to, rất xinh đẹp. Ngày ngày thường quanh quẩn trên lầu son, bồng một hôm thấy chiếc thuyền con lơ lững trôi trên dòng sông hòa nhịp với tiếng sáo cao vút tận trời xanh. Tiếng sáo như có ma lực gợi cảm, gợi tình khiến người nghe bàng hoàng, mê mẩn tâm hồn. Hằng ngày Mỹ Nương đều trông chờ nghe tiếng sáo quyến rũ đó. Nhưng chỉ thấy bóng mà không rõ mặt người. Với tuổi đôi tám ngây thơ của nàng nương theo tiếng sáo mặc sức mà dẹt mọng! Tiếng sáo hay chắc chắn phải từ một chàng trai tuấn tú, hào hoa phong nhã của một nghệ sĩ phở ra. . .

Thế rồi, một ngày kia con thuyền vắng bóng, tiếng sáo im bặt làm cho nàng ra ngẩn vào ngơ trông chờ, để rồi ngã bệnh, cha

nàng lo lắng vô cùng vì những danh y nổi tiếng nhất trong vùng cũng không tìm ra nguyên nhân căn bệnh. Bỗng một hôm mọi người đều ngạc nhiên mừng rỡ khi thấy gương mặt của My Nương tươi sáng trở lại và lần lần khỏe hẳn như được uống tiên dược. Thì ra con thuyền nhỏ và tiếng sáo vang lại trong gió. Cha nàng lấy làm lạ về bệnh trạng của con nên cố gắng tìm hiểu và người duy nhất biết rõ nguyên nhân là cô tì nữ hầu cận nàng đã thổ lộ mọi sự tình. Ông liền cho người điều tra thì ra tiếng sáo đó do một chàng trai đánh cá tên là Trương Chi, mặt mày rất xấu xí tương phản với tiếng sáo làm rung động lòng người. Ông liền cho vời Trương Chi đến cho My Nương gặp mặt.

My Nương hoàn toàn bị vỡ mộng vì dung mạo Trương Chi quá xấu xí và không còn mơ tưởng nữa. Tội nghiệp thay cho chàng, khi diện kiến dung nhan kiều diễm của My Nương, thì chàng lại tương tư đau khổ! Muốn cắt cho đứt, muốn chặt cho lia nhưng tơ tình oan nghiệt vẫn mãi vấn vương, vấn quẩn chặt hơn tơ nhện quẩn môi, chàng dẫy dụa không ra nên chết dần, chết mòn, nào ai biết ai hay!

Mấy năm sau, cha của My Nương tình cờ thấy khối đá rất đẹp làm vật trang trí trên mũi một chiếc thuyền, liền hỏi mua và được chủ thuyền đồng ý bán. Ông đem về cho thợ ngọc làm thành một tách trà thật đẹp. Mỗi khi rót trà, đáy tách hiện ra hình ảnh người lái đò nghệ sĩ năm xưa.

My nương, một hôm tình cờ rót trà vào tách, thấy hiện tượng lạ lùng này, nàng chợt nhớ lại người xưa, xúc động để rơi giọt nước mắt vào tách trà, chén ngọc tự nhiên tan ra thành nước. Thì ra khối ngọc đó chính là khối tình của chàng Trương Chi kết tinh lại sau khi qua đời, mà tình cờ một ngư phủ nhận được. Huyền diệu thay, một giọt nước mắt chân tình hòa nhập khối tình thành một chất nước thiêng của tình yêu, dệt nên một câu chuyện tình đẹp, thật đẹp của loài người!

## ***2/ Tình yêu là thiên tính***

Từ nghìn xưa Tổ Tiên ta đã quan niệm tình yêu là quy luật thiên nhiên phát nguồn từ bản năng tự nhiên của loài người qua các chuyện thần thoại, ca dao tục ngữ, qua cuộc sống hỗn nhiên



của nhà nông. Gần đây, qua khảo cổ người ta tìm được những trống đồng rải rác trên đất nước VN và ĐNA, những hình tượng được điêu khắc trên thạp đồng, trống đồng diễn đạt tự nhiên sinh hoạt tình dục của vạn vật, chứng tỏ Tổ Tiên ý thức được tình yêu nam nữ, trống mái, đực cái, có tính thiêng liêng, quyết định sự tồn vong của người và vạn vật. Tình yêu này nằm trong uy lực Âm Dương của TRỜI ĐẤT sinh ra mà trong câu chuyện con Rồng cháu Tiên là điển hình. Không có tình yêu như quả đất không có mặt trời, như cây lúa không có nước, tất cả sinh vật, kể cả TRỜI ĐẤT cũng không tồn tại vì không có sự kết hợp của ÂM DƯƠNG thì không có sinh hóa.

Tình yêu nam nữ kết hợp sinh con để cái nối dõi tông đường, chung sức chung lòng xây dựng gia đình, mới có ông bà, cha mẹ, làng xóm, nước non... Trong thiên nhiên, từ côn trùng thảo mộc, cầm thú, đến con người đều có đôi có cặp, khác nhau mà khấn khít hòa hợp, mâu thuẫn nhau mà hài hòa. Hiệp nhất để sinh hóa, mâu thuẫn để tiến hóa, vòng luân chuyển qua lại cứ thế đến vô cùng vô tận.

Tình yêu của Trương Chi My Nương tuy có trắc trở, nhưng diễn đạt được sức mạnh của tình yêu, tình yêu như vũ bão, rắn chắc như khối ngọc mà chỉ có tình yêu mới hóa giải được mà thôi. Kỳ diệu thay, chỉ một giọt yêu đương mỏng manh làm tan được khối ngọc do tình yêu kết đọng lại! Nếu thiếu giọt nước mắt này thì:

*“ Nợ tình chửa trả cho ai,  
Khối tình mang xuống tuyền đài chửa tan.”*  
(Nguyễn Du)

### **3/ Vai trò thẩm mỹ trong tình yêu.**

Vạn sự sẽ khá vẹn toàn, nếu có đầy đủ chân, thiện, mỹ. Ba đức tính này là chân lý mẫu mực, là thước đo mà người ta dựa vào đó để định giá bất cứ việc gì hay bất cứ người nào. Ngọc là phải ngọc thiệt, chủng loại tốt và đẹp thì mới có giá trị cao. Người thì phải chân thật, có lòng tốt, sáng sủa đẹp đẽ duyên dáng khỏe mạnh mới là mẫu người lý tưởng. Riêng đối với tình yêu nam nữ, chữ Mỹ đi trước vì Mỹ thuộc về sắc, ngay cái nhìn

đầu tiên đã bắt gặp một cách rõ ràng và thực tế. Chân, Thiên thì về lâu về dài mới có thể khám phá ra. Người con trai nhìn đối tượng chú ý về nét đẹp, duyên dáng bên ngoài, nếu “hạp nhãn” mới tiến tới những bước kế tiếp. Con gái thì đối tượng cũng thế, nhưng ít quan tâm về vẻ đẹp bên ngoài. Tục ngữ: “Trai tài gái sắc” nói rất rõ quan điểm này. Ở đây, tiếng sáo ru hồn của Trương Chi không đủ bù đắp khuyết điểm xấu xí của chàng, nên My Nương tỉnh mộng. Ngược lại Trương Chi khi được ngắm dung nhan sắc nước hương trời của My Nương liền bị tơ tình buộc chặt, không thoát ra được, mặc dầu tiên nhân thường đề cao: “Cái nét đánh chết cái đẹp” nhưng trên thực tế, cái đẹp vẫn có phần quan trọng quyết định dù đối với trai hay gái cũng thế, nhất là trong giai đoạn đầu gặp gỡ.

#### ***4/ Khối tình mang xuống tuyến đài chưa tan***

Trái tim của Trương Chi gắn chặt hình bóng của My Nương, không giờ phút nào lìa xa cho đến khi chết, trái tim thương yêu đó kết tụ thành ngọc đá. Hình ảnh này thật là lãng mạn, thật là thần kỳ, thật là chung thủy, nói lên đầy đủ sức mạnh của tình yêu nam nữ! Lãng mạn thần kỳ hơn nữa là khi tình yêu đã buộc thì chỉ có tình yêu mới gỡ nổi. Với một giọt nước mắt tình yêu mới làm tan được khối ngọc kết tinh bởi tình yêu! Trước đó, tiếng sáo du dương của Trương Chi đã làm cho My Nương ngã bệnh tương tư thì chỉ có tiếng sáo của chàng mới chữa lành bệnh của nàng. Đây là một thực tế, một chứng nghiệm trong cuộc sống, một toa thuốc giải trừ bệnh tương tư.

Trái tim kết thành ngọc đá như trường hợp của Trương Chi có thật hay không, có tương tự với ngọc xá lợi của Phật không, điều này chưa ai xác định được! Tuy nhiên, nếu cho đây là một hư cấu nhằm để diễn đạt sức mạnh và sự kỳ diệu của tình yêu thì quả đây là tuyệt diệu, tuyệt bút mà sức tưởng tượng của Tố Tiên ta quả là tuyệt vời! Nghĩ xa hơn nữa, nếu con người chết rồi, hồn xuống tuyến đài như truyền thuyết, mang theo mối tình si trên thế gian thì quả thật hậu quả khó lường, có thể còn ảnh hưởng mạnh đến kiếp hậu lai!...

#### ***5/ Tình yêu của người bình dân thôn dã***

Trong câu chuyện, My Nương là người con gái trẻ, lâu son gác tía, có kẻ hầu người hạ, được cha mẹ cưng chiều, sáng tối sống trong “tháp ngà” của quyền quý, hàng ngày không được tiếp cận với xã hội bên ngoài, thiếu thử thách rèn luyện nên thiếu kinh nghiệm sống, tâm hồn yếu ớt ủy mị. Chỉ nghe được một giọng sáo du dương, gợi tình gợi cảm cũng đủ ngã bệnh tương tư khi vắng nó. Tình yêu của nàng xây trên óc tưởng tượng, như lâu đài xây trên bãi cát chứ không phải xây bằng con tim, nên khi diện kiến Trương Chi, một người bình dân thôn dã, xấu xí liền vỡ mộng ngay, không còn nghĩ gì đến tiếng sáo, không cần nghĩ thêm về chân, thiện của một nam nhân, trọng tâm của một người chồng lý tưởng. Trong lúc đó, Trương Chi tiếp nhận hình ảnh của My Nương, con tim bùng cháy ngọn lửa yêu đương nên không cách nào dập tắt được, dù non có mòn, bể có cạn cũng không thay đổi. Bản sắc tình yêu của Trương Chi chính là tình yêu của người bình dân, thôn dã VN. Chung thủy, vững vàng, chân thật, sẵn sàng hy sinh cho tình yêu. Đối với My nương, rõ ràng nàng yêu giọng sáo du dương chứ nào phải yêu con người Trương Chi, nên sự hời hợt đối với chàng cũng không có gì quá đáng. Điểm son của nàng ở đây là sau khi biết được sự thật, nàng xúc động tận đáy lòng, và nhỏ dòng nước mắt chân tình làm tan khối ngọc tình yêu.

Đối với người bình dân VN, đặc biệt là nông dân, tình yêu thật là mộc mạc nhưng sâu sắc và thủy chung. Hằng ngày tiếp cận với thiên nhiên, sống hòa nhập với trời trăng mây nước, với bầu gia súc hiền lành, trung tín với mọi người trong công việc đồng áng, đặc biệt là tương quan mật thiết với người khác phái qua câu hò, tiếng hát, qua đường cày, luống cấy. Tâm tư của họ rất hồn nhiên và mở rộng. Họ có đủ điều kiện, nhiều cơ hội, đủ bình tĩnh, sáng suốt và kinh nghiệm để chọn người yêu lý tưởng của mình và đủ nghị lực để tránh những hành vi không phù hợp với đạo làm người. Một khi đã chọn đúng đối tượng rồi thì không để ý đến người khác nữa, một lòng chung thủy đến trọn kiếp giống như tình yêu của Trương Chi vậy.

### ***6/ Tóm tắt***

Những câu chuyện tình trong ca dao, tục ngữ, trong chuyện thần thoại của Tổ Tiên truyền khẩu lại, đã luân chuyển lọc lừ qua hàng ngàn năm vẫn mặn mà, tế nhị, thơ mộng, tự nhiên và đặc biệt là quan điểm tự do hôn nhân được diễn đạt sinh động qua nhiều tình huống, nhiều khía cạnh khác nhau, TỰ DO HÔN NHÂN là một thông điệp quan trọng của tiền nhân, tự do chọn lựa, nhưng khi đã chọn rồi thì phải chung thủy, hy sinh cho nhau, yêu thương nhau suốt đời. Chính quan điểm này giữ cho đạo vợ chồng bền vững, gia đình hạnh phúc tức nhiên xã hội sẽ được tốt lành... Rất tiếc, vì ảnh hưởng ngoại lai, một số đồng bào không hưởng theo truyền thống của dân tộc, hoặc quá khắt khe hoặc quá tự do, gây điều đứng cho xã hội ta. Cũng may đại đa số dân tộc ta phát nguồn từ nông nghiệp, còn giữ vững truyền thống tốt đẹp này của Tổ Tiên.

## **g/ TRỌNG THỦY MỸ CHÂU**

### ***1/ Lược truyện***

Thục Vương ở phía Bắc nước Văn Lang, vì cầu hôn với công chúa Mỹ Nương con của vua Hùng không thành nên tức giận dặn con cháu phải diệt Văn Lang để báo thù. Cháu Thục Vương là Thục Phán, tài trí hơn người đánh thắng được vua Hùng, sáp nhập hai nước lại, đặt tên là Âu Lạc. Thục Phán lên làm vua tự xưng là An Dương Vương, rồi xây thành Cổ Loa để làm kinh đô nước Âu Lạc. Thành xây đến đâu thì bị lở đến đó, xây hoài không được. Nhà vua bèn trai giới, cầu nguyện xin thần linh giúp đỡ. Hôm sau liền có con RỪA VÀNG nổi lên mặt nước sông gần cung điện. Rùa vàng chỉ dẫn nhà vua xây xong thành, hình xoắn nhiều vòng như trôn ốc, nên gọi là Cổ Loa thành, hiện nay còn vết tích ở Huyện Đông Anh, Tỉnh Phú Yên.

Sau khi xây xong Cổ Loa Thành, nhà vua xin thần Kim Quy ban cho phép để giữ nước. Rùa vàng liền tháo một móng vuốt trao cho vua và dặn cách thức làm nổ thần, mỗi phát bắn ra hàng trăm mũi tên bay, giặc đến thì giặc phải tan. Nhà vua sai tướng Cao Lỗ y lời dặn, chế được nổ thần.

Triệu Đà là một viên quan có tài thao lược kiêm bị của nhà Tần trấn thủ phương Nam, gần biên giới nước Âu Lạc, đã cùng một số bộ tộc liên kết phản Tần và nhiều lần đem quân sang đánh Âu Lạc, để nhất thống Phương Nam nhưng đều bị thua trận vì nỏ thần và Cổ Loa thành.

Triệu Đà liền đổi sách lược, xin giảng hòa với An Dương Vương và xin cầu hôn cho con trai là Trọng Thủy với My Châu, con gái cưng của An Dương Vương để tránh can qua. Triệu Đà gọi Trọng Thủy sang ở rể để An Dương Vương an tâm. Vốn tánh hiếu hòa nhà vua mừng rỡ, nghĩ rằng Triệu Đà thật lòng, vì cho con sang ở rể không khác gì làm con tin. Cả triều thần, nhà vua và My Châu không có ai có thể ngờ vai trò gián điệp của Trọng Thủy trong ý đồ của Triệu Đà là lấy cắp chiếc nỏ thần! Vì tin yêu chồng, My Châu cho Trọng Thủy xem nỏ thần và nơi cất giấu. Sau đó, Trọng Thủy làm một cái nỏ thần giả, thay vào nỏ thần thật và lấy đem về trao cho Triệu Đà nhân chuyển về viếng thăm gia đình.

Trước khi lên đường, Trọng Thủy hỏi My Châu là nếu không may có biến cố gì đặc biệt, như chiến tranh chẳng hạn, thì làm thế nào liên lạc nhau? My Châu bảo: “Thiếp có chiếc áo lông ngỗng, nếu có chiến tranh, chạy đến đâu thiếp rút lông ngỗng bỏ xuống đường, chàng theo dấu đó sẽ gặp được thiếp.”

Lấy được nỏ thần, dĩ nhiên Triệu Đà cho tiến quân đánh Âu Lạc, giặc đã đến tận thành Cổ Loa rồi mà nhà vua và triều thần vẫn còn vui chơi giải trí vì y có thành Cổ Loa kiên cố và nỏ thần vô địch. Không ngờ tới chừng xử dụng thì không còn linh nghiệm nữa, và quân Triệu Đà tràn vào chiếm lấy thành.

An Dương Vương đỡ My Châu ngồi phía sau, cho ngựa phóng như bay chạy trốn về phương Nam. Nhưng chạy đến đâu thì quân của Triệu Đà theo sát nút. Nhà vua chạy tới bờ biển tức là đến đường cùng rồi, nhà vua cầu xin thần Kim Qui cứu giúp. Rùa Vàng hiện lên và nói: “Kẻ ngồi sau lưng chính là giặc đó” nhà vua chợt hiểu vì chiếc áo lông ngỗng của My Châu không còn lông nữa, bèn rút gươm định giết My Châu rồi tự tử. My Châu van xin vua cha, trước khi chết được khẩn vái với trời cao:

“Nếu thiếp có lòng phản nghịch vua cha thì cho thành cát bụi sau khi chết, nếu thiếp một lòng trung hiếu nhưng bị lừa gạt thì xin cho thành ngọc để tỏ lòng trong sạch.” Chém My Châu, An Dương cầm sừng tê giác nhảy xuống biển được thần Kim Qui đưa về thủy cung, còn My Châu máu chảy xuống biển, loài trai ăn vào, mỗi giọt máu biến thành viên ngọc, gọi là ngọc trai.

Trọng Thủy chạy đến nơi chỉ còn xác của My Châu, đưa về Loa thành chôn cất. Chôn cất xong thì trời nổi cơn phong ba, cát bay đá chạy, mưa gió ầm ầm. Khi trời quang mây tạnh mộ của My Châu sụp xuống thành một cái giếng sâu, nước trong vắt. Trọng Thủy ân hận về việc làm gián điệp của mình, lừa gạt tình yêu trong sáng của người vợ hiền nên chàng nhảy xuống giếng tự tử. Đó là giếng Trọng Thủy còn vết tích cho đến ngày nay. Ai mò được ngọc trai dưới biển, rửa nước giếng Trọng Thủy, ngọc trai sẽ trong sáng vô ngần.

## ***2/ Vài điều minh định khi đọc Huyền Sử***

Tất cả huyền sử đều có những huyền thoại mà người ta cho là hư cấu trong câu chuyện. Nhận định này đúng hay sai không ai có thể xác định được. Điều quan trọng là tìm cái thực trong cái mà người ta cho là hư đó để học hỏi, để moi tìm những thông điệp mà Tổ Tiên ta lưu lại. Ngoài điều này còn phải biết là các tác giả sưu tập truyện truyền khẩu viết ra như ***Lĩnh Nam Trích Quái*** đều bị thêm bớt nhiều do ảnh hưởng ngoại lai từ phương Bắc đưa tới trong các thời kỳ Bắc thuộc.

Vì thế, khi đọc huyền sử cần thanh lọc những tư tưởng ngoại lai, và tìm hiểu những điều đặc biệt mà Tổ Tiên ta muốn nhắn gửi lại cho con cháu. Đó là trọng tâm của vấn đề mà chúng ta cần phải học hỏi và quan tâm. Đã đến lúc huyền sử “của dân tộc ta lần lần biến sang thực sử” nhờ khoa học khảo cổ tiến bộ thí dụ như: năm 1959, người ta tìm được một kho tên đồng có hàng vạn cây tên cách thành Cổ Loa vài trăm thước và thời gian phù hợp với thời gian trong câu chuyện Trọng Thủy My Châu. Điều này chứng minh rằng tất cả câu chuyện huyền sử,

huyền thoại do Tổ Tiên ta lưu lại đều có thật nhưng được nguy trang dưới hình thức huyền thoại để kẻ địch xem thường và không bị cấm đoán trong thời Bắc thuộc chẳng???

Hiểu được trọng tâm của huyền sử ta rất vui mừng nhận thấy Tổ Tiên ta thật là minh triết, đất nước ta linh thiêng, dân tộc ta xuất hiện và có nền văn minh nông nghiệp và kỹ thuật rất sớm trên thế giới. Đó là những lý do khiến cho chúng ta có ý thức về nguồn, hướng về tương lai rạng rỡ đang chờ đợi.

### ***3/ Vài nét liên hệ đến lịch sử***

Các sử gia đã cố tìm tòi sử liệu về thời kỳ này, nhưng họ khó mà đồng ý với nhau vì rất hiếm tài liệu tham chiếu. Ngay cả nơi xuất thân của Thục Phán, vị anh hùng dựng nước Âu Lạc, cũng rất mơ hồ. Sự chuyển quyền hành từ vua Hùng sang nhà Thục bằng cách nào cũng không có sử sách nào ghi rõ! Nhờ vào huyền sử và nhờ vào các cuộc khảo cổ gần đây xác nhận được là dân tộc ta đã có một nền văn minh rạng rỡ trong các thời đại vua Hùng, đó là giai đoạn văn hóa Văn Lang: VN phát triển ngành canh nông sớm nhất! Ngành luyện kim qua trống đồng độc đáo nhất và từ đó truyền sang các nước chung quanh kể cả Hoa Bắc; và VN là một trong cái nôi lâu đời nhất sinh ra loài người. Thừa kế nền văn minh này, Thục Phán sau khi chiếm lấy Văn Lang và kết hợp với bộ tộc của mình (có sử liệu gọi là Ba Thục, sử liệu khác gọi là Âu Việt và Văn Lang là Lạc Việt) lập thành nước Âu Lạc. Đây là giai đoạn văn hóa cao nhất rạng rỡ nhất của bộ tộc VN thời tiền sử. VN lúc bấy giờ đã đủ sức chống lại giặc ngoại xâm phương Bắc, ổn định phương Nam. Kế tiếp là nhà Triệu sau khi chiếm được Âu Lạc lập thành nước Nam Việt. Vua Nam Việt là Triệu Đà một viên quan nhà Tần trấn thủ Hoa Nam, có tài thao lược, ngoài mặt hòa hoãn với Tần, nhưng lúc nào cũng phòng thủ, sẵn sàng chống lại nếu Tần xâm lăng. Đối với miền Nam, Triệu Đà vẫn giữ nguyên hệ thống cai trị và các quan viên thời Âu Lạc nhà Thục. Nhờ thế, toàn dân được ổn định, Nam Việt lúc bấy giờ hùng cường ngang ngửa với nhà Tần phương Bắc, nên Tần dù biết ý đồ của Triệu Vũ Vương nhưng đành làm ngơ. Không dám đụng tới. Với thái

độ khôn ngoan của Triệu Đà đối với Âu Lạc cũ, khối dân VN được đối xử bình đẳng, trở thành một khối dân tộc thống nhất nên được coi như là một cuộc chuyển quyền từ nhà Thục sang nhà Triệu, chứ không coi nhà Triệu như kẻ xâm lăng. Nhất là không thể coi như bị Bắc thuộc lần I vì nhà Triệu đã chống lại nhà Tần phương Bắc và cả triều đình của nhà Triệu đều là người phương Nam.

#### **4/ Cổ Loa Thành và Nỏ Thần**

Con người sống trên đời đều phải trải qua những thăng trầm, ấm lạnh, vui khổ... Đó là những thử thách phải có, là động cơ của sự tiến hóa vô cùng vô tận. Hạnh phúc đến với con người không phải từ giàu sang danh vọng mà là con người có tâm an thường trụ. Người nông dân VN tâm thần thường an lạc do đời sống gần gũi với thiên nhiên, hòa đồng với vũ trụ nên tâm của họ dễ cảm nhận với thần linh. Mỗi khi có trái gió trở trời “ họ thành tâm nguyện cầu rồi mọi việc đều thông qua dù được đáp ứng hay không. Qui luật đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu” , khi an tâm trí định vào việc gì thì họ thường được khối linh của càn khôn vũ trụ giúp đỡ, dẫn dắt. Đây là những chứng nghiệm mà Tổ Tiên ta đã trải qua và lưu truyền lại. Vì thế, hầu hết những truyện truyền khẩu trong dân gian đều liên hệ ít nhiều đến thần linh mà người sau thường là trí thức tân học cho là hoang đường, mê tín. Điều này không có gì lạ là vì họ là những người tâm trí lúc nào cũng bận rộn, vội vã, lệ thuộc vào danh lợi quyền thì không thể chứng nghiệm được! Thực tế như mọi người đều biết khi nào tâm ta an tịnh thì trí sáng lóa. Trở lại câu chuyện, khi Thục Phán cho xây Cổ Loa thành xây gần xong thì bị sập, có lẽ về mặt hữu hình thì do không đúng kỹ thuật, về mặt vô vi thì do “tà ma” phá phách nên nhà vua thành tâm cầu xin thần linh giúp đỡ. Sự hiển linh ứng nghiệm qua Thần Kim Qui, chỉ bảo phương pháp xây thành đúng kỹ thuật và khi có linh điển của thần đến thì tà ma quỷ quái phải lui. Về nỏ thần cũng là một nguyên lý như Cổ Loa thành.

Điều kỳ diệu là cùng trong thời điểm, Tần Thủy Hoàng sau khi dùng bạo lực gồm thâu lục Quốc rồi, đối ngoại thì cho



xây Vạn Lý Trường Thành để ngăn chặn sự xâm lăng của phương Bắc và dòm ngó phương Nam với ý đồ xâm lược để mở rộng bờ cõi! Đối nội thì sợ dân chúng, nhất là những người trí thức nổi loạn vì hành vi bạo lực của mình nên một chính sách tàn ác là: “đốt sách chôn học trò” để diệt trừ mầm móng chống đối. Đó là chính sách ngu dân để dễ cai trị. Chính sách cực kỳ độc ác này chỉ xảy ra một lần nữa do chế độ CS lãnh đạo trong thời kỳ đầu tại Liên Xô, Trung Quốc và sau này là Campuchia dưới thời Bôn Pốt. Trong khi đó tại Âu Lạc, Thục Phán cũng cho xây Cổ Loa thành để chống xâm lăng, kết hợp được bộ binh và thủy chiến với vũ khí đặc biệt là nỏ thần, tức cây nỏ mỗi lần bắn ra hàng chục mũi tên bịt đồng cùng một lúc, giống như súng liên thanh ngày nay. Việc xây Cổ Loa thành của dân quân miền Nam diễn tiến trong êm đềm, trên thuận lòng trời dưới thuận lòng người, không hề dùng sắt máu và bạo lực như phương Bắc. Riêng việc xây dựng Vạn Lý Trường Thành đã vét cạn tiền của tài sản của dân, quan trọng nhất là hàng vạn sinh linh bị hy sinh vô nghĩa. Vạn Lý Trường Thành tuy đồ sộ chỉ đáng là một di tích lịch sử đẫm máu, nào có ngăn chặn được gì khi mà lòng dân phần uất cực độ! Qua lịch sử Trung Hoa, triều đại hung bạo nhất là triều đại nhà Tần, ngắn ngủi nhất cũng là triều đại này! Thật là khế hợp với thiên lý vậy. Đồng thời tại nước Âu Lạc ta, trên dưới cùng một lòng, lấy nhân nghĩa làm đuốc soi đường nên diệu dụng của Cổ Loa thành và nỏ thần đã được hữu hiệu trong việc chống 50 vạn quân Tần xâm lăng và nhiều lần đánh lui được quân Triệu Đà phương Bắc, tạo nên thời kỳ vàng son cho dân tộc Việt. Cổ Loa thành và Nỏ thần cũng là những chứng tích ghi đậm nền văn minh rạng rỡ thời Âu Lạc, và đồng thời cũng là di tích lịch sử chứng tỏ sự thông minh kỳ diệu của Tổ Tiên Việt Nam, của giòng giống Rồng Tiên thời tiền sử Âu Lạc. Tiếc thay, vì thiếu cảnh giác, vì quá tin người nên bị mắc mưu trong mặt trận gián điệp của đối phương, nên nền văn minh Âu Lạc chuyển đổi sang giai đoạn mới. Đây cũng chính là nhược điểm chung của miền Nam, đạo đức, tình cảm, chân thật có

thừa nhưng tính tình quá dễ dãi, tùy tiện, dễ tin người nên trước mắt dễ bị thất bại nhất là trong lãnh vực chính trị.

### **5/ Tình yêu trong thời chiến**

Triệu Đà tấn công Âu Lạc nhiều lần nhưng không tiến chiếm được thành Cổ Loa vì Nỏ thần quá lợi hại, sau cùng phải dùng chiến thuật gián điệp mới chiến thắng. Trọng Thủy vì quyền lợi của Bộ Tộc và lệnh của vua cha khó cãi nên bất đắc dĩ phải phản bội người yêu. Bên trung và hiếu, một bên tình dĩ nhiên một nam nhi thời đó chọn lựa như Trọng Thủy không có gì quá đáng! Tội nghiệp thay cho chàng trai, đau lòng biết mấy! Riêng My Châu, một công chúa trẻ, khuê các, ngây thơ, tin yêu chồng, làm sao có thể biết được mưu mô, thủ đoạn độc ác của những người làm chính trị như là trong thời biến loạn? Đến giờ chết, trước khi chết mới biết mình bị người chồng yêu thương lường gạt đến nỗi phải mất nước, hại nhà! Còn gì đau đớn và ân hận hơn!? Đối với cha già, còn gì biện bạch? Chỉ còn một tấm lòng, nếu có lòng phản bội đất nước và bất hiếu với cha xin tìm nàng biến thành hạt bụi, nếu ngược lại biến thành hạt ngọc trong ngần để chứng minh lòng trong sáng vô tội của nàng. Ôi thực hư, tốt xấu, đúng sai ... ở cõi thế chỉ có tâm mình mới xác định được mà thôi! Trọng Thủy vì quá ân hận và yêu thương người vợ chung tình nhậy xuống hang sâu mà xác của My Châu vừa sụp xuống để biến thành nước chung tình, hiệp nhất với tâm của My Châu làm sáng ngọc My Châu để giải mối oan tình của đôi vợ chồng trẻ không may sống trong thời chiến!

Lỗi lầm của Triệu Đà, vì tham danh lợi quyền hay dùng bạo lực đã đánh mất người con trai ngoan và sau này con cháu dòng họ bất tài để mất nước và dân tộc VN phải chịu lệ thuộc hàng 1000 năm. Tuy rằng trong gần 1000 năm đó có cuộc vùng dậy của hai Nữ anh hùng Trưng Trắc và Trưng Nhị lấy lại chủ quyền được 3 năm (40-43) và 48 năm của nhà Tiền Lý (544-602).

Lỗi lầm của Thục Phán và triều thần là quá chủ quan, tựa vào sức mạnh của vũ khí và thành lũy mà thiếu đề cao cảnh giác các mặt khác của chính trị nên bị bại vong. Đây là một lỗi

lầm thật lớn mà dân tộc VN thường vấp phải thời tiền sử: “trọng tình hơn lý”. Và đây cũng là bài học mà Tổ Tiên VN đã dạy qua câu chuyện huyền thoại này.

### **6/ Tóm tắt**

Qua chuyện huyền thoại Trọng Thủy My Châu Tổ Tiên VN:

- Khi đã tận sức và có lòng thành, có tâm trong sáng vì đạo nghĩa thì luôn luôn có thần linh hỗ trợ, dẫn dắt.
- Chứng minh nền văn minh của VN phát triển rất sớm và rất cao, từ nông nghiệp luyện kim cho đến việc xây thành đắp lũy và vũ khí lợi hại để giữ nước.
- Chứng minh cho ta thấy dù vũ khí mạnh, thành lũy chắc mà thiếu cảnh giác, thiếu sự kết hợp với dân, không biết lợi dụng địa hình địa vật của đất nước làm bình phong trong thời chiến thì dù mạnh đến đâu cũng là nhất thời rồi cũng đi đến thất bại chua cay.
- Trong thế giới nhị nguyên, vốn vạn biến, thực hư, tốt xấu, thiện ác ... khó mà phân biệt, chỉ có lương tâm mới tự đánh giá chính xác mà thôi. Tâm của My Châu biến thành ngọc quý, tâm của Trọng Thủy biến thành nước trong, chứng tỏ sự vô tội của hai người. Hiệp đôi lại ngọc và nước tức là chuyển sang nhất nguyên thì không còn phân biệt nữa, cái này làm sáng cái kia, cái kia làm rạng rỡ cái này. Cái này cái kia là một!

### **H/ KẾT LUẬN VỀ HUYỀN SỬ**

Huyền sử là huyền thoại gắn liền ít nhiều với lịch sử của một dân tộc. Các câu chuyện này đã xuyên qua biết bao nhiêu màn lược của thời gian và không gian qua truyền khẩu, phải thật là quý hiếm và nhiều ý nghĩa mới tồn tại cho tới ngày nay. Có thể nói, huyền thoại của một dân tộc là di sản thiêng liêng, là mạch nối của quá khứ xa xôi, gắn liền với tương lai của dân tộc đó. Tìm hiểu các câu chuyện thần thoại của một dân tộc có thể biết được bản sắc, tướng diện, túi khôn mức độ thông minh sáng tạo và đời sống tâm linh của Tổ Tiên họ.

Huyền sử VN còn có tầm quan trọng hơn nữa là quyết định sự tồn vong, là then chốt bảo tồn nội lực, là điển hình cho vũ trụ quan, nhân sinh quan và cho huyền linh quan của dân tộc VN. Vũ trụ quan, theo Hà Đồ Lạc Thư mà các nhà khảo cứu thế giới ngày nay dự kiến gốc phát xuất tại VN và người Tàu chỉ có công hệ thống hóa mà thôi. Biểu tượng của dân tộc VN là cặp đôi Rồng Tiên, đại diện cho thuyết âm dương, sinh hóa ra càn khôn vũ trụ, đại diện cho cha trời mẹ đất, nguồn gốc của vạn vật. Về nhân sinh quan có tính Đại Đồng, sinh ra cùng chung một bọc là huynh đệ, là đồng bào ruột thịt, nói riêng là dân tộc VN, tư tưởng khơi rộng ra là chung cho hơn loại vạn vật: cùng chung gốc, chung nguồn. Đây mới chính là gốc phát xuất tình thương và trách nhiệm lớn đối với gia đình, cộng đồng, với quốc gia xã hội, đối với hơn loại, vạn vật .v.v. Cũng từ nguồn lý này sinh ra đạo: “uống nước nhớ nguồn, ăn trái nhớ kẻ trồng cây” nên việc thờ cúng Tổ Tiên, Đất Trời đối với VN là một đạo lớn có thể coi là Quốc Đạo VN. Về huyền linh quan cũng từ tâm biết: “Uống nước nhớ nguồn” nên dân tộc VN quan điểm TRỜI ĐẤT NGƯỜI là nhất thể từ vô cực sinh ra nên toàn thể chúng sanh đại đồng về phương diện linh hồn!

Tất cả nguồn lý kể trên, xuất phát từ huyền sử, thần thoại, nhưng thật ra nó liên quan chặt chẽ với thực tiễn của nguồn sống NÔNG NGHIỆP mà dân tộc ta có cơ duyên sống trong những vùng trời nhiệt đới, nguồn nước mưa nhiều nhất thế giới. Chúng ta thử tìm hiểu về đời sống nông nghiệp của dân tộc và những ảnh hưởng sâu đậm tới nền văn minh sáng chói của Tổ Tiên thời tiền sử.

**( HT Trình Quốc Thế )**

**( CÒN TIẾP )**

# “TÂN LUẬT- PHÁP CHÁNH TRUYỀN”

HT. BS. Bùi Đắc Hùng

## ĐẠO PHỤC CHỨC SẮC CỬU TRÙNG ĐÀI (Nam Phái)

### ĐẠO PHỤC GIÁO TÔNG

**CHÚ GIẢI:** Đạo phục của Giáo Tông có hai bộ, một bộ Đại Phục và một bộ Tiểu Phục.

**Bộ Đại Phục** thì toàn bằng hàng trắng, có thêu bông sen vàng từ trên tới dưới, hai bên cổ áo, mỗi phía có ba Cổ Pháp là: Long Tu Phiến, Thư Hùng Kiếm và Phát Chủ. (*Ấy Cổ Pháp của Thượng Phẩm và Thượng Sanh trị thế*)

Đầu đội mào vàng năm từng hình Bát Quái (*thế Ngũ Chi Đại Đạo*) ráp tròn lại bít chính giữa; trên chót mào có để chữ “**Vạn**” giữa chữ Vạn có Thiên Nhân Thầy, bao quanh một vòng Minh Khí; nơi ngạch mào, phải chạm ba Cổ Pháp cho rõ ràng, y như hai bên cổ áo đã nói trên kia, tay mặt cầm cây gậy 0m90, trên đầu gậy có chữ “**Vạn**” bằng vàng, nơi giữa chữ Vạn có Thiên Nhân Thầy, bao quanh một vòng Minh Khí (1)

**Bộ Tiểu Phục** cũng toàn bằng hàng trắng, có thêu chữ Bát Quái bằng vàng, cung Khảm ngay Hạ Đơn Điền, cung Cấn

bên tay mặt, cung Chấn bên tay trái, cung Đoài bên vai mặt, cung Tốn bên vai trái, cung Ly ngay trái tim, cung Khôn ngay giữa lưng. Đầu đội mũo Hiệp Chưởng (Mitre) cũng toàn bằng hàng trắng, bề cao ba tất ba phân ba ly (0m333) may giáp mối lại cho có trước một ngạnh, sau một ngạnh hiệp lại có một đường xếp (ấy là Âm dương tương hiệp) cột dây xếp hai lại, nơi bên tay trái có để hai dải thông xuống, một mí dài một mí vắn (mí dài bề ngang 0m03, bề dài 0m30) trên mũo ngay trước trán có thêu chữ cung Càn.

Chơn đi giày vô ưu toàn bằng hàng trắng, trước mũi có chữ Tịch Đạo Nam Nữ. Tỷ như Đức Lý Giáo Tông đương thời. thì nơi trước mũi giày của Ngài phải có chữ Tịch Đạo là “**Thanh Hương**” (2)

---

(1) Thật đẹp.

(2) Hay.

## ĐẠO PHỤC CHƯỞNG PHÁP

### CHÚ GIẢI:

**I- Đạo Phục của Thái Chưởng Pháp** có hai bộ, một bộ Đại Phục và một bộ Tiểu Phục.

**Bộ Đại Phục** thì toàn bằng màu vàng (*màu Đạo*) có thêu chữ Bát Quái y như Bộ Tiểu Phục Giáo Tông, ngoài thì choàng Bá Nạp Quang màu đỏ, tức gọi là Khậu, đầu đội mũo Hiệp Chưởng Hòa Thượng tay cầm bình Bát Vu, chơn đi giày vô ưu cũng màu vàng, một sắc với áo, trước mũi có chữ “**Thích**”.

**Bộ Tiểu Phục** thì cũng màu vàng, y như áo Đại Phục, ngoài không đắp khậu, không đội mũo mà bịt khăn màu vàng chín lớp chữ Nhứt.

**II- Đạo Phục Thượng Chưởng Pháp** có hai bộ, một bộ Đại Phục và một bộ Tiểu Phục. **Bộ Đại Phục** thì toàn hàng trắng nơi trước ngực và sau lưng có thêu Thiên Nhân Thấy bao quanh một vòng Minh Khí, đầu đội mũo Hiệp Chưởng (Mitre) màu trắng, y như kiểu mũo Tiểu Phục của Giáo Tông. Tay cầm Phất Chủ chơn đi giày vô ưu cũng màu trắng trước mũi có chữ “**Đạo**”.

**Bộ Tiểu Phục** thì màu trắng y như áo Đại Phục, đầu không đội mũ mà bịt khăn màu trắng chín lớp chữ Nhứt.

**III- Đạo Phục của Nho** (1) **Chưởng Pháp** có hai bộ, một bộ Đại Phục và một bộ Tiểu Phục.

**Bộ Đại Phục** thì toàn bằng màu hồng (*màu Đạo*) nơi trước ngực và sau lưng có thêu Thiên Nhân Thầy bao quanh một vòng Minh Khí. Đầu đội mũ Văn Đẳng màu hồng, trên mũ ngay trước trán có Thiên Nhân Thầy, bao quanh một vòng Minh Khí, và trên có sao Bắc Đẩu Tinh Quân. Tay cầm bộ Xuân Thu, chơn đi giày vô ưu màu hồng trước mũi có chữ “**Nho**”.

**Bộ Tiểu Phục** thì cũng hàng màu hồng, y như áo Đại Phục, đầu không đội mũ mà bịt khăn màu hồng chín lớp chữ Nhứt.

\***Chú thích:** (1) Tức Ngọc Chưởng Pháp

## ĐẠO PHỤC ĐẦU SƯ

### CHÚ GIẢI:

**I- Đạo Phục của Thái Đầu Sư** có hai bộ, một bộ Đại Phục và một bộ Tiểu Phục.

**Bộ Đại Phục** toàn hàng màu vàng (*màu Đạo*) nơi trước ngực và sau lưng có thêu sáu chữ Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, bao quanh ba vòng vô vi, ngay giữa có một chữ Thái, áo có chín dải, ngoài cholang Bá Nạp Quang màu đỏ, y như của Thái Chưởng Pháp. Đầu đội Bát Quái Mạo màu vàng, có thêu đủ tám cung chung quanh, chơn đi giày vô ưu màu đen, trước mũi có chữ “**Thái**”.

**Bộ Tiểu Phục** thì cũng hàng màu vàng y như áo Đại Phục. Đầu không đội mũ mà bịt khăn màu vàng chín lớp chữ Nhứt.

**II- Đại Phục của Thượng Đầu Sư** cũng có hai bộ, một bộ Đại Phục và một bộ Tiểu Phục. **Bộ Đại Phục** thì toàn hàng màu xanh da trời (*azur*) (*màu Đạo*) nơi trước ngực và sau lưng có thêu sáu chữ Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, bao quanh ba vòng vô vi, cũng y như của Thái Đầu Sư, song ngay giữa có để chữ

“Thượng” áo cũng chín dải, đầu đội Bát Quái Mạo y như của Thái Đầu Sư, mà màu xanh da trời, chơn đi giày vô ưu màu đen, trước mũi có chữ “**Thượng**”.

**Bộ Tiểu Phục** thì cũng hàng màu xanh da trời y như Đại Phục, đầu không đội mũ mà bịt khăn màu xanh da Trời, chín lớp chữ như.

**III- Đạo phục của Ngọc Đầu Sư** cũng có hai bộ, một bộ Đại Phục và một bộ Tiểu Phục. **Bộ Đại Phục** toàn bằng hàng màu hồng (màu Đạo) nơi trước ngực và sau lưng có thêu sáu chữ Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ bao quanh ba vòng vô vi cũng y như Thái Đầu Sư và Thượng Đầu Sư, song ngay giữa có để chữ “**Ngọc**”, áo cũng chín dải, đầu đội Bát Quái Mạo y như của Thượng Đầu Sư song màu hồng. Chơn đi giày vô ưu màu đen, trước mũi có chữ “**Ngọc**”.

**Bộ Tiểu Phục** thì cũng hàng màu hồng, y như áo Đại Phục, đầu không đội mũ mà bịt khăn màu hồng chín lớp chữ Như.

## **ĐẠO PHỤC CỦA CHÁNH PHỐI SƯ VÀ PHỐI SƯ**

**CHÚ GIẢI:** Đạo Phục cũng có hai bộ phân biệt nhau (**Đại Phục và Tiểu Phục**) như của vị Đầu Sư, song trước ngực và sau lưng có thêu Thiên Nhân Thầy bao quanh một vòng vô vi.

Chánh Phối Sư thì áo chín dải, còn Phối Sư ba dải.

Chánh Phối Sư phái Thái thì choàng ngoài Đại Bá Nạp Quang màu Đỏ, còn Phối Sư phái Thái thì Tiểu Bá Nạp Quang. Đầu đội Bát Quái Mạo y như của ba vị Đầu Sư song tùy theo sắc phái mình, chơn đi giày vô ưu màu đen, trước mũi không có chữ chi hết.

Còn Tiểu Phục cũng như Đại Phục, đầu không đội mũ mà bịt khăn tùy theo sắc phái mình, chín lớp chữ như.



## ĐẠO PHỤC CỦA GIÁO SƯ

**CHÚ GIẢI:** Đạo Phục của Giáo Sư cũng có hai bộ, một bộ Đại Phục và một bộ Tiểu Phục.

**Bộ Đại Phục** thì toàn bằng hàng tùy theo sắc phái, nơi trước ngực và sau lưng có thêu Thiên Nhân Thầy, bao quanh một vòng vô vi, áo ba dải, đầu đội Thiên Ngươn Mạo Bát Quái, tùy theo sắc phái, có thêu chữ Bát Quái chung quanh, trên chót mào có Minh Châu Lý, Giáo Sư không đặng đi giày.

**Tiểu Phục** cũng như Đại Phục. Đầu không đội mào mà bịt khăn tùy theo sắc phái mình, bảy lớp chữ Nhơn. Duy có Giáo Sư phái Thái phải choàng ngoài một Tiểu Bá Nạp Quang gọi là “Khâu”, đầu đội mào Hiệp Chưởng của nhà Thiên, hai bên có thêu Thiên Nhân.

## ĐẠO PHỤC CỦA GIÁO HỮU

**CHÚ GIẢI:** Đạo Phục của Giáo Hữu có **một bộ** mà thôi, toàn bằng hàng, tùy theo sắc phái không có thêu thừa chi hết, áo có ba dải. Đầu đội Ngươn Thiên Mạo, cũng tùy theo sắc phái. Cái mào ấy bề cao phải cho đủ phân tấc là 0m150, ngay trước trán có thêu Thiên Nhân Thầy, bao quanh ba vòng vô vi, Giáo Hữu chẳng đặng bịt khăn.

## ĐẠO PHỤC CỦA LỄ SANH

**CHÚ GIẢI:** Đạo phục của Lễ Sanh cũng y như của Giáo Hữu toàn bằng hàng tùy theo sắc phái, đầu đội Khôi Khoa Mạo toàn bằng hàng trắng, dầu cho phái nào cũng vậy.

Ngay trước trán có thêu Thiên Nhân Thầy, bao quanh một vòng Minh Khí, Lễ Sanh không đặng phép đi giày

### **ĐẠO PHỤC CỦA CHÁNH TRỊ SỰ**

**CHÚ GIẢI:** Chánh Trị Sự mặc Đạo phục, y như Lễ Sanh, song toàn bằng vải trắng, nịt ngang lưng một sợi dây cũng bằng vải trắng cho thiết cứng như dây nịt: bề ngang 0m05, áo Đạo cổ trệt viền chỉ kim tuyến vàng, nơi tay trái có ba sắc Đạo bề ngang (0m06 bề dài 0m10) đầu bịt khăn đen bảy lớp chữ Nhơn, nơi khăn đen ngay giữa trán có thêu ba Cổ Pháp, y như trên mũ Tiểu Phục của Hộ Pháp.

### **ĐẠO PHỤC CỦA PHÓ TRỊ SỰ**

**CHÚ GIẢI:** Phó Trị Sự mặc Đạo Phục y như Chánh Trị Sự, song cổ trệt viền chỉ kim tuyến trắng; không đặng phép nịt ngang lưng sợi dây như Chánh Trị Sự, áo có một dải, nơi tay trái cũng có ba sắc Đạo (bề ngang 0m03 bề dài 0m05). Đầu bịt khăn đen bảy lớp chữ Nhơn.

### **ĐẠO PHỤC CỦA THÔNG SỰ**

**CHÚ GIẢI:** Thông Sự mặc Đạo Phục toàn bằng vải trắng, không đặng phép viền chỉ kim tuyến, **hai bên cổ áo có thêu ba Cổ Pháp của Đạo, y như của Hộ Pháp**, nịt ngang lưng một sợi dây cũng bằng vải trắng cho thiết cứng như dây nịt, bề ngang 0m05, đầu bịt khăn bảy lớp chữ Nhơn, nơi khăn đen ngay giữa trán có thêu ba Cổ Pháp y như của Chánh Trị Sự.

---

# ĐẠO PHỤC CHỨC SẮC CỬU TRÙNG ĐÀI

(Nam Phái)

*(Bản dịch sang Anh Ngữ)*

( HT. Bùi Đắc Hùm- MD)

---

## **RELIGIOUS DRESS**

*of*  
**The Dignitaries of The Male College  
of The Cuu Trung Dai**

---

### **THE GIAO TONG'S VESTMENT**

**COMMENTARY:** The Giao Tong's vestment consists of two ceremonial versions, one for the large ceremony and one for the small ceremony.

The ceremonial vestment for the large ceremony is made of white silk embroidered with gold lotuses from top to bottom and decorated on both sides with the three insignia: LONG--TU-PHIEN (the Fan of Exteriorization), THU-HUNG-KIEM (the Yin - Yang Sword), PHAT-CHU (the Whisk of Sanctification). These are the distinctive symbols of the Thuong- Pham and

the Thuong-Sanh, the Chiefs of the Religious Affairs and the Secular Affairs of the Hiep-Thien-Dai.

The Giao Tong also wears a large golden headdress with five levels, octagonal in shape, symbolizing the five religious branches. This headdress is closed in the middle and has a Swastika at the top; in the middle of the Swastika is the “Divine Eye” surrounded by a gold circle (Vong Minh Khi). On the front of the headdress are embroidered the three distinctive insignia described above.

In his right hand the Giao Tong holds the papal staff, about 90 cm long, the upper end of which is decorated with a gold Swastika. In the middle of the Swastika is the “Divine Eye” surrounded by a gold circle.

The ceremonial vestment for the small ceremony is also made of white silk, embroidered in gold with eight trigrams: the trigram “KHAM” (Water) on the abdomen, “CAN” (Mountain) on the right arm, “CHAN” (Thunder) on the left arm, “DOAI” (Lake) on the right shoulder, “TON” (Wind) on the left shoulder, “LY” (Fire) over the heart, and “KHON” (Earth) on the back.

The Giao Tong wears the mitre “HIEP-CHUONG” (mitre for the chief of monks) made of white silk, 0.333m high, the top of which is divided into two points, linked both front and back by a fold (symbol of the union of the Yin and the Yang). This soft headdress is surrounded by a white silk cord, the ends of which are of different lengths. The longer end measures 0.3 meters in length and 0.03 meters in width. On the front of the headdress is embroidered the trigram “CAN” (Heaven).

The Giao Tong also wears Vo Uu shoes (“worry free” shoes) made of white silk, symbolizing the “Freedom From Worry”. The

two baptismal names of the male and female dignitaries, “Thanh Huong” (Purity and Fragrance), are embroidered on the toes of the shoes. Thanh is the baptismal name of male dignitaries and Huong is the baptismal name of female dignitaries.

## **DRESS OF THE CHUONG-PHAP** (CENSOR CARDINAL)

### **COMMENTARY:**

I-The dress of the *Chuong Phap of the Buddhist Branch* includes two ceremonial vestments, one for the large ceremony and one for the small ceremony.

The ceremonial vestment for the large ceremony consists of gold silk embroidered with the eight trigrams, as is the Giao Tong’s vestment for the small ceremony. The Buddhist Chuong Phap wears over this the large red Buddhist cloak, called “BA NAP- QUANG” (cloak with a hundred squares, symbolizing the hundred aspects of patience). He wears the mitre of the Superior of the Bonzes (Hiep Chuong Hoa Thuong). He holds the “BINH-BAT-DU” (the Bowl of Charity) in his right hand, and wears gold Vo Uu shoes. The character “THICH” (Buddhism) is embroidered on the toes of the shoes.

The ceremonial vestment for the small ceremony is also made of gold silk, as is the vestment used in the large ceremony, but without a cloak, mitre or headdress. Instead, The Buddhist Chuong Phap wears a gold turban with nine successive layers in the form of the character “Nhut” (the numeral one, representing unity).

II-The dress of the *Chuong Phap of the Taoist Branch* consists of two ceremonial vestments, one for the large ceremony and one for the small ceremony.

The ceremonial vestment for the large ceremony is made of white silk. The “Divine Eye” is embroidered on the front of the chest and on the back, surrounded by a golden circle (Vong

Minh Khi). The Taoist Chuong Phap wears the same mitre, the “Hiep Chuong,” as found in the ceremonial vestment for the small ceremony of the Giao Tong. He holds the “PHAT CHU” (Whisk of Sanctification) in his right hand. He also wears white “Vo Uu” shoes (worry free shoes), with the character “DAO” (Taoism) embroidered on the toes of the shoes. -

The ceremonial vestment for the small ceremony is white, as is the large ceremony. However, in the event of the small ceremony, the Taoist Chuong Phap wears a white turban with nine successive layers in the form of the character “Nhut.”

III- The dress of the *Chuong Phap of the Confucianist Branch* also consists of two ceremonial vestments, one for the large ceremony and one for the small ceremony.

The ceremonial vestment for the large ceremony is entirely red. The “Divine Eye,” surrounded by a golden circle, is embroidered on the front of the chest and on the back. He wears the headdress of Confucius (Van Dang). This is also red, and the “Divine Eye,” surrounded by a gold circle with the Ursa Major Star (Bac Dau Tinh Quan) above, is embroidered on the front. He holds the Book “Xuan Thu” (Spring and Autumn). He wears “Vo Uu” shoes of the same color. The character “NHO” (Confucianism) is embroidered on the toes of the shoes.

The ceremonial vestment for the small ceremony is in red, as is the large ceremonial vestment. However, in the event of the small ceremony, the Confucianist Chuong Phap wears a red turban with nine successive layers in the form of the character “Nhut.”

## **DRESS OF THE DAU SU** (CARDINALS)

**COMMENTARY:** The dress of the *Dau Su of the Buddhist* branch consists of two ceremonial vestments, one for the large ceremony, and one for the small ceremony.

The ceremonial vestment for the large ceremony is made of gold silk. Six characters, DAI DAO TAM KY PHO DO (The third revelation of the Great way), surrounded with three mystic circles (vong Vo Vi) are embroidered on the front of the chest and on the back. These characters are arranged in circle, and in the middle the character “THAI” (Buddhism) is embroidered. There are nine ribbons attached to this vestment.

In addition, the Buddhist Dau Su wears a red Buddhist cloak, (Ba Nap Quang) similar to that worn by the Buddhist Chuong Phap. The Buddhist Dau Su also wears a gold Bat Quai Mao (a high yellow octagonal headdress), embroidered all the way around with eight trigrams. He wears black “Vo Uu” Shoes with the character “Thai” (Buddhism) embroidered on the toes of the shoes.

The ceremonial vestment for the small ceremony is made of gold silk, like the one for the big ceremony, but without any cloak. There is no headdress, but instead a gold turban with successive nine layers in the form of the character “Nhut”

The dress of the *Dau Su of the Taoist branch* also consists of 2 ceremonial vestments, one for the large ceremony and one for the small ceremony.

The large ceremonial vestment is blue. Six characters DAI DAO TAM KY PHO DO, surrounded with three mystic circles (vong Vo Vi), are embroidered on the front of the chest and on the back. The character “THUONG” (Taoism) is embroidered in the center of the six embroidered characters DAI DAO TAM KY PHO DO. There are nine ribbons on this vestment.

The Taoist Dau Su wears a “BAT QUAI MAO” similar to that worn by the Dau Su of the Buddhist Branch, but it in blue. He wears black “Vo Uu” shoes with the character “THUONG” (Taoism) embroidered on the toes of the shoes.

The ceremonial vestment for the small ceremony is made of blue silk, similar to that worn for the large ceremony, and

he wears a blue turban with nine successive layers in the form of the character “Nhut”.

The dress of the *Dau Su of the Confucianist Branch* (NGOC) also consists of two ceremonial vestments, one for the large ceremony and one for the small ceremony.

The ceremonial vestment for the large ceremony, like that of the other Dau Su, is of red silk. The character “NGOC” (Confucianism) is embroidered in the center of six embroidered characters “DAI DAO TAM KY PHO DO.” There are nine ribbons on this vestment.

He wears a “BAT QUAI MAO” similar to that worn by the Dau Su of the Taoist Branch, but it in red. He wears black Vo Uu shoes with the character “NGOC” (Confucianism) embroidered on the toes of the shoes.

The ceremonial vestment for the small ceremony is red, similar to that worn for one for the large ceremony. The Confucian Dau Su wears a red turban with successive nine layers in the form of the character “Nhut”.

## **DRESS OF THE CHANH PHOI SU AND PHOI SU**

(PRINCIPAL ARCHBISHOP AND ARCHBISHOP)

**COMMENTARY:** There are two types of ceremonial vestments, as for the Dau Su, but the “Divine Eye,” surrounded by a mystic circle (Vong Vo Vi), is embroidered on the chest and on the back. The Chanh Phoi Su wear nine ribbons, while the Phoi Su wear only three.

The Chanh Phoi Su of the Buddhist Branch wears a large “BA NAP QUANG,” which is a large square red cloak, while the Phoi Su wears a small “BA NAP QUANG,” a small cloak of the same color.



They both wear the "BAT QUAI MAO," like the Dau Su, but the color varies depending on the branch. They wear black "Vo Uu" shoes with no characters embroidered on the toes.

The dress for the small ceremony is similar to that for the big ceremony, but they also wear a turban with successive nine layers in the form of the character "NHUT," in the color according to each branch.

## **DRESS OF THE GIAO SU**

(BISHOPS)

**COMMENTARY:** The Giao Su also wear two ceremonial vestments, one for the large ceremony and one for the small ceremony.

The ceremonial vestment for the large ceremony is made of silk colored according to the branch. The "Divine Eye" surrounded by a mystic circle (Vong Vo Vi) on the chest and the back. The vestment also has three ribbons. The Giao Su wear a "THIEN NGUON MAO" (a rounded headdress, octagonal in shape). Its color varies according to the branch. The eight trigrams (BAT QUAI) around it are embroidered, and its peak is decorated with a Diamond, the symbol of the purity of the divine doctrine.

The Giao Su do not wear shoes.

The ceremonial vestment for the small ceremony is similar to that of the large ceremony. They also wear a turban, the color of which varies according to each branch, with seven successive layers, arranged in the form of the character "NHON" (Humanity).

The Giao Su of the Buddhist branch wear a small "BA NAP QUANG" (a small square red cloak), and also the mitre of the Chief of monks "HIEP CHUONG MAO", embroidered with the "Divine Eye" on each side.

## **DRESS OF THE GIAO HUU**

(PRIESTS)

**COMMENTARY:** The Giao Huu have only one form of vestment made of silk, and the color varies according to each branch. There is no embroidery, and there are three ribbons.

They wear a “NGUONG THIEN MAO” (a round headdress with a flat top). Its color varies, according to each branch and it is 0.15m high, with the “Divine Eye” on the front, surrounded by three mystic circles (Vong Vo Vi). Priests do not wear a turban or shoes.

## **DRESS OF THE LE-SANH**

(STUDENT-PRIESTS)

**COMMENTARY:** Le Sanh have only one form of vestment made of silk, as do the Giao Huu.

Their ceremonial vestment varies in color according to each branch. They wear a white “KHOI KHOA MAO” (the headdress of Confucian bachelors), with the “Divine Eye” on the front, surrounded by single golden circle (Vong minh khi).

Le Sanh do not wear shoes.

## **DRESS OF THE “CHANH TRI SU”**

**COMMENTARY:** The CHANH TRI SU wear a robe similar to that worn by the Le Sanh, but made of white calico. The waist is drawn in by a narrow belt of the same material five centimeters wide. The robe has an askew collar finished with a band of ribbon woven in gold thread. A band of ribbon in three colors (yellow, blue, red) is worn on the left arm. This band is six centimeters wide and 10 centimeters long. They wear a black

turban with seven successive layers, arranged in the form of the character “NHON” (Humanity).

Three distinctive signs embroidered on the front of the turban: “The Book of Spring and Autumn,” the Whisk of Sanctification, and the Bowl of Charity, as on the headdress of the ceremonial vestment for the small ceremony of the Ho Phap.

### **DRESS OF THE “PHO TRI SU”**

**COMMENTARY:** The PHO TRI SU, like the CHANH TRI SU, wear a white robe with an askew collar finished with a band of ribbon woven in silver thread, with a single ribbon. They wear no belt. A band of ribbons in three colors (yellow, blue, red), three centimeters wide and five centimeters long is worn on the left arm.

They wear a black turban with seven successive layers, arranged in the form of the character “NHON” (Humanity).

### **DRESS OF THE “THONG SU”**

**COMMENTARY:** The THONG SU wear a vestment of white calico, with no finished ribbon at the collar. The collar is embroidered on both sides with the three distinctive insignia, like those found on the turban of the CHANH TRI SU. They wear a narrow white belt five centimeters wide, made of white material.

They wear a black turban with seven successive layers, arranged in the form of the character “NHON,” like the one worn by the CHANH TRI SU, with the same insignia in the middle of the front.



DENTAL P.C

SANDY

1672 Mc Kee Road, San Jose, CA 95116.  
(Góc Mc Kee & Mc Donald giữa 101 & đường King)

Điện thoại: (408)-272-3999.

Fax:(408)-272-2202. Email: SandyDental@aol.com

**Sandy Dental P.C.** hệ thống nha khoa Việt Nam hoạt động tại nhiều tiểu bang và được sự tín nhiệm của đông đảo đồng bào từ năm 1987, có nhiều Bác-Sĩ Nha Khoa Việt Nam trên 10 năm kinh -nghiệm điều hành.

**Địa điểm thuận tiện** trung tâm thành phố San Jose gần Fwy 101, 280, 680 tọa lạc giữa một vườn cây khu thị tứ, có đường & parking rộng rãi.

**Trang thiết bị** tối tân & vệ sinh tối đa.

**Nước dùng** thật tinh khiết.

Một **bộ dụng cụ riêng** cho mỗi bệnh nhân.

**Đặc biệt:**

Pokémon Game cho trẻ em & TV cable

Tẩy trắng răng thật đẹp chỉ \$75.00

Thay các trám chỉ để hợp màu với răng.

Giá cả nhẹ nhàng, uy tín, kỹ thuật cao cùng với tinh thần nghệ thuật và tình cảm.

Giếp đãi ân cần, khung cảnh trang nhã .

Có vườn cây suối nước, cá vàng và nhạc êm dịu.

Nếu đã trên 6 tháng má quý vị chưa đi làm sạch răng ,  
hãy đến với Sandy Dental để có một hàm răng trắng đẹp và một nụ cười thật duyên dáng.



**NHẬN MEDI-CAL  
BẢO HIỂM  
VISA- MASTER CARD**

**Sandy Dental P.C**

1672 Mc Kee Rd, San Jose, CA 95116  
(408-272-3999)

**COUPON**

**Tẩy Trắng Răng \$75**  
Tooth Whitening Giá bình thường \$300

**Sandy Dental P.C**

1672 Mc Kee Rd, San Jose, CA 95116  
(408-272-3999)

**COUPON \$25**

**Khám Tổng Quát - X Ray  
Làm Sạch Răng - Cleaning**

# DHT

## Trung Tâm Sửa Chữa Xe Hơi

60 Stockton Ave, San Jose, CA 95126

Điện Thoại: 408-288-8856

### Tại DHT:

- \* Có nhân viên đã từng làm việc với các hãng bảo hiểm.
- \* Chúng tôi đảm trách việc liên lạc với các hãng bảo hiểm cho quý khách.



\* Có đầy đủ máy móc tối tân

để giám định sự chính xác, an toàn, đúng tiêu chuẩn qui định.

- \* Chuyên làm đồng, sơn xe, sửa thắng, đèn.
- \* Tái tạo hộp số, giàn máy.
- \* Điều chỉnh khung xe ( alignment).
- \* Phát hiện trở ngại của xe bằng máy điện toán.
- \* Đảm trách cho xe của mọi quốc gia.

### Đặc biệt:

- \* Chuyên sửa chữa những xe failed smog test, kể cả xe Gross Polluter.
- \* Giám định miễn phí.
- \* Cấp chứng chỉ Smog Check, Thắng và Đèn.
- \* Phục vụ tận tâm, vui vẻ, thân tình.

### Giờ làm việc

Thứ Hai-Thứ Bảy: Từ 9.00 AM-6.00 PM

Chủ Nhật nghỉ

\* Nhóm thợ của Trung Tâm Sửa Chữa Xe Hơi DHT là những chuyên viên có bằng cấp Hoa-Kỳ, giàu kinh nghiệm, khả năng chuyên môn cao, đã làm việc lâu năm trong nghề.



# NORTH JACKSON DENTAL GROUP

NGUYỄN HỮU TUỜNG, D.D.S. & TÔ MỸ HUỆ, D.D.S



**Tel. 408. 923. 8272**

125 N. Jackson Ave, Ste 104 San Jose, CA 95116

(Cạnh Alexian Brothers Hospital, giữa Alum Rock Ave và McKee Ave.)

- Tốt nghiệp bác sĩ Nha khoa tại University of the Pacific, San Francisco.
- Tốt nghiệp ưu hạng và được tuyển chọn vào hội danh dự Nha khoa toàn quốc.
- Được giải thưởng xuất sắc về làm răng giả các loại.
- Được giải thưởng xuất sắc về chăm sóc nha khoa toàn diện.
- Được giải thưởng về "Need, character, and scholarship"
- Tẩy trắng răng (In Office Bleaching) tại chỗ, hiệu quả nhanh chóng
- Có máy Laser trị ê răng rất hiệu quả và trám răng không cần gây tê.
- Có máy Digital X-Ray, chụp bằng computer, giảm tia quang tuyến
- Có Intra Oral, chụp hình màu trong miệng thấy rõ những gì cần phải làm
- Niềng răng bằng Invisalign trong suốt không cần đeo Braces
- Làm răng giả loại mềm (Flexible Denture) không thấy kim loại
- Có máy CEREC, làm Crown tại chỗ, chỉ trong 1 lần hẹn

## GIỜ LÀM VIỆC

Thứ Hai - Thứ Bảy

9AM - 6 PM



**TẬP SAN THẾ ĐẠO**  
3076 Oakbridge Dr  
San Jose, CA 95121-1716  
Điện thoại : 408-238-6547